BỘ Y TẾ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM Y HỌC TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo

của Bộ Giáo dục và Đào tạo

(Để đăng ký thẩm định báo cáo tự đánh giá)

Hải Dương, tháng 7 năm 2021

BỘ Y TẾ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM Y HỌC TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo

của Bộ Giáo dục và Đào tạo

(Để đăng ký thẩm định báo cáo tự đánh giá)

Hải Dương, tháng 7 năm 2021

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	1
Danh mục các chữ viết tắt	4
Phần I. KHÁI QUÁT	6
1. Đặt vấn đề	6
2. Tổng quan chung	10
PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ	20
Tiêu chuẩn 1	20
Mở đầu	20
Tiêu chí 1.1	20
Tiêu chí 1.2.	21
Tiêu chí 1.3	25
Kết luận về Tiêu chuẩn 1	26
Tiêu chuẩn 2	26
Mở đầu	26
Tiêu chí 2.1	27
Tiêu chí 2.2	30
Tiêu chí 2.3	32
Kết luận về Tiêu chuẩn 2	33
Tiêu chuẩn 3	33
Mở đầu	33
Tiêu chí 3.1	34
Tiêu chí 3.2	38
Tiêu chí 3.3	40
Kết luận về Tiêu chuẩn 3	42
Tiêu chuẩn 4	43
Mở đầu	43
Tiêu chí 4.1	43
Tiêu chí 4.2	46
Tiêu chí 4.3	48

Kết luận về Tiêu chuẩn 4	50
Tiêu chuẩn 5	51
Mở đầu	51
Tiêu chí 5.1	51
Tiêu chí 5.2	54
Tiêu chí 5.3	57
Tiêu chí 5.4	59
Tiêu chí 5.5	61
Kết luận về Tiêu chuẩn 5	63
Tiêu chuẩn 6	64
Mở đầu	64
Tiêu chí 6.1	64
Tiêu chí 6.2	67
Tiêu chí 6.3	71
Tiêu chí 6.4	74
Tiêu chí 6.5	76
Tiêu chí 6.6	78
Tiêu chí 6.7	80
Kết luận về Tiêu chuẩn 6	83
Tiêu chuẩn 7	84
Mở đầu	84
Tiêu chí 7.1	85
Tiêu chí 7.2	88
Tiêu chí 7.3	90
Tiêu chí 7.4	93
Tiêu chí 7.5	97
Kết luận về Tiêu chuẩn 7	100
Tiêu chuẩn 8	100
Mở đầu	100
Tiêu chí 8.1	100
Tiêu chí 8.2	103
Tiêu chí 8.3	105

Tiêu chí 8.4	109
Tiêu chí 8.5	112
Kết luận về Tiêu chuẩn 8	114
Tiêu chuẩn 9	115
Mở đầu	115
Tiêu chí 9.1	115
Tiêu chí 9.2	119
Tiêu chí 9.3	121
Tiêu chí 9.4	124
Tiêu chí 9.5	126
Kết luận về Tiêu chuẩn 9	129
Tiêu chuẩn 10	129
Mở đầu	129
Tiêu chí 10.1	130
Tiêu chí 10.2	134
Tiêu chí 10.3	136
Tiêu chí 10.4	139
Tiêu chí 10.5	142
Tiêu chí 10.6	145
Kết luận về Tiêu chuẩn 10	147
Tiêu chuẩn 11	148
Mở đầu	148
Tiêu chí 11.1	148
Tiêu chí 11.2	151
Tiêu chí 11.3	154
Tiêu chí 11.4	157
Tiêu chí 11.5	160
Kết luận về Tiêu chuẩn 11	163
Phần III. KẾT LUẬN	164
Phần IV. PHỤ LỤC	179

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

STT	KÝ HIỆU VIẾT TẮT	CHỮ ĐƯỢC VIẾT TẮT
1	Bộ GD&ĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
2	BĐCLGD	Bảo đảm chất lượng giáo dục
3	CBVC	Cán bộ viên chức
4	CĐR	Chuẩn đầu ra
5	CLB	Câu lạc bộ
6	CNTT	Công nghệ thông tin
7	CSKH	Chăm sóc khách hàng
8	CSVC	Cơ sở vật chất
9	CTDH	Chương trình dạy học
10	CTĐT	Chương trình đào tạo
11	CTQLSV	Công tác quản lý sinh viên
12	CVHT	Cố vấn học tập
13	ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
14	ĐCCT	Đề cương chi tiết
15	ĐHKTYTHD	Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương
16	GDĐH	Giáo dục đại học
17	GDTC	Giáo dục thể chất
18	GDQP	Giáo dục quốc phòng
19	GV	Giảng viên
20	HCQT	Hành chính quản trị
21	HP	Học phần
22	KĐCL	Kiểm định chất lượng
23	KĐCLGD	Kiểm định chất lượng giáo dục
24	KH&CN	Khoa học và Công nghệ
25	KLTN	Khóa luận tốt nghiệp
26	KT&BĐCLGD	Khảo thí và Bảo đảm chất lượng giáo dục
27	KTHAYH	Kỹ thuật Hình ảnh Y học

STT	KÝ HIỆU VIẾT TẮT	CHỮ ĐƯỢC VIẾT TẮT
28	KTVLTL	Kỹ thuật vật lí trị liệu
29	KTX	Ký túc xá
30	KTYH	Kỹ thuật Y học
31	KTXNYH	Kỹ thuật Xét nghiệm Y học
32	MC	Minh chứng
33	MTĐT	Mục tiêu đào tạo
34	NCKH	Nghiên cứu khoa học
35	PHCN	Phục hồi chức năng
36	PGS	Phó Giáo sư
37	QLĐT	Quản lý đào tạo
38	QLKHCN&HTQT	Quản lý khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế
39	SV	Sinh viên
40	SVTN	Sinh viên tốt nghiệp
41	TCCB	Tổ chức cán bộ
42	TCKT	Tài chính – Kế toán
43	TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
44	TĐG	Tự đánh giá
45	THPT	Trung học phổ thông
46	TN	Tốt nghiệp
47	TS	Tuyển sinh
48	TTTN	Thực tập tốt nghiệp
49	TTB	Trang thiết bị
50	TV	Thư viện
51	VT-TTB	Vật tư – Trang thiết bị
52	XNATTP	Xét nghiệm An toàn thực phẩm
53	XNCB-KTCLXN	Xét nghiệm cơ bản – Kiểm tra chất lượng xét nghiệm

PHẦN I. KHÁI QUÁT

1. Đặt vấn đề

a) Tóm tắt Báo cáo tự đánh giá

Sứ mạng của Trường ĐHKTYTHD: *"Trường ĐHKTYTHD có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực y tế ở trình độ đại học, sau đại học; nghiên cứu khoa học, ứng dụng và phát triển công nghệ trong sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân"*. Nhà trường luôn coi hoạt động BĐCLGD là yếu tố then chốt để giữ vững và nâng cao chất lượng đào tạo.

Khoa Xét nghiệm là một đơn vị đào tạo thuộc Trường, có chức năng hoạt động chuyên môn đào tạo, NCKH và tham gia cung ứng dịch vụ y tế. Mục tiêu chung của CTĐT cử nhân KTXNYH bậc đại học là *"Đào tạo cử nhân KTXNYH chuẩn mực, có năng lực thực hành nghề nghiệp theo pháp luật, tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp, có kiến thức đầy đủ, toàn diện, có sức khỏe, năng lực tư duy để làm việc độc lập, hợp tác, sáng tạo, tự học, nghiên cứu khoa học để hoạt động hiệu quả và trách nhiệm trong môi trường đa dạng, phát triển nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ nhân dân"*.

Nhận thức rõ tầm quan trọng và ý nghĩa của công tác KĐCLGD, năm 2017, Trường ĐHKTYTHD đã tiến hành TĐG và đăng ký kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục. Trường được công nhận là cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Kết quả KĐCLGD là cơ sở để Nhà trường tích cực triển khai nhiều hoạt động như: cải tiến, nâng cao chất lượng cơ sở giáo dục, nhất là các hoạt động đào tạo và phục vụ đào tạo; trong đó tập trung triển khai đánh giá các CTĐT.

CTĐT cử nhân KTXNYH được TĐG theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/03/2016 của Bộ GD&ĐT giai đoạn 2014 – 2019 và tiếp tục cập nhật trong năm học 2019 – 2020, 2020-2021. Trong quá trình triển khai TĐG, Hội đồng TĐG căn cứ vào các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng của Bộ GD&ĐT để tiến hành xem xét, TĐG và báo cáo về thực trạng chất lượng CTĐT, đánh giá hiệu quả các hoạt động đào tạo, NCKH, chỉ ra những điểm mạnh và điểm tồn tại cần khắc phục, từ đó đề ra các biện pháp điều chỉnh nhằm đạt được các mục tiêu đào tạo đã đề ra.

** Cấu trúc của báo cáo TĐG CTĐT KTXNYH trình độ đại học hệ chính quy gồm 4 phần:*

- Phần I: Khái quát Tóm tắt Báo cáo TĐG CTĐT; tổng quan chung về Nhà trường, Khoa Xét nghiệm.

- Phần II: TĐG theo các tiêu chuẩn, tiêu chí với các tiểu mục: 1/Mô tả; 2/ Điểm mạnh; 3/Điểm tồn tại; 4/Kế hoạch hành động và 5/Tự đánh giá.

- Phần III: Kết luận về những điểm mạnh, điểm cần phát huy của Nhà trường được tổng hợp theo từng tiêu chuẩn và tóm tắt những tồn tại, cải tiến chất lượng, kế hoạch cải tiến chất lượng và tổng hợp kết quả TĐG.

- Phần IV: Phụ lục, bao gồm Cơ sở dữ liệu KĐCL CTĐT, các Quyết định thành lập Hội đồng TĐG và Kế hoạch TĐG; Danh mục minh chứng.

** Các minh chứng được sắp xếp theo từng tiêu chí và được mã hóa theo quy tắc như sau: Hn.a.b.c(d)*

- H: viết tắt "Hộp minh chứng" (Minh chứng của mỗi tiêu chuẩn tập hợp trong 1 hộp hoặc một số hộp)

- n: số thứ tự của hộp minh chứng được đánh số từ 1 đến hết

- a: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 1, tiêu chuẩn 10 viết 10)

- b: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 1, tiêu chí 10 viết 10)

- c: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí (thông tin và minh chứng thứ nhất viết 1, thứ 15 viết 15)

- d: số thứ tự tài liệu có trong minh chứng (chỉ xuất hiện nếu một mã minh chứng có nhiều tài liệu liên quan)

Ví dụ:

H1.1.1.1: là MC thứ nhất của tiêu chí 1 thuộc tiêu chuẩn 1, được đặt ở hộp 1

H3.3.2.15: là MC thứ 15 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 3, được đặt ở hộp 3

H5.5.2.3(2): là tài liệu thứ 2 thuộc MC thứ 3 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 5, được đặt ở hộp 5

b) Mục đích, quy trình tự đánh giá, phương pháp và công cụ đánh giá

** Mục đích tự đánh giá CTĐT*

- Thực hiện nhiệm vụ đảm bảo chất lượng và xây dựng văn hóa chất lượng bên trong Nhà trường.

- Giúp Nhà trường, Khoa Xét nghiệm tự rà soát, xem xét, đánh giá đúng thực

trạng chất lượng giáo dục, lập và triển khai các kế hoạch hành động cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo, từ đó điều chỉnh mục tiêu cho giai đoạn tiếp theo theo hướng cao hơn.

- Thể hiện tính tự chủ và tính tự chịu trách nhiệm của Nhà trường, Khoa Xét nghiệm trong toàn bộ hoạt động đào tạo, NCKH, dịch vụ xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu, triết lý giáo dục của Nhà trường.

- Là điều kiện cần thiết để Nhà trường đăng kí đánh giá ngoài và công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT với một tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục.

** Quy trình tự đánh giá CTĐT*

Bước 1: Xác định ý nghĩa, mục đích và yêu cầu của việc TĐG CTĐT;

Bước 2: Thành lập HĐTĐG, Ban Thư kí, các Nhóm công tác;

Bước 3: Lập kế hoạch TĐG, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng nhóm;

Bước 4: Thu thập thông tin, MC; xử lí, phân tích các thông tin và MC thu được;

Bước 5: Viết báo cáo TĐG;

Bước 6: Hoàn thiện báo cáo TĐG tổng thể; công bố báo cáo TĐG trong toàn trường để tham gia ý kiến;

Bước 7: Triển khai các kế hoạch hành động nhằm cải tiến chất lượng giáo dục sau khi hoàn thành TĐG.

** Phương pháp đánh giá*

Mỗi tiêu chí được tiến hành xem xét theo trình tự sau:

- Mô tả thực trạng.

- Phân tích, giải thích, so sánh để đưa ra những nhận định đánh giá, chỉ ra những điểm mạnh, điểm tồn tại.

- Lên kế hoạch hành động nhằm phát huy những điểm mạnh, khắc phục những tồn tại, thiếu sót để cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo.

Để tiến hành TĐG chất lượng CTĐT, Nhà trường đã thành lập Hội đồng TĐG theo Quyết định số 551/QĐ-ĐHKTYTHD ngày 02/10/2018 của Hiệu trưởng Trường ĐHKTYTHD. Hội đồng gồm có 21 thành viên, do Hiệu trưởng làm Chủ tịch, 02 Phó Chủ tịch là Phó Hiệu trưởng phụ trách lĩnh vực đào tạo và Phó trưởng Khoa Xét nghiệm, các Ủy viên gồm: Chủ tịch Hội đồng Trường, Ban Giám hiệu, cán bộ quản lí của các Phòng, Ban chức năng, cán bộ quản lí Khoa Xét nghiệm và GV, SV trực thuộc

Khoa. Giúp việc cho Hội đồng TĐG là Ban Thư kí gồm 15 thành viên và 04 Nhóm công tác chuyên trách gồm 38 thành viên.

Hội đồng TĐG đã xây dựng kế hoạch TĐG, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong Hội đồng, thu thập xử lí thông tin, MC, phân tích và viết báo cáo TĐG.

Nhóm công tác chuyên trách đã tiến hành nghiên cứu, phân tích từng tiêu chuẩn, tiêu chí trong Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT đại học do Bộ GD&ĐT ban hành. Cán bộ các Phòng, các Khoa, Bộ môn được huy động để tham gia vào việc thu thập thông tin và MC; xử lí, phân tích thông tin và MC thu được để đảm bảo độ tin cậy và tính chính xác, mức độ phù hợp và liên quan đến tiêu chí. Thông tin, MC thu được liên quan đến mỗi tiêu chí được trình bày trong Bảng phân tích tiêu chí.

Trên cơ sở kết quả thông tin, minh chứng thu được, nhóm công tác chuyên trách tiến hành viết báo cáo TĐG. Báo cáo TĐG là một bản ghi nhớ quan trọng nhằm cam kết thực hiện các hoạt động cải tiến chất lượng của CTĐT, đồng thời TĐG còn là cơ sở cho công tác đánh giá ngoài của các cơ quan chức năng.

** Công cụ đánh giá*

- Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 11 năm 2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng CTĐT của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp.

- Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT. Bộ tiêu chuẩn đánh giá CTĐT này bao gồm 11 tiêu chuẩn với 50 tiêu chí.

- Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT.

- Công văn số 774/QLCL-KĐCLGD ngày 10/06/2021 của Cục Quản lý chất lượng về việc điều chỉnh một số phụ lục Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD.

- Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng v/v thay thế Tài liệu đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH ban hành kèm theo Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD.

Kết quả hoạt động TĐG đã giúp Nhà trường và Khoa Xét nghiệm đánh giá tình trạng chất lượng CTĐT hiện tại, phát huy điểm mạnh, đề ra kế hoạch khắc phục tồn tại trong hoạt động đào tạo, NCKH, nhân lực, CSVC và những vấn đề liên quan khác nhằm đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục, xây dựng văn hóa chất lượng trong đơn vị.

2. Tổng quan chung

a) Giới thiệu về Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương

❖ ***Quá trình hình thành và phát triển***

- Từ 1960 - 1977: Trường Y sỹ Hải Dương (Quyết định số 18/TCCB ngày 5/9/1960 của Ủy ban Hành chính tỉnh Hải Dương), Trường Cán bộ Y tế Hải Hưng, Trường Trung học Y tế Hải Hưng; đào tạo y sỹ, dược sỹ, y tá, nữ hộ sinh trung học.

- Từ 1978 - 2001: Trường Trung học Kỹ thuật Y tế 1- Bộ Y tế; đào tạo KTV Xét nghiệm, Xquang, Vật lý trị liệu/ Phục hồi chức năng, Gây mê hồi sức, Y sỹ Nha, Điều dưỡng đa khoa, Hộ sinh trung cấp.

- Tháng 4/2001: Nâng cấp thành Trường Cao đẳng Kỹ thuật Y tế 1 - Bộ Y tế (Quyết định số 1952/QĐ-BGDĐT ngày 24/4/2001), đào tạo Điều dưỡng và Kỹ thuật Y học 7 chuyên ngành Cao đẳng (KTV Xét nghiệm, Kỹ thuật hình ảnh, Vật lý trị liệu/Phục hồi chức năng, Điều dưỡng Đa khoa, Điều dưỡng Nha khoa, Điều dưỡng Gây mê hồi sức, Hộ sinh) và 08 chuyên ngành hệ Trung cấp. Từ năm học 2006 - 2007 đào tạo thêm 03 chuyên ngành cao đẳng: Dinh dưỡng - Tiết chế, Kiểm nghiệm ATVSTP và Y học Dự phòng.

- Tháng 7/2007: Nâng cấp thành Trường ĐHKTYTHD (Quyết định 868/QĐ-TTg ngày 12/7/2007). Từ năm học 2008 - 2009: Đào tạo trình độ đại học các chuyên ngành: Điều dưỡng, Xét nghiệm, Kỹ thuật hình ảnh và Vật lý trị liệu. Từ năm học 2013 – 2014: Đào tạo ngành Y đa khoa (Bác sỹ đa khoa – 6 năm) trình độ đại học. Từ 2017 – 2018: Đào tạo trình độ đại học chuyên ngành Hoạt động trị liệu.

Trường ĐHKTYTHD là một trong những cơ sở giáo dục sớm nhất ở Việt Nam đào tạo Kỹ thuật viên y học. Trải qua 60 năm hình thành và phát triển, Trường ĐHKTYTHD đã xác định sứ mạng của Trường là đào tạo nguồn nhân lực y tế ở trình độ đại học, sau đại học; NCKH, ứng dụng và phát triển công nghệ trong sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân. Trường ĐHKTYTHD cũng đã xác định triết lý giáo dục của Nhà trường là: "Giáo dục toàn diện - Chuẩn mực - Hợp tác - Sáng tạo". Với định hướng phấn đấu đến năm 2030 trở thành trường đào tạo đa ngành và là trường trọng điểm quốc gia về KTYH, Trường ĐHKTYTHD luôn coi trọng vấn đề nâng cao chất lượng toàn diện trên tất cả các mặt hoạt động. Nhà trường cam kết tạo cho người học một môi trường giáo dục dân chủ, kỉ cương, minh bạch, văn hoá và có tính chuyên nghiệp cao. Đảm bảo cho người học sau khi tốt nghiệp có đủ năng lực theo chuẩn, có đạo đức nghề nghiệp, ngoại ngữ chuyên ngành và kỹ năng giao tiếp

ứng xử, làm việc nhóm và khả năng học tập suốt đời. Hợp tác, phát triển về đào tạo, nghiên cứu và thực hành với các cơ sở, theo kịp sự phát triển của khoa học, công nghệ trong lĩnh vực y tế.

❖ ***Các chính sách chất lượng và hoạt động ĐBCL***

Trường đã tổ chức TĐG và hoàn thành Báo cáo TĐG cấp trường trong năm 2013. Đến năm học 2016-2017, Trường tiếp tục triển khai TĐG cấp trường, rà soát và điều chỉnh Báo cáo TĐG, đồng thời đăng ký Đánh giá ngoài và đã được cấp Giấy chứng nhận là cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành (Quyết định số 83/QĐ-KĐCLGD ngày 8/5/2018). Tỉ lệ số tiêu chí đạt yêu cầu là 81,97%. Về hoạt động TĐG cấp CTĐT, từ năm học 2014-2015, Trường đã tổ chức TĐG CTĐT Điều dưỡng theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT Điều dưỡng trình độ đại học, cao đẳng ban hành kèm theo Thông tư 33/2014/TT-BGDĐT, ngày 2/10/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT. Trong năm học 2018-2019, thực hiện Quyết nghị của Hội đồng trường và Kế hoạch năm học của Nhà trường, Trường ĐHKTYTHD đã thành lập Hội đồng TĐG CTĐT ngành Kỹ thuật Xét nghiệm y học theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT, ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

Sau đây là tổng quan vài nét về kết quả KĐCL cơ sở giáo dục của Nhà trường:

- *Sứ mạng, triết lý giáo dục, tầm nhìn, mục tiêu và giá trị cốt lõi*

Sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi của Trường ĐHKTYTHD lần đầu được công bố vào năm 2010 theo Quyết định số 199/ĐHKTYTHD-QĐ ngày 2/7/2010. Mục tiêu phát triển của Nhà trường cũng được phát biểu tại Quy hoạch tổng thể phát triển Trường ĐHKTYTHD đến năm 2020 và Chiến lược phát triển Trường ĐHKTYTHD giai đoạn 2008-2015 và tầm nhìn đến năm 2020. Năm 2017, Trường đã sửa đổi sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu, giá trị cốt lõi để đáp ứng nhu cầu thực tế. Sứ mạng của Nhà trường hiện nay được phát biểu là: *"Trường ĐHKTYTHD có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực y tế ở trình độ đại học, sau đại học; NCKH, ứng dụng và phát triển công nghệ trong sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân"*. Sứ mạng của Trường ĐHKTYTHD phù hợp với các nguồn lực về nhân lực, vật lực và tài lực của Trường, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hải Dương và cả nước trong cung cấp nguồn nhân lực y tế chất lượng cao cho đất nước, đáp ứng sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân. Năm 2019, Trường đã xây

dựng triết lý giáo dục của Nhà trường là: "*Giáo dục toàn diện - Chuẩn mực - Hợp tác – Sáng tạo"*. Triết lý giáo dục của Nhà trường đã được công bố rộng rãi đến cán bộ, viên chức, SV và các bên liên quan.

Với định hướng phấn đấu đến năm 2030 trở thành trường đào tạo đa ngành và là trường trọng điểm quốc gia về KTYH, Trường ĐHKTYTHD luôn coi trọng vấn đề nâng cao chất lượng toàn diện trên tất cả các mặt hoạt động. Nhà trường cam kết tạo cho người học một môi trường giáo dục dân chủ, kỉ cương, minh bạch, văn hoá và có tính chuyên nghiệp cao; đảm bảo cho người học sau khi tốt nghiệp có đủ năng lực theo chuẩn; có đạo đức nghề nghiệp, ngoại ngữ chuyên ngành và kỹ năng giao tiếp ứng xử, làm việc nhóm và khả năng học tập suốt đời; hợp tác, phát triển về đào tạo, nghiên cứu và thực hành với các cơ sở, theo kịp sự phát triển của KHCN trong lĩnh vực y tế. Thực hiện có hiệu quả 8 giá trị cốt lõi của trường là: "*Đoàn kết, thống nhất; Hợp tác, phát triển; Kỷ cương, trách nhiệm; Thực hành chuyên nghiệp; Y đức, lễ phép; Tư duy đổi mới; Học tập suốt đời và Dịch vụ chu đáo*".

- *Tổ chức và quản lí*

Cơ cấu tổ chức hiện nay của Trường phù hợp với Điều lệ trường đại học và được thực hiện theo đúng quy định của Bộ Y tế gồm có: Đảng bộ Nhà trường, Hội đồng trường, Ban Giám hiệu và các tổ chức đoàn thể (Công đoàn, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội SV, Hội Cựu chiến binh). Trường có Hội đồng Khoa học - Đào tạo, 09 phòng chức năng (Phòng QLĐT, KT&BĐCLGD, HCQT, CTQLSV, VT-TTB, TCCB, QLKHCN&HTQT, TCKT, CNTT), Tổ Thanh tra pháp chế, 07 Khoa (Khoa Y, Điều dưỡng, Xét nghiệm, Chẩn đoán hình ảnh, PHCN, YHDP-YTCC, Y học cơ sở), 04 bộ môn (Bộ môn KHCB, Chính trị - GDTC&GDQP, Ngoại ngữ, Y sinh học di truyền) trực thuộc Trường, có 5 đơn vị chuyên môn phục vụ công tác đào tạo, NCKH và cung ứng dịch vụ y tế (Bệnh viện, Labo XNATTP, Trung tâm NC&ĐT CSSKCĐ, Trung tâm Huấn luyện kỹ năng lâm sàng và Thư viện). Đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lí, GV, nhân viên được phân định nhiệm vụ rõ ràng. Các tổ chức Đảng, đoàn thể hoạt động có hiệu quả, tạo sự đoàn kết, nhất trí trong toàn trường để hoàn thành tốt các nhiệm vụ được Nhà nước và xã hội giao cho. Trường cũng đã ban hành các văn bản trong các lĩnh vực: đào tạo, NCKH, CSVC, TTB, chế độ làm việc…, tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho mọi hoạt động của Nhà trường, đảm bảo mọi hoạt động của Nhà trường đúng theo các quy định pháp luật hiện hành.

- *CTĐT và hoạt động đào tạo*

CTĐT của Nhà trường được xây dựng trên cơ sở chương trình khung do Bộ GD&ĐT ban hành, phù hợp với sứ mạng, mục tiêu giáo dục và chức năng, nhiệm vụ của trường, đồng thời gắn với nhu cầu học tập của người học và nhu cầu nguồn nhân lực của thị trường lao động. Hiện nay, Trường đang triển khai đào tạo hệ chính quy gồm 05 ngành trình độ đại học với 09 CTĐT, 04 ngành trình độ cao đẳng với 05 CTĐT (đã dừng tuyển sinh từ năm 2018) và 04 ngành đào tạo đại học liên thông VLVH từ trình độ cao đẳng và trung cấp (đã dừng tuyển sinh từ năm 2018). Trường luôn quan tâm xây dựng và đổi mới CTĐT cho phù hợp với thực tiễn, định kì rà soát và bổ sung, điều chỉnh CTĐT, công khai những nội dung điều chỉnh, cập nhật thường xuyên nội dung đào tạo. Năm 2010, Trường đã thực hiện chuyển đổi CTĐT từ niên chế sang HCTC với 07/07 CTĐT đại học chính quy, 07/07 CTĐT cao đẳng chính quy đang đào tạo ở thời điểm đó. Trường đã xây dựng thêm 02 CTĐT đại học theo HCTC lần lượt vào các năm 2013, 2017.

Trường đã thực hiện tốt, đúng quy định chế độ tích lũy kết quả học tập theo từng HP cho tất cả các hệ đào tạo. Quy trình xét và công nhận tốt nghiệp được thực hiện chặt chẽ, chính xác, đúng quy định.

Các khoa, bộ môn đã được giao quyền chủ động thực hiện đổi mới, đa dạng hóa phương pháp giảng dạy, phù hợp với từng môn học và chuyên ngành học. Trường luôn thực hiện nghiêm túc phương pháp và quy trình thi, kiểm tra đánh giá phù hợp với mỗi hình thức đào tạo. Hệ thống sổ sách lưu trữ và quản lí kết quả học tập của SV rõ ràng, chính xác. Năm 2010, Trường đã xây dựng phần mềm Quản lí đào tạo theo HCTC và nâng cấp vào năm 2018 để đáp ứng nhu cầu sử dụng. Hệ thống văn bằng chứng chỉ được cấp đúng quy định.

- *Đội ngũ GV, nghiên cứu viên và nhân viên*

Trong những năm qua, Nhà trường luôn quan tâm phát triển đội ngũ cán bộ GV và nhân viên. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lí, GV, nhân viên của Trường tính đến 30/6/2021 gồm 328 người, trong đó có 70 cán bộ quản lý, chiếm 21,34%; đội ngũ GV là 285 người, chiếm 86,89%. Về trình độ, có 03 PGS.TS, 29 Tiến sĩ, 02 BSCK II, 01 BSCKI, 123 Thạc sĩ, 130 Đại học. Tỉ lệ GV có trình độ sau đại học chiếm 55,4% đội ngũ GV cơ hữu.

Trường đã sớm xây dựng Đề án vị trí việc làm từ năm 2012 và cập nhật năm

2017, tạo điều kiện cho việc quy hoạch, sắp xếp công việc, đào tạo bồi dưỡng và tuyển dụng viên chức hằng năm. Trường cũng quan tâm xây dựng đội ngũ CBVC, đặc biệt là đội ngũ GV. Trường có chính sách thu hút, tạo điều kiện cho GV, nhân viên học tập nâng cao trình độ, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ ở trong và ngoài nước. Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn thường xuyên, hỗ trợ tích cực hoạt động giảng dạy, NCKH. Với nguồn nhân lực hiện có, Trường đã thực hiện tốt hoạt động giảng dạy, NCKH, đảm bảo tỉ lệ SV/GV quy đổi các ngành đào tạo theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- *Người học*

Người học ngay từ khi nhập học đã được cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến đào tạo theo HCTC, mục tiêu, kế hoạch học tập toàn khoá, CĐR, quy chế kiểm tra đánh giá, quyền lợi, nghĩa vụ, chế độ, chính sách… bằng nhiều hình thức (học tập chính trị đầu khóa, sổ tay SV, CVHT phổ biến...). Người học thuộc đối tượng chính sách xã hội luôn nhận được sự quan tâm và đảm bảo đúng theo các chế độ của Nhà nước, được ưu tiên bố trí chỗ ở, đảm bảo an ninh, an toàn trong KTX.

Nhà trường quan tâm, tạo điều kiện và có biện pháp hỗ trợ cho các phong trào Đoàn, Hội, tổ chức các hoạt động ngoại khóa, văn nghệ, thể dục thể thao, các hoạt động tình nguyện. Qua đó có tác dụng tốt trong việc rèn luyện chính trị, đạo đức, kỹ năng cho người học trong Nhà trường. Trường chủ động liên hệ với các cơ sở y tế tuyến trung ương, tuyến tỉnh, tạo điều kiện để SV đi lâm sàng và thực tế tốt nghiệp, học hỏi kinh nghiệm, nâng cao kỹ năng chuyên môn. SV của Trường sau tốt nghiệp nhanh chóng tìm được việc làm do đáp ứng yêu cầu về kiến thức và kỹ năng lâm sàng tại các cơ sở y tế trong và ngoài công lập.

Quy mô đào tạo tính đến 30/6/2021 của Trường đối với hệ chính quy bậc đại học là 2821 SV, hệ liên thông VLVH là 238 SV. Từ năm học 2014 – 2015 đến năm học 2020 - 2021, Trường đã đào tạo được 3029 SVTN trình độ đại học, 1971 SVTN trình độ cao đẳng và 1984 SVTN hệ VLVH.

- *Cơ sở vật chất và trang thiết bị*

Nhà trường đảm bảo đủ các điều kiện về thư viện, TTB thí nghiệm, thực hành, các thiết bị hỗ trợ giảng dạy, học tập và CSVC khác để triển khai các hoạt động đào tạo và NCKH, nhằm đạt được mục tiêu, nhiệm vụ đề ra. Thư viện của Nhà trường có đủ đầu sách, tài liệu, giáo trình, báo, tạp chí…, có hệ thống phòng đọc, phòng mượn

phục vụ nhu cầu nghiên cứu, học tập của GV và người học. Trường có hệ thống giảng đường, hội trường, phòng thực hành, thí nghiệm, phòng tập đa năng, sân bãi đáp ứng nhu cầu dạy học và NCKH, cho các hoạt động vui chơi, giải trí, văn hóa, thể thao của SV. Hầu hết giảng đường lí thuyết được lắp đặt hệ thống máy chiếu, âm thanh phục vụ giảng dạy. Các phòng thực hành, thí nghiệm được trang bị một số lượng đáng kể các loại máy móc hiện đại phục vụ dạy học. Toàn bộ hệ thống máy tính của Trường được nối mạng internet, wireless; hệ thống wifi miễn phí cũng được lắp đặt tại nhà điều hành, giảng đường, kí túc xá đảm bảo đáp ứng nhu cầu dạy và học, nghiên cứu, tổ chức hội nghị, hội thảo và công tác quản lí điều hành.

- *NCKH, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ, hợp tác quốc tế*

Trường đã chủ động xây dựng và triển khai kế hoạch hoạt động khoa học trung hạn, hàng năm dựa trên cơ sở định hướng của các cấp quản lí, chiến lược phát triển KHCN của Trường, nhu cầu của xã hội và khả năng tự chủ của Nhà trường. Các đề tài NCKH của Trường tập trung vào 2 lĩnh vực chính: khoa học sức khoẻ và khoa học giáo dục. Trong giai đoạn từ tháng 8/2014 đến 30/6/2021, Trường đã nghiệm thu 03 đề tài cấp tỉnh, 80 đề tài cấp cơ sở trong đó có 24 đề tài NCKH của sinh viên và 03 đề tài liên kết với các trường đại học và đối tác nước ngoài như Australia, Nhật Bản. Hiện Nhà trường đang thực hiện 02 đề tài cấp NN, 25 đề tài cấp cơ sở, 01 đề tài liên kết với đối tác nước ngoài (IPE). Nhà trường đã công bố 352 bài báo, trong đó có 48 bài báo quốc tế, 304 bài báo trong nước, 08 bài đăng tại các Hội thảo (05 Hội thảo trong nước và 03 hội thảo quốc tế), 13 báo cáo tại Hội nghị Khoa học tuổi trẻ cấp trường, 03 báo cáo Hội nghị liên Trường - Bệnh viện.

Nhiều công trình được ứng dụng rộng rãi trong tỉnh, được UBND tỉnh Hải Dương trao giải thưởng, như 04 đề tài đạt giải Hội thi sáng tạo Kỹ thuật tỉnh Hải Dương, 02 đề tài đạt Giải thưởng KHCN Côn Sơn; 8 đề tài đạt giải Hội thi khoa học công nghệ tuổi trẻ các trường đại học Y – Dược do Bộ Y tế trao tặng.

Hoạt động HTQT của Nhà trường luôn tuân thủ đúng các quy định của Nhà nước về quan hệ với đối tác nước ngoài. Các hoạt động HTQT của Trường tập trung chủ yếu trong lĩnh vực đào tạo và NCKH. Trong nhiều năm qua, Trường đã có quan hệ hợp tác với trên 20 trường đại học, viện nghiên cứu và tổ chức quốc tế. Từ năm 2012 đến nay, Trường đã kí kết 11 biên bản ghi nhớ, thoả thuận và hợp đồng hợp tác với các đối tác nước ngoài. Trường đã tiếp nhận 495 SV với Trường Đại học Điều dưỡng

Quốc gia Nhật Bản và Trường Đại học Công nghệ Queensland đến học tập, thực tập tại trường. Tham gia Dự án hợp tác quốc tế AP – QUT và Dự án ADB "Phát triển nguồn nhân lực y tế" nguồn vốn từ ngân hàng phát triển châu Á đã giúp Trường tăng cường năng lực, trình độ cho GV, nâng cao phương pháp giảng dạy và NCKH, đặc biệt trong đổi mới một số chuyên ngành đào tạo như đào tạo Điều dưỡng trình độ cao đẳng theo năng lực, mở mã ngành Cử nhân Hoạt động trị liệu. Nhà trường tiếp nhận thêm 44 SV trường Đại học Công nghệ Queensland đến học tập, thực tập tại Trường.

b) Giới thiệu về Khoa Xét nghiệm

❖ ***Quá trình hình thành và phát triển***

Tiền thân của Khoa Xét nghiệm – Trường ĐHKTYTHD là Bộ môn Xét nghiệm Y học - Trường Trung cấp Kỹ thuật Y tế 1 được thành lập từ tháng 11/1978. Từ tháng 4/2001, Bộ môn Xét nghiệm Y học trực thuộc Trường Cao đẳng Kỹ thuật Y tế 1 – Bộ Y tế. Từ tháng 7/2007, Bộ môn Xét nghiệm Y học trực thuộc Trường ĐHKTYTHD. Cùng với quá trình xây dựng và phát triển của Nhà trường, Bộ môn Xét nghiệm đã được nâng cấp thành Khoa Xét nghiệm trực thuộc Trường ĐHKTYTHD theo Quyết định số 312/QĐ-ĐHKTYTHD, ngày 9/9/2011 của Hiệu trưởng Trường ĐHKTYTHD.

Khoa Xét nghiệm có chức năng hoạt động chuyên môn đào tạo, NCKH và tham gia cung ứng dịch vụ y tế. Khoa chịu trách nhiệm về nội dung, chất lượng, tiến độ giảng dạy ngành KTXNYH và đảm nhiệm giảng dạy một số HP về Hóa sinh, Vi sinh, Ký sinh trùng, Xét nghiệm tế bào mô bệnh học cho đối tượng Y khoa, Điều dưỡng và Kỹ thuật y học.

❖ ***Các chính sách chất lượng và hoạt động ĐBCL***

Để hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ được giao, tập thể cán bộ quản lý, GV Khoa XN luôn quan tâm triển khai các hoạt động ĐBCL và không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH, công nghệ và hợp tác quốc tế, cung ứng các dịch vụ khoa học và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực XN và đã đạt được một số kết quả cụ thể như sau:

- *Tổ chức và quản lí*

Hiện nay, Khoa Xét nghiệm - Trường ĐHKTYTHD bao gồm 05 Bộ môn: Bộ môn Xét nghiệm tế bào, Bộ môn Vi sinh – Ký sinh trùng, Bộ môn Huyết học truyền máu, Bộ môn Hóa sinh và Độc chất, Bộ môn Miễn dịch – Sinh học phân tử. Hội đồng Khoa của Khoa Xét nghiệm cũng được thành lập với chức năng tư vấn cho Trưởng khoa trong công tác tổ chức, quản lý, điều hành và triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Khoa. Từ tháng

11 năm 2019 thực hiện chỉ đạo của Nhà trường, Khoa đã lồng ghép, tích hợp các bộ phận để vừa thực hiện công tác giảng dạy, vừa thực hiện công tác xét nghiệm tại các Labo xét nghiệm - Bệnh viện Trường ĐHKTYTHD.

- *CTĐT và hoạt động đào tạo*

Khoa có 02 CTĐT dành cho đối tượng cử nhân gồm: CTĐT *Kỹ thuật Xét nghiệm y học* bậc đại học (chính quy 4 năm, liên thông từ trung cấp lên đại học 3,5 năm, liên thông từ cao đẳng lên đại học 1,5 năm); CTĐT *Kỹ thuật Xét nghiệm y học* bậc cao đẳng (chính quy 3 năm, liên thông từ trung cấp lên cao đẳng 2 năm). Từ năm 2018, Nhà trường dừng tuyển sinh hệ cao đẳng chính quy trong đó có ngành Kỹ thuật Xét nghiệm y học. Ngoài ra, Khoa còn đào tạo các lớp ngắn hạn, cấp chứng chỉ thuộc chuyên ngành Xét nghiệm như: Bổ sung kiến thức cho đối tượng Trung cấp Côn trùng - Ký sinh trùng (3 tháng); Bổ sung kiến thức cho đối tượng cao đẳng Y học dự phòng (3 tháng); Bổ sung kiến thức cho đối tượng cao đẳng ATVSTP (6 tháng). Tính đến 30/6/2021, Khoa Xét nghiệm đã đào tạo được 10 khóa SV tốt nghiệp đại học chính quy, 15 khóa cao đẳng, 36 khóa trung cấp, 8 khóa liên thông. Số lượng SV hiện tại của Khoa Xét nghiệm là 578 SV đại học chính quy, 91 SV đại học VLVH.

Để có thể từng bước theo kịp trình độ của các nước tiên tiến và những đòi hỏi ngày càng cao về lĩnh vực Xét nghiệm, CTĐT của Khoa được thiết kế dựa trên cơ sở tiếp thu những ưu điểm của CTĐT Xét nghiệm y học của một số nước tiên tiến như Hà Lan, Australia, Canada... Khoa đã tập trung biên soạn 08 bộ giáo trình phục vụ cho quá trình dạy - học chuyên ngành từ năm 2013, tham gia biên soạn 02 bộ giáo trình phục vụ đào tạo ngành Điều dưỡng năm 2020. Với hơn 40 năm kinh nghiệm trong đào tạo KTV Xét nghiệm trung cấp, cao đẳng, đại học, Khoa luôn coi trọng chất lượng của sản phẩm đào tạo, đặc biệt là thực hành tay nghề. Do vậy, tỉ lệ SV tốt nghiệp có việc làm sau khi tốt nghiệp 01 năm theo điều tra cao (trên 90%) và luôn được các cơ sở y tế từ trung ương đến địa phương đánh giá có chất lượng tay nghề tốt.

- *Đội ngũ cán bộ, GV*

Từ những ngày đầu thành lập, Khoa Xét nghiệm Trường ĐHKTYTHD chỉ có 20 CBGV. Hiện nay, Khoa đã có tổng số 32 GV cơ hữu, 20 trợ giảng và 36 GV thỉnh giảng là những nhà khoa học hoặc GV có uy tín đến từ các trường đại học, bệnh viện, viện nghiên cứu tại Hà Nội, Hải Phòng, Hải Dương. Đội ngũ GV cơ hữu tại Khoa gồm 05

tiến sĩ, 22 thạc sĩ, 05 đại học. Đội ngũ GV thỉnh giảng gồm 02 PGS, 05 tiến sĩ, 05 bác sĩ chuyên khoa II, 08 thạc sĩ, 04 bác sĩ chuyên khoa I, 12 bác sĩ và cử nhân đại học.

- *Cơ sở vật chất, trang thiết bị*

Trường ĐHKTYTHD có 2 khu với tổng diện tích khoảng 8,8 ha. Trường được quy hoạch, xây dựng, cải tạo và mở rộng với quy mô 49 giảng đường phục vụ giảng dạy lý thuyết, tổng diện tích là 4.344 m^2 được sử dụng chung cho các đối tượng đào tạo. Diện tích sử dụng nhỏ nhất là 0,93 m^2/01 NH nên đã đảm bảo môi trường học tập thoải mái. Phòng thí nghiệm, phòng thực hành, thực tập lâm sàng của Khoa Xét nghiệm được đặt tại 03 khu: tầng 3 nhà A1; tầng 1 và 2 nhà A4; tầng 3 và 6 khu Trung tâm kỹ thuật với tổng diện tích sử dụng 4703 m^2 được chia cho các bộ môn Miễn dịch - Sinh học phân tử, Huyết học truyền máu, Vi sinh - Ký sinh trùng, Xét nghiệm tế bào, Hóa sinh - Độc chất đảm bảo đầy đủ điều kiện cho SV thực hành, thực tập. Labo Xét nghiệm bệnh viện trường ĐHKTYTHD vừa phục vụ khám chữa bệnh cho người bệnh, đồng thời là môi trường giúp SV được học tập lâm sàng, tích lũy kinh nghiệm chuyên môn. Năm học 2020-2021, khoa Xét nghiệm đã tập trung xây dựng Labo Xét nghiệm bệnh viện đạt tiêu chuẩn ISO 15189. Văn phòng của khoa Xét nghiệm đặt tại tầng 3 Nhà điều hành, gồm 01 phòng trưởng khoa, 02 phòng GV được trang bị đầy đủ thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu công việc như nội thất văn phòng, hệ thống chiếu sáng, điều hòa, máy vi tính, máy in, mạng internet, wifi.

Hệ thống phòng thực hành tay nghề cho SV từng bước được trang bị đồng bộ, chuẩn hóa, hiện đại hóa như: hệ thống xét nghiệm hóa sinh tự động (400 tests/giờ), bán tự động; máy xét nghiệm nước tiểu tự động 11 thông số, máy xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang, máy đếm tế bào huyết học laser 26, 32 thông số; máy định danh nhóm máu tự động; hệ thống xét nghiệm sinh học phân tử PCR, Real time PCR; giải trình tự gen; kính hiển vi huỳnh quang, kính hiển vi nền đen kết nối vi tính… nhằm giúp cho SV có thể tiếp cận được với các TTB hiện đại ngay khi còn ngồi trên ghế Nhà trường.

- *Nghiên cứu khoa học*

Kết quả NCKH của Khoa Xét nghiệm đa dạng với nhiều loại hình như: đề tài các cấp được nghiệm thu, bài báo đăng trên tạp chí hay trình bày tại hội thảo trong nước và quốc tế, giáo trình, bài giảng, sáng kiến cải tiến kỹ thuật… Các công trình khoa học có sự cải thiện về số lượng và chất lượng. Từ năm 2014 - 2021, cán bộ, GV của khoa Xét nghiệm đã thực hiện 03 đề tài cấp Tỉnh, 20 đề tài cấp cơ sở và đang thực

hiện 02 đề tài cấp Nhà nước, 01 đề tài cấp Bộ, 11 đề tài cấp cơ sở, công bố 71 bài báo trong đó có 14 bài báo quốc tế uy tín thuộc danh mục ISI và Scopus và 57 bài báo trong nước, 01 sáng kiến cải tiến kỹ thuật, 01 giải ba - Giải thưởng hội nghị sáng tạo kỹ thuật tỉnh Hải Dương lần thứ X.

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mở đầu: Trường ĐHKTYTHD được giao nhiệm vụ đào tạo trình độ ĐH hệ chính quy ngành KTXNYH từ năm 2008. Nhà trường đã tập trung xây dựng CTĐT cử nhân ngành KTXNYH trên cơ sở khung chương trình do Bộ GD&ĐT ban hành và các quy định, hướng dẫn của Trường ĐHKTYTHD. CTĐT năm 2018 được xây dựng trên cơ sở kế thừa CTĐT năm 2014 theo hướng lấy người học làm trung tâm. Người học được cung cấp kiến thức chuyên môn toàn diện; nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội; có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành được đào tạo. CTĐT có mục tiêu, CĐR rõ ràng, bao trùm được các CĐR trong từng HP liên quan tới kiến thức và kỹ năng, mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chuyên ngành, nhóm ngành theo các lĩnh vực. Các mục tiêu và CĐR được xây dựng phản ánh rõ ràng sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu giáo dục của Nhà trường.

Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.

1. Mô tả hiện trạng

Mục tiêu chung của CTĐT cử nhân KTXNYH bậc đại học là "Đào tạo cử nhân KTXNYH chuẩn mực, có năng lực thực hành nghề nghiệp theo pháp luật, tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp, có kiến thức đầy đủ, toàn diện, có sức khỏe, năng lực tư duy để làm việc độc lập, hợp tác, sáng tạo, tự học, NCKH để hoạt động hiệu quả và trách nhiệm trong môi trường đa dạng, phát triển nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ nhân nhân" và các mục tiêu cụ thể về thái độ, kiến thức, mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm được xác định rõ ràng [H1.1.1.1]. Mục tiêu của CTĐT cử nhân KTXNYH được xây dựng dựa trên các văn bản quy định về xây dựng CTĐT với các yêu cầu chặt chẽ về hình thức, nội dung như Luật giáo dục, Luật giáo dục đại học, Chương trình khung giáo dục đại học khối ngành khoa học sức khỏe trình độ đại học và các văn bản hướng dẫn của Nhà trường [H1.1.1.2].

Mục tiêu chung của CTĐT cử nhân KTXNYH cùng các mục tiêu cụ thể phù hợp với sứ mạng của Trường, phù hợp với chiến lược phát triển Nhà trường đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 [H1.1.1.3]. Trong chiến lược phát triển Nhà trường đã

nêu rõ: Sứ mạng của Trường ĐHKTYTHD đã được xác định là "Đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao; NCKH, ứng dụng và phát triển công nghệ nhằm mục đích chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân"; Tầm nhìn của Trường ĐHKTYTHD đã được xác định: "Đến 2030 trở thành trường đào tạo đa ngành và là trường trọng điểm quốc gia về Kỹ thuật y học". Mục tiêu của CTĐT đáp ứng được cả tầm nhìn và sứ mạng của Nhà trường trong giai đoạn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

Mục tiêu của CTĐT cử nhân KTXNYH được xác định phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật GDĐH năm 2012: "Đào tạo trình độ đại học để SV có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành được đào tạo".

Mục tiêu của CTĐT cử nhân KTXNYH được xây dựng dựa trên bản báo cáo "Khảo sát thực trạng và nhu cầu nhân lực Kỹ thuật viên y tế năm 2015" của Nhà trường, đồng thời căn cứ ý kiến đóng góp của các nhà tuyển dụng [H1.1.1.4,5]. Năm học 2020 - 2021, khoa Xét nghiệm triển khai rà soát CTĐT theo Thông tư 07/2015, lấy ý kiến các bên liên quan về mục tiêu của CTĐT cử nhân KTXNYH [H1.1.1.6]. Tuy nhiên, do tình hình dịch COVID-19 nên tiến độ rà soát CTĐT hiện nay của Khoa còn chưa hoàn tất.

2. Điểm mạnh

Mục tiêu của CTĐT cử nhân KTXNYH đã xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và đáp ứng nhu cầu của xã hội về y tế.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động rà soát CTĐT năm học 2020-2021, lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về mục tiêu của CTĐT chưa hoàn tất.

4. Kế hoạch hành động

Khoa Xét nghiệm sẽ phối hợp với phòng QLĐT đẩy nhanh tiến độ rà soát CTĐT, hoàn thành trước năm học 2021-2022.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí: 4/7 điểm.

Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT

1. Mô tả hiện trạng

CĐR CTĐT ngành KTXNYH đã được Trường ĐHKTYTHD tổ chức xây dựng theo đúng quy trình được hướng dẫn trong các văn bản của Bộ GD&ĐT và Quy định của Nhà trường về việc xây dựng, điều chỉnh và hoàn thiện năm 2018. CĐR CTĐT thể hiện rõ ràng các tiêu chí về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm [H1.1.2.1] và được gắn với bản mô tả CTĐT với thế mạnh là đào tạo chuyên sâu về KTXNYH [H1.1.1.1]. Trong bản mô tả CTĐT 2018 thể hiện đầy đủ các nội dung của CTĐT, CTDH, CĐR, điều chỉnh lại ĐCCT các HP, trong đó làm rõ mối liên hệ giữa mục tiêu CTĐT, CĐR CTĐT, mục tiêu HP, CĐR HP thông qua các ma trận kỹ năng: Ma trận sự phù hợp mục tiêu CTĐT - CĐR CTĐT và các HP trong CTĐT (mục 5 của CTĐT và mục II của ĐCCT); ma trận đáp ứng giữa mục tiêu HP và CĐR CTĐT (mục III của ĐCCT); ma trận đáp ứng giữa CĐR HP và CĐR CTĐT, ma trận đáp ứng giữa mục tiêu HP và CĐR HP (mục IV của các ĐCCT) [H1.1.1.1].

Sau nhiều lần rà soát, điều chỉnh, CĐR của CTĐT được phát biểu như sau:

Kiến thức

ELO1. Vận dụng được các kiến thức cơ bản về chính trị, pháp luật, quốc phòng, an ninh vào công việc của ngành Xét nghiệm;

ELO2. Vận dụng được các kiến thức khoa học cơ bản toán xác xuất thống kê, hóa học, sinh học, vật lý, lý sinh vào công việc của ngành Xét nghiệm;

ELO3. Liên kết được kiến thức cơ sở ngành vào thực hiện kỹ thuật xét nghiệm y học;

ELO4. Nhận định được về hệ thống y tế, chương trình y tế quốc gia về sức khỏe, nâng cao sức khỏe và dinh dưỡng, an toàn vệ sinh thực phẩm, dịch tễ, các bệnh truyền nhiễm và mô hình bệnh tật cơ bản;

ELO5. Kết hợp được các kiến thức cơ bản và chuyên sâu về lĩnh vực Xét nghiệm Huyết học - Truyền máu, Hóa sinh - Độc chất học, Vi sinh - Ký sinh trùng, Tế bào – Mô bệnh học vào công việc thực hiện kỹ thuật xét nghiệm y học;

Kỹ năng

ELO6. Thực hiện đầy đủ các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản và cấp cứu ban đầu;

ELO7. Thực hiện thuần thục các kỹ thuật xét nghiệm cơ bản và một số kỹ thuật chuyên sâu về lĩnh vực Xét nghiệm Huyết học - Truyền máu, Hóa sinh, Vi sinh, Ký sinh trùng, Tế bào – Mô bệnh học và Độc chất học theo chuẩn phòng thí nghiệm;

ELO8. Thực hiện thuần thục các xét nghiệm hàng loạt tại cộng đồng một cách độc lập hoặc phối hợp với đồng nghiệp;

ELO9. Thực hiện chính xác kỹ năng quản lý chất lượng xét nghiệm và an toàn sinh học tại phòng Xét nghiệm đa khoa và chuyên khoa;

ELO10. Phối hợp được các kỹ năng mềm vào thực hiện công việc của ngành Xét nghiệm;

ELO11. Sử dụng được tiếng Anh cơ bản và chuyên ngành vào công việc của ngành Xét nghiệm;

ELO12. Thực hiện được các nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực xét nghiệm y học;

ELO13. Sử dụng được kỹ năng công nghệ thông tin trong thực hành nghề nghiệp;

Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm

ELO14. Thể hiện đạo đức nghề nghiệp, lập trường tư tưởng vững vàng, tự tin, làm việc độc lập và làm việc nhóm, chịu áp lực trong công việc và môi trường làm việc;

ELO15. Tích cực rèn luyện sức khỏe để làm việc;

ELO16. Tích cực rèn luyện năng lực học tập suốt đời.

Các CĐR thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương bao gồm: ELO1, ELO2, ELO11, ELO13 nhằm cung cấp cho người học các kiến thức, kỹ năng cơ bản hỗ trợ cho công việc chuyên ngành Xét nghiệm, học tập nâng cao trình độ. Bên cạnh đó, người học cũng được cung cấp kiến thức và hiểu biết về pháp luật, các chính sách của Đảng, Nhà nước, áp dụng được các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lê-Nin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân. Các CĐR thuộc khối kiến thức cơ sở ngành bao gồm: ELO3, ELO4, ELO6, ELO9, ELO10, ELO12 trang bị cho người học kiến thức tổng quan về con người bao gồm cấu trúc và chức năng của cơ thể người trong trạng thái bình thường và bệnh lý, về hệ thống y tế, chương trình y tế quốc gia, về sức khỏe, nâng cao sức khỏe và dinh dưỡng, ATVSTP, dịch tễ, các bệnh truyền nhiễm và mô hình bệnh tật cơ bản và những kỹ năng làm nền tảng cho công việc thực hiện kỹ thuật xét nghiệm y học. Khối kiến thức chuyên ngành gồm CĐR ELO5 trang bị kiến thức cơ bản, chuyên sâu về chuyên ngành Xét nghiệm và CĐR ELO7, ELO8 nhằm đạt được các kỹ năng cần thiết đối với công việc thực hiện

các kỹ thuật xét nghiệm y học. Các CĐR ELO14, ELO15, ELO16 yêu cầu người học có năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm, có thể giải quyết độc lập, sáng tạo các vấn đề, có khả năng tổ chức, quản lý hoạt động của một phòng xét nghiệm y học và năng lực học tập suốt đời. Như vậy, CĐR đã bao quát các yêu cầu chung và các yêu cầu chuyên sâu của ngành KTXNYH.

CĐR của CTĐT KTXNYH được thiết kế với các động từ phản ánh mức độ phức tạp tăng dần của kiến thức, kỹ năng và thái độ theo thang đo Bloom đảm bảo có thể đo lường và đánh giá được. Các CĐR kiến thức được xây dựng từ mức **hiểu** (ELO4), rồi đến mức **vận dụng** (ELO1, ELO2), **phân tích** (ELO3) và cao nhất là mức **đánh giá** (ELO5). Các CĐR kỹ năng từ ELO6 đến ELO13 cũng được xác định ở các mức **vận dụng** (ELO 12), rồi đến mức **chính xác** (ELO6, ELO9) và cao nhất là mức **thành thạo** (ELO7, ELO8, ELO10). Các CĐR về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm được thiết kế từ mức **hồi đáp** (ELO14), rồi đến mức **đánh giá** (ELO15, ELO16). Với việc trang bị tốt kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm cùng với quá trình đào tạo phù hợp với nhu cầu xã hội, người học có khả năng tìm kiếm việc làm tại các bệnh viện, phòng khám, cơ sở y tế, viện nghiên cứu và các trường đại học… Kết quả khảo sát tình hình việc làm của SV tốt nghiệp sau 01 năm của Khoa trong các năm 2015 đến năm 2020 cho thấy SV ngành KTXNYH sau khi tốt nghiệp có tỉ lệ việc làm phù hợp ngành đào tạo cao, trên 90% [H1.1.2.2]. Năm học 2020-2021, Trường ĐHKTYTHD mà Khoa Xét nghiệm là đầu mối, phối hợp với Hội đồng tư vấn khối ngành sức khỏe xây dựng và hoàn thiện dự thảo chuẩn năng lực nghề nghiệp và chuẩn CTĐT cử nhân Kỹ thuật Xét nghiệm y học báo cáo Bộ Y tế và trình Bộ Giáo dục và Đào tạo để thẩm định, ban hành [H1.1.2.3].

2. Điểm mạnh

CĐR CTĐT cử nhân KTXNYH được xác định rõ kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng NCKH và kỹ năng mềm để SV phát triển toàn diện, ý thức tự chủ, tự chịu trách nhiệm

3. Điểm tồn tại

CĐR chưa thể hiện các nội dung về "phát triển nghề nghiệp" cụ thể và chưa hướng tới hội nhập quốc tế.

4. Kế hoạch hành động

Khoa Xét nghiệm đẩy nhanh tiến độ rà soát CTĐT cử nhân KTXNYH theo Thông tư 07/2015 trong năm học 2020 - 2021, bổ sung định hướng phát triển nghề nghiệp và hội nhập quốc tế vào CĐR của CTĐT, phấn đấu hoàn thành trước năm học 2021-2022.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí: 4/7 điểm.

Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.

1. Mô tả

Quá trình xây dựng được CĐR của CTĐT ngành KTXNYH được Khoa dựa vào theo hướng dẫn xây dựng CĐR, CTĐT của Trường. Thông qua ý kiến góp ý của các đối tượng liên quan từ các chuyên gia, nhà tuyển dụng, cựu SV và SV, khoa tổng hợp báo cáo, tiến hành các cuộc họp để thống nhất xây dựng nội dung [H1.1.3.1]. Ngoài ra, CĐR cũng được xây dựng căn cứ vào kết quả khảo sát nhu cầu của thị trường lao động [H1.1.3.2]. Với việc tìm hiểu nhu cầu của các bên liên quan như vậy, CĐR của CTĐT đã đáp ứng được yêu cầu của các bên liên quan để đảm bảo người học sau khi hoàn thành CTĐT có khả năng thích ứng nhanh với công việc chuyên môn tại các cơ sở y tế. Điều này được trả lời qua kết quả khảo sát nhà tuyển dụng hài lòng với chất lượng đào tạo của Nhà trường đạt 92% năm 2018, 96,6% năm 2019 [H1.1.3.3].

Thực hiện công văn hướng dẫn của Bộ GD&ĐT về việc xây dựng và công bố CĐR, năm 2013, Nhà trường thực hiện rà soát CĐR theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT và ban hành CĐR cho các ngành đào tạo của Nhà trường và CĐR tiếng Anh [H1.1.3.4,5]. Trong các năm 2016, 2021, Nhà trường cũng thực hiện rà soát lại CĐR Ngoại ngữ đáp ứng Thông tư ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và ban hành CĐR Tin học đáp ứng Thông tư 03/2014 Bộ TTTT chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin [H1.1.3.6]. Trong năm học 2017 - 2018 và 2020 - 2021, căn cứ Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp, Trường ĐHKTYTHD đã tổ chức việc thực hiện rà soát, chỉnh sửa, cập nhật các CTĐT trình độ Đại học, trong đó xây dựng lại CĐR CTĐT cử nhân KTXNYH [H1.1.3.7-8].

CĐR của CTĐT được công bố công khai trong cuốn Sổ tay SV, Thông tin đào

tạo theo học chế tín chỉ hàng năm và trên website của Nhà trường giúp SV dễ dàng tiếp cận và cũng là cam kết của Nhà trường với toàn xã hội [H1.1.3.9]. Nội dung CĐR của CTĐT còn được Nhà trường phổ biến tại tuần học tập chính trị đầu khóa, đầu năm học tới SV [H1.1.3.10].

2. Điểm mạnh

CĐR của CTĐT KTXNYH được kịp thời bổ sung, điều chỉnh theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT. CĐR được xây dựng dựa trên các ý kiến phản hồi của người sử dụng lao động, người học đã tốt nghiệp, các chuyên gia, SV.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa có quy trình thống nhất trong việc xây dựng, định kỳ rà soát, điều chỉnh CĐR chi tiết, cụ thể nên trong quá trình thực hiện còn chưa khoa học.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2021 - 2022, Nhà trường xây dựng và ban hành Quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT, Quy trình cập nhật và tổ chức đánh giá CTĐT theo TCVN ISO 9001:2015 làm căn cứ để các Khoa, Bộ môn triển khai thực hiện.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí: 4/7 điểm.

Kết luận về Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và CĐR của CTĐT cử nhân ngành KTXNYH đã xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội về nhân lực y tế, được rà soát, chỉnh sửa định kỳ dựa trên góp ý của các bên liên quan. CĐR ngành KTXNYH được công bố công khai cho SV và luôn được thể hiện cụ thể từng HP. Tuy nhiên, CĐR của CTĐT chưa thể hiện các nội dung về "phát triển nghề nghiệp" cụ thể và chưa hướng tới hội nhập quốc tế. Nhà trường chưa có quy trình thống nhất trong việc xây dựng, định kỳ rà soát, điều chỉnh CĐR.

Kết quả tự đánh giá: Tiêu chuẩn 1 có 03 tiêu chí đạt 4/7 điểm.

Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Mở đầu: Bản mô tả CTĐT ngành KTXNYH được xây dựng trên cơ sở chương trình khung do Bộ GD&ĐT ban hành, được điều chỉnh năm 2010 theo quy định chuyển đổi CTĐT từ niên chế sang theo HCTC, tiếp tục được điều chỉnh vào các năm 2014 và 2018 theo các quy định, phù hợp với mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường. Bản mô tả CTĐT ngành KTXNYH cung cấp đầy đủ các thông tin về chương trình, cấu trúc khóa học, CĐR của CTĐT và của từng HP cụ thể, bản tổng hợp các

HP, các yêu cầu tuyển sinh, đề cương HP cũng như các thông tin chi tiết về phương pháp dạy, học, kiểm tra/đánh giá HP.

Tiêu chí 2.1. Bản mô tả CTĐT đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả hiện trạng

Bản mô tả CTĐT năm 2018 của Khoa cung cấp các thông tin sau: mục tiêu đào tạo; CĐR: gồm kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm; cấu trúc khóa học; nội dung, phương pháp và hoạt động đào tạo; ma trận thể hiện sự đóng góp của các HP vào việc đạt được CĐR của chương trình; ĐCCT các HP [H1.1.1.1].

Bản mô tả CTĐT giới thiệu đầy đủ các thông tin, bao gồm: tên cơ sở cấp bằng (Trường Đại học KTYTHD), tên gọi của văn bằng, tên CTĐT (cử nhân KTXNYH), thời gian đào tạo (4 năm), mục tiêu và CĐR của CTĐT, tiêu chí tuyển sinh, các nội dung đối sánh bên ngoài, ma trận phù hợp mục tiêu, CĐR với các HP của CTĐT, vị trí việc làm, cơ hội học tập nâng cao trình độ, chiến lược dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá, cấu trúc CTĐH, các ĐCCT các HP, thời điểm điều chỉnh bản mô tả CTĐT [H1.1.1.1].

Khung CTĐT được bố trí cụ thể như sau:

TT	**Khối lượng học tập**	**Số tín chỉ**		
		Tổng	**LT**	**TH**
1	***Kiến thức Giáo dục đại cương***	**41**	**35**	**6**
	- Kiến thức chung	29	25	4
	- Kiến thức cơ sở khối ngành KHSK	12	10	2
2	***Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp***	**102**	**49**	**53**
	- Kiến thức cơ sở ngành	24	19	5
	- Kiến thức chuyên ngành	64	27	37
	- Phần tự chọn	6	3	3
	- Tốt nghiệp	8	0	8
	Tổng	**143**	**83**	**60**

Để tốt nghiệp ngành KTXNYH, NH cần phải hoàn thành 143 tín chỉ (chưa kể các HP Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng – an ninh). Trong đó kiến thức được chia thành các khối:

- Khối kiến thức giáo dục đại cương: 41 tín chỉ (35 lí thuyết và 6 thực hành) chiếm 28,67%, gồm các HP khối kiến thức chung 29 tín chỉ (các học phần lý luận chính trị, tiếng Anh, tin học) và khối kiến thức cơ sở khối ngành khoa học sức khỏe 12 tín chỉ.

- Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 102 tín chỉ (49 lí thuyết và 53 thực hành) chiếm 71,4%, gồm các HP khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành, HP tự chọn và tốt nghiệp.

Nội dung chương trình bao gồm các khối kiến thức cơ bản, y học cơ sở, cơ sở ngành, chuyên ngành có mức độ tăng dần, đồng thời giúp người học nâng cao thêm các kỹ năng mềm, kỹ năng tin học, ngoại ngữ,… rèn luyện được tác phong, kỷ luật, an toàn lao động khi làm việc tại các cơ sở y tế. Các khối kiến thức này được chia làm nhiều học phần, mỗi học phần tương ứng nhằm đạt được các CĐR của CTĐT KTXNYH và gắn với mục tiêu đào tạo của ngành, được thể hiện rõ trong bảng ma trận phù hợp giữa mục tiêu đào tạo - CĐR CTĐT và các HP [H1.1.1.1], đồng thời cũng được cụ thể hóa qua mục tiêu giảng dạy của các HP trong mục III, IV của ĐCCT thuộc ngành KTXNYH [H1.1.1.1].

Khối kiến thức giáo dục đại cương cung cấp cho SV những kiến thức nền tảng ban đầu để tiếp cận hệ thống kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp giúp SV có kiến thức nền tảng và một số kiến thức chuyên sâu ngành Xét nghiệm (Huyết học, Hóa sinh, Vi sinh ký sinh trùng, Xét nghiệm tế bào). Những kiến thức này giúp cho SV có thể thực hiện, phân tích và đánh giá các xét nghiệm tốt nhất, phục vụ cho công tác chẩn đoán và điều trị. Kiến thức chuyên ngành Xét nghiệm, gồm 27 học phần (20 học phần bắt buộc và 07 học phần tự chọn) giúp cho SV có kiến thức và kỹ năng tổ chức, thực hiện và quản lý tốt các quá trình xét nghiệm để cho ra các kết quả xét nghiệm chính xác, tin cậy, kịp thời. Thực tập tốt nghiệp và khoá luận tốt nghiệp giúp SV có kiến thức chuyên sâu về một số lĩnh vực của ngành Xét nghiệm.

CTĐT ngành KTXNYH được chỉnh sửa và cập nhật những vấn đề mới liên quan theo thông báo hàng năm về việc xây dựng kế hoạch dạy – học, trong đó có nội dung về rà soát, điều chỉnh nội dung CTĐT [H2.2.1.1]. Từ khi bắt đầu đào tạo trình độ Đại học KTXNYH, Trường ĐHKTYTHD ban hành CTĐT ngành KTXNYH ngày 07/12/2009. Năm học 2010 - 2011, theo Quyết định 43 của Bộ GD&ĐT về chuyển đổi

CTĐT niên chế sang đào tạo theo HCTC, Trường ĐHKTYTHD đã chuyển đổi từ hình thức đào tạo niên chế sang đào tạo tín chỉ, CTĐT ngành KTXNYH cũng được điều chỉnh và ban hành kèm theo Quyết định 510[a]/QĐ-ĐHKTYTHD ngày 28/10/2010 [H2.2.1.2]. Năm 2014, nhằm đáp ứng CĐR công bố 2013, Khoa Xét nghiệm phối hợp với phòng QLĐT thiết kế lại bản mô tả CTĐT với thay đổi một số HP về khối kiến thức giáo dục đại cương và cả khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp [H2.2.1.3]. Năm 2017 - 2018, thực hiện Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 và hướng dẫn của Trường, nhằm đáp ứng yêu cầu về khối lượng kiến thức tối thiểu ở trình độ đại học, năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp, Khoa Xét nghiệm tiến hành rà soát, cập nhật, chỉnh sửa và ban hành CTĐT ngành KTXNYH có cập nhật đầy đủ các nội dung cần có của bản mô tả CTĐT và kèm theo các thay đổi về nội dung các HP thuộc cả khối kiến thức đại cương và chuyên nghiệp [H2.2.1.4]. Bản mô tả CTĐT năm 2018 được cập nhật nhiều thông tin so với bản mô tả CTĐT năm 2014 như: ma trận phù hợp mục tiêu, CĐR với các HP của CTĐT, thông tin tuyển sinh, các CTĐT được đối sánh, chiến lược dạy học… [H2.2.1.5,6]. Năm học 2019-2020, thực hiện hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, chương trình giảng dạy các học phần lý luận chính trị gồm 10 tín chỉ chia làm 3 học phần (Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh) được điều chỉnh thành 11 tín chỉ chia làm 05 học phần (Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị Mác- Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh) [H2.2.1.7]. Cũng trong năm học này, thực hiện dự án Giáo dục đào tạo nhân lực y tế phục vụ cải cách hệ thống y tế (HPET), Nhà trường đã xây dựng mới CTĐT cử nhân Điều dưỡng, trong đó có điều chỉnh lại 03 học phần tiếng Anh từ 16 tín chỉ xuống còn 10 tín chỉ và thống nhất áp dụng với tất cả các CTĐT đại học của Trường, trong đó có CTĐT ngành KTXNYH [H2.2.1.8]. Năm học 2020-2021, Khoa Xét nghiệm tiếp tục tiến hành rà soát, cập nhật, chỉnh sửa CTĐT ngành KTXNYH. Tuy nhiên, do tình hình dịch COVID-19 diễn biến phức tạp, Nhà trường và giảng viên của Khoa phải tham gia công tác chống dịch nên hoạt động rà soát hiện nay chưa kịp hoàn thành theo kế hoạch đề ra [H2.2.1.9].

2. Điểm mạnh

Các thông tin trong bản mô tả CTĐT Cử nhân KTXNYH được trình bày cụ thể, rõ ràng, đầy đủ và cập nhật. Chương trình dành nhiều nội dung cho các hoạt động rèn

luyện kỹ năng tay nghề với 51,96% thời lượng kiến thức giáo dục chuyên nghiệp là thực hành tại bệnh viện và phòng thực hành.

3. Điểm tồn tại

Tiến trình đào tạo còn chưa đáp ứng nhu cầu học vượt, học sớm của người học.

4. Kế hoạch hành động

Khoa Xét nghiệm tập trung rà soát, điều chỉnh lại tiến trình đào tạo các HP thuộc các khối kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành đáp ứng nhu cầu học vượt, học sớm của người học, phấn đấu hoàn thành trước năm học 2021 - 2022.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí: 4/7 điểm.

Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả hiện trạng

Năm 2017-2018, Khoa Xét nghiệm tiến hành rà soát, chỉnh sửa và ban hành CTĐT cử nhân KTXNYH [H1.1.1.1], đồng thời tổ chức xây dựng Đề cương các HP theo quy trình và mẫu chuẩn được hướng dẫn tại Thông tư 07/2015 và các văn bản hướng dẫn của Trường ĐHKTYTHD [H2.2.2.1]. Các đề cương HP đều bao gồm đầy đủ các thông tin sau:

1. Thông tin chung về HP: phần thông tin chung về HP, bản đề cương đã mô tả rõ tên môn học/HP, mã số HP, số tín chỉ, điều kiện tiên quyết khi đăng ký HP, phân bổ số giờ, số tiết cụ thể để thực hiện HP.

2. Mục tiêu HP: Có mục tiêu về kiến thức, thái độ, kỹ năng góp phần vào cụ thể hóa mục tiêu của CTĐT.

3. Mô tả HP: ĐCCT đã mô tả rõ cấu trúc môn học/HP; các nội dung kiến thức và kỹ năng SV phải đạt được sau khi kết thúc HP

4. Nội dung chi tiết của HP và hướng dẫn thực hiện nội dung: mô tả tên bài, số tiết học lý thuyết, thực hành và lâm sàng; vị trí của bài giảng trong giáo trình. Lịch trình thực hiện HP: bài giảng được giảng vào thời gian nào, nội dung nào học lý thuyết trên lớp, thảo luận, làm bài tập và nội dung nào thực hành trên phòng thí nghiệm, bệnh viện.

5. Phương pháp giảng dạy: mỗi HP được thiết kế 1 hoặc 1 nhóm phương pháp giảng dạy phù hợp.

6. Tài liệu học tập: Mô tả các thông tin về nguồn học liệu (gồm các giáo trình, tài liệu chính và tài liệu tham khảo)

7. Phương pháp kiểm tra, đánh giá người học: mô tả rõ thành phần điểm, cách thức tính điểm, phương pháp thi lý thuyết, thực hành và các điều kiện được dự thi của người học.

8. Các quy định riêng của từng HP và các yêu cầu khác của GV và thông tin của GV tham gia giảng dạy HP.

Hàng năm, Nhà trường có thông báo về việc xây dựng kế hoạch dạy – học, trong đó có nội dung về rà soát, điều chỉnh nội dung CTĐT [H2.2.2.2]. Các khoa, bộ môn, trung tâm tham gia giảng dạy, đặc biệt Khoa Xét nghiệm đã tổ chức họp, căn cứ vào ý kiến các bên liên quan để điều chỉnh ĐCCT HP với các nội dung chủ yếu như: thay đổi chỉ tiêu lâm sàng, nội dung bài học để cập nhật các kỹ thuật mới, điều chỉnh phương pháp kiểm tra, đánh giá, bổ sung tài liệu dạy học thể hiện trong các ĐCCT HP các môn Đại cương (Tin học, Ngoại ngữ, GDTC, toán Xác suất thống kê) và một số HP của CTĐT ngành KTXNYH [H2.2.2.3]. Đặc biệt năm 2018 các ĐCCT được điều chỉnh lại theo mẫu chuẩn của Nhà trường, có bổ sung các nội dung như: CĐR HP, ma trận đáp ứng giữa HP, CĐR của HP với CĐR của CTĐT, ma trận đáp ứng giữa mục tiêu HP và CĐR của HP, ma trận đáp ứng giữa CĐR HP với nội dung giảng dạy và phương pháp kiểm tra đánh giá [H1.1.1.1].

2. Điểm mạnh

Đề cương của các HP được chuẩn hóa theo quy định của Trường ĐHKTYTHD. Các đề cương HP có đầy đủ các thông tin cần thiết cho người học. Mọi thông tin liên quan đến HP, cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra đánh giá… đều rõ ràng và cụ thể. ĐCCT được rà soát và chỉnh sửa hàng năm.

3. Điểm tồn tại

Việc rà soát và chỉnh sửa nội dung ĐCCT HP chưa có sự đóng góp ý kiến thường xuyên của người học.

4. Kế hoạch hành động

Hàng năm, sau khi kết thúc giảng dạy học phần, giảng viên giảng dạy CTĐT sẽ tổ chức họp lớp để lấy ý kiến SV về nội dung ĐCCT HP cũng như những vấn đề khác trong quá trình giảng dạy. Giảng viên hoàn chỉnh báo cáo học phần, đề xuất những điều chỉnh liên quan đến nội dung của học phần.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí: 5/7 điểm.

Tiêu chí 2.3. Bản mô tả CTĐT và đề cương các HP được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận

1. Mô tả hiện trạng

Thực hiện theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ban hành ngày 28/12/2017 về quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và Quy chế công khai của trường ĐHKTYTHD, CTĐT cử nhân KTXNYH đã được công khai trên Cổng thông tin điện tử của Nhà trường [H2.2.3.1,2]. Bên cạnh đó, CTĐT cử nhân KTXNYH còn được công khai trong cuốn Thông tin đào tạo theo học chế tín chỉ hàng năm, Sổ tay SV và được lưu giữ tại phòng QLĐT, khoa, bộ môn và trên website của trường để SV dễ dàng truy cập [H2.2.3.3]. CTĐT cũng được phổ biến tới SV trong tuần sinh hoạt công dân SV [H2.2.3.4].

Khi lên lớp vào đầu buổi học các kỳ, các GV giảng dạy các HP đều phải công bố ĐCCT HP cho SV, dành thời gian hướng dẫn về các thông tin HP, mục tiêu HP, tài liệu giảng dạy, tài liệu tham khảo, phương pháp tổ chức học tập để SV nắm bắt được cấu trúc HP, học liệu, phương pháp giảng dạy của GV để xây dựng phương pháp học tập cho bản thân mình [H2.2.3.5]. Bên cạnh đó, thực hiện Nghị định 111/2017/NĐ-CP ngày 05/10/2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, Nhà trường cũng chủ động có kế hoạch triển khai và phối hợp cùng với các bệnh viện từ tuyến huyện/tỉnh đến tuyến trung ương để gửi CTĐT cử nhân KTXNYH cũng như ĐCCT các HP thực tập lâm sàng, thực tế tốt nghiệp cho các bệnh viện xem xét, phối hợp tổ chức triển khai đào tạo thực tập lâm sàng, TTTN cho SV [H2.2.3.6,7].

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT ngành KTXNYH được công bố công khai trên website Nhà trường và ĐCCT các HP được gửi trực tiếp cho bên liên quan. Do đó, nhà tuyển dụng và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận, tạo cơ hội tăng cường hợp tác, gắn bó chặt chẽ giữa Viện – Trường trong đào tạo nhân lực KXNYH đáp ứng yêu cầu của xã hội.

3. Điểm tồn tại

Việc quảng bá thông tin về CTĐT cử nhân KTXNYH tới các bên có liên quan vẫn chưa được thực hiện một cách bài bản và chuyên nghiệp.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021 – 2022, Khoa Xét nghiệm phối hợp phòng QLĐT đẩy mạnh quảng bá thông tin về CTĐT cử nhân KTXNYH trên các tờ rơi, mạng xã hội, website để các bên liên quan có thể tiếp cận dễ dàng, thuận tiện.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí: 5/7 điểm.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả CTĐT ngành KTXNYH được công bố rõ ràng, đầy đủ, chuẩn hóa đáp ứng theo yêu cầu của các Bộ ngành và quy định của Trường ĐHKTYTHD. Bản mô tả CTĐT và các ĐCCT được điều chỉnh, bổ sung, cập nhật định kỳ dựa trên nhiều nguồn thông tin khác nhau. Bản mô tả CTĐT, ĐCCT HP đều được công khai cho NH để SV lựa chọn hợp lý cho lộ trình, kế hoạch học tập của bản thân theo từng học kỳ, năm và toàn khóa; được công bố công khai bằng một số hình thức và dễ tiếp cận...

Tuy nhiên, tiến trình đào tạo còn chưa đáp ứng nhu cầu học vượt, học sớm của người học. Việc rà soát và chỉnh sửa nội dung ĐCCT HP chưa có sự đóng góp ý kiến thường xuyên của giảng viên, người học. Việc quảng bá thông tin về CTĐT chưa được bài bản, chuyên nghiệp.

Kết quả tự đánh giá: Tiêu chuẩn 2 có 01 tiêu chí đạt 4/7 điểm; 02 tiêu chí đạt 5/7 điểm.

Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Mở đầu: Cấu trúc và nội dung CTDH cử nhân KTXNYH được thiết kế chủ yếu dựa trên chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Chương trình thể hiện sự cân bằng giữa các kiến thức đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành nhằm đạt được CĐR của NH và sự logic giữa các môn học. Nội dung chương trình cập nhật và có tính logic, liên kết giữa các môn học theo tiến trình phù hợp với khối ngành khoa học sức khỏe. Các phương pháp dạy và học, kiểm tra đánh giá SV được sử dụng để nhằm đảm bảo đạt CĐR của CTĐT, CĐR của từng HP.

Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học dựa trên chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

CTDH cử nhân KTXNYH được xây dựng trên cơ sở CĐR, mục tiêu đào tạo, bản mô tả CTĐT theo hướng dẫn của Nhà trường công bố năm 2018 sau khi được Hội đồng khoa học nghiệm thu [H1.1.1.1] bao gồm các nội dung:

① Cấu trúc khối kiến thức

② Danh sách các HP

③ Trình tự nội dung CTDH

④ Kế hoạch giảng dạy

⑤ Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các HP

Ở bản mô tả CTĐT này đã thể hiện rõ việc thiết kế CTDH dựa trên yêu cầu CĐR về kiến thức, kỹ năng, khả năng tự chủ, tự chịu trách nhiệm của CTĐT, từ đó thiết kế CĐR HP. Đồng thời dựa trên các CĐR này, CTDH đưa ra kế hoạch giảng dạy, tiến trình giảng dạy: ĐCCT HP, phương pháp giảng dạy, phương pháp học tập và các công cụ đánh giá trong CTĐT cũng như trong từng ĐCCT [H1.1.1.1]. Tất cả các HP trong CTDH đã bao trùm toàn bộ CĐR của CTĐT và mỗi CĐR gồm nhiều HP cấu thành [H1.1.1.1].

Bảng 3.1.1. Sự đáp ứng giữa HP với CĐR theo tiến trình giảng dạy

Học kì	Học phần	CĐR của CTĐT (ELO)															
		1	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**	**7**	**8**	**9**	**10**	**11**	**12**	**13**	**14**	**15**	**16**
1	Lý sinh		x												x	x	x
	Hóa học		x							x					x		
	Sinh học và di truyền		x			x											
	TH tổng hợp(KHCB)		x							x			x		x		
	Tin học cơ bản												x	x	x		x
	Tâm lý y học – Đạo đức nghề nghiệp			x							x				x		
	Tiếng Anh 1											x			x		x
	Những NL cơ bản của CN Mác - Lênin	x									x				x		
	GDTC1															x	x

Học kì	Học phần	CĐR của CTĐT (ELO)															
		1	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**	**7**	**8**	**9**	**10**	**11**	**12**	**13**	**14**	**15**	**16**
2	ATSH-XNCB		x	x		x		x		x					x		
	ĐDCB-CCBĐ			x			x								x		
	Kỹ năng mềm										x				x		x
	XSTK y học		x										x	x			x
	Giải phẫu- Sinh lý			x													
	Tiếng Anh 2											x			x		x
	Tư tưởng Hồ Chí Minh						x		x			x	x				
3	Hóa sinh 1					x		x	x	x							
	Huyết học 1					x		x	x								x
	Ký sinh trùng 1					x		x	x	x							x
	Vi sinh 1					x		x	x								
	Dược cơ sở			x		x									x		
	SLB –MD			x													x
	Tiếng Anh 3											x			x		x
	GDTC 2															x	x
4	Hóa sinh 2		x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		
	Huyết học 2					x		x	x								
	Ký sinh trùng 2					x		x	x	x							
	Vi sinh 2					x		x	x								
	BH Nội-Ngoại khoa			x		x	x	x							x		x
5	Hóa sinh 3			x		x		x		x	x	x		x		x	x
	Huyết học 3					x		x	x						x		x
	Vi sinh 3			x		x		x	x	x	x		x		x		
	TCQLYT-CTYTQG	x			x												
	Tế bào - mô bệnh học					x		x	x	x	x						
	Tiếng Anh 4											x			x		x
	Đường lối CM Đảng cộng sản	x													x		x
6	SK-NCSK			x	x						x					x	x
	PP NCKH1												x				
	Ký sinh trùng 3					x		x	x	x							

Học kì	Học phần	CĐR của CTĐT (ELO)															
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	Vi sinh miễn dịch					x		x	x	x	x		x		x		
	Vi sinh nấm thực phẩm					x		x	x	x	x		x		x		
	Hóa sinh lâm sàng			x		x				x	x	x			x		x
	Thực tập lâm sàng KTXN1					x		x	x								
	Y sinh học phân tử					x		x	x	x							
	Xét nghiệm tế bào					x		x	x	x	x				x	x	x
7	Dịch tế học và truyền nhiễm			x	x								x				
	PP NCKH2												x				
	Quản lý chất lượng XN					x				x					x		x
	Chống nhiễm khuẩn bệnh viện			x				x		x							
	Thực tập lâm sàng KTXN2					x		x	x								
	Bệnh lý tế bào máu					x		x	x						x		x
	Các kỹ thuật HH truyền máu chuyên sâu					x		x	x						x		x
	Một số kỹ thuật XN KST chuyên sâu					x		x	x	x							
8	Thực tập tốt nghiệp					x		x	x								

Trong quá trình xây dựng CTĐT, CTDH và ĐCCT HP, Nhà trường đã có hướng dẫn triển khai thực hiện với kế hoạch và biểu mẫu rõ ràng để GV dựa trên CĐR HP, thiết kế hoạt động dạy và học, phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra, đánh giá chi tiết cho từng môn học, buổi học với nhiều câu hỏi gợi mở tư duy, phát triển ý tưởng đóng góp vào bài học tương ứng đạt được các CĐR [H3.3.1.1]. Các khoa, bộ môn đã họp, giao nhiệm vụ cho từng GV có kinh nghiệm trong lĩnh vực của mình viết, sau đó họp xem xét thông qua các ĐCCT [H3.3.1.2]. CĐR của mỗi HP phải đáp ứng được một hoặc một số CĐR của CTĐT, đều được xây dựng để truyền tải về các kiến thức, kỹ năng, thái độ trong CĐR hoặc một số thành phần của CĐR [H1.1.1.1]. Quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ của Nhà trường cũng yêu cầu mỗi giờ

lý thuyết trên lớp, SV phải tự chuẩn bị tối thiểu 2 giờ ở nhà và cứ mỗi 2 giờ học tại phòng thực hành, SV sẽ phải tự nghiên cứu tối thiểu 1 giờ [H3.3.1.3]. Tùy theo vai trò và sự đóng góp cho CĐR của các HP trong CTDH, ĐCCT HP quy định rõ hình thức, trọng số điểm thành phần và điểm thi kết thúc HP mà GV lựa chọn phương pháp giảng dạy với từng nội dung, giúp NH nghĩ nhiều hơn, làm nhiều hơn, thảo luận nhiều hơn để thực hiện tốt mục tiêu đào tạo và đạt được CĐR. Các phương pháp được sử dụng chủ yếu: giảng dạy trực tiếp (thuyết giảng, câu hỏi gợi ý, trình diễn mẫu, ..), giảng dạy gián tiếp (giải quyết vấn đề, nghiên cứu tình huống, xây dựng ý tưởng,…), học tập trải nghiệm (mô phỏng thực tế, thí nghiệm…), giảng dạy tương tác (tranh luận, thảo luận…) và học tập độc lập (kế hoạch cá nhân, kế hoạch nghiên cứu...) [H1.1.1.1]. Các hình thức kiểm tra đánh giá đo đếm được đầy đủ CĐR của HP và bám sát theo CĐR của CTĐT, thể hiện qua ma trận đáp ứng giữa phương pháp kiểm tra đánh giá với CĐR HP, ma trận đáp ứng giữa CĐR HP và CĐR của CTĐT trong ĐCCT [H1.1.1.1]. Các hình thức đánh giá điểm HP gồm có:

+ Đánh giá ý thức học tập/điểm chuyên cần được đánh giá qua số tiết dự học, số buổi tham dự bài thực hành, tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học, được tính 5% nhằm đạt được các CĐR về mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

+ Điểm kiểm tra thường xuyên được đánh giá qua các bài kiểm tra lý thuyết, thực hành, báo cáo nhóm hoặc seminar hay bài tập lớn. Hình thức kiểm tra lý thuyết có thể là câu hỏi test, câu ngỏ ngắn, câu hỏi tình huống hoặc câu hỏi vấn đáp… và hình thức kiểm tra thực hành phụ thuộc vào quyết định của GV môn học, được quy định là 10% hoặc 25% (nếu không có bài kiểm tra giữa kì) nhằm đạt được các CĐR về kiến thức và kĩ năng.

+ Đánh giá giữa kì: có thể là các bài kiểm tra viết, hoặc bài kiểm tra kết hợp giữa câu hỏi test và câu hỏi tự luận. Việc lựa chọn hình thức đánh giá giữa kì phụ thuộc vào sự quyết định của GV môn học nhằm đạt được các CĐR về kiến thức và kĩ năng.

+ Đánh giá cuối kì: Có thể thi lý thuyết, thi thực hành hoặc kết hợp cả hai hình thức này đối với môn học có cả lý thuyết và thực hành. Đối với thi thực hành, GV có thể lựa chọn hình thức thi là thực hiện kỹ thuật hoặc chạy trạm. Buổi thi thực hành thường được tổ chức trước khi thi lý thuyết, nhằm đạt được các CĐR về kiến thức và kĩ năng và cả năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Đối với phần thi lý thuyết, thông

thường SV sẽ làm bài thi gồm câu hỏi test và câu hỏi tự luận (thông thường là các bài tập tình huống) nhằm đạt được các CĐR về kiến thức.

Tuy nhiên, Nhà trường chưa thực hiện đồng bộ đo lường, đánh giá mức độ người học đạt được các chuẩn đầu ra của học phần và CTĐT.

2. Điểm mạnh

CTDH được thiết kế theo hướng dẫn của Nhà trường một cách hệ thống, đảm bảo tỉ lệ hợp lí giữa các khối kiến thức, dựa trên CĐR của CTĐT. Các phương pháp kiểm tra đánh giá đo đếm được đầy đủ CĐR của HP và bám sát theo CĐR của CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa thực hiện đồng bộ đo lường, đánh giá mức độ người học đạt được các chuẩn đầu ra của học phần và CTĐT.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2021-2022, Nhà trường tổ chức tập huấn cho giảng viên toàn trường kỹ năng đo lường, đánh giá mức độ người học đạt được các chuẩn đầu ra của học phần và CTĐT; xây dựng Hướng dẫn đo lường, đánh giá mức độ người học đạt được các chuẩn đầu ra của học phần và CTĐT để thống nhất thực hiện trong toàn Trường.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí: 4/7 điểm.

Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng

1. Mô tả hiện trạng

CTĐT cử nhân KTXNYH ban hành năm 2018 có tổng số 52 HP, chưa kể các HP GDTC, GDQP. Khi thực hiện rà soát, điều chỉnh CTĐT, tất cả các HP đều phải xác định lại mức độ đóng góp cho việc đạt được CĐR của CTĐT, xây dựng ma trận đáp ứng giữa CĐR của HP và CĐR của CTĐT, thể hiện sự logic của các khối kiến thức [H3.3.2.1], [H1.1.1.1]. Các HP chung (Lý luận chính trị, tiếng Anh, Tin học, Giáo dục thể chất) nhằm đáp ứng CĐR kiến thức cơ bản về chính trị, pháp luật, quốc phòng, an ninh, kỹ năng vận dụng tiếng Anh A2 và sử dụng hiệu quả CNTT, rèn luyện sức khỏe tốt trong thực hành nghề nghiệp. Các môn cơ sở khối ngành và cơ sở ngành Xét nghiệm bao gồm các HP: Xác suất – Thống kê y học, Hóa học, Sinh học và Di truyền, Lý sinh, Nghiên cứu khoa học, Tâm lý y học – Đạo đức Xét nghiệm y học, Giải phẫu - Sinh lý, Sinh lý bệnh - Miễn dịch, Dược lý, Truyền nhiễm, Bệnh học Nội Ngoại, Sức

khỏe - Nâng cao sức khỏe,... đáp ứng CĐR về kiến thức y học cơ sở của con người và kiến thức về hệ thống y tế, chương trình y tế quốc gia về sức khỏe, nâng cao sức khỏe và dinh dưỡng, ATVSTP, dịch tễ, các bệnh truyền nhiễm và mô hình bệnh tật cơ bản làm nền tảng cho công việc thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm y học. Các môn chuyên ngành bao gồm các HP: Huyết học, Hóa sinh, Vi sinh, Ký sinh trùng, Tế bào – Mô bệnh học, Xét nghiệm tế bào, Y sinh học phân tử… đáp ứng CĐR các kiến thức cơ bản và chuyên sâu trong lĩnh vực Xét nghiệm, thực hiện thuần thục và phân tích được được các kỹ thuật xét nghiệm cơ bản và một số kỹ thuật chuyên sâu theo chuẩn phòng thí nghiệm và tại cộng đồng [H1.1.1.1]. Khối kiến thức cơ sở ngành như môn Xét nghiệm cơ bản - An toàn sinh học và chuyên ngành làm nền tảng cho công việc thực hiện kỹ thuật xét nghiệm cơ bản và một số kiến thức chuyên sâu về các lĩnh vực Huyết học, Hóa sinh, Vi sinh - Ký sinh trùng, Xét nghiệm tế bào. Những kiến thức này giúp cho SV có kiến thức và kỹ năng tổ chức, thực hiện và quản lý tốt các quá trình xét nghiệm để cho ra các kết quả chính xác, tin cậy, kịp thời và đồng thời có kỹ năng tham gia vào NCKH.

Mỗi HP đều có các hình thức kiểm tra đánh giá được lựa chọn phù hợp để đảm bảo việc đạt được CĐR HP cũng như CĐR CTĐT. 100% các HP trong CTDH cũng đã xác định được phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp. Với các HP giáo dục đại cương đáp ứng CĐR kiến thức, hình thức thường là thi viết, tự luận kết hợp trắc nghiệm, còn với các HP cơ sở ngành, chuyên ngành, hình thức đánh giá có sự đa dạng: vấn đáp, bài tiểu luận, chạy trạm, thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm hoặc thi tay nghề trên bệnh nhân nhằm đánh giá kỹ năng, thái độ và phần vấn đáp đánh giá về kiến thức; phương pháp kiểm tra đánh giá của mỗi HP được nêu trong mục 11.1 của từng ĐCCT [H1.1.1.1].

CTDH được lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan: các GV trong bộ môn, ý kiến của SV, cựu SV, chuyên gia và các nhà tuyển dụng tại các bệnh viện [H3.3.2.2]. Các bản ĐCCT HP khi tiến hành xây dựng được góp ý của Ban tham gia rà soát, điều chỉnh là những chuyên gia trong lĩnh vực ngành Xét nghiệm, những người làm về công tác đào tạo, kiểm định, giảng viên có uy tín, kinh nghiệm trong giảng dạy và quản lý và được thẩm định bởi Hội đồng Khoa học và đào tạo của Nhà trường [H3.3.2.2]. Tổng hợp các ý kiến các bên liên quan đều cho thấy CTDH có nội dung liên quan mật thiết đến CĐR.

2. Điểm mạnh

CTDH đã thể hiện rõ sự đóng góp của mỗi HP trong việc đạt được CĐR. Mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá mỗi HP được thiết kế phù hợp với CĐR.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến góp ý, phản hồi của nhà tuyển dụng về sự đóng góp của từng HP trong việc đạt được CĐR chưa thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

Trong thời gian tới, định kỳ hai năm một lần, Khoa phối hợp với Phòng QLĐT, KT&BĐCLGD lấy ý kiến góp ý, phản hồi của nhà tuyển dụng về sự đóng góp của mỗi HP trong việc đạt được CĐR.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí: 5/7 điểm.

Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic, nội dung cập nhật và có tính tích hợp

1. Mô tả hiện trạng

CTDH cử nhân KTXNYH được thiết kế có cấu trúc chặt chẽ theo một trình tự logic, bao gồm các khối kiến thức như sau: khối kiến thức giáo dục đại cương (41/143TC), khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp chiếm 102/143 TC gồm kiến thức cơ sở ngành (24 TC) và kiến thức chuyên ngành + tự chọn (70 TC), thực tế tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp (8TC) [H1.1.1.1]. Cấu trúc các HP trong khối HP cơ sở và HP chuyên ngành được xây dựng có sự gắn kết, liền mạch, tạo thành một khối thống nhất. Tỉ lệ giữa khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp gấp 2,49 lần khối kiến thức giáo dục đại cương, chiếm 71,33% CTĐT, phần thực tập lâm sàng, thực tập tốt nghiệp và khóa luận tốt nghiệp là 16 tín chỉ chiếm 11,19% CTĐT [H1.1.1.1].

Mối quan hệ giữa các HP cơ bản, chuyên ngành trong nhóm HP bắt buộc và HP tự chọn được xây dựng dựa trên trình tự logic. Dựa vào logic đó, mỗi HP đều có HP tiên quyết, được thể hiện rõ trong bản mô tả CTĐT, trong từng ĐCCT và trong tiến trình đào tạo [H1.1.1.1]. Cụ thể là: các HP thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương được bố trí giảng dạy trong năm thứ nhất và thứ hai là điều kiện tiên quyết của các HP khối kiến thức chuyên ngành học ở năm thứ ba và thứ tư. Việc xác định môn học tiên quyết đóng vai trò hết sức quan trọng đối với các CTĐT vì môn học tiên quyết vừa

đảm bảo cung cấp kiến thức nền tảng chung cho cả CTĐT đồng thời vừa đảm bảo cung cấp kiến thức cho môn học tiếp theo (tính kế thừa giữa các môn học). Các HP được thiết kế trong CTDH theo trình tự hợp lý và khoa học, liên kết chặt chẽ với nhau, đi từ đơn giản đến phức tạp, từ lý thuyết đến thực hành, từ cơ bản đến chuyên sâu [H1.1.1.1].

Các ĐCCT ngành KTXNYH được chỉnh sửa và cập nhật những vấn đề mới liên quan. Năm 2012 - 2013, theo yêu cầu rà soát CTĐT của Nhà trường, bộ môn Chính trị đã tổ chức xây dựng HP Kỹ năng mềm 03 TC cho các CTĐT [H3.3.3.1]. Trong quá trình xây dựng, GV giảng dạy được Trung tâm Phát triển kỹ năng con người Tâm Việt đào tạo và cấp chứng chỉ [H3.3.3.2]. Nội dung giảng dạy được GV biên soạn trên cơ sở tham khảo tài liệu giảng dạy của Trung tâm Tâm Việt và các tài liệu liên quan đến Kỹ năng mềm trong và ngoài nước [H3.3.3.3]. Năm 2014, có sự thay đổi của nội dung phần kiến thức giáo dục Đại cương như sau: Bộ môn Ngoại ngữ Tin học đề nghị thay đổi nội dung giảng dạy môn Tin học, cập nhật nội dung giảng dạy theo phần mềm SPSS 16.0 thay cho phần mềm Epi đã cũ, đồng thời các HP ngoại ngữ được chuyển từ đào tạo theo TOEIC sang đào tạo theo chuẩn A2 [H3.3.3.4]; phần kiến thức chuyên ngành khoa tích hợp nội dung An toàn sinh học với Xét nghiệm cơ bản thành HP Xét nghiệm cơ bản – An toàn sinh học 3 TC, bổ sung thêm HP Đảm bảo chất lượng xét nghiệm Hóa sinh - Huyết học 3 TC, HP XNTB 3 TC bỏ 1 TC lý thuyết thành 2 TC, Hóa sinh 2 từ 3 thành 4 TC, nâng số tín chỉ các HP chuyên ngành bắt buộc lên 64 TC [H3.3.3.5]. Năm 2015, trong khuôn khổ dự án QMS, GV thuộc Khoa Xét nghiệm của Nhà trường cùng với cán bộ, GV thuộc bộ môn Huyết học – Sinh hóa của Viện Quân Y 103, bộ môn Sinh hóa của Trường Đại học Y – Dược thành phố Hồ Chí Minh, bệnh viện đa khoa Quảng Ninh, Khoa Xét nghiệm trung tâm phòng chống HIV/AIDS, Viện Vệ sinh dịch tễ trung ương, Viện huyết học truyền máu trung ương… cũng cập nhật các kiến thức mới từ Viện tiêu chuẩn Lâm sàng và Xét nghiệm Hoa Kỳ - CLSI, Trung tâm kiểm soát và phòng ngừa dịch bệnh Hoa Kỳ đã tham gia điều chỉnh, cập nhật nội dung và đổi tên thành Quản lý chất lượng Xét nghiệm trong CTĐT cử nhân KTXNYH [H3.3.3.6]. Năm 2016 - 2017, Nhà trường tiếp tục điều chỉnh HP Tin học có tham khảo CTĐT chuẩn công nghệ thông tin 6 bậc của Bộ Thông tin – Truyền thông xây dựng. Nội dung HP Tin học khi xây dựng được sự góp ý kiến của GV giảng dạy tại các trường Đại học Y Thái Nguyên, Đại học Y Hà Nội, Viện Công nghệ Thông tin –

Đại học Quốc gia Hà Nội [H3.3.3.7]. Cũng trong năm học 2016 - 2017, HP Giáo dục thể chất cũng có thay đổi từ 3 HP (3 TC) sang còn 2 HP [H3.3.3.8]. Năm 2018, CTDH cử nhân KTXNYH được chỉnh sửa có tham khảo các CTĐT các trường Y trong nước cùng đào tạo chuyên ngành Xét nghiệm như Trường Đại học Y Hà Nội, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng, Trường Đại học Y Dược – ĐH Huế, Trường Đại học Nam Cần Thơ và tham khảo 4 trường đại học trên thế giới như trường SAIT, Dunia - Ấn Độ, R MIT của Australia, Cambrian - Canada để thay đổi, bổ sung các các môn học trong chuyên ngành cho phù hợp [H3.3.3.9]. Một số ĐCCT được cập nhật các kiến thức chuyên ngành như HP Vi sinh Miễn dịch 2 tín chỉ thay cho HP Độc chất học lâm sàng 2 tín chỉ [H3.3.3.10]. Năm học 2019 - 2020, thực hiện hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, chương trình giảng dạy các học phần lý luận chính trị gồm 10 tín chỉ chia làm 3 học phần được điều chỉnh thành 11 tín chỉ chia làm 05 học phần [H3.3.3.11]. Cũng trong năm học này, thực hiện dự án Giáo dục đào tạo nhân lực y tế phục vụ cải cách hệ thống y tế (HPET), Nhà trường đã xây dựng mới CTĐT cử nhân Điều dưỡng, trong đó có điều chỉnh lại 03 học phần tiếng Anh từ 16 tín chỉ xuống còn 10 tín chỉ và thống nhất áp dụng với tất cả các CTĐT đại học của Trường, trong đó có CTĐT ngành KTXNYH [H3.3.3.12].

2. Điểm mạnh

Các HP được thiết kế trong CTDH theo trình tự hợp lý và khoa học, liên kết chặt chẽ với nhau, đi từ đơn giản đến phức tạp, từ lý thuyết đến thực hành, từ cơ bản đến chuyên sâu. CTDH khi điều chỉnh được tham khảo CTĐT tiên tiến trong nước và nước ngoài.

3. Điểm tồn tại

Tính tích hợp giữa các HP trong chương trình chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2020 – 2021, Khoa phối hợp với Phòng QLĐT tiến hành cập nhật nội dung CTĐT nhằm tăng tính tích hợp giữa các HP nhiều hơn.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí: 4/7 điểm.

Kết luận về Tiêu chuẩn 3: CTDH được thiết kế theo hướng dẫn của Nhà trường một cách hệ thống từ Trường đến Khoa và đến từng GV. Các phương pháp kiểm tra đánh giá đo đếm được đầy đủ CĐR của HP bám sát theo CĐR của CTĐT.

CTDH được thiết kế logic, theo trình tự hợp lý và có hệ thống, chặt chẽ giữa các khối kiến thức và các HP. Nội dung các HP được cập nhật và có tính tích hợp nhằm đảm bảo cho SV được tiếp cận các kiến thức theo trình tự từ cơ bản đến chuyên sâu, từ đơn giản đến phức tạp, từ khối lĩnh vực rộng đến kiến thức chuyên ngành hẹp. Nội dung của các HP cơ sở và HP chuyên ngành phù hợp, bổ trợ lẫn nhau. Tuy nhiên, Nhà trường chưa thực hiện đồng bộ đo lường, đánh giá mức độ người học đạt được các chuẩn đầu ra của học phần và CTĐT. Tính tích hợp giữa các HP trong CTDH chưa nhiều. CTDH chưa được rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật bài bản, thông qua lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan.

Kết quả tự đánh giá: Tiêu chuẩn 3 có 02 tiêu chí đạt 4/7 điểm; 01 tiêu chí đạt 5/7 điểm.

Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mở đầu: Khoa Xét nghiệm cũng như nhiều khoa khác trong Trường ĐHKTYTHD chọn cách tiếp cận lấy NH làm trung tâm để tiến hành tổ chức các hoạt động dạy - học và cải tiến chất lượng CTĐT. Đồng thời các hoạt động dạy và học này đều được thiết kế dựa trên Triết lý giáo dục của Nhà trường, mục tiêu đào tạo của CTĐT và các CĐR đã công bố. Các GV của Nhà trường đã sử dụng tổ hợp các phương pháp dạy học tích cực, các hoạt động học tập cũng đã được thiết kế để phù hợp với từng HP, đặc thù của khối ngành Khoa học sức khỏe. Nhà trường đã áp dụng phương thức đào tạo theo HCTC ngay từ năm học 2010-2011. Đây là phương thức đào tạo linh hoạt, đáp ứng được nhu cầu học tập ngày càng đa dạng của người học. Khoa Xét nghiệm đã chú trọng xây dựng, sử dụng các phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá đa dạng nhằm đạt được các yêu cầu của CĐR, phát triển tính chủ động sáng tạo trong học tập, rèn luyện kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học. Nội dung của Triết lý giáo dục, cách tiếp cận, các hoạt động dạy - học và CĐR của chương trình được mỗi GV và SV hiểu rõ để thực hiện tốt vai trò, nhiệm vụ của mình.

Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHKTYTH được Bộ GD&ĐT, Bộ Y tế giao nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực y tế có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có năng lực nghề nghiệp. Từ những năm đầu lên đại học, Trường ĐHKTYTHD đã sớm xác định mục tiêu giáo dục của

Trường thông qua Quyết định công bố "Sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi" năm 2010 và được sửa đổi vào năm học 2016-2017 [H4.4.1.1-2]. Mục tiêu giáo dục (Triết lý giáo dục) được thể hiện thông qua các giá trị cốt lõi ban hành năm 2017 với 8 chữ đầu viết tắt ĐHKTYTH: ***"Đoàn kết thống nhất - Hợp tác, phát triển - Kỷ cương, trách nhiệm - Thực hành chuyên nghiệp - Y đức, lễ phép - Tư duy đổi mới - Học tập suốt đời - Dịch vụ chu đáo"***. Các giá trị cốt lõi này để hướng đến mục tiêu đào tạo người cán bộ y tế có năng lực thực hành chuyên nghiệp, có kỷ cương, trách nhiệm với công việc, có y đức, tư duy đổi mới năng động, tích cực, luôn tự hào với nghề nghiệp và học tập suốt đời để có đủ năng lực chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Một số giá trị cốt lõi mà thể hiện rõ mục tiêu giáo dục của Nhà trường như ***"Thực hành chuyên nghiệp", "Y đức, lễ phép", "Tư duy đổi mới", "Học tập suốt đời"***. Tháng 7/2019, để thực hiện việc cải tiến chất lượng giáo dục, Nhà trường đã xây dựng và ban hành Triết lý giáo dục với nội dung: ***"Giáo dục toàn diện - Chuẩn mực - Hợp tác - Sáng tạo"*** thể hiện rõ quan điểm cốt lõi định hướng mục tiêu giáo dục, từ đó định hướng phương pháp giảng dạy, vai trò và hoạt động giảng dạy của GV và người học. Triết lý giáo dục Nhà trường hướng đến là đào tạo nguồn nhân lực y tế phải đủ 4 tiêu chí: Đức - Trí - Thể - Mỹ, trong đó y đức là gốc. Trong đào tạo, phải đảm bảo chất lượng giáo dục và CTĐT, đào tạo dựa trên năng lực và CĐR. Trong khám chữa bệnh và phục vụ đào tạo, phải theo tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy chế, quy định… Quá trình giáo dục phải có sự hợp tác giữa thầy với thầy, thầy với trò, Nhà trường và gia đình người học, giữa thầy thuốc với người bệnh và gia đình người bệnh, giữa Nhà trường với các bệnh viện, viện nghiên cứu và các cơ sở y tế, hợp tác trong nước và nước ngoài trong lĩnh vực đào tạo, NCKH và dịch vụ y tế vì lợi ích chung, cùng nhau phát triển. Triết lý giáo dục mới của Nhà trường đề cao sự sáng tạo, hình thành nền kinh tế tri thức, đặc biệt là thực hiện cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, từ đó tạo ra nguồn nhân lực có năng lực tư duy và sáng tạo, đổi mới, có kỹ năng phân tích và tổng hợp thông tin, tư duy phản biện, khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm và ra quyết định dựa trên cơ sở phân tích các bằng chứng và dữ liệu [H4.4.1.3].

Các Giá trị cốt lõi ban hành năm 2010, 2017 cũng như Triết lý giáo dục ban hành năm 2019 đều được các CBGV, NH hiểu rõ và là căn cứ thực hiện theo. Cụ thể, ***"Tư duy đổi mới"*** được thể hiện trong việc Trường ĐHKTYTHD đã sớm chuyển đổi từ hình thức đào tạo niên chế sang đào tạo tín chỉ, ban hành Quyết định 510[a]/QĐ-ĐHKTYTHD ngày 28/10/2010 áp dụng CTĐT theo HCTC cho 4/4 CTĐT đại học và

7/7 CTĐT cao đẳng trường đang đào tạo tại thời điểm đó, trong đó có CTĐT cử nhân KTXNYH [H4.4.1.4]. Năm học 2012-2013, Nhà trường tiếp tục bổ sung HP Kỹ năng mềm vào CTĐT để cung cấp các kỹ năng giúp SV học tập suốt đời [H4.4.1.5]. Năm học 2014-2015, Khoa Xét nghiệm đã điều chỉnh HP Xét nghiệm cơ bản – Kiểm tra chất lượng Xét nghiệm tách thành 02 HP là An toàn sinh học – Xét nghiệm cơ bản và Quản lý chất lượng xét nghiệm, trong đó HP Quản lý chất lượng xét nghiệm được giảng dạy theo mô hình của CDC/WHO [H4.4.1.6]. Triết lý ***"Học tập suốt đời", "Thực hành chuyên nghiệp"*** được thể hiện rõ trong CĐR của CTĐT mà cả thầy và trò đều thực hiện theo [H4.4.1.7]. Nội dung, phương pháp giảng dạy được lựa chọn đều hướng đến lấy người học làm trung tâm, tăng cường các hoạt động làm việc nhóm, phát triển năng lực tư duy và sáng tạo, đổi mới, có kỹ năng phân tích và tổng hợp thông tin, tư duy phản biện và ra quyết định dựa trên cơ sở phân tích các bằng chứng và dữ liệu [H4.4.1.8]. Kết quả khảo sát SV trước tốt nghiệp của Khoa Xét nghiệm năm 2019 với tiêu chí "Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu đào tạo của Trường được quán triệt, giải thích rõ ràng cho SV" đạt mức tốt 4 điểm (tính theo thang điểm 5) [H4.4.1.9].

Quá trình rà soát sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu, giá trị cốt lõi năm 2017 và xây dựng triết lí giáo dục năm 2019 được Nhà trường triển khai lấy ý kiến góp ý rộng rãi của CBVC, SV, cựu SV, người sử dụng lao động... Tuy nhiên việc lấy ý kiến góp ý của chuyên gia trong lĩnh vực giáo dục thì chưa được nhiều. Sau khi ban hành, các nội dung này được công khai trên website của Nhà trường, được in trong các ấn phẩm, tài liệu của trường như cuốn Thông tin đào tạo theo học chế tín chỉ, Bản tin kỹ thuật Y học, Kế hoạch năm học hàng năm của trường, các ấn phẩm Báo Sức khỏe đời sống, Báo Sức khỏe cộng đồng, Pháp luật Việt Nam [H4.4.1.10]. Các văn bản này được gửi đến các đơn vị trong toàn trường. Ngoài ra, nội dung giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục được phổ biến đến toàn thể SV vào tuần sinh hoạt công dân - sinh viên, phổ biến đến CBVC toàn cơ quan trong các buổi họp cơ quan [H4.4.1.11].

2. Điểm mạnh

Giá trị cốt lõi của Trường được tuyên bố rõ ràng từ rất sớm (năm 2010), được rà soát, điều chỉnh và phổ biến tới tất cả các bên liên quan bằng nhiều hình thức phong phú.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù Triết lý giáo dục ban hành năm 2019 đã lấy ý kiến rộng rãi của các bên liên quan nhưng ý kiến của chuyên gia trong lĩnh vực giáo dục thì chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021 – 2022, Nhà trường tiếp tục lan tỏa rộng rãi triết lý giáo dục đến SV, GV, nhà tuyển dụng, chuyên gia trong lĩnh vực giáo dục và tiếp thu ý kiến góp ý để hoàn thiện.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí: 5/7 điểm.

Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

Năm 2013, Nhà trường đã ban hành CĐR và CTĐT cho các chuyên ngành đang đào tạo [H4.4.2.1]. Năm 2018, theo sự chỉ đạo của Nhà trường, Khoa Xét nghiệm cải tiến, điều chỉnh CTĐT và CĐR với 16 CĐR bao gồm: 05 CĐR về kiến thức; 08 CĐR kỹ năng chuyên môn và 03 CĐR thể hiện năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm [H1.1.1.1]. Năm 2018, ĐCCT HP được bổ sung các ma trận đáp ứng giữa mục tiêu và CĐR của HP và CĐR của CTĐT, giữa CĐR của HP với nội dung chương mục và phương pháp giảng dạy [H4.4.2.2]. Các GV tham gia giảng dạy tiến hành xây dựng tổ hợp các phương pháp dạy học đa dạng nhằm đạt được các CĐR [H4.4.2.3]. Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được áp dụng là: thuyết trình tích cực, thảo luận nhóm, thảo luận ca bệnh lâm sàng, dạy học dựa trên tình huống, dạy học theo dự án, lớp học đảo ngược, phương pháp đóng vai… Các môn lý thuyết, GV sử dụng phối hợp nhiều phương pháp như thuyết trình, động não, làm việc nhóm, lớp học đảo ngược… để đạt được các CĐR phù hợp. Các HP tiếng Anh được tăng giờ thảo luận và các buổi seminar [H4.4.2.4]. Các môn có nội dung thực hành, lâm sàng được dạy trên nhóm nhỏ (15-20 SV), được các thầy cô thực hiện thao tác mẫu, tổ chức thảo luận ca bệnh lâm sàng, uốn nắn, kèm cặp trực tiếp trên từng bài tương ứng từng kỹ thuật. Các HP thực tập lâm sàng, TTTN bắt đầu từ kỳ 2 năm thứ 3 trở đi, được tổ chức học tập tại các Khoa Xét nghiệm của các bệnh viện tại khu vực Hải Dương hoặc Hà Nội, đáp ứng yêu cầu của 4 chuyên ngành sâu (Huyết học, Hóa sinh, Vi sinh, Ký sinh trùng) nhằm giúp cho SV thực hành nghiên cứu, tiếp cận và hiểu thực tiễn, hình thành thái độ đúng đắn và rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp, nhằm đạt được CĐR HP về mặt kỹ năng và năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Việc thực tập lâm sàng, TTTN của SV tuân theo các tiêu chí cụ thể (cả về kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm)

được nêu rõ trong ĐCCT HP và được lập kế hoạch, giám sát bởi GV của Khoa Xét nghiệm và cán bộ tại cơ sở y tế. Hàng năm, song song việc TTTN, Khoa lựa chọn các SV có thành tích học tập tốt tham gia làm khóa luận tốt nghiệp, giúp các em phát triển chuyên sâu về cả kiến thức chuyên môn và các kỹ năng NCKH [H4.4.2.5].

Để áp dụng được phương pháp giảng dạy đa dạng, đạt được CĐR, Nhà trường đã chú trọng, tạo điều kiện cho GV tham gia vào các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm: Hiện tại 100% GV tham gia giảng dạy đều được đào tạo nghiệp vụ sư phạm [H4.4.2.6]. Ngoài ra, hằng năm, Nhà trường đã phối hợp tổ chức và cử GV tham gia các cuộc hội thảo chuyên ngành, các lớp tập huấn về năng lực giảng dạy giúp GV cập nhật kiến thức chuyên môn, chia sẻ học tập kinh nghiệm trong giảng dạy, xây dựng tổ hợp công nghệ dạy - học/phương pháp dạy – học đa dạng, hiệu quả [H4.4.2.7]. Trong tuần sinh hoạt công dân - sinh viên, Nhà trường cũng phổ biến phương pháp học tập ở bậc đại học cho SV năm đầu. Ngoài ra, trong quá trình học tập tại trường, SV của Khoa Xét nghiệm còn được các thầy cô CVHT hướng dẫn phương pháp học tại các buổi họp lớp, các thầy cô phụ trách HP hướng dẫn trong quá trình học trên lớp [H4.4.2.8]. Nhà trường cũng sớm đưa vào CTĐT HP Kỹ năng mềm từ năm 2012, cung cấp cho SV ngay từ năm đầu các kỹ năng học và tự học; tìm kiếm và xử lý thông tin; lập kế hoạch, tổ chức công việc và quản lý thời gian; làm việc nhóm; giao tiếp, ứng xử; thuyết trình; tư duy phản biện và kỹ năng quản lý [H4.4.2.9]. Tuy nhiên, một số SV năm đầu còn bỡ ngỡ với các phương pháp dạy học hiện đại, chưa chủ động trong việc tự học, tự nghiên cứu kiến thức.

Hằng năm vào cuối các học kỳ, Phòng KT&BĐCLGD triển khai lấy ý kiến SV về hoạt động giảng dạy của GV (nội dung HP, phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá) [H4.4.2.10]. Kết quả khảo sát cho thấy tỉ lệ cao SV đồng ý với phương pháp giảng dạy của GV. Căn cứ kết quả khảo sát, Khoa cũng tổ chức họp, xây dựng kế hoạch phát huy điểm mạnh, khắc phục những vấn đề tồn tại theo ý kiến phản ánh của SV [H4.4.2.11]. Ngoài ra, Khoa Xét nghiệm cũng tổ chức dự giờ giảng của GV trong khoa hàng năm, các GV góp ý kiến cho nhau để hoàn thiện phương pháp giảng dạy [H4.4.2.12].

Do tình hình diễn biến dịch COVID-19 phức tạp, để đảm bảo tiến trình đào tạo, Nhà trường đã chuyển đổi hình thức giảng dạy các học phần lý thuyết theo hình thức dạy học online phù hợp với từng giai đoạn. Trường đã tổ chức tập huấn, hướng dẫn cho giảng viên sử dụng phần mềm Zoom, Microsoft Teams và bố trí đội ngũ kỹ sư

CNTT hỗ trợ giảng viên trong quá trình giảng dạy [H4.4.2.13,14]. Nhà trường cũng ban hành Quy định về đào tạo trực tuyến, Hướng dẫn xây dựng nội dung khóa học trực tuyến để làm căn cứ giúp các khoa, bộ môn chuyển đổi hình thức đào tạo linh hoạt hơn [H4.4.2.15].

2. Điểm mạnh

PPDH được lựa chọn có tính đa dạng, hiện đại, giúp đạt được các tiêu chí của CĐR ra về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm.

3. Điểm tồn tại

Một số SV năm đầu còn bỡ ngỡ với các phương pháp dạy học hiện đại, chưa chủ động trong việc tự học, tự nghiên cứu kiến thức.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021 - 2022, CVHT và GV của Khoa Xét nghiệm cần tăng cường hướng dẫn phương pháp học tập cho SV, đặc biệt là SV năm đầu với nhiều hình thức đa dạng: thông qua các buổi họp lớp, trao đổi riêng hoặc tổ chức các hội thảo để người học nắm bắt và thay đổi tư duy theo cách thức học tập trong môi trường đại học.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí: 5/7 điểm.

Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học

1. Mô tả hiện trạng

CTĐT cử nhân KTXNYH của trường gồm 51 HP, trong đó phân chia thành các môn cơ sở, cơ sở ngành và chuyên ngành, tất cả ĐCCT đều được viết theo mẫu chung của Nhà trường [H4.4.3.1]. Tất cả các HP chuyên ngành đều bao gồm nội dung học lý thuyết và thực hành giảng dạy song song. ĐCCT môn học đều nêu rõ được tổ hợp các phương giảng dạy/học tập nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm [H1.1.1.1]. Cụ thể, tổ hợp các phương pháp giảng dạy bao gồm: thuyết trình, phát vấn rèn luyện khả năng lắng nghe, truyền thụ kiến thức lý thuyết mang tính hệ thống cũng như rèn luyện hệ thống kỹ năng cơ bản; hoạt động thảo luận nhóm, lớp học đảo ngược rèn luyện cho SV kỹ năng hợp tác giải quyết vấn đề, truyền đạt ý kiến của mình với người khác, khả năng tự học, tự nghiên cứu; phương pháp thao tác mẫu, thảo luận ca bệnh lâm sàng giúp cho SV làm quen với tình huống thực tế, rèn luyện khả năng phân tích tổng hợp thông tin; dạy học theo dự án phát huy tính tự lực và tính trách nhiệm, phát triển khả năng sáng tạo,

rèn luyện khả năng giải quyết những vấn đề phức hợp, rèn luyện tính bền bỉ và kiên nhẫn, rèn luyện năng lực cộng tác làm việc, rèn luyện năng lực đánh giá… Thực hành tại các phòng thí nghiệm, thực hành lâm sàng tại bệnh viện kết hợp với các khóa TTTN giúp SV rèn luyện các kỹ năng chuyên môn, tăng cường khả năng giải quyết vấn đề thực tế, nâng cao khả năng tự khám phá kiến thức, làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học [H4.4.3.2].

Để tạo điều kiện thúc đẩy khả năng học tập suốt đời của SV, ngoài việc đào tạo kiến thức cơ sở và chuyên môn, CTĐT cử nhân KTXNYH còn bao gồm môn học Kỹ năng mềm và 2 HP Phương pháp NCKH. HP Kỹ năng mềm trang bị cho SV kiến thức về các kỹ năng: học và tự học; tìm kiếm và xử lý thông tin; lập kế hoạch, tổ chức công việc và quản lý thời gian; làm việc nhóm; giao tiếp, ứng xử; thuyết trình; tư duy phản biện và kỹ năng quản lý. Với HP Phương pháp NCKH 1, SV được trang bị những kiến thức cơ bản về NCKH (các thuật toán, phương pháp thống kê dùng trong nghiên cứu, cách xác định mục tiêu và xây dựng đề cương chung cho 1 đề tài NCKH). HP Phương pháp NCKH 2 được áp dụng phương pháp dạy học theo dự án, SV sẽ tiến hành nghiên cứu và viết báo cáo về 1 vấn đề cụ thể [H1.1.1.1].

Các HP giảng dạy trong CTĐT cử nhân KTXNYH đều nhấn mạnh tới hoạt động tự học của SV. Trong mô tả HP, ĐCCT mỗi HP đều xác định điều kiện tiên quyết đối với HP đó nhằm giúp người học có kế hoạch học tập cụ thể. Cụ thể, ĐCCT yêu cầu rõ thời gian tự học ngoài lớp học (1 giờ giảng chính khóa yêu cầu 2 giờ tự học), các hoạt động của SV cũng được yêu cầu rõ: tự đọc tài liệu trước (nêu rõ nội dung, tài liệu tham khảo), chuẩn bị những ý kiến thắc mắc để GV giải đáp khi lên lớp [H1.1.1.1]. Bên cạnh đó, để đáp ứng CĐR và mong muốn của người học, nội dung chương trình đã được điều chỉnh theo hướng giảm số giờ lý thuyết, tăng cường thực hành, tăng thực tập lâm sàng và TTTN tại các cơ sở y tế. Tỉ lệ % số tín chỉ thực hành, lâm sàng, TTTN chiếm 42,36%.

Nhà trường cũng thường xuyên tổ chức các buổi hội thảo chuyên môn, thảo luận chuyên đề, hội nghị khuyến khích SV tham gia để học hỏi thêm kiến thức, định hướng phương pháp học tập nghiên cứu [H4.4.3.3]. Ngoài ra, SV còn được khuyến khích nghiên cứu khoa học cùng giảng viên, khuyến khích SV làm khóa luận tốt nghiệp để biết được phương pháp NCKH và thúc đẩy SV NCKH [H4.4.3.4]. Tuy nhiên, số đề tài NCKH, sáng kiến của SV còn chưa nhiều. Số đề tài NCKH của SV Khoa Xét nghiệm trong năm học 2017-2018, 2018-2019 là 4 đề tài NCKH.

GV sử dụng thành thạo, hiệu quả tổ hợp các phương pháp giảng dạy nhằm hỗ trợ người học rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời. Nhà trường đã tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho GV, các hội thảo về phương pháp giảng dạy lâm sàng, áp dụng công nghệ thông tin vào hoạt động giảng dạy và nghiên cứu [H4.4.3.5]. Hơn nữa, Khoa Xét nghiệm hàng năm đều tổ chức dự giờ giảng của GV nhằm góp ý về phương pháp giảng dạy, phương thức truyền đạt kiến thức cho SV [H4.4.3.6]. Tất cả các GV kết thúc thử việc, tham gia giảng dạy, trước khi đứng lớp đều được dự giờ giảng để góp ý về kiến thức và phương pháp giảng dạy để truyền đạt kiến thức cho SV một cách tốt nhất [H4.4.3.7].

Khảo sát người học đang học và tốt nghiệp về phương pháp giảng dạy với các tiêu chí: phương pháp giảng dạy của GV giúp phát huy tính sáng tạo, khả năng nghiên cứu độc lập của SV; GV giúp SV phát triển kỹ năng mềm như thuyết trình, làm việc nhóm thì số ý kiến rất đồng ý và đồng ý đạt trên 90% [H4.4.3.8]. Một số khảo sát ý kiến từ nhà sử dụng lao động về hiệu quả làm việc, khả năng học tập kiến thức mới, tự nghiên cứu, sáng tạo của người học tốt nghiệp đều thu được phản hồi rất tích cực [H4.4.3.9].

2. Điểm mạnh

Các hoạt động dạy, học, kiểm tra đánh giá và NCKH đa dạng, tạo điều kiện cho SV rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời.

3. Điểm tồn tại

Số đề tài NCKH, sáng kiến của SV còn chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020–2021, Khoa Xét nghiệm phối hợp với phòng QLKHCN&HTQT tiếp tục tổ chức các hội thảo chuyên đề, sinh hoạt khoa học có sự tham gia của SV, xây dựng chiến lược chính sách khuyến khích SV tham gia NCKH.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí: 4/7 điểm.

Kết luận về Tiêu chuẩn 4: Mọi hoạt động dạy và học của Khoa đều được tổ chức thực hiện dựa theo Giá trị cốt lõi và Triết lí giáo dục của Nhà trường. Các hoạt động dạy học được chú trọng và quan tâm đúng mức đã mang lại những kết quả tốt trong công tác học tập, rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học. SV Xét nghiệm sau khi ra trường có khả năng đáp ứng tốt những yêu cầu

của các nhà tuyển dụng, cũng như có khả năng phát triển nghề nghiệp của mình. Tuy nhiên, triết lí giáo dục chưa được phổ biến rộng rãi đến các bên liên quan. Hoạt động NCKH đã được triển khai trong SV nhưng chưa phát triển mạnh mẽ.

Kết quả tự đánh giá: Tiêu chuẩn 4 có 01 tiêu chí đạt 4/7 điểm; 02 tiêu chí đạt 5/7 điểm.

Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Mở đầu: Việc đánh giá kết quả học tập của người học CTĐT cử nhân KTXNYH được thiết kế để đo lường mức độ đạt được của CĐR, bao trùm cả kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học theo CTĐT đều được thông báo công khai để SV nắm rõ trước khi bắt đầu học kỳ mới.

Phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng. Đánh giá kết quả học tập của người học là một trong những yếu tố quan trọng của giáo dục đại học bởi điều này ảnh hưởng đến việc học tập và hoạch định kế hoạch nghề nghiệp của người học. Do đó, người học được thông tin minh bạch về các quy định, quy chế đánh giá kết quả học tập; được phản hồi nhanh chóng kết quả học tập; dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại để chủ động lên kế hoạch và điều chỉnh kế hoạch học tập một cách phù hợp.

Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

Công tác đánh giá kết quả học tập của người học Khoa Xét nghiệm Trường ĐHKTYTHD được thiết kế dựa trên mục tiêu, CĐR của CTĐT và được thể hiện thông qua các quy định, quy trình từ tuyển sinh đầu vào, kiểm tra đánh giá quá trình học tập, thi kết thúc HP đến khóa luận tốt nghiệp/thi thực hành tay nghề. Cụ thể, đối với việc tuyển sinh đầu vào hàng năm, Nhà trường xây dựng Đề án tuyển sinh và công khai trên trang thông tin điện tử của Trường và trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GD&ĐT trước khi thí sinh đăng ký dự kỳ thi THPT quốc gia; chịu trách nhiệm giải trình về các nội dung của Đề án; đồng thời gửi Đề án về Bộ GD&ĐT để phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra [H5.5.1.1]. Căn cứ đề án tuyển sinh, Nhà trường xây dựng kế hoạch và thông báo tuyển sinh công khai trên cổng thông tin điện tử của Nhà trường [H5.5.1.2]. Đối với việc đánh giá người học trong quá trình học tập và đầu ra, Nhà

trường đã ban hành các quy định liên quan đến tiêu chí, trọng số đánh giá điểm chuyên cần, điểm quá trình và điểm thi kết thúc HP, thi thực hành tay nghề, chấm khóa luận tốt nghiệp để người học đạt được CĐR [H5.5.1.3]. SV tốt nghiệp phải đạt CĐR về Tin học IC3, về Tiếng Anh A2 [H5.5.1.4-5]. Ngoài ra, để đảm bảo tính nghiêm túc trong công tác tổ chức thi kết thúc HP, đảm bảo tính độc lập giữa quá trình dạy, học và thi kết thúc HP, công bằng, khách quan trong kiểm tra đánh giá, Nhà trường ban hành Quy định, Quy trình liên quan đến tổ chức thi kết thúc HP và có điều chỉnh cho phù hợp khi cần thiết [H5.5.1.6]. Các quy định này được cụ thể hóa trong bản mô tả ĐCCT HP về hình thức, phương pháp và nội dung kiểm tra, đảm bảo sát với nội dung kiến thức trong HP mà SV đã được học [H1.1.1.1]. Quy định đánh giá kết quả người học được thông tin tới người học, GV, CVHT và các đơn vị trong Nhà trường thông qua cuốn sổ tay SV, cuốn thông tin đào tạo theo HCTC và cổng thông tin điện tử của Trường [H5.1.1.7-9]. Đặc biệt, SV còn được các phòng chức năng cung cấp thông tin liên quan đến quy định, quy trình đánh giá kết quả người học thông qua "Tuần sinh hoạt công dân SV" [H5.5.1.10], được GV công khai vào buổi học đầu tiên của mỗi HP.

Đối với HP lý thuyết, Trưởng Khoa/Bộ môn quản lí HP chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng trong việc chỉ đạo, hướng dẫn GV phụ trách HP biên soạn, cập nhật, bổ sung ngân hàng câu hỏi, đáp án và thang điểm. Ngân hàng câu hỏi thi do tập thể GV giảng dạy HP xây dựng và tổ chức phản biện; được tổ chức nghiệm thu tại Khoa/Bộ môn. Ngân hàng câu hỏi phải được biên soạn bao phủ mục tiêu HP với số lượng tối thiểu 100 câu trắc nghiệm/1 tín chỉ, 10 câu tự luận/1 tín chỉ, 5 câu vấn đáp/1 tín chỉ. Nội dung câu hỏi trong ngân hàng câu hỏi phải đảm bảo tính khoa học, chính xác, chặt chẽ, đáp ứng mục tiêu HP; được rà soát, chỉnh sửa, bổ sung hàng năm [H5.5.1.11]. Nhà trường ban hành tiêu chí đánh giá kỹ năng thực hành, kỹ năng thực tập lâm sàng, thực tế tốt nghiệp và tiêu chí đánh giá khóa luận tốt nghiệp [H5.5.1.12-15]. Các tiêu chí đánh giá được các GV thống nhất sử dụng trong đánh giá người học.

Phần lớn các HP trong CTĐT cử nhân KTXNYH đều sử dụng tổ hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học. Các HP có cả lý thuyết và thực hành thường sử dụng 3-4 phương pháp đánh giá (như: trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, đánh giá thực hành qua quan sát dựa vào bảng kiểm, chạy trạm). HP chỉ có lý thuyết, thường sử dụng phối hợp 2-3 phương pháp đánh giá (như: tự luận, trắc nghiệm, đánh giá tình huống, báo cáo chuyên đề) [H1.1.1.1]. Để làm khóa luận tốt nghiệp,

ngoài các điều kiện cần và đủ theo yêu cầu chung của Trường, SV cần đạt điểm trung bình chung học tập trên 7,5 (tính theo thang điểm 10). Khóa luận tốt nghiệp có quy định cụ thể về quy cách trình bày, tiêu chí đánh giá, phù hợp với định hướng chuyên môn của khung CTĐT và có ý nghĩa thực tiễn. Đối với SV không làm khóa luận tốt nghiệp sẽ trải qua kỳ thi thực hành tay nghề, kỳ thi này tổ chức tại bệnh viện, SV sẽ thực hiện một quy trình xét nghiệm đồng thời phân tích kết quả xét nghiệm dưới sự đánh giá độc lập của một GV và một trưởng/phó Khoa Xét nghiệm bệnh viện [H5.5.1.3(6)]. Tuy nhiên, Khoa chưa xây dựng được ma trận phương pháp kiểm tra đánh giá với CĐR của CTĐT.

Bảng 5.1.1. Bảng đối sánh điểm chuẩn ngành KTXNYH

TT	Năm	Điểm chuẩn ngành KTXNYH			
		Trường ĐHKTYTHD	Trường ĐH Y Hà Nội	Trường ĐH Y Hải Phòng	Trường ĐH Y Dược Huế
1	2015	22.75	24.25	23.5	22
2	2016	22.5	24.75	23	23.25
3	2017	23.75	26.5	24.5	24.5
4	2018	19.35	21.55	20.25	19.25
5	2019	19.35	23.2	20.8	21.25
6	2020	21.5	26.5	24.6	24.4

Đối sánh điểm chuẩn tuyển sinh ngành KTXNYH tại Trường ĐHKTYTHD qua các năm thấy điểm đầu vào của Trường thấp hơn một chút so với Trường Đại học Y Hà Nội. Các năm 2015 đến 2019, điểm chuẩn tuyển sinh ngành KTXNYH tương đương với các Trường Đại học Y Hải Phòng và Trường Đại học Y - Dược Huế [H5.5.1.16].

Bảng 5.1.2. Bảng thống kê xếp loại tốt nghiệp SV ngành KTXNYH

TT	Khóa	Lớp	Số SVTN	Thống kê xếp loại (%)			
				Giỏi	Khá	TBK	TB
1	2011-2015	ĐH11XN	125	5.6	75.2	19.2	0.0
2	2012-2016	ĐH12XN	112	0.9	73.2	25.9	0.0
3	2013-2017	ĐH13XN	149	5.4	77.2	17.4	0.0
4	2014-2018	ĐH14XN	120	6.7	79.2	14.1	0.0
5	2015-2019	ĐH15XN	109	8.3	78.9	12.8	0.0
6	2016-2020	ĐH16XN	88	9.1	76.1	14.8	0.0

Bảng thống kê xếp loại tốt nghiệp của các khóa SV ngành KTXNYH ra trường từ năm 2015 đến năm 2021 cho thấy tỉ lệ SV đạt loại khá tương đối ổn định (73,2 ÷ 83,6%). Tỉ lệ SV loại giỏi khóa 2012 - 2016 hơi thấp (0,9%). Từ năm 2016 đến năm 2020, với việc áp dụng nhiều biện pháp nâng cao chất lượng đào tạo nên tỉ lệ SV tốt nghiệp loại giỏi có xu hướng tăng qua các năm. Khoa Xét nghiệm không có SV xếp loại tốt nghiệp trung bình [H5.5.1.17]. Phòng QLĐT cũng thực hiện đối sánh giữa kết quả điểm tuyển sinh và điểm tốt nghiệp để đánh giá kết quả quá trình đào tạo đối với người học [H5.5.1.18].

Sau khi kết thúc HP hoặc kết thúc mỗi khóa học, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi của SV về việc đánh giá kết quả học tập với nhiều tiêu chí như: kết quả được đánh giá bằng nhiều hình thức phù hợp với môn học, phương pháp kiểm tra đánh giá kích thích SV tự học, tự nghiên cứu, kết quả kiểm tra đánh giá công bằng, khách quan, trường hợp có khiếu nại được giải quyết thỏa đáng, kế hoạch kiểm tra đánh giá được thông báo rõ ràng… đều có tỉ lệ SV đồng ý và hoàn toàn đồng ý đạt mức cao [H5.5.1.19-20].

2. Điểm mạnh

Công tác đánh giá kết quả người học của Khoa có quy định rõ ràng, có tiêu chí cụ thể phù hợp với mục tiêu đánh giá và CĐR, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng.

3. Điểm tồn tại

Khoa chưa xây dựng được ma trận phương pháp kiểm tra đánh giá với CĐR của CTĐT.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021 – 2022, Khoa xây dựng ma trận phương pháp kiểm tra đánh giá với CĐR của CTĐT trên cơ sở tham khảo ý kiến các bên liên quan.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí: 4/7 điểm.

Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi các các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.

1. Mô tả hiện trạng

Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học được xác định rõ trong Quy chế, Quy định của Trường. Cụ thể, đối với tuyển sinh đầu vào, đề án tuyển

sinh, thông báo tuyển sinh của Nhà trường ghi rõ thời gian, hình thức, phương thức xét tuyển và công khai kết quả thi trên trang trường [H5.5.2.1-4].

Đối với đánh giá trong quá trình học tập tại trường, hình thức, phương pháp, các tiêu chí đánh giá, trọng số điểm của từng HP được thể hiện rõ trong Quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ, CĐR ngoại ngữ, tin học và được mô tả chi tiết trong ĐCCT HP. Các quy định về công tác tổ chức thi kết thúc HP lí thuyết, thực hành, lâm sàng: điều kiện dự thi, biên soạn đề thi, kế hoạch thi, tổ chức buổi thi, làm phách, chấm thi, chấm phúc khảo, kiểm dò, đánh giá chất lượng đề thi, quyền hạn và trách nhiệm của các phòng chức năng, khoa, bộ môn và người học được quy định rõ trong Quy chế tổ chức thi kết thúc HP, Quy định tổ chức dạy – học thực tập lâm sàng của Trường ĐHKTYTHD. Các quy định về HP TTTN: thời gian, hình thức thực hiện và đánh giá, viết và chấm khóa luận tốt nghiệp, phúc khảo HP TTTN, điều kiện xét công nhận tốt nghiệp được quy định rõ trong Quy định tốt nghiệp của Trường ĐHKTYTHD [H5.5.2.5-8].

Theo Quy chế đào tạo theo HCTC của Nhà trường hiện hành, với HP lí thuyết, thực hành, lâm sàng, người học được đánh giá chuyên cần (ý thức học tập, thời gian tham gia trên lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận…) chiếm 5%, đánh giá quá trình chiếm 25%, đánh giá kết thúc HP chiếm 70% trọng số điểm. Điểm chuyên cần, điểm kiểm tra thường xuyên được GV công bố công khai với SV trước khi kết thúc môn học. Điểm thi HP thực hành, lâm sàng, TTTN được GV công bố công khai với SV ngay khi kết thúc buổi thi. Tất cả điểm đánh giá kết quả học tập của SV đều được cập nhật trên phần mềm Quản lí đào tạo, SV sử dụng tài khoản cá nhân để truy cập vào trang cá nhân để theo dõi các thông tin liên quan đến buổi thi, kết quả điểm HP [H5.5.2.9]. Kết quả chấm phúc khảo, chấm thẩm định được công khai trên website của trường và gửi về các khoa, bộ môn quản lí SV và quản lí HP [H5.5.2.10]. Khoa Xét nghiệm cũng xây dựng các mẫu phiếu đánh giá thực hành, thực tập lâm sàng, báo cáo thực tế tốt nghiệp, mẫu trình bày khóa luận tốt nghiệp [H5.5.2.11].

Bên cạnh việc đánh giá kết quả học tập còn đánh giá điểm rèn luyện, trong đó đánh giá ý thức chấp hành nội quy, quy chế Nhà trường, đánh giá kết quả tham gia các hoạt động trong và ngoài Trường. Kết quả phân loại rèn luyện từng học kỳ của SV là một trong những tiêu chuẩn để xét học tiếp, ngừng học, xét khen thưởng và học bổng [H5.5.2.12,13].

Các tài liệu / hướng dẫn quy định cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan được đăng tải trên website của Nhà trường, được phổ biến tới người học vào tuần sinh hoạt công dân SV, cập nhật trong sổ tay SV và cuốn Thông tin đào tạo theo HCTC [H5.5.2.14-17]. Khi bắt đầu HP, SV đều được GV phụ trách giới thiệu chương trình chi tiết HP, trong đó mô tả rõ các nội dung liên quan đến kiểm tra, đánh giá người học [H5.5.2.18]. Ngoài ra, khi có thắc mắc liên quan đến quy định về đánh giá kết quả học tập, SV được GV giảng dạy HP, CVHT, cán bộ các phòng chức năng liên quan đến đào tạo nhiệt tình giải đáp.

Với các hình thức công khai, thông tin đa dạng để người học hiểu và nắm rõ các quy định về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập người học. Kết thúc tuần sinh hoạt công dân SV, 100% SV đều cam kết không vi phạm quy định, quy chế của Nhà trường [H5.5.2.19]. Ngoài ra, Phòng CTQLSV cũng thực hiện khảo sát SV về nội dung quy chế đào tạo, thi kiểm tra, công tác SV được cung cấp đầy đủ, rõ ràng đạt 100% SV đồng ý [H5.5.2.20]. Trong trường hợp thay đổi quy định về đánh giá kết quả học tập, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến góp ý của SV và phổ biến cho SV vào "Tuần sinh hoạt công dân SV" đầu năm [H5.5.2.21]. Kết quả khảo sát SV Khoa Xét nghiệm trước tốt nghiệp về việc phổ biến các thông tin liên quan tới quá trình đào tạo (quy định, quy chế, quyền lợi, nghĩa vụ…) đầy đủ kịp thời đạt 4,06/5 điểm (năm 2018), 3,99/5 điểm (năm 2019), 4,16/5 (năm 2020) [H5.5.2.22].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã ban hành đầy đủ, rõ ràng các quy định, quy chế về đánh giá kết quả học tập của người học, đa dạng hóa các hình thức phổ biến khác nhau để người học có thể hiểu và tiếp cận dễ dàng.

3. Điểm tồn tại

Hiện nay, Nhà trường chưa có quy trình thống nhất về tra cứu và phản hồi điểm HP nên một số SV còn lúng túng khi muốn thắc mắc về kết quả đánh giá HP.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2020-2021, phòng QLĐT xây dựng Quy trình tiếp nhận, quản lý, thông báo và tra cứu điểm thi để thống nhất sử dụng trong toàn trường.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí: 4/7 điểm.

Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.

1. Mô tả hiện trạng

Phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá kết quả học tập được xác định cụ thể trong Quy chế, Quy định liên quan hoạt động đào tạo và Quy chế tổ chức thi kết thúc HP đào tạo đại học, cao đẳng.

Kết quả học tập được đánh giá thông qua các bài kiểm tra thường xuyên và bài thi kết thúc HP. Hình thức kiểm tra thường xuyên áp dụng đối với HP lý thuyết, bao gồm các hình thức như: Bài kiểm tra viết tại lớp theo hình thức tự luận hoặc trắc nghiệm, viết tiểu luận, các bài tập cá nhân, bài tập nhóm. Đối với HP thực hành, thực hiện kiểm tra thường xuyên các quy trình kỹ thuật theo bảng kiểm và trả lời vấn đáp. Đề thi kết thúc HP của HP lý thuyết gồm hai phần trắc nghiệm và tự luận (câu hỏi tự luận, tình huống). Tỉ lệ % trắc nghiệm, % tự luận tùy theo từng HP và được quy định rõ trong ĐCCT HP. Đề thi kết thúc HP của HP thực hành, lâm sàng, TTTN gồm thực hiện kỹ thuật theo bảng kiểm (70% trọng số) và trả lời vấn đáp, giải quyết tình huống (30% trọng số). Riêng đối với HP TTTN, SV còn phải hoàn thành báo cáo TTTN theo mẫu quy định của Khoa. Với hầu hết các HP, GV đã phối hợp nhiều hình thức, phương pháp kiểm tra/đánh giá, đảm bảo sự ***đa dạng*** trong đánh giá người học [H5.5.3.1]. Tuy nhiên, một số HP còn sử dụng hình thức thi tự luận 100%. Các đề thi tự luận chưa được phân tích để phân loại mức độ của đề thi.

Phương pháp đánh giá kết quả học tập luôn đảm bảo ***độ giá trị***. Mỗi HP, Khoa đều phân công các GV xây dựng bộ câu hỏi, đáp án đối với HP lý thuyết và bảng kiểm đối với HP thực hành [H5.5.3.2]. Bộ câu hỏi, đáp án và bảng kiểm này được từng nhóm chuyên môn trong khoa họp phản biện, chỉnh sửa và thông qua Khoa trước mỗi kỳ thi hàng năm trên cơ sở biên bản nghiệm thu bộ câu hỏi [H5.5.3.3]. Bộ câu hỏi phải ghi rõ số lượng câu trắc nghiệm, tự luận xây dựng theo từng chương/ bài và mức độ nhận thức (biết, hiểu, vận dụng ...) được phản ánh trong đề cương môn học. Sau khi nghiệm thu, bộ câu hỏi sẽ được sử dụng để xây dựng đề thi kết thúc HP. Cấu trúc, nội dung đề thi phải căn cứ trên CĐR của từng HP. Sau kỳ thi, phòng KT&ĐBCLĐT thực hiện phân tích độ khó, độ phân biệt của đề thi trắc nghiệm gửi về Khoa và đề nghị bổ sung, điều chỉnh bộ câu hỏi thi (nếu cần) [H5.5.3.4].

Phương pháp đánh giá kết quả học tập cũng đảm bảo được ***tính khách quan và công bằng.*** Việc đảm bảo tính khách quan và sự công bằng được kiểm soát từ khâu ra đề thi, tổ chức thi, chấm thi và phúc khảo. Đối với kiểm tra quá trình của người học, Khoa giao cho GV phụ trách HP đảm nhiệm. Các GV chịu trách nhiệm ra đề và hướng dẫn chấm cụ thể và nhập điểm kiểm tra trên phần mềm QLĐT. Đối với đánh giá kết thúc HP lí thuyết, thực hành, lâm sàng, TTTN, mỗi đề thi đều có hướng dẫn chấm thi cụ thể với đáp án và số điểm chi tiết [H5.5.3.1]. Đề thi và hướng dẫn chấm thi cuối kỳ được GV giới thiệu đề thi lựa chọn từ bộ câu hỏi đã được Khoa thông qua. Mỗi bộ đề thi gửi về Ban in sao đề thi gồm 03-04 đề khác nhau, phần trắc nghiệm của mỗi đề thi được trộn thành ít nhất 4 mã đề để đảm bảo không có thí sinh trùng đề ngồi cạnh nhau. Phòng KT&BĐCLGD là đơn vị độc lập tổ chức thi HP lí thuyết. Phòng KT&BĐCLGD thực hiện chấm trên máy chấm với bài thi trắc nghiệm; đánh mã và rọc phách với bài thi tự luận trước khi bàn giao cho Khoa tổ chức chấm thi tại văn phòng khoa. Bài thi lí thuyết của SV được 02 GV chấm độc lập theo đáp án chấm thi. Phòng KT&BĐCLGD có trách nhiệm đối chiếu lại bài chấm với bảng điểm chấm của GV trước khi công khai điểm thi trên phần mềm QLĐT. Cuối mỗi kỳ thi, theo yêu cầu của Hiệu trưởng, phòng KT&BĐCLGD sẽ rút ngẫu nhiên các bài thi để chấm thẩm định [H5.5.3.5]. Đối với phần thi thực hành, lâm sàng, TTTN, SV bốc thăm ngay trước khi thi một trong các quy trình kỹ thuật được giảng dạy trong HP đó. Sau đó SV thực hiện kỹ thuật dưới sự đánh giá của hai GV chấm thi độc lập. Sau khi hoàn thành chấm thi, bảng kiểm chấm thực hành sẽ được nộp lại cho phòng KT&BĐCLGD để kiểm soát và lưu trữ. SV sẽ có quyền phúc khảo lại bài thi trong vòng 5 ngày làm việc kể từ khi điểm thi được công bố.

Đối với khóa luận tốt nghiệp, Nhà trường có thông báo về kế hoạch và hướng dẫn làm khóa luận tốt nghiệp [H5.5.3.6]. Danh sách SV dự kiến làm khóa luận tốt nghiệp được phòng QLĐT công bố vào đầu học kỳ 7, đảm bảo tiêu chí SV Khoa Xét nghiệm phải có điểm trung bình chung tích lũy 6 học kỳ đầu đạt từ 7,5 trở lên với số lượng tín chỉ tích lũy từ 105 trở lên [H5.5.3.7]. Nhà trường thành lập Hội đồng xét duyệt đề cương khóa luận tốt nghiệp và Hội đồng, Ban thư ký chấm khóa luận tốt nghiệp [H5.5.3.8]. Danh sách GV chấm khóa luận tốt nghiệp phải được bảo mật, GV hướng dẫn không chấm khóa luận tốt nghiệp SV do mình hướng dẫn. Việc chấm khóa luận có tiêu chí rõ ràng về thái độ làm việc, khung lý thuyết, công cụ sử dụng, kết quả

đạt được, ứng dụng thực tiễn. GV chấm khóa luận tốt nghiệp cho điểm độc lập trên phiếu chấm. Ban thư ký có trách nhiệm tổng hợp. Điểm khóa luận là điểm trung bình cộng các GV chấm (gồm tối thiểu ba thành viên) [H5.5.3.9**]**.

Hàng năm, Nhà trường thực hiện lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của GV, chất lượng đào tạo của khóa học trong đó có tiêu chí về kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của GV đều đạt mức tốt, trên 90% đồng ý và hoàn toàn đồng ý [H5.5.3.10,11**]**.

2. Điểm mạnh

Phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV đa dạng: kiểm tra viết, tiểu luận, vấn đáp, trắc nghiệm, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thực hiện quy trình kỹ thuật theo bảng kiểm, thực hành trên máy tính, thi chạy trạm…

3. Điểm tồn tại

Các đề thi tự luận chưa được phân tích để phân loại mức độ của đề thi.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021- 2022, Khoa sẽ chỉ đạo GV phụ trách các HP thực hiện phân tích và đánh giá chất lượng đề thi tự luận hàng kỳ để có cơ sở điều chỉnh tốt hơn.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí: 5/7 điểm.

Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường có quy định rõ ràng về thời gian công khai kết quả đánh giá người học, thành phần và trọng số điểm HP, công thức tính điểm HP với các HP lí thuyết, thực hành, lâm sàng, thực tập tốt nghiệp và khóa luận tốt nghiệp trong Quy chế đào tạo tín chỉ, Quy chế tổ chức thi, Quy định tốt nghiệp [H5.5.4.1,2]. Điểm kiểm tra thường xuyên, thi giữa HP lí thuyết được GV công khai trên lớp và giải đáp thắc mắc, hướng dẫn SV cách làm bài. Kết quả đánh giá kiểm tra hoặc cuối kỳ các HP thi vấn đáp, thi thực hành, lâm sàng được GV công bố công khai cho SV ngay sau buổi kiểm tra, thi. Kết quả chấm khóa luận tốt nghiệp được công bố chậm nhất 5 tuần kể từ ngày nộp khóa luận. Với môn thi lí thuyết, căn cứ số lượng bài thi người học biết kết quả thi chậm nhất 2 tuần sau khi thi.

Các quy định về phản hồi kết quả đánh giá được công khai trên Cổng thông tin điện tử của Nhà trường, trong sổ tay SV hoặc cuốn Thông tin đào tạo theo HCTC [H5.5.4.3,4]. Nhà trường cũng phổ biến các quy định về việc phản hồi kết quả đánh giá với người học ngay đầu khóa học hoặc đầu năm học mới, thông qua "Tuần sinh hoạt công dân SV" để người học hiểu rõ [H5.5.4.5]. Ngoài ra, GV giảng dạy HP, CVHT cũng phổ biến đến SV thông qua buổi học trên lớp hoặc tại các buổi họp lớp. Kết quả đánh giá người học được cập nhật trên phần mềm QLĐT. Người học sử dụng tài khoản cá nhân để truy cập và xem điểm kiểm tra, đánh giá một cách dễ dàng [H5.5.4.6]. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời giúp SV có thể rút kinh nghiệm và cải thiện kết quả học tập của mình.

Mặt khác Phòng QLĐT căn cứ vào điểm học tập và rèn luyện của từng người học ra quyết định xét kết quả học tập hàng kỳ giúp người học chủ động trong quá trình học tập, đồng thời CVHT sẽ tư vấn lại kế hoạch học tập sao cho phù hợp với khả năng học tập của người học [H5.5.4.7].

Bảng 5.4.1. Thống kê việc xét kết quả học tập SV Khoa Xét nghiệm

Nội dung	Năm học						
	2014-2015	**2015-2016**	**2016-2017**	**2017-2018**	**2018-2019**	**2019-2020**	**Kỳ 1 2020-2021**
Tổng số SV	518	499	490	455	443	470	472
Học lực yếu	1	3	3	29	19	44	46
Tỷ lệ SV học lực yếu	*0.19*	*0.6*	*0.61*	6.37	***4.28***	9.36	9.75
Cảnh báo học tập	3	0	3	***6***	1	6	1
Tỷ lệ SV cảnh báo học tập	*5.8*	*0*	*0.61*	*1.32*	*0.22*	1.28	0.21
Buộc thôi học	*0*	*0*	*0*	*1*	*0*	0	0
Tỷ lệ SV buộc thôi học	*0*	*0*	*0*	*0.22*	*0*	0	0

Kết quả bảng thống kê cho thấy tỉ lệ SV của Khoa bị cảnh báo học tập hoặc buộc thôi học các năm bằng không hoặc rất thấp. Có thể nói việc phản hồi kết quả đánh giá và các hoạt động hỗ trợ của Nhà trường, của Khoa đã giúp người học cải thiện tình hình học tập.

Qua thực hiện đợt khảo sát SV về hoạt động giảng dạy của GV Khoa Xét nghiệm hàng năm, tiêu chí "Thông tin phản hồi từ kiểm tra đánh giá giúp SV cải thiện kết quả học tập" đều đạt mức tốt trở lên [H5.5.4.8]. Như vậy có thể thấy hầu hết người học hài lòng về việc phản hồi kết quả học tập của Nhà trường, của Khoa.

2. Điểm mạnh

Thông tin phản hồi từ kết quả đánh giá được công khai tới người học bằng nhiều hình thức đa dạng, kịp thời giúp người học cải thiện kết quả học tập đạt hiệu quả.

3. Điểm tồn tại

Hình thức thi tự luận nhiều nên SV không biết được kết quả thi ngay sau khi thi.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021-2022, Khoa Xét nghiệm xây dựng bổ sung các bộ câu hỏi thi, tăng tỉ trọng thi trắc nghiệm của các HP thuộc CTĐT cử nhân KTXNYH do Khoa quản lí, điều chỉnh ít nhất 50% số HP lí thuyết có tỉ trọng thi trắc nghiệm 100% để rút ngắn thời gian công bố điểm thi HP.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí: 4/7 điểm.

Tiêu chí 5.5. Người học được tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường có quy định về phúc khảo bài thi trong Quy chế tổ chức thi kết thúc HP và được cụ thể hóa trong Quy trình phúc khảo bài thi [H5.5.5.1]. Sau khi công bố điểm thi, trong vòng 5 ngày làm việc, nếu người học thắc mắc về điểm thi thì làm đơn phúc khảo bài thi, đóng lệ phí theo quy định và gửi về phòng KT&BĐCLGD. Phòng KT&BĐCLGD rút các bài thi yêu cầu chấm phúc khảo, trình Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Ban chấm thi phúc khảo và tổ chức chấm thi tại Phòng [H5.5.5.2]. Trong vòng 5 ngày làm việc kể từ ngày Hiệu trưởng ký quyết định thành lập Ban chấm thi phúc khảo, phòng KT&ĐBCLĐT tổng hợp kết quả và trình Hiệu trưởng ra Quyết định công nhận kết quả chấm phúc khảo bài thi, công bố trên website Nhà trường và gửi về Khoa, Bộ môn quản lý HP, ban Thư ký Hội đồng thi kết thúc HP để điều chỉnh điểm cho người học [H5.5.5.3]. Với điểm quá trình, hình thức thi vấn đáp, đánh giá thực hành người học khiếu nại trực tiếp với GV trực tiếp giảng dạy HP đó khi công bố điểm trên lớp.

Quy trình phúc khảo bài thi, biểu mẫu đơn xin phúc khảo bài thi được công khai trên wesbite Nhà trường để người học tiếp cận dễ dàng. Ngoài ra thông qua "Tuần sinh

hoạt công dân SV" Nhà trường giới thiệu đầy đủ các quy định, quy chế đào tạo của BGD&ĐT và Nhà trường [H5.5.5.4]. Các ý kiến phản ánh của SV đối với Nhà trường trong "Tuần sinh hoạt công dân SV" sẽ được Phòng CTQLSV tổng hợp gửi các Phòng chức năng, Khoa/Bộ môn giải trình và Hiệu trưởng trực tiếp giải đáp ý kiến phản ánh trước người học [H5.5.5.5].Người học có thể phản ánh trực tiếp kết quả học tập với giảng viên giảng dạy học phần. Ngoài ra, người học còn có thể phản ánh về kết quả học tập thông qua buổi giao ban SV hàng tuần với phòng QLĐT, CTQLSV hoặc các buổi họp lớp với CVHT [H5.5.5.6].

Hàng năm số SV Khoa Xét nghiệm phúc khảo bài thi kết thúc HP lý thuyết thể hiện qua bảng thống kê sau đây:

Bảng 5.5.1. Bảng tổng hợp số SV chính quy Khoa Xét nghiệm phúc khảo bài thi kết thúc học phần lý thuyết

Nội dung	Năm học						
	2014-2015	**2015-2016**	**2016-2017**	**2017-2018**	**2018-2019**	**2019-2020**	**Kỳ I 2020-2021**
Số bài thi kết thúc HP	5579	5689	5443	4970	5622	5836	3154
SV phúc khảo	25	16	14	**49**	22	20	34
Tỷ lệ SV phúc khảo (%)	*0.45*	*0.28*	*0.26*	*0.99*	*0.39*	*0.34*	*1.08*
Số bài thay đổi điểm sau khi phúc khảo	8	6	3	5	1	2	0
Tỷ lệ thay đổi điểm sau khi phúc khảo (%)	*32,00*	*37,50*	*21,43*	*10,20*	*4,54*	*10*	*0.00*

Qua bảng thống kê ta thấy hàng năm tỷ lệ SV của Khoa Xét nghiệm khiếu nại về kết quả học tập thấp (dưới 2%) [H5.5.5.8]. Riêng năm 2017-2018 do Nhà trường điều chỉnh quy chế đào tạo đại học và cao đẳng theo học chế tín chỉ quy định không cho SV thi lại nên số SV phúc khảo có tăng lên cao hơn các năm khác [H5.5.5.9]. Tỷ lệ thay đổi điểm bài thi sau khi phúc khảo còn cao. Nguyên nhân là do các HP lý thuyết của Khoa đều có hình thức thi tự luận nên còn mắc sai sót. Tuy nhiên, do Nhà trường và Khoa đã áp dụng các biện pháp giám sát quá trình chấm thi tự luận của GV như 02 GV thống nhất đáp án chấm thi trước khi chấm, GV chấm thi 02 vòng độc lập, kiểm dò việc nhập điểm 100% bài thi trước khi công khai nên tỉ lệ thay đổi điểm thi sau phúc khảo đã giảm dần.

Qua thực hiện các đợt khảo sát SV về hoạt động giảng dạy của GV, tỷ lệ đồng ý và rất đồng ý cho rằng việc khiếu nại kết quả học tập được giải quyết kịp thời, thỏa đáng đều đạt từ 99% trở lên [H5.5.5.10]; khảo sát SV trước tốt nghiệp với tiêu chí "Trường hợp có khiếu nại được giải quyết thỏa đáng" các năm đều đạt mức tốt, 3,99/5 điểm (năm 2018) và 3,94/5 điểm (năm 2019) và 4,11/5 điểm (năm 2020) [H5.5.5.11].

2. Điểm mạnh

GV chấm thi nghiêm túc, chính xác nên tỷ lệ thay đổi điểm sau khi chấm phúc khảo giảm dần qua các năm.

3. Điểm tồn tại

Tỉ lệ bài thi sau phúc khảo có thay đổi điểm thi còn cao, mặc dù có xu hướng giảm dần qua các năm.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021-2022, Khoa Xét nghiệm tiếp tục tăng cường công tác chấm thi đảm bảo nghiêm túc, đúng quy chế và chính xác. Tăng tỉ trọng thi trắc nghiệm đối với các HP lí thuyết để triển khai chấm thi trên máy, giảm thiểu những sai sót do chấm thi tự luận.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí: 4/7 điểm.

Kết luận về Tiêu chuẩn 5: Công tác đánh giá kết quả người học của Khoa có quy định rõ ràng, có tiêu chí cụ thể phù hợp với mục tiêu đánh giá và CĐR, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng. Nhà trường đã ban hành đầy đủ, rõ ràng các quy định, quy chế về đánh giá kết quả học tập của người học, đa dạng hóa các hình thức khác nhau để người học có thể tiếp cận dễ dàng.

Phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV đa dạng: kiểm tra viết, tiểu luận, vấn đáp, trắc nghiệm, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thực hiện quy trình kỹ thuật theo bảng kiểm, thực hành trên máy tính, thi chạy trạm… Thông tin phản hồi từ kết quả đánh giá được công khai tới người học bằng nhiều hình thức đa dạng, kịp thời giúp người học cải thiện kết quả học tập đạt hiệu quả.

Hình thức thi tự luận còn nhiều nên thời gian chấm thi lâu, còn tỉ lệ cao bài thi thay đổi điểm sau chấm thi phúc khảo. Nhà trường chưa có quy trình thống nhất về tra cứu và phản hồi điểm HP nên một số SV còn lúng túng khi muốn thắc mắc về kết quả đánh giá HP.

Kết quả tự đánh giá: Tiêu chuẩn 5 có 04 tiêu chí đạt 4/7 điểm; 01 tiêu chí đạt 5/7 điểm.

Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Mở đầu: Xác định đội ngũ GV là nhân tố quyết định đối với việc nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và cung ứng dịch vụ y tế nên trong những năm qua Khoa Xét nghiệm đã có nhiều hoạt động nhằm phát triển nhân lực trong giai đoạn 2014 – 2021 tiến tới có đội ngũ GV có trình độ, kinh nghiệm và có sự kế cận giữa các lứa tuổi. Để thực hiện chiến lược phát triển nhân lực, Khoa đã xây dựng các kế hoạch hằng năm phát triển đội ngũ GV. Nhà trường cũng xây dựng hàng loạt quy định về tuyển dụng, bổ nhiệm, chính sách kiểm tra, đánh giá chất lượng đội ngũ, lựa chọn những người thật sự xứng đáng bổ nhiệm các chức vụ, chức danh, đồng thời có các chế độ, chính sách thu hút, đào tạo nhân lực làm việc tại Khoa. Chiến lược, chính sách đúng đắn đã giúp Khoa xây dựng được một đội ngũ GV đông đảo, trẻ tuổi, ngày càng được nâng cao về trình độ, hoàn thành tốt công tác giảng dạy, NCKH và cung ứng dịch vụ cho xã hội.

Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ GV, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHKTYTHD là trường đào tạo nguồn nhân lực kỹ thuật viên y tế nên Khoa Xét nghiệm là một trong số các khoa trọng điểm, được Nhà trường định hướng ưu tiên phát triển, có quy mô đội ngũ GV lớn hơn so với nhiều khoa khác. Nhà trường đã xây dựng Chiến lược phát triển của Nhà trường giai đoạn 2008 – 2015, tầm nhìn đến năm 2020, Kế hoạch phát triển nguồn nhân lực Trường ĐHKTYTHD giai đoạn 2016 – 2020, Đề án tổ chức bộ máy, phát triển nguồn nhân lực Trường ĐHKTYTHD giai đoạn 2018 - 2025, trong đó có định hướng phát triển về tổ chức bộ máy và nhân lực tại Khoa Xét nghiệm, nhằm phát triển Khoa ổn định về cơ cấu tổ chức và có đội ngũ GV đầy đủ, chất lượng [H6.6.1.1-3]. Khoa cũng đã xây dựng Kế hoạch phát triển Xét nghiệm giai đoạn 2015 – 2020, Kế hoạch phát triển nhân lực từ năm 2015 đến 2020, trong đó đặt ra mục tiêu về nhân lực đến hết năm 2020, Khoa có ít nhất 05 GV có trình độ tiến sĩ, 25 GV có trình độ thạc sĩ [H6.6.1.4-5].

Để thực hiện những định hướng chiến lược phát triển đội ngũ GV Khoa Xét nghiệm, Nhà trường có chính sách tuyển dụng, thu hút GV. Trường đã xây dựng các hệ thống văn bản về tuyển dụng viên chức như kế hoạch, tiêu chuẩn, nội dung tuyển dụng [H6.6.1.6]. Từ năm 2014 đến nay, Nhà trường đã tiến hành 06 đợt tuyển dụng viên chức vào các năm 2015, 2016, 2018, 2019, 2020, 2021 để bổ sung nhân lực tại

các đơn vị trong đó có Khoa Xét nghiệm [H6.6.1.7]. Qua 06 đợt tuyển dụng, Nhà trường đã tuyển thêm được 12 GV làm việc tại Khoa Xét nghiệm. Để phát triển trình độ đội ngũ, Nhà trường có chính sách thu hút đối với GV chuyên ngành Y, một số chuyên ngành thuộc Khoa Xét nghiệm, có chế độ đãi ngộ đối với GV đi học tập nâng cao trình độ: GV là nghiên cứu sinh chuyên ngành Y đối với chuyên ngành Nhà trường đang có yêu cầu là 300 - 400 triệu đồng/người; GV khi học cao học được hỗ trợ 5 triệu đồng sau khi kết thúc khóa học; GV là bác sĩ tốt nghiệp loại giỏi, khá, GV chuyên ngành Ký sinh trùng được hỗ trợ kinh phí hằng tháng theo quyết định của Lãnh đạo Trường [H6.6.1.8]. Khoa hiện đang làm các thủ tục đề nghị xét chuyển sang chức danh giảng viên đối với một số trợ giảng đạt đủ điều kiện về trình độ, năng lực nhằm bổ sung thêm đội ngũ.

Để phát triển theo hướng chuyên sâu, GV Khoa Xét nghiệm được sắp xếp công tác tại 05 bộ môn: Huyết học truyền máu, Hóa sinh - Độc chất, Vi sinh – Ký sinh trùng, Miễn dịch - Sinh học phân tử, Xét nghiệm tế bào [H6.6.1.9]. Năm 2019, Nhà trường sáp nhập Khoa Xét nghiệm thuộc Trường và Khoa Xét nghiệm thuộc Bệnh viện của Trường làm một đơn vị nhằm bổ sung nhân lực, tăng cường sự hỗ trợ, liên kết trong đào tạo và cung ứng dịch vụ y tế phục vụ cộng đồng [H6.6.1.10]. Khoa còn có sự hợp tác đông đảo các GV kiêm nhiệm, thỉnh giảng là các chuyên gia y tế, GV có trình độ từ nhiều trường đại học, viện nghiên cứu, bệnh viện tại Hà Nội, Hải Phòng và Hải Dương [H6.6.1.11]. Nhờ vậy, đội ngũ GV cơ hữu trẻ được học hỏi thêm kinh nghiệm từ GV thỉnh giảng có kinh nghiệm làm việc lâu năm tại các bệnh viện.

Để thực hiện các mục tiêu của chiến lược và quy hoạch phát triển nhân lực, hàng năm, Nhà trường đã xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức, người lao động [H6.6.1.12]. Khoa Xét nghiệm xây dựng kế hoạch năm học, có dự tính đến nguồn nhân lực làm việc tại Khoa, trong đó chú ý đến số lượng GV nghỉ chế độ, đi học nâng cao trình độ [H6.6.1.13]. Với nguồn nhân lực của Khoa đa phần là GV trẻ, tuổi đời <40 nên đến năm 2025, Khoa mới có 01 GV nghỉ hưu. Đối với GV chấm dứt hợp đồng, Nhà trường căn cứ trên các quy định tại Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức. Hằng năm, Nhà trường đều ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức, trong đó quy định điều kiện cử đi đào tạo, quy trình, thủ tục giải quyết đền bù chi phí đào tạo [H6.6.1.14]. Từ năm 2014 đến nay, Nhà trường đã giải quyết cho 03 trường hợp GV của Khoa chấm dứt hợp đồng làm việc [H6.6.1.15].

Với những chính sách phát triển đội ngũ, đến tháng 6/2021, Khoa Xét nghiệm có đội ngũ GV đông nhất trong 3 khoa đào tạo Kỹ thuật y học của Nhà trường. Tổng số GV cơ hữu của Khoa tính đến thời điểm hiện tại có 32 người [H6.6.1.16]. Về trình độ có 05 tiến sĩ, 22 thạc sĩ (01 GV đang học NCS chuẩn bị bảo vệ), 05 đại học (04 GV đang học cao học); về giới tính có 09 nam, 23 nữ; về cơ cấu độ tuổi: có 01 GV > 50 tuổi, 06 GV từ 41-50 tuổi, 18 GV từ 31-40 tuổi, 07 GV ≤ 30 tuổi [H6.6.1.17]. Như vậy đến thời điểm hiện tại, Khoa đã gần đạt được mục tiêu phát triển đội ngũ có ít nhất 5 tiến sĩ và 25 thạc sĩ. Tuy nhiên số lượng GV có trình độ tiến sĩ mới chiếm 15,6% (5/32) nên Khoa cần nâng cao tỷ lệ GV có trình độ tiến sĩ trong những năm tới.

Với đội ngũ GV trên, Khoa đã đảm bảo đủ nhân lực cho công tác giảng dạy, đạt tỷ lệ 11,3 SV/GV, trong khi quy định của Bộ GD&ĐT đối với khối ngành VI về sức khỏe là 15 SV/GV. Sự nỗ lực của các GV đã giúp Khoa hoàn thành nhiệm vụ đào tạo trong các năm học [H6.6.1.18]. Về NCKH, trong giai đoạn 2014 - 2021 GV trong Khoa đã thực hiện 02 đề tài NCKH cấp nhà nước, 03 đề tài NCKH cấp tỉnh, 01 đề tài NCKH cấp Bộ, 29 đề tài NCKH cấp cơ sở, đăng 15 bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế, 49 bài báo trên tạp chí khoa học trong nước [H6.6.1.19]. Ngoài ra, GV của Khoa còn tham gia công tác khám chữa bệnh, cung ứng dịch vụ y tế tại bệnh viện Trường và mở 03 lớp đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn theo nhu cầu của các cơ quan, đơn vị [H6.6.1.20]. Trong năm học 2020 – 2021, Khoa Xét nghiệm tổ chức 03 đợt tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 cho sinh viên của Trường, cán bộ y tế tỉnh Hải Dương. GV, SV của Khoa tham gia trực tiếp phòng, chống dịch bệnh tại tỉnh Hải Dương, Bắc Giang, Bắc Ninh và Thành phố Hồ Chí Minh, đóng góp công sức vào công tác phòng, chống dịch bệnh của cả nước [H6.6.1.21].

2. Điểm mạnh

Khoa Xét nghiệm có quy mô đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên đáp ứng tốt chương trình đào tạo.

3. Điểm tồn tại

Số lượng GV có trình độ tiến sĩ chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

Trong giai đoạn 2022 - 2025, Khoa Xét nghiệm động viên, sắp xếp công việc để giảng viên học tập nâng cao trình độ, phấn đấu thêm ít nhất 03 GV đi học nghiên cứu sinh.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí: 4/7 điểm.

Tiêu chí 6.2. Tỉ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Khoa Xét nghiệm hiện có 32 GV cơ hữu giảng dạy chuyên ngành, 20 trợ giảng tại các đơn vị thực hành trực thuộc Trường gồm Labo XNATVSTP, Khoa Xét nghiệm Bệnh viện [H6.6.2.1-2]. Về trình độ đội ngũ GV chuyên ngành có 05 tiến sĩ, 22 thạc sĩ, 05 đại học, 17 trợ giảng có trình độ đại học, 03 trợ giảng có trình độ thạc sĩ [H6.6.2.3]. Về cơ cấu độ tuổi: có 01 GV > 50 tuổi, 06 GV từ 41-50 tuổi, 18 GV từ 31-40 tuổi, 07 GV ≤30 tuổi, các trợ giảng đều dưới 40 tuổi. Số lượng giảng dạy các môn chung cho Khoa Xét nghiệm là 60 GV, trong đó có 05 tiến sĩ, 41 thạc sĩ, 14 đại học [H6.6.2.4]. Ngoài ra, Khoa còn có 36 GV thỉnh giảng tại các bệnh viện tuyến trung ương, các bệnh viện tuyến tỉnh tại Hải Dương tham gia giảng dạy, hướng dẫn SV lâm sàng và thực tế tốt nghiệp [H6.6.2.5].

Bảng 6.2.1. Số lượng giảng viên của Khoa Xét nghiệm năm học 2020 - 2021

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV giảng dạy môn chung	GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	Trợ giảng			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Giáo sư	0						
2	Phó Giáo sư	02					02	
3	Tiến sĩ KH	0						
4	Tiến sĩ	20	03	02		05	10	
5	Thạc sĩ	78	22		03	41	12	
6	Đại học	48	05		17	14	12	
	Tổng số	**148**	**30**	**02**	**20**	**60**	**36**	

Bảng 6.2.2. Bảng quy đổi giảng viên của Khoa Xét nghiệm

TT	Trình độ, học vị, chức danh	*Hệ số quy đổi*	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV giảng dạy môn chung	GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	Trợ giảng				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
	Hệ số quy đổi			*1,0*	*0,3*	*1,0*	*0,2*	*0,2*	*0,2*	
1	Giáo sư	*5,0*	0							
2	Phó GS	*3,0*	02					02		1,2
3	Tiến sĩ KH	*3,0*	0							
4	Tiến sĩ	*2,0*	20	03	02		05	10		9,2
5	Thạc sĩ	*1,0*	78	22		03	41	12		33,2
6	Đại học	*0,3*	48	05		17	14	12		7,4
	Tổng		**148**	**30**	**02**	**20**	**60**	**36**		**51,0**

Bảng 6.2.3. Tỷ lệ SV/GV tại Khoa Xét nghiệm các năm học gần đây

Năm học	Số GV quy đổi	Số người học	Tỷ lệ người học/ GV
2020 - 2021	51,0	578	11,3
2019 - 2020	49,5	467	9,4
2018 - 2019	45,5	433	9,5
2017 - 2018	45,5	455	10,0
2016 - 2017	42,5	490	11,5
2015 - 2016	41,2	499	12,1
2014 - 2015	40,6	518	12,7

Với số lượng GV, SV trên, Khoa Xét nghiệm thực hiện theo đúng quy định về công tác tuyển sinh theo quy định tại Thông tư 06/2018/TT-BGD&ĐT ngày 28/02/2018 của Bộ Giáo dục & Đào tạo, tỉ lệ SV/GV dưới 15. Mặc dù năm học 2020-

2021 số lượng người học tăng nhưng tỷ lệ SV/GV vẫn ở mức ổn định là do số lượng GV có trình độ sau đại học tăng lên.

Căn cứ Thông tư 47/2014/TT-BGD&ĐT ngày 31/12/2014 của Bộ Giáo dục & Đào tạo, Nhà trường đã xây dựng văn bản quy định về chế độ làm việc đối với GV. Tổng quỹ thời gian làm việc của GV trong một năm để thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, NCKH, học tập bồi dưỡng và các nhiệm vụ khác trong Nhà trường là 1760 giờ (44 tuần x 40 giờ/tuần) sau khi trừ số ngày nghỉ hè, nghỉ Tết âm lịch và các ngày nghỉ khác theo quy định của pháp luật. Nhà trường đã quy đổi ra giờ chuẩn áp dụng cho từng chức danh GV. Năm học 2020-2021, một GV đảm nhiệm 270 giờ giảng dạy, 147 giờ NCKH, 58 giờ học tập nâng cao trình độ; GV chính đảm nhiệm 270 giờ giảng dạy, 158 giờ NCKH, 43 giờ học tập nâng cao trình độ; GV cao cấp đảm nhiệm 270 giờ giảng dạy, 170 giờ NCKH, 40 giờ học tập nâng cao trình độ; đối với GV làm công tác lãnh đạo, quản lý, công tác tại phòng, kiêm nhiệm hoạt động đoàn thể và GV tập sự có các định mức riêng [H6.6.2.6]. Trên cơ sở các quy định của Nhà trường, hằng năm, Khoa Xét nghiệm đã xây dựng kế hoạch năm học, xác định khối lượng công việc và phân công cho các GV [H6.6.2.7]. Căn cứ phân công công việc gồm: nhiệm vụ Khoa phải thực hiện, số GV hiện có, khối lượng công việc mỗi GV phải đảm nhiệm trong năm học. Tuy nhiên, có giai đoạn 11 GV trong Khoa đi học nghiên cứu sinh, cao học, nghỉ thai sản dẫn tới các GV còn lại phải đảm nhiệm số giờ giảng của những người nghỉ, nên một số GV có giờ giảng trong năm vượt mức quy định là 270 giờ.

Để cụ thể hoá khối lượng công việc của đội ngũ GV theo chuẩn, Nhà trường đã có quy định hướng dẫn việc quy đổi các hoạt động giảng dạy và NCKH. Theo đó: mỗi giờ giảng lý thuyết là 01 giờ chuẩn, 02 giờ giảng thực hành quy đổi bằng 01 giờ chuẩn, 04 giờ lâm sàng được quy đổi bằng 1,0 – 1,5 giờ chuẩn tuỳ theo đối tượng GV. Đối với hoạt động NCKH: một đề tài NCKH cấp Bộ được tính 750 giờ/năm, đề tài cấp Bộ/tỉnh được tính 450 giờ/năm, đề tài cấp cơ sở được tính 150 giờ, bài báo khoa học được tính theo tạp chí và hệ số trích dẫn, các sản phẩm khác như báo cáo khoa học, biên soạn sách, giáo trình, CTĐT cũng có quy định cụ thể [H6.6.2.6].

Để giám sát và đánh giá khối lượng, chất lượng hoạt động của GV, Nhà trường đã tiến hành nhiều hoạt động theo tuần, theo tháng và theo năm học. Từ đầu năm học, Khoa Xét nghiệm xây dựng kế hoạch năm học và gửi cho phòng TCCB, phòng QLĐT để theo dõi, đánh giá mức độ hoàn thành cuối năm [H6.6.2.7]. Kế hoạch công tác của

GV được xây dựng cụ thể theo tháng, theo tuần gửi phòng TCCB để giám sát việc thực hiện [H6.6.2.8-9]. Kết thúc năm học, GV trong Khoa thống kê giờ giảng, hoạt động NCKH và các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ để phòng TCCB, phòng QLĐT và các phòng ban liên quan rà soát, theo dõi, trên cơ sở đó làm thanh toán, đánh giá và bình xét các danh hiệu thi đua [H6.6.2.10-11]. Để nâng cao chất lượng hoạt động giảng dạy, hằng năm Khoa Xét nghiệm xây dựng kế hoạch, tổ chức dự giờ, hội giảng để các GV đánh giá, đóng góp ý kiến, điều chỉnh [H6.6.2.12]. Từ năm 2006, Nhà trường Nhà trường đã sớm tiến hành khảo sát ý kiến của SV đối với hoạt động giảng dạy của GV các khoa, bộ môn [H6.6.2.13]. Đối với công tác NCKH, Nhà trường thành lập Hội đồng Xét duyệt đề cương và Hội đồng nghiệm thu với thành phần là các GV có trình độ, kinh nghiệm NCKH trong và ngoài trường [H6.6.2.14].

Với nhiều hình thức đánh giá, Khoa Xét nghiệm kịp thời điều chỉnh, nâng cao chất lượng và đạt được những thành tựu trong hoạt động giảng dạy, NCKH và phục vụ cộng đồng. Về hoạt động giảng dạy, GV hoàn thành theo đúng kế hoạch, 100% GV được SV phản hồi về hoạt động giảng dạy đạt loại khá trở lên, trong đó hơn 92% ở mức tốt và xuất sắc [H6.6.2.15]. Về NCKH, trong giai đoạn 2014 - 2021 GV trong Khoa đã thực hiện 01 đề tài NCKH cấp nhà nước, 03 đề tài NCKH cấp tỉnh, 01 đề tài cấp Bộ, 18 đề tài NCKH cấp cơ sở, đăng 15 bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế, 49 bài báo trên tạp chí khoa học trong nước [H6.6.2.16]. GV Khoa Xét nghiệm tham gia làm việc tại Bệnh viện Trường, góp phần vào cung ứng dịch vụ khám chữa bệnh cho cộng đồng [H6.6.2.17]. Đặc biệt, trong công tác phòng chống dịch bệnh COVID-19, giảng viên của Khoa tham gia tích cực, được Chính phủ, Bộ Y tế, chính quyền địa phương đánh giá và ghi nhận [H6.6.2.18]. Những năm tới, Khoa Xét nghiệm tiếp tục xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ GV để đảm nhiệm tốt hơn nhiệm vụ đào tạo, NCKH và cung ứng dịch vụ phục vụ cộng đồng.

2. Điểm mạnh

Khoa có tỷ lệ SV/GV thấp, tỷ lệ năm học 2020-2021 đạt 11,3 SV/GV, thấp hơn so với các khoa khác và thấp hơn nhiều so với quy định của Bộ GD&ĐT.

3. Điểm tồn tại

Do GV trong Khoa phải đảm nhiệm giờ giảng thay các GV nghỉ thai sản, đi học tập nâng cao trình độ nên vẫn còn một số GV có giờ giảng vượt mức quy định.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2021-2022, Khoa Xét nghiệm phân công công việc hợp lý hơn đảm bảo cân đối giờ giảng của các GV.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí: 5/7 điểm.

Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả hiện trạng

Để tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển trong tương lai, Trường đã xây dựng Kế hoạch phát triển nguồn nhân lực Trường ĐHKTYTHD giai đoạn 2016 – 2020, Đề án tổ chức bộ máy, phát triển nguồn nhân lực Trường ĐHKTYTHD giai đoạn 2018 – 2025 [H6.6.3.1-2]. Trên cơ sở định hướng phát triển, căn cứ tình hình thực tế, Trường đã xây dựng kế hoạch và tổ chức tuyển dụng GV trong các năm 2015, 2016, 2018, 2019, 2020, 2021 [H6.6.3.3]. Về căn cứ tuyển dụng, Nhà trường dựa trên các quy định về tuyển dụng viên chức tại Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, Thông tư 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức. Để hướng dẫn quy trình, thủ tục tuyển dụng, Trường ban hành Quy trình tuyển dụng GV phù hợp với đặc thù của Trường và đúng quy định pháp luật [H6.6.3.4]. Các văn bản về chỉ tiêu, tiêu chuẩn tuyển dụng GV của Trường phù hợp với các quy định của Chính phủ, Bộ Nội vụ và nhu cầu sử dụng nhân lực của Nhà trường. GV khi tuyển dụng phải đạt được các tiêu chí: 1- Có lý lịch rõ ràng. 2- Có các văn bằng, chứng chỉ đào tạo, chứng chỉ bồi dưỡng phù hợp với tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên; 3- Đủ sức khỏe để thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ; 4- Các điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí việc làm [H6.6.3.5].

Về hình thức tuyển dụng, Trường ĐHKTYTHD được Bộ Y tế đồng ý tổ chức xét tuyển viên chức. Hội đồng xét tuyển được thành lập gồm thành phần là Lãnh đạo trường, Trưởng phòng TCCB, Trưởng đơn vị nơi trực tiếp sử dụng viên chức và cán

bộ, GV có kinh nghiệm trong chuyên ngành cần tuyển dụng [H6.6.3.6]. GV xét tuyển phải trải qua một bài giảng chuyên môn trước các thành viên Hội đồng xét tuyển. Ngoài ra, ứng viên còn được kiểm tra ngoại ngữ, tin học, quy chế giảng dạy, kiến thức pháp luật, xã hội ... [H6.6.3.4]. Đối với tiêu chuẩn đạo đức, Hội đồng tuyển dụng đánh giá thông qua phỏng vấn trực tiếp, đánh giá thái độ nghiêm túc chuẩn bị bài giảng, phần trả lời kiến thức pháp luật, xã hội, hiểu biết nghề nghiệp. Kết quả tuyển dụng và danh sách trúng tuyển được công khai tại trường và gửi thông báo bằng văn bản đến các ứng viên [H6.6.3.7]. Qua 06 đợt tuyển dụng, Khoa Xét nghiệm đã tuyển được 12 GV theo đúng chuyên ngành mà Khoa đang cần và được ký hợp đồng, phân công về các bộ môn thuộc Khoa theo đúng chuyên ngành của từng người, ngoài ra còn tuyển các kỹ thuật viên làm trợ giảng công tác lại Labo XNATSVTP, Khoa Xét nghiệm Bệnh viện... [H6.6.3.8].

Để đảm bảo chất lượng đội ngũ GV chính thức, Nhà trường xây dựng quy định về sát hạch GV sau khi kết thúc thời gian tập sự [H6.6.3.9]. GV trước khi được bổ nhiệm chính thức tiếp tục được kiểm tra về chuyên môn, năng lực giảng dạy tại Hội đồng đánh giá viên chức tập sự [H6.6.3.10]. Ngoài ra, GV phải hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm [H6.6.3.11]. GV có trình độ đại học sau khi được tuyển dụng 5 năm được yêu cầu phải hoàn thành chương trình thạc sĩ. Tuy nhiên, trong Khoa còn 01 GV chưa đi học cao học do chưa sắp xếp được công việc.

Đối với việc bổ nhiệm cán bộ quản lý, Trường luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định cụ thể về tiêu chuẩn bổ nhiệm chức danh của GV, GV chính cũng như tiêu chuẩn bổ nhiệm Trưởng khoa, phó trưởng khoa, trong đó nhấn mạnh đến các yêu cầu thuộc về trình độ chuyên môn như Trưởng khoa bắt buộc phải có trình độ tiến sĩ, Phó Trưởng khoa trình độ tối thiểu là thạc sĩ [H6.6.3.12]. Từ năm 2014 đến nay, Nhà trường đã ban hành 03 quyết định liên quan đến đội ngũ cán bộ quản lý Khoa, trong đó có 01 quyết định giao nhiệm vụ kiêm Trưởng khoa, 01 quyết định bổ nhiệm Phó trưởng khoa và 01 quyết định bổ nhiệm lại Phó trưởng khoa [H6.6.3.13].

Để đảm bảo công khai, minh bạch trong công tác tuyển dụng, sử dụng và quản lý GV, Trường có các biện pháp bảo đảm công khai, dân chủ. Đối với các văn bản "Quy trình tuyển dụng viên chức", "Quy định tiêu chuẩn và quy trình thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm đối với các chức danh quản lý ", Trường đều tổ chức lấy ý kiến góp ý của các đơn vị trước khi ban hành

[H6.6.3.14]. Chỉ tiêu tuyển dụng, hình thức tuyển dụng và các tiêu chí xét tuyển được phổ biến tới các đơn vị trong toàn Trường, trên website của Trường và thông báo công khai trên báo Hải Dương trước kỳ tuyển dụng [H6.6.3.15]. Công tác bổ nhiệm cán bộ quản lý được thực hiện đúng quy trình từ lấy phiếu tín nhiệm của GV tại Khoa, Hội nghị viên chức lãnh đạo, quản lý trước khi Lãnh đạo Trường ban hành quyết định bổ nhiệm chính thức [H6.6.3.16]. Như vậy, Trường đã làm tốt công tác công khai, minh bạch trong tuyển dụng và bổ nhiệm đội ngũ nhân lực tại Khoa Xét nghiệm.

2. Điểm mạnh

100% GV tuyển dụng làm việc tại Khoa Xét nghiệm đều được tuyển dụng và bố trí công việc đúng với chuyên ngành đào tạo.

3. Điểm tồn tại

Còn 01 GV chưa đi học cao học sau khi được tuyển dụng.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2021 - 2022, Khoa bố trí cho 01 GV còn lại đi học cao học.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí: 4/7 điểm.

Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ GV, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá.

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHKTYTHD, Khoa Xét nghiệm xác định chất lượng của đội ngũ GV là yếu tố quyết định chất lượng đào tạo, NCKH. Vì vậy, trong những năm qua, Trường tập trung xây dựng các văn bản quy định về năng lực của đội ngũ GV và các hình thức đánh giá năng lực đội ngũ. Tại Đề án vị trí việc làm, Trường đã quy định cụ thể năng lực của từng vị trí công tác với các yêu cầu về trình độ, hiểu biết, kiến thức và kỹ năng cần thiết [H6.6.4.1]. Trên cơ sở vị trí việc làm, Trường tiến hành tuyển dụng GV làm việc tại các khoa, bộ môn. GV được đánh giá năng lực ngay từ khi được tuyển dụng vào Trường, phải đáp ứng các yêu cầu về trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, tin học, năng lực giảng dạy, hiểu biết xã hội, nắm rõ nội quy, quy chế và các yêu cầu khác của vị trí việc làm [H6.6.4.2]. Năng lực của GV tại Khoa Xét nghiệm được xác định thông qua các hoạt động như thiết kế chương trình, xây dựng ĐCCT HP, tài liệu hướng dẫn dạy học, thiết kế bài giảng, NCKH, học tập nâng cao trình độ... [H6.6.4.3]. Hằng năm, Trường đều ban hành Quy định về chế độ làm việc đối với GV Trường ĐHKTYTHD

để xác định nhiệm vụ cụ thể với từng chức danh GV làm cơ sở để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm [H6.6.4.4].

Để đánh giá năng lực, Nhà trường đã xây dựng hệ thống văn bản như: Quy định về đánh giá, phân loại công chức, viên chức; Quy định về đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ đối với CBVC và người lao động; Quy định về công tác thi đua khen thưởng đối với cán bộ, viên chức, người lao động; Quy định dự giờ, hội giảng [H6.6.4.5]. Để hướng dẫn cụ thể về phương thức, quy trình đánh giá năng lực của GV, cuối năm học, Phòng TCCB tham mưu cho lãnh đạo Trường ban hành văn bản hướng dẫn tổng kết đánh giá thực hiện nhiệm vụ năm học [H6.6.4.6]. Các văn bản quy định về năng lực và văn bản hướng dẫn cụ thể về phương thức, quy trình đánh giá năng lực của GV, nghiên cứu viên đều được Nhà trường đưa ra thảo luận, lấy ý kiến góp ý của CBVC trước khi thống nhất sử dụng trong toàn trường [H6.6.4.7].

Thực hiện các văn bản trên, hằng năm Khoa Xét nghiệm tổ chức cho GV xây dựng kế hoạch làm việc cá nhân theo năm, theo tháng và theo tuần để có căn cứ đánh giá việc hoàn thành nhiệm vụ. Hằng tháng, các đơn vị trong đó có Khoa Xét nghiệm tổ chức họp đánh giá việc thực hiện kết quả thực hiện nhiệm vụ trong đó có xét đến các tiêu chí về hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn theo vị trí làm việc, thực hiện nội quy, quy định nội bộ để làm căn cứ xem xét mức thu nhập tăng thêm [H6.6.4.8]. Cuối năm học, các GV đều thực hiện việc tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học, so sánh với kế hoạch đặt ra từ đầu năm thông qua Bản tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học [H6.6.4.9]. Việc đánh giá được thực hiện công khai tại Khoa, có nhận xét, góp ý và đánh giá của lãnh đạo Bộ môn, lãnh đạo Khoa, tổng hợp để Hội đồng thi đua khen thưởng Trường xem xét, đánh giá [H6.6.4.10]. Hội đồng Thi đua – Khen thưởng cấp trường xem xét, đánh giá từng đơn vị và cá nhân, trình Lãnh đạo Trường ban hành quyết định công nhận các danh hiệu thi đua [H6.6.4.11]. Ngoài giảng dạy, hoạt động NCKH cũng là một trong những nhiệm vụ bắt buộc của GV, nghiên cứu viên, đồng thời là một tiêu chí để đánh giá năng lực, kết quả công tác và xét thi đua khen thưởng thành tích của GV [H6.6.4.4].

Để bồi dưỡng, nâng cao chất lượng giảng dạy, hằng năm Khoa Xét nghiệm đều xây dựng kế hoạch, tổ chức hội giảng để GV trong toàn khoa tham gia góp ý, đánh giá để kịp thời điều chỉnh, nâng cao chất lượng giảng dạy [H6.6.4.12]. Bên cạnh các hoạt động đánh giá năng lực từ phía Nhà trường và Khoa, Trường ĐHKTYTHD đã sớm tổ

chức cho GV phản hồi về hoạt động giảng dạy của GV các khoa/bộ môn từ năm 2006 và và trở thành hoạt động định kỳ trong nhiều năm gần đây. Kết quả phản hồi của SV các năm cho thấy 100% GV của Khoa Xét nghiệm được SV phản hồi về hoạt động giảng dạy đạt loại khá trở lên, trong đó hơn 92% ở mức tốt và xuất sắc [H6.6.4.13].

Như vậy, với các hoạt động đánh giá không chỉ giúp từng GV đánh giá được năng lực thực hiện nhiệm vụ của mình, từ đó đề xuất các giải pháp tự học tập nâng cao trình độ mà còn giúp các cấp quản lý có được cái nhìn tổng quan về tình hình thực hiện nhiệm vụ giảng dạy trong Khoa, từ đó có định hướng chiến lược thích hợp. Tuy nhiên, các văn bản đánh giá của Trường còn chưa đề cập đến vấn đề đưa kết quả đánh giá của SV đối với hoạt động giảng dạy của GV là tiêu chí để xếp loại thi đua -khen thưởng.

2. Điểm mạnh

Trường tổ chức được nhiều hình thức đánh giá năng lực của đội ngũ GV, 100% GV giảng dạy tại Khoa Xét nghiệm được đánh giá hàng tháng, hàng năm và được SV phản hồi về hoạt động giảng dạy.

3. Điểm tồn tại

Chưa đưa kết quả đánh giá của SV đối với hoạt động giảng dạy của GV là tiêu chí để xếp loại thi đua - khen thưởng.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2021-2022, Khoa Xét nghiệm đề xuất với Lãnh đạo Nhà trường đưa kết quả đánh giá của SV đối với hoạt động giảng dạy của GV là tiêu chí để xếp loại thi đua - khen thưởng.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí: 4/7 điểm.

Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Mô tả hiện trạng

Để phát triển đội ngũ GV, nhân viên, Nhà trường xây dựng Kế hoạch phát triển nguồn nhân lực Trường ĐHKTYTHD giai đoạn 2016 – 2020, Đề án tổ chức bộ máy, phát triển nguồn nhân lực Trường ĐHKTYTHD giai đoạn 2018 - 2025 [H6.6.5.1-2]. Đầu năm học, Phòng TCCB gửi thông báo và biểu mẫu tới các đơn vị để đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng [H6.6.5.3]. Khoa Xét nghiệm tổ chức họp, lấy ý kiến toàn thể GV đề xuất nhu cầu học tập nâng cao trình độ chuyên môn [H6.6.5.4]. Trên cơ sở kế

hoạch và đề án phát triển nhân lực, đề xuất của Khoa Xét nghiệm và các đơn vị khác trong trường, Phòng TCCB tập hợp, báo cáo, phân tích để xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng GV toàn Trường hằng năm [H6.6.5.5].

Trên cơ sở kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng GV của Nhà trường, Khoa Xét nghiệm phân công, bố trí GV tham dự các khóa đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ. Trong giai đoạn 2014 – 2020, Khoa đã bố trí, sắp xếp cho GV trong Khoa tham dự nhiều khóa đào tạo, bồi dưỡng như: học nghiên cứu sinh, cao học để chuẩn hóa trình độ, học chuyên khoa định hướng theo từng chuyên ngành, bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm với GV và các khóa đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ Xét nghiệm để nâng cao chất lượng công tác giảng day, NCKH và cung ứng dịch vụ phục vụ cộng đồng. Năm học 2020-2021, do ảnh hưởng của tình hình dịch bệnh nên các GV của Khoa tập trung hoạt động bồi dưỡng nghiệp vụ công tác phòng, chống dịch bệnh.

Bảng 6.5.1. Các hình thức đào tạo, bồi dưỡng đối với giảng viên Khoa Xét nghiệm giai đoạn 2014 - 2021

Hình thức đào tạo, bồi dưỡng	Số lượng GV tham gia	Hình thức văn bằng, chứng chỉ
Học Nghiên cứu sinh	5	Văn bằng
Học cao học	13	Văn bằng
Học ngoại ngữ văn bằng 2	4	Văn bằng
Học chuyên khoa định hướng	5	Chứng chỉ
Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	10	Chứng chỉ
Tập huấn, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ Xét nghiệm	Gần 200 lượt	Chứng chỉ, giấy chứng nhận

GV Khoa Xét nghiệm khi học tập, nâng cao trình độ được hỗ trợ các chế độ thanh toán theo quy định tại Quy ước trách nhiệm Chính quyền – Công đoàn và Quy chế chi tiêu nội bộ. Cụ thể: GV là nghiên cứu sinh chuyên ngành y đối với chuyên ngành Nhà trường đang có yêu cầu là 200÷300 triệu đồng/người, GV khi học cao học được hỗ trợ 5 triệu đồng [H6.6.5.6]. Đối với các GV đi tập huấn, bồi dưỡng ngoài phạm vi thành phố Hải Dương được thanh toán tiền phương tiện đi lại, phụ cấp lưu trú tùy từng địa phương, mức tối đa là 900.000 đồng/người/ngày, phụ cấp sinh hoạt 150.000 đồng/người/ngày theo quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường [H6.6.5.7]. Ngoài ra, GV khi tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng được tính là giờ học tập

chuyên môn để nghiệm thu khối lượng công việc vào cuối năm học [H6.6.5.8].

Với các chính sách hỗ trợ từ Nhà trường và Khoa Xét nghiệm, từ năm 2014 đến nay, 100% GV của Khoa đều được tham dự các khóa đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng. Khoa đã bố trí cho 05 GV học nghiên cứu sinh (04 GV đã hoàn thành chương trình học và về Trường làm việc), 13 GV học cao học (trong đó 09 GV đã hoàn thành chương trình học về Trường làm việc), 03 trợ giảng hoàn thành chương trình đào tạo thạc sĩ, 05 GV học các lớp chuyên khoa định hướng chuyên ngành, 10 GV mới tham dự các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm và gần 200 lượt GV tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ NCKH, các khóa hội thảo, hội nghị, tập huấn bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ Xét nghiệm [H6.6.5.9-13]. Theo kế hoạch, Khoa sẽ tổ chức cho GV và một số trợ giảng tham gia học tập bổ sung chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp GV theo quy định mới nhưng do tình hình dịch bệnh nên chưa thực hiện được trong năm học 2020-2021.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã có chính sách hỗ trợ GV đi đào tạo bồi dưỡng tương đối cao, mọi hoạt động bồi dưỡng đều được hỗ trợ bằng kinh phí hoặc quy ra giờ chuẩn. 100% GV của Khoa đều được tham dự các khóa đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng trong giai đoạn 2014-2021.

3. Điểm tồn tại

Hiện tại một số GV tại Khoa Xét nghiệm chưa có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp GV.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2021-2022, Khoa Xét nghiệm phối hợp với phòng TCCB liên hệ với các cơ sở đào tạo mở lớp bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp GV với hình thức học tập phù hợp.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí: 4/7 điểm.

Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Từ năm 2012, Bộ Y tế đã phê duyệt Đề án Vị trí việc làm của Trường ĐHKTYTHD, được bổ sung năm 2017, trong đó mô tả chi tiết nhiệm vụ, công việc của từng vị trí việc làm [H6.6.6.1]. Trường đã quy định cụ thể về khối lượng công việc

(nghiên cứu, giảng dạy) theo chức danh công việc cho từng chức danh giảng dạy. Nhà trường cũng xây dựng hệ thống quy chế, quy định với quy trình, tiêu chí rõ ràng để đánh giá kết quả công việc của GV gồm: Quy định về việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ đối với CBVC và người lao động, Quy định về chế độ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi và nghỉ việc riêng của CBVC, người lao động, Quy định về chế độ làm việc đối với GV, Quy định về công tác thi đua, khen thưởng đối với CBVC... [H6.6.6.2].

Nhà trường triển khai quản trị theo kết quả công việc và đánh giá kết quả làm việc của GV công khai, minh bạch. Đầu năm học, mỗi GV có kế hoạch làm việc cụ thể nêu rõ khối lượng công việc, tiến độ thực hiện từng công việc và mốc thời gian dự kiến hoàn thành công việc dựa trên kế hoạch chương trình giảng dạy, phân công giờ giảng, kế hoạch hoạt động NCKH của khoa [H6.6.6.3]. Hàng tuần, GV đăng ký lịch làm việc, nêu cụ thể công việc và vị trí làm việc tại Khoa và gửi về phòng TCCB, Ban Giám hiệu Nhà trường làm cơ sở cho việc theo dõi, giám sát, đánh giá [H6.6.6.4]. Phòng TCCB và Tổ Thanh tra – Pháp chế định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra việc thực hiện công việc theo lịch làm việc đã đăng ký [H6.6.6.5].

Hằng tháng, Khoa Xét nghiệm tổ chức họp, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và việc chấp hành quy định của Nhà trường của GV trong khoa theo các tiêu chí đánh giá do Nhà trường quy định [H6.6.6.6]. Hoạt động này đã giúp GV của Khoa nâng cao được hiệu quả công việc của mình, đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của Khoa và Nhà trường. Hàng quý, căn cứ trên kết quả đánh giá của khoa, Hội đồng nghiệm thu, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của công chức, viên chức người lao động và dựa vào đó đề xuất mức hưởng tiền lương tăng thêm đối với công chức, viên chức, người lao động. Kết quả nghiệm thu, đánh giá, bình xét mức lương tăng thêm được công khai trên trang web của Nhà trường [H6.6.6.7]. Thu nhập tăng thêm sẽ động viên, khuyến khích cán bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Tuy nhiên, bộ tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ đối với GV trong khoa hằng tháng còn chung chung, chưa gắn với từng vị trí việc làm.

Kết thúc năm học, GV thống kê giờ giảng, NCKH và các hoạt động khác gửi về Khoa để xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ. Bên cạnh đó, GV tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ trong năm học, báo cáo tại cuộc họp của Khoa Xét nghiệm. Kết quả tự đánh giá được GV trong khoa nhận xét, góp ý và Trưởng khoa phê duyệt sau đó chuyển về phòng TCCB đưa ra Hội đồng thi đua – khen thưởng [H6.6.6.8]. Đây là cơ sở

bình xét các hình thức khen thưởng khác nhau. GV hoàn thành tốt công việc giảng dạy, NCKH và các công việc được giao khác được xét công nhận các danh hiệu thi đua: Lao động tiên tiến, Chiến sỹ thi đua các cấp, Giấy khen của Hiệu trưởng... [H6.6.6.9]. Trên cơ sở danh hiệu thi đua khen thưởng và kết quả công tác, GV được xét tăng lương trước hạn theo quy định chung của Nhà trường và xem xét quy hoạch vào các vị trí quản lý. Việc ghi nhận đúng thành tích và khen thưởng kịp thời cho cán bộ sẽ tạo động lực cho cán bộ phát huy hết khả năng trong giảng dạy, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. GV khoa Xét nghiệm tích cực tham gia hoạt động phục vụ cộng đồng tại Khoa Xét nghiệm bệnh viện Trường ĐHKTYTHD và Labo XNATVSTP [H6.6.6.10]. Đặc biệt trong đợt dịch COVID-19 vừa qua Khoa Xét nghiệm phối hợp với công ty Việt Á tổ chức tập huấn kỹ thuật xét nghiệm Realtime PCR xét nghiệm SARS-CoV-2 cho toàn bộ cán bộ, GV và SV Khoa Xét nghiệm và triển khai kỹ thuật này tại phòng Xét nghiệm Sinh học phân tử của Bệnh viện. [H6.6.6.11].

Mỗi năm học Nhà trường đều lấy ý kiến đóng góp của GV về kế hoạch năm học và quá trình xây dựng tiêu chí, quy trình đánh giá hiệu quả công việc vào tuần sinh hoạt công dân [H6.6.6.12]. Hằng năm, Nhà trường thực hiện khảo sát sự hài lòng của GV về việc được tham gia đóng góp ý kiến trong quá trình xây dựng văn bản của Nhà trường; Kết quả bình xét, đánh giá thi đua, khen thưởng công bằng, khách quan đều đạt mức tốt [H6.6.6.13].

2. Điểm mạnh

Hệ thống quy trình, quy định đánh giá kết quả công việc của GV được xây dựng với tiêu chí và quy trình rõ ràng. Việc đánh giá, phân loại, thi đua khen thưởng đối với GV được thực hiện kịp thời, công khai, minh bạch, tạo động lực cho GV hoàn thành tốt nhiệm vụ đào tạo và NCKH.

3. Điểm tồn tại

Tuy nhiên, bộ tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ đối với GV trong khoa hàng tháng còn chung chung, chưa gắn với từng vị trí việc làm.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021-2022, khoa Xét nghiệm và các đơn vị trong trường xây dựng lại bộ tiêu chí chi tiết, cụ thể và gắn với từng vị trí việc làm để thuận lợi trong việc nghiệm thu, đánh giá khối lượng, chất lượng công việc hằng tháng.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí: 4/7 điểm.

Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Trong nhiều năm qua, Trường ĐHKTYTHD đã coi trọng hoạt động NCKH nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và khám chữa bệnh. Phát triển NCKH đã được nhấn mạnh trong Quy hoạch tổng thể phát triển Trường ĐHKTYTHD đến năm 2020 [H6.6.7.1]. Ngay từ năm 2012, Trường đã ra quyết định ban hành quy định quản lý các hoạt động KHCN của Trường. Quy định này đã được định kỳ rà soát, sửa đổi cho phù hợp với các quy định về KHCN của Nhà nước và Chiến lược phát triển Nhà trường [H6.6.7.2]. Căn cứ trên chiến lược phát triển KHCN, Nhà trường đã đề ra kế hoạch KHCN cho các giai đoạn 5 năm (2012-2017; 2017-2021) [H6.6.7.3]. Các văn bản này đã nêu rõ NCKH là nhiệm vụ bắt buộc của GV và nhấn mạnh các lĩnh vực ưu tiên phát triển trong hoạt động NCKH của trường.

Trên cơ sở Chiến lược và Kế hoạch phát triển KHCN cho từng giai đoạn 5 năm, các khoa bộ môn, trong đó có Khoa Xét nghiệm đã xây dựng kế hoạch KHCN cho từng năm học [H6.6.7.4]. Trên cơ sở Kế hoạch KHCN của các khoa bộ môn, đơn vị, Phòng QLKHCN&HTQT xây dựng Kế hoạch KHCN hằng năm của Trường và trình Lãnh đạo Trường phê duyệt [H6.6.7.5]. Ngoài ra, Nhà trường còn cụ thể hoá các yêu cầu về nhiệm vụ KHCN cho mỗi GV trong cuốn kế hoạch năm học và thông báo công khai vào đầu năm học [H6.6.7.6]. Như vậy, số lượng, chất lượng các hoạt động NCKH mà GV phải thực hiện, cách chuyển đổi các công trình KHCN, bài báo, biên soạn giáo trình, tham dự hội thảo... được Nhà trường quy định rõ. Căn cứ trên kế hoạch năm học của trường, kế hoạch phát triển KHCN của khoa, các GV xây dựng kế hoạch giảng dạy và NCKH của cá nhân và đăng ký thực hiện.

Trong thời gian từ 2014-2021, các công trình NCKH của cán bộ, GV Khoa Xét nghiệm luôn được giám sát chất lượng bởi Hội đồng Khoa học các cấp. Các ấn phẩm khoa học của khoa được đăng trên nhiều tạp chí uy tín trong nước và quốc tế, có hội đồng phản biện, đảm bảo về chất lượng. Cuối năm học, kết quả NCKH của cán bộ, GV trong khoa được thống kê, báo cáo làm cơ sở để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và bình xét danh hiệu thi đua [H6.6.7.7].

Bảng 6.7.1. Thống kê số lượng công trình KHCN của GV Khoa Xét nghiệm

Công trình KHCN		2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
Đề tài NCKH	Cấp NN				01	01	02 (ct)
	Cấp Bộ/Tỉnh	01	01		02	2 (ct)	1 (ct)
	Cấp trường	07	01	03	03	4	11
Bài báo khoa học đã đăng	TC KH Quốc tế	04	03	02	01	5	
	TCKH cấp ngành trong nước	09	04	11	10	15	05
Sách	Giáo trình		03	01		02	
Tham dự Hội thảo	Quốc tế	02	03				
	Trong nước	04		02	02		
	Cấp trường	02	01				02
Sáng kiến	Cấp trường		01				

Thống kê cho thấy: kết quả NCKH của Khoa đa dạng với nhiều loại hình như: đề tài các cấp được nghiệm thu, bài báo đăng trên tạp chí hoặc trình bày tại hội thảo trong nước và quốc tế; giáo trình, bài giảng; sáng kiến cải tiến kỹ thuật… [H6.6.7.8]. Các công trình khoa học có sự cải thiện về số lượng và chất lượng. Từ năm 2015-2021, cán bộ GV của khoa tham gia thực hiện 29 đề tài cấp Trường, 01 đề tài cấp Bộ, 03 đề tài cấp Tỉnh và 02 đề tài cấp Nhà nước. Số bài báo khoa học tăng qua các năm gần đây với 49 bài báo đang trên tạp chí KHCN trong nước và đặc biệt có 15 bài báo đăng trên các tạp chí quốc tế uy tín thuộc danh mục ISI và Scopus [H6.6.7.8].

Nhìn chung, số lượng các công trình KHCN do cán bộ GV Khoa Xét nghiệm thực hiện có sự vượt trội so với các chuyên ngành đào tạo khác của trường [6.6.7.11]. Ví dụ giai đoạn 2015-2020, khoa Chẩn đoán hình ảnh, Phục hồi chức năng chỉ thực hiện được lần lượt 08, 05 và 05 đề tài cấp cơ sở, không có GV là chủ nhiệm hoặc thành viên chính thực hiện đề tài cấp Tỉnh, Bộ hoặc cấp Nhà nước. Từ 2015-2020,

toàn trường có 17 bài báo đăng trên tạp chí thuộc danh mục ISI và Scopus, có 15 bài báo được đăng bởi GV Khoa Xét nghiệm. Ngoài việc tham gia thực hiện công trình nghiên cứu các cấp cùng với các GV có nhiều kinh nghiệm, một số GV trẻ của Khoa Xét nghiệm còn là tác giả chính hoặc đồng tác giả của 04 bài báo đăng trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc trong danh mục ISI và Scopus.

So với Trường Đại học Kỹ thuật Y Dược Đà Nẵng cùng đào tạo chương trình Cử nhân KTXNYH, trong giai đoạn 2015-2020, Khoa Xét nghiệm Trường ĐHKTYT HD có hoạt động KHCN vượt trội về số lượng đề tài: 1 đề tài cấp Nhà nước, 3 đề tài cấp tỉnh và 1 đề tài cấp Bộ Y tế [H6.6.7.10].

Với mục tiêu nâng cao chất lượng và số lượng các loại hình hoạt động khoa học hướng tới nâng cao chất lượng giảng dạy, chẩn đoán và điều trị, hàng năm Khoa Xét nghiệm đã tổ chức họp tổng kết nhiệm vụ KHCN để rà soát, đối sánh và điều chỉnh các hoạt động khoa học năm học mới sao cho phù hợp với thực tiễn, từ đó nâng cao chất lượng NCKH của khoa và Nhà trường [H6.6.7.11]. Thông qua thực hiện các đề tài nghiên cứu này GV Khoa Xét nghiệm đã ứng dụng các kết quả nghiên cứu trong đào tạo, khám chữa bệnh và chăm sóc sức khoẻ cộng đồng.

2. Điểm mạnh

Khoa Xét nghiệm đã định kỳ rà soát, đối sánh, điều chỉnh các hoạt động NCKH. Kết quả là số lượng và chất lượng NCKH của Khoa có nhiều tiến bộ vượt bậc về số đề tài NCKH các cấp. Kết quả này đã giúp cải tiến chất lượng NCKH và chất lượng đào tạo cử nhân KTXNYH.

3. Điểm tồn tại

Chưa có chính sách khuyến khích để GV trẻ giữ vai trò chính trong các nhiệm vụ NCKH.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2021-2022, Khoa sẽ đề xuất với Nhà trường thành lập nhóm nghiên cứu nòng cốt, phân công cụ thể cho các GV có kinh nghiệm hướng dẫn các GV trẻ trong NCKH, thay đổi phương thức giao đề tài, khống chế giờ giảng tối đa của mỗi GV để dành thời gian cho NCKH.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí: 5/7 điểm.

Kết luận về tiêu chuẩn 6: Nhà trường và Khoa Xét nghiệm đã có quy hoạch đội ngũ GV, nghiên cứu viên để đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Khoa Xét nghiệm có quy mô đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên lớn nhất trong các khoa trực thuộc Trường. Tỷ lệ SV/GV thấp, năm học 2020-2021 đạt 11.3 SV/GV, thấp hơn so với các khoa khác và thấp hơn so với quy định của Bộ GD&ĐT.

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch tuyển dụng hằng năm với các tiêu chí cho từng vị trí tuyển dụng rất cụ thể phù hợp với nhiệm vụ chuyên môn. 100% GV tuyển dụng làm việc tại Khoa Xét nghiệm đều được tuyển dụng và bố trí công việc đúng với chuyên ngành đào tạo. Bên cạnh đó, Trường đã xây dựng kế hoạch đào tạo dài hạn và ngắn hạn nhằm không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực giảng dạy của đội ngũ GV từ đó nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường.

Hệ thống văn bản quy định về năng lực và phương thức đánh giá kết quả công việc của GV, nghiên cứu viên được xây dựng với tiêu chí và quy trình rõ ràng. Việc đánh giá, phân loại, thi đua khen thưởng đối với GV được thực hiện kịp thời, công khai, minh bạch, tạo động lực cho GV hoàn thành tốt nhiệm vụ đào tạo và NCKH. Các hoạt động NCKH được định kỳ rà soát, đối sánh, điều chỉnh. Kết quả là số lượng và chất lượng NCKH của Khoa có nhiều tiến bộ vượt bậc về số đề tài NCKH các cấp. Kết quả này đã giúp cải tiến chất lượng NCKH và chất lượng đào tạo cử nhân KTXNYH.

Tuy nhiên số lượng GV của Khoa có trình độ tiến sĩ chưa nhiều. Một số GV trong Khoa Xét nghiệm phải đảm nhiệm giờ giảng thay các GV nghỉ thai sản, đi học tập nâng cao trình độ nên vẫn còn một số GV có giờ giảng vượt mức quy định. Hoạt động NCKH còn chưa thu hút được nhiều GV trẻ tham gia.

Kết quả tự đánh giá: Tiêu chuẩn 6 có 01 tiêu chí đạt 5/7 điểm, 06 tiêu chí đạt 4/7 điểm.

Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên

Mở đầu: Chất lượng CTĐT phần lớn phụ thuộc vào mối quan hệ, tương tác giữa GV và NH. Tuy nhiên, đội ngũ GV không thể thực hiện tốt nhiệm vụ nếu thiếu đội ngũ cán bộ hỗ trợ. Đó là những người làm việc tại văn phòng khoa, thư viện, phòng thí nghiệm, phòng máy tính... và đội ngũ viên chức hành chính hỗ trợ NH. Nhà trường đã có quy hoạch phát triển đội ngũ nhân viên, tuyển dụng đủ nhân lực tại các phòng và thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ để đáp ứng tốt hoạt động hỗ trợ đào tạo. Ngoài ra, Nhà trường còn có những chính sách và phương pháp thực hiện để phát triển đội ngũ cán bộ hỗ trợ đào tạo. Để kiểm soát và nâng cao chất lượng hỗ trợ dịch vụ, Nhà trường thường xuyên có các hoạt động đánh giá, khảo sát mức độ hài lòng của GV, SV khi sử dụng dịch vụ để có hướng khắc phục và phát triển hiệu quả hơn.

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, quản lý phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Theo Quy hoạch tổng thể phát triển Trường ĐHKTYTHD, trong giai đoạn 2016 – 2020, Trường thực hiện các hoạt động: hoàn chỉnh bộ máy tổ chức; xây dựng chương trình giáo dục, biên soạn tài liệu đào tạo bác sĩ Y khoa, thạc sĩ Kỹ thuật y học; phát triển bệnh viện Trường và Trung tâm phục vụ đào tạo, NCKH, chăm sóc sức khỏe; tăng cường hợp tác quốc tế. Để làm được điều đó, Trường cần 100 nhân lực hành chính phục vụ đào tạo, bệnh viện, các trung tâm [H7.7.1.1]. Trên cơ sở Quy hoạch, Trường đã xây dựng các văn bản định hướng phát triển nhân lực như: Đề án vị trí việc làm năm 2012, được bổ sung năm 2017, Chiến lược phát triển Trường ĐHKTYTHD giai đoạn 2008 – 2015, tầm nhìn đến, Kế hoạch phát triển nguồn nhân lực Trường ĐHKTYTHD giai đoạn 2016-2020 [H7.7.1.2]. Các văn bản đã nêu rõ nhu cầu nhân lực và quy hoạch nhân viên làm việc tại các phòng, thư viện và các đơn vị hỗ trợ khác phục vụ cho công tác đào tạo, NCKH, khám chữa bệnh và cung ứng dịch vụ tại bệnh viện, Labo XNATTP. Đến nay, số lượng cán bộ nhân viên khối phòng ban đạt 102 người chiếm 27,8%, vượt kế hoạch Nhà trường đề ra (25%). Đội ngũ nhân viên

các phòng thực hiện hoạt động phục vụ đào tạo, NCKH và cung ứng dịch vụ phục vụ cộng đồng tại các đơn vị, trong đó có Khoa Xét nghiệm. Kỹ thuật viên tại Labo Xét nghiệm ATVSTP ngoài công việc chuyên môn tham gia trợ giảng, hỗ trợ các công việc hành chính cho GV tại Khoa Xét nghiệm.

Trường ĐHKTYTHD đã có chế độ, chính sách nhằm thu hút nhân viên mới được tuyển dụng. Nhà trường đã xây dựng Quy trình tuyển dụng viên chức, Quy chế đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức và người lao động, Quy định về công tác thi đua, khen thưởng đối với CBVC, Quy chế nâng bậc lương trước thời hạn đối với CBVC và người lao động lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ… để thu hút, phát triển và khuyến khích cán bộ nhân viên tăng năng suất và hiệu quả làm việc [H7.7.1.3]. Ngay sau khi ký hợp đồng với Nhà trường, nhân viên mới được hưởng thu nhập tăng thêm, các chính sách phúc lợi theo Quy ước trách nhiệm giữa Chính quyền và Công đoàn với mức cao nhất 1,0 tiền lương hằng tháng [H7.7.1.4]. Hằng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch để đội ngũ nhân viên tại các phòng: Hành chính quản trị, Vật tư - Trang thiết bị, Công nghệ thông tin, CTQLSV, Thư viện, đội ngũ Kỹ thuật viên Xét nghiệm… được đi học tập nâng cao trình độ để đáp ứng nhiệm vụ được giao [H7.7.1.5]. Tuy nhiên, đội ngũ nhân viên tham gia đào tạo, tập huấn chưa đồng đều giữa các năm.

Để quy hoạch đội ngũ nhân viên, hằng năm Nhà trường tiến hành thống kê số lượng CBVC tại các đơn vị, tính đến số lượng nhân viên nghỉ hưu, ngừng hợp đồng, chuyển công tác căn cứ vào số lượng nhân viên ngừng hợp đồng, chuyển công tác [H7.7.1.6]. Các đơn vị khi xây dựng kế hoạch năm học đều xác định những nhiệm vụ cần thực hiện, căn cứ trên số lượng nhân lực hiện có để đề xuất nhu cầu nhân lực [H7.7.1.7]. Trên cơ sở đề xuất của các đơn vị và nhu cầu thực tế, Phòng TCCB tổng hợp, đề nghị Lãnh đạo Trường tuyển dụng, điều chuyển tuyển dụng, điều chuyển hoặc đào tạo nhân lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ [H7.7.1.8]

Với những định hướng trong phát triển nhân lực, Nhà trường đã có được đội ngũ nhân viên đáp ứng được yêu cầu theo Đề án vị trí việc làm được Bộ Y tế phê duyệt, căn cứ chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc Trường ĐHKTYTHD. Số

lượng nhân lực công tác tại các phòng ban tính đến tháng 30/6/2021 là 102 người trong tổng số 341 viên chức,người lao động (chiếm 29,9%). Về trình độ chuyên môn có 04 tiến sĩ, 37 thạc sĩ, 56 đại học, 01 cao đẳng, 02 trung cấp, 02 sơ cấp. Tỉ lệ nhân viên có trình độ từ đại học trở lên là 97/102 (chiếm 95,1%) [H7.7.1.9].

Bảng 7.1.1. Thống kê số lượng, trình độ của đội ngũ nhân viên hỗ trợ cho CTĐT của Trường (tại thời điểm tháng 30/6/2021)

TT	Phòng	Trình độ							Tổng
		GS/ PGS	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp	
1	Phòng CNTT			2	2				4
2	Thư viện				4	1			5
3	Phòng CTQLSV			3	4				7
4	Phòng HCQT			1	9			2	12
5	Phòng VT-TTB			1	3				4
6	Phòng QLĐT		1	6	1		2		10
7	Phòng KT&BĐCLGD			3	5				8
8	Phòng TCKT			2	6				8
9	Phòng QLKHCN&HTQT		2	1					3
10	Labo XN ATTP		1	4	8				13
11	Phòng TCCB			1	3				4
12	Phòng KHTH Bệnh viện			4	1				5
13	Phòng HCTC Bệnh viện			1	4				5
14	Tổ TCKT Bệnh viện				4				4
15	Phòng CSKH Bệnh viện			2					2
16	Phòng ĐD Bệnh viện			1					1
17	TT Huấn luyện KNLS			5	2				7
Tổng			**4**	**37**	**56**	**1**	**2**	**2**	**102**

Với đội ngũ nhân viên đủ số lượng và chất lượng đáp ứng nhu cầu phục vụ các hoạt động đào tạo, NCKH, chăm sóc sức khỏe nhân dân. Để đánh giá chính xác mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên, từ năm học 2016 – 2017, Nhà trường đã tiến hành lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan như GV, SV trước tốt nghiệp về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên, kỹ thuật viên; khảo sát SV đang học tập tại trường về mức độ đáp ứng của thư viện trong đó có nội dung liên quan đến cán bộ phục vụ tại thư viện của Trường. Kết quả khảo sát đội ngũ GV năm 2020, đánh giá đội ngũ cán bộ quản lý, chuyên viên nhân viên tại các phòng chức năng đạt 3,96/5 điểm, đánh giá đội ngũ viên chức chức danh kỹ sư, kỹ thuật viên tại các phòng chức năng đạt 3,87/5 điểm [H7.7.1.10]. Kết quả khảo sát SV đại học chính quy Xét nghiệm trước tốt nghiệp năm 2020 đánh giá đội ngũ nhân viên các phòng chức năng am hiểu quy định, quy chế liên quan đến SV đạt 4,06/5 điểm, nhân viên các phòng chức năng nhiệt tình, sẵn sàng tư vấn, hỗ trợ SV đạt 4,07/5 điểm, cán bộ thư viện sẵn sàng tư vấn, hướng dẫn cho độc giả trong quá trình mượn – trả sách đạt 4,07/5 điểm [H7.7.1.11].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ nhân viên đáp ứng về số lượng, được quy hoạch dựa trên việc xác định nhu cầu thực tế, Đề án vị trí việc làm và Chiến lược phát triển Trường ĐHKTYTHD giai đoạn 2008 – 2015 và tầm nhìn đến 2020. Đội ngũ nhân viên có trình độ từ đại học trở lên là 97/102 (chiếm 95,1%).

3. Điểm tồn tại

Đội ngũ nhân viên tham gia đào tạo, tập huấn chưa đồng đều giữa các năm.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, Nhà trường giao cho phòng TCCB xây dựng kế hoạch cử nhân viên tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, phấn đấu trong những năm tới có từ 30-50% số nhân viên được tham gia đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ mỗi năm.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí: 4/7 điểm.

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả hiện trạng

Để phục vụ cho công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, luân chuyển và điều động viên chức, Trường có đầy đủ các văn bản từ quy phạm pháp luật đến các quy định được Trường ban hành. Công tác tuyển dụng của Trường ĐHKTYTHD căn cứ trên quy định tại Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, Thông tư 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức. Căn cứ các quy định của Chính phủ và Bộ Nội vụ, Trường ban hành Quy trình tuyển dụng viên chức phù hợp với đặc thù tuyển dụng, sử dụng nhân lực của trường [H7.7.2.1]. Đối với công tác bổ nhiệm, Trường đã xây dựng quy định về nội dung và thời gian tập sự của viên chức [H7.7.2.2]. Điểm mới trong quy định của trường so với các quy định của Bộ Nội vụ là viên chức trước khi bổ nhiệm chính thức phải trải qua sát hạch chuyên môn, năng lực bởi một hội đồng độc lập với Hội đồng tuyển dụng trước đó. Đối với việc bổ nhiệm cán bộ quản lý, Trường ban hành Quy định tiêu chuẩn và quy trình thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm đối với các chức danh quản lý [H7.7.2.3].

Trên cơ sở Đề án vị trí việc làm, Nhà trường tổ chức tuyển dụng các vị trí chuyên viên, kế toán viên, thư viện viên, kỹ sư. Các ứng viên dự tuyển phải đáp ứng đủ yêu cầu về trình độ chuyên môn, Tin học, Ngoại ngữ, hiểu biết về pháp luật [H7.7.2.4]. Viên chức trước khi được bổ nhiệm chính thức vào chức danh nghề nghiệp tiếp tục được đánh giá về phẩm chất đạo đức, ý thức kỷ luật, năng lực ngoại ngữ, kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyên môn [H7.7.2.2]. Đối với bổ nhiệm cán bộ quản lý, Trường nhấn mạnh đến các yêu cầu thuộc về trình độ chuyên môn như trưởng phòng, phó trưởng phòng phải có trình độ đại học trở lên, riêng trưởng phòng QLĐT, QLKHCN&HTQT bắt buộc phải có trình độ tiến sĩ và có kinh nghiệm giảng dạy đại học 5 năm trở lên, phó trưởng phòng QLĐT, QLKHCN&HTQT bắt buộc phải có trình độ thạc sĩ trở lên, kế toán trưởng phải có trình độ chuyên môn nghiệp vụ về kế toán từ đại học trở lên và phải có thời gian công tác thực tế về kế toán từ 2 năm trở lên [H7.7.2.3]. Đối với công tác điều chuyển nhân lực trong Trường hiện nay căn cứ trên đề xuất nhu cầu nhân lực tại các đơn vị chứ chưa có quy định cụ thể.

Khi xây dựng các văn bản, quy định trong công tác tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, Trường đã tiến hành lấy ý kiến của các đơn vị và cá nhân. Đối với Đề án vị trí việc làm, Trường lấy ý kiến của các đơn vị số lượng, trình độ đối với từng vị trí công việc như chuyên viên, kỹ sư, kế toán, thư viện viên…. Các văn bản "Quy trình tuyển dụng viên chức", "Quy định tiêu chuẩn và quy trình thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm đối với các chức danh quản lý ", Trường đều tổ chức lấy ý kiến góp ý của các đơn vị trước khi ban hành [H7.7.2.5].

Do có đầy đủ các quy định hướng dẫn nên công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân lực của Trường được tiến hành thuận lợi, đúng quy trình và quy định của pháp luật. Từ năm 2014 đến nay, Nhà trường đã tuyển dụng thêm 13 nhân viên làm việc tại các phòng, bệnh viện, trung tâm; bổ nhiệm chính thức 12 vị trí chuyên môn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại 14 trưởng phòng, phó trưởng phòng, tiến hành điều chuyển 18 viên chức làm việc tại các phòng, bệnh viện, trung tâm [H7.7.2.6].

Để đảm bảo công khai, minh bạch trong tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, Trường chủ động công khai các thông tin khi tuyển dụng, bổ nhiệm viên chức. Chỉ tiêu, chuyên ngành tuyển dụng dựa trên tổng hợp đề xuất nhân lực của các đơn vị, hình thức tuyển dụng và các tiêu chí xét tuyển được phổ biến tới các đơn vị trong toàn Trường, trên website của Trường và thông báo công khai trên báo Hải Dương trước kỳ tuyển dụng [H7.7.2.7]. Quy trình bổ nhiệm cán bộ quản lý được thực hiện đầy đủ từ lấy phiếu tín nhiệm của nhân viên tại các Phòng, Hội nghị viên chức lãnh đạo, quản lý trước khi Lãnh đạo Trường ban hành quyết định bổ nhiệm chính thức [H7.7.2.8]. Công tác điều chuyển nhân lực được thực hiện trên cơ sở tình hình thực tế và đề xuất nhân lực của các đơn vị.

2. Điểm mạnh

Nhà trường tuyển được đội ngũ nhân viên đúng với vị trí việc làm, đáp ứng các tiêu chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ. Các nhân viên sau khi được tuyển dụng có đủ năng lực để thực hiện các nhiệm vụ của mình.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa ban hành quy định về công tác điều chuyển nhân lực tại các đơn vị.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2021-2022, phòng TCCB phối hợp với các đơn vị toàn trường xây dựng quy định về công tác điều chuyển nhân lực để có đầy đủ căn cứ điều chuyển nhân lực giữa các đơn vị trong Nhà trường.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí: 4/7 điểm.

Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá

1. Mô tả hiện trạng

Để đảm bảo chất lượng CTĐT của Nhà trường nói chung cũng như của ngành đào tạo cử nhân KTXNYH nói riêng, bên cạnh năng lực trình độ của đội ngũ GV đóng vai trò then chốt thì năng lực đội ngũ nhân viên hỗ trợ có vai trò không thể thiếu. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ cho công tác đào tạo của Khoa Xét nghiệm đồng thời cũng là đội ngũ hỗ trợ cho các ngành đào tạo khác trong trường, gồm có 102 nhân viên thuộc 16 phòng ban và bộ phận với trình độ chuyên môn được thống kê trong Bảng 1 (Xem Tiêu chí 7.1). Trong đó, số lượng nhân viên có trình độ đại học và sau đại học chiếm tỉ lệ cao 95,1% [H7.7.3.1]. Các hoạt động hành chính hỗ trợ giảng dạy, học tập cũng được thực hiện bởi chính đội ngũ GV Khoa Xét nghiệm thông qua hoạt động CVHT, giáo vụ khoa, giáo vụ khoa lâm sàng [H7.7.3.2].

Việc đánh giá, phân loại đội ngũ nhân viên hỗ trợ Khoa Xét nghiệm được thực hiện theo hệ thống văn bản, quy định, quy chế chung của trường. Nhà trường đã xây dựng hệ thống văn bản Quy định về đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ đối với cán bộ, viên chức và người lao động, Quy định công tác thi đua khen thưởng đối với cán bộ, viên chức, người lao động để hướng dẫn cụ thể về quy trình, phương pháp, công cụ, tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên (tiêu chí đánh giá trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức, trách nhiệm, kết quả thực hiện nhiệm vụ, thực hiện nội quy cơ quan...) [H7.7.3.3]. Hằng tháng, các đơn vị tổ chức họp đánh giá việc thực hiện kết quả thực hiện nhiệm vụ trong đó có xét đến các tiêu chí về hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn theo vị trí làm việc, thực hiện nội quy, quy định nội bộ để làm căn cứ xem xét mức thu nhập tăng thêm [H7.7.3.4]. Cuối năm học, các nhân viên đều thực hiện việc tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học, so sánh với kế hoạch đặt ra từ đầu năm thông qua Bản tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học. Căn cứ chức năng nhiệm vụ theo chức danh, căn cứ nhiệm vụ được giao, cá nhân tự đánh giá khối lượng, chất lượng công việc và mức độ hoàn thành. Việc đánh giá được thực hiện công khai tại đơn vị, có nhận xét, góp ý và đánh giá của đồng nghiệp và lãnh đạo đơn vị. Tiếp theo nhân viên được đánh giá tại cuộc họp 02 khu vực khác nhau: nhân viên các phòng QLĐT, KT&BĐCLGD, CTQLSV, QLKHCN&HTQT, CNTT được đánh giá tại cuộc họp khu vực đào tạo chủ trì là Phó Hiệu trưởng phụ trách đào tạo; nhân viên các phòng HCQT, VT-TTB, TCCB, TC-KT được đánh giá tại cuộc họp khu

vực hành chính chủ trì là Phó Hiệu trưởng phụ trách hành chính. Cuối cùng Hội đồng Thi đua – Khen thưởng cấp trường đánh giá, bình xét xếp loại thi đua [H7.7.3.5]. Trên cơ sở đó, Nhà trường ra quyết định tặng các danh hiệu lao động tiên tiến, chiến sĩ thi đua cấp cơ sở [H7.7.3.6].

Bảng 7.3.1. Kết quả đánh giá đội ngũ cán bộ, nhân viên hỗ trợ đào tạo tại các phòng chức năng, Thư viện

Năm / KQ đánh giá	Năm học 2015 -2016 (N=107)		Năm học 2016- 2017 (N=100)		Năm học 2017 - 2018 (N=98)		Năm học 2018- 2019 (N=95)		Năm học 2019- 2020 (N=97)	
	n	%	n	%	%	%	n	%	n	%
Khen thưởng danh hiệu thi đua										
Chiến sĩ thi đua	3	**2,8**	3	**3,0**	4	**4,1**	2	**2,1**	3	**3,1**
Giấy khen của Hiệu Trưởng	4	**3,7**	5	**5,0**	3	**3,1**	2	**2,1**	2	**2,1**
Lao động tiên tiến	99	**92,5**	95	**95,0**	91	**92,9**	92	**96,8**	89	**91,7**
Đánh giá phân loại viên chức										
Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	7	**6,5**	8	**8,0**	7	**7,1**	4	**4,2**	5	**5,2**
Hoàn thành tốt nhiệm vụ	95	**88,8**	90	**90,0**	88	**89,8**	88	**92,6**	88	**90,7**
Hoàn thành nhiệm vụ	0	**0**	0	**0**	1	**1,0**	0	**0**	2	**2,1**
Không hoàn thành nhiệm vụ	3	**2,8**	0	**0**	2	**2,0**	3	**3,2**	1	**1**
Không đủ thời gian bình xét	2	**1,9**	2	**2,0**	0	**0**	0	**0**	1	**1**

Kết quả đánh giá đội ngũ cán bộ, nhân viên hỗ trợ đào tạo các năm cho thấy, tỉ lệ nhân viên hỗ trợ hoàn thành xuất sắc và hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên chiếm tỉ lệ cao từ 95,3% trở lên; tỉ lệ nhân viên hỗ trợ hoàn thành nhiệm vụ và không hoàn thành nhiệm vụ ở mức rất thấp từ 2,8 ÷ 4,2% trở xuống, nguyên nhân chủ yếu là vi phạm chính sách dân số kế hoạch hóa gia đình (sinh con thứ 3); số nhân viên không đủ thời gian bình xét từ 2% trở xuống do nghỉ ốm.

Ngoài ra, để đánh giá chính xác hơn năng lực của đội ngũ nhân viên, đồng thời có biện pháp cải tiến cho kế hoạch giảng dạy năm học sau, hàng năm, Nhà trường còn tiến hành lấy ý kiến của đội ngũ GV và người học về khả năng đáp ứng nhu cầu của đội ngũ nhân viên hỗ trợ thuộc các phòng ban chức năng. Kết quả khảo sát đánh giá đội ngũ nhân viên hỗ trợ của các phòng chức năng, thư viện từ phía GV cho thấy 100% các tiêu chí đánh giá đều đạt mức tốt, năm 2019 điểm trung bình từ 3,9 – 4,07, năm 2018 từ 3,42 – 3,57. Kết quả khảo sát của SV trước tốt nghiệp về chất lượng, hiệu quả các hoạt động CVHT, hỗ trợ việc làm năm 2018 đạt 3,65/5 điểm; năm 2019 đạt 4,09/5 điểm, năm 2020 đạt 4,08/5 điểm [H7.7.3.7].

Qua kết quả đánh giá đội ngũ nhân viên hỗ trợ tại các phòng chức năng cũng như đội ngũ CVHT, giáo vụ khoa, giáo vụ khoa lâm sàng có trình độ và năng lực đủ để đáp ứng tốt nhu cầu đào tạo của GV, người học và CTĐT. Tuy nhiên, bộ tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ đối với đội ngũ nhân viên của trường còn chung chung, chưa gắn với từng vị trí việc làm.

2. Điểm mạnh

Số lượng nhân viên có trình độ đại học trở lên chiếm tỉ lệ cao 95,1% không chỉ đảm bảo hỗ trợ tốt mà còn góp phần nâng cao chất lượng dạy và học của GV và SV ngành KTXNYH.

3. Điểm tồn tại

Bộ tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ đối với đội ngũ nhân viên của trường còn chưa cụ thể, chưa gắn với từng vị trí việc làm.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021-2022, khoa Xét nghiệm tham gia cùng các đơn vị xây dựng lại bộ tiêu chí chi tiết, cụ thể và gắn với từng vị trí việc làm để thuận lợi trong việc nghiệm thu, đánh giá khối lượng, chất lượng công việc hằng tháng.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí: 4/7 điểm.

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Mô tả hiện trạng

Song song với công tác đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ GV thì việc đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên và chuyên viên cũng được Nhà trường coi trọng. Nhà trường đã xây dựng Kế hoạch phát triển nguồn nhân lực Trường ĐHKTYTHD giai đoạn 2016 – 2020, Đề án tổ chức bộ máy, phát triển nguồn nhân lực Trường ĐHKTYTHD giai đoạn 2018 – 2025 để định hướng phát triển đội ngũ nhân viên [[H7.7.4.1-2]. Nhà trường cũng ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức và lao động hợp đồng của Trường ĐHKTYTHD và điều chỉnh hằng năm cho phù hợp tình hình thực tế [H7.7.4.3].

Đầu năm học, phòng TCCB gửi thông báo và biểu mẫu tới các đơn vị để đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng [H7.7.4.4]. Các phòng chức năng, Thư viện tổ chức họp, lấy ý kiến toàn thể nhân viên trong đơn vị đề xuất nhu cầu học tập nâng cao trình độ chuyên môn [H7.7.4.5]. Trên cơ sở kế hoạch và đề án phát triển nguồn nhân lực và đề xuất của các đơn vị, phòng TCCB tập hợp, báo cáo, phân tích để xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhân viên toàn trường hằng năm [H7.7.4.6]. Phòng TCCB gửi kế hoạch đã được phê duyệt tới từng đơn vị và hướng dẫn nhân viên các thủ tục đăng kí đi học, ra quyết định cử đi học và các chế độ kèm theo [H7.7.4.7].

Hàng năm các nhân viên được đi học bồi dưỡng, nâng cao trình độ phải báo cáo tình hình học tập, nộp lại cho phòng TCCB các văn bằng, chứng chỉ được cấp khi tập huấn để quản lý và lưu trữ [H7.7.4.8]. Kết quả học tập là một trong những căn cứ để đánh giá viên chức cuối năm. Báo cáo tổng hợp kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức, viên chức hàng năm của Nhà trường cho thấy đội ngũ nhân viên cơ bản hoàn thành nhiệm vụ học tập đúng kế hoạch, đạt kết quả tốt [H7.7.4.9]. Sau đào tạo từng cán bộ, nhân viên, chuyên viên, kỹ thuật viên có sự chuyển biến chính trị vững vàng, có tinh thần trách nhiệm cao trong công viêc, áp dụng những kiến thức đã học được vào trong quá trình thực thi công vụ và chuyên môn để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao. Bên cạnh đó, các nhân viên còn được tham gia các hội thảo, tập huấn tại trường để bồi dưỡng

nghiệp vụ, nâng cao trình độ chuyên môn, giúp nhân viên hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao [H7.7.4.10]. Tuy nhiên, số lượng nhân viên được cử đi học tập, bồi dưỡng chưa cân đối giữa các đơn vị, một số vị trí có ít người đi học bồi dưỡng.

Bảng 7.4.1. Danh sách đi học NCS, thạc sỹ của chuyên viên, nhân viên

STT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Thời gian đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Nơi đào tạo
1	Phạm Thanh Hà	Phòng HCQT	2017-2020	NCS Tài chính – Ngân hàng	Học viện Tài chính
2	Phạm Thanh Hà	Phòng HCQT	2013-2015	Thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng	Học viện Tài chính
3	Bùi Văn Tuấn	Phòng VT - TTB	2013-2015	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Đại học KT&QTKD-Đại học Thái Nguyên
4	Đỗ Thị Hải Đăng	Phòng CTQLSV	2014-2016	Thạc sĩ Xã hội học	Học viện KHXHNV
5	Nguyễn Tuấn Anh	Phòng CNTT	2014-2016	Thạc sĩ Kỹ thuật phần mềm	Đại học Công nghệ - ĐHQGHN
6	Đỗ Trọng Tiến	Phòng CNTT	2014-2016	Thạc sĩ CNTT	Đại học Hàng hải Việt Nam
7	Ng.T.Phương Thảo	Phòng CTQLSV	2015-2017	Thạc sĩ Chính trị học	Đại học KHXH và NV – ĐHQGHN
8	Nguyễn Kiều Hưng	Phòng CNTT	2015-2017	Thạc sĩ CNTT	Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên
9	Nguyễn Thị Hường	Phòng TCKT	2015-2017	Thạc sĩ Quản lý kinh tế	Đại học Hàng hải
10	Vũ Thị Ngọc Dung	Phòng KT&BĐCLGD	2016-2018	Thạc sĩ Đo lường và đánh giá trong giáo dục	Đại học Giáo dục - ĐHQGHN
11	Phạm T. Minh Khánh	Phòng TCCB	2018-2020	Thạc sĩ Y tế công cộng	Đại học Y tế công cộng

Bảng 7.4.2. Kết quả đào tạo chuyên môn nghiệp vụ của kỹ thuật viên, nhân viên [H7.7.4.9]

TT	Nội dung tập huấn	Số lượt người					
		2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
1	Tập huấn công tác tổ chức cán bộ	10	12	8	8		
2	Tập huấn công tác tài chính, tài sản	4	11	16	5		
3	Tập huấn công tác xây dựng	11					
4	Tập huấn công tác văn thư, lưu trữ	1	2	2	3		
5	Tập huấn máy tính phục vụ công tác tuyển sinh	2	2	2	2	2	2
6	Tập huấn về sử dụng, sửa chữa, vận hành TTB y tế	9	20	23	23	12	
7	Tham quan, học tập kinh nghiệm, khảo sát thực trạng	8	10	12	6		
8	Bồi dưỡng, cập nhật kiến thức	17	15	10		2	
9	Bồi dưỡng kiến thức QPAN						
10	Bồi dưỡng nghiệp vụ đấu thầu	2			29		
11	Tập huấn quản lý phòng thực hành	5					
12	Bồi dưỡng về kỹ năng lãnh đạo, quản lý	3			65	25	
13	Bồi dưỡng lý luận chính trị trung cấp			5	52	5	1
14	Tổ chức tập huấn công tác PCCC			59		23	
15	Bồi dưỡng kiến thức ngoại ngữ				5		
16	Tập huấn kiến thức TĐG cơ sở giáo dục		63			48	1
17	Tập huấn kiến thức tự đánh giá CTĐT				29		
18	Tập huấn xây dựng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015				53		
19	Tập huấn xây dựng CĐR và phát triển CTĐT				18		

TT	Nội dung tập huấn	Số lượt người					
		2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
20	Tập huấn tư vấn, đào tạo bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cơ bản xây dưng ma trận, cấu trúc đề thi đánh giá kết quả học tập hoặc đánh giá năng lực người học cho các trường đại học VN						21
21	Tập huấn điều trị và chăm sóc bệnh nhân COVID-19						24
22	Tập huấn kĩ thuật lấy mẫu và thực hiện xét nghiệm SARS-CoV-2						7
Tổng số:		**72**	**97**	**137**	**256**	**117**	**56**

Để khuyến khích và tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ, nhân viên đi học tập nâng cao trình độ, Nhà trường đã ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy ước trách nhiệm chính quyền, công đoàn, phương thức phân phối lương tăng thêm và phúc lợi cơ quan trong đó có quy định cụ thể về định mức và hình thức hỗ trợ cho cán bộ nhân viên trong thời gian đi học. Cụ thể, viên chức đi tập huấn, bồi dưỡng ngoài phạm vi thành phố Hải Dương được thanh toán tiền phương tiện đi lại, phụ cấp lưu trú tùy từng địa phương, mức tối đa là 900.000 đồng/người/ngày, phụ cấp sinh hoạt 150.000 đồng/người/ngày theo quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường [H7.7.4.11].

2. Điểm mạnh

Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn nghiệp vụ của nhân viên luôn được Nhà trường, các khoa, phòng, bộ môn và trung tâm quan tâm và tạo điều kiện. Nhà trường đã có phân bổ ngân sách cho đào tạo bồi dưỡng hàng năm, có kế hoạch định hướng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên.

3. Điểm tồn tại

Số lượng nhân viên được cử đi học tập, bồi dưỡng chưa cân đối giữa các đơn vị, một số vị trí có ít người đi học bồi dưỡng.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021-2022, Phòng TCCB là đơn vị đầu mối tiếp tục đẩy mạnh và thường xuyên khảo sát nhằm xác định chính xác nhu cầu đào tạo và nâng cao trình độ

chuyên môn của đội ngũ nhân viên; xây dựng kế hoạch học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên theo từng vị trí việc làm, đảm bảo cân đối giữa các đơn vị.

5. Tự đánh giá:

Đạt yêu cầu của tiêu chí: 4/7 điểm.

Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Từ năm 2012, Bộ Y tế đã phê duyệt Đề án vị trí việc làm của Trường ĐHKTYTHD và Quyết định bổ sung năm 2017, trong đó mô tả chi tiết nhiệm vụ, công việc của từng vị trí việc làm [H7.7.5.1]. Bên cạnh đó, Nhà trường đã xây dựng hệ thống quy chế, quy định, quy trình và tiêu chí rõ ràng để đánh giá kết quả công việc của nhân viên: Quy định về đánh giá, phân loại công chức, viên chức, người lao động Trường ĐHKTYTHD, Quy định về việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ đối với CBVC và người lao động, Quy định về chế độ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi và nghỉ việc riêng của CBVC, người lao động, Quy định về công tác thi đua, khen thưởng đối với CBVC, người lao động [H7.7.5.2].

Nhà trường triển khai quản trị theo kết quả công việc và đánh giá kết quả làm việc của nhân viên công khai, minh bạch nhằm tạo động lực cho nhân viên trong quá trình làm việc và hỗ trợ đắc lực cho hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Đầu tháng, nhân viên xây dựng kế hoạch làm việc gồm nội dung công việc, sản phẩm đầu ra, thời gian thực hiện gửi về phòng TCCB, cuối tháng các đơn vị tổ chức họp đánh giá kết quả thực hiện công việc [H7.7.5.3-4]. Từng cá nhân tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và việc chấp hành quy định của Nhà trường, có nhận xét đánh giá của người đứng đầu đơn vị, trên cơ sở đó đề nghị mức bình xét lương tăng thêm hằng tháng H7.7.5.5]. Hằng quý, căn cứ trên kết quả đánh giá, bình xét mức lương tăng thêm hàng tháng của các đơn vị, Hội đồng nghiệm thu đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của viên chức, người lao động tổ chức họp, đánh giá từng viên chức để quyết định mức lương tăng thêm [H7.7.5.6]. Kết quả nghiệm thu, đánh giá, bình xét mức lương tăng thêm được công khai trên trang web của Nhà trường [H7.7.5.7]. Việc xây dựng kế hoạch và đánh giá công tác tháng khiến nhân viên phải

sắp xếp công việc khoa học hơn, nỗ lực thực hiện, nâng cao hiệu quả công việc của mình. Thu nhập tăng thêm hàng tháng góp phần động viên, khuyến khích cán bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Ngoài ra, Phòng TCCB và Tổ Thanh tra – Pháp chế định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra việc thực hiện công việc và vị trí làm việc. Qua việc kiểm tra nếu phát hiện nhân viên chưa nghiêm túc thực hiện theo kế hoạch làm việc sẽ bị nhắc nhở, xem xét đánh giá kết quả hoạt động [H7.7.5.8].

Kết thúc năm học, nhân viên tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ trong năm học, báo cáo tại cuộc họp của đơn vị. Kết quả tự đánh giá của nhân viên được các nhân viên trong đơn vị nhận xét, góp ý và Trưởng phòng phê duyệt sau đó gửi về phòng TCCB trình Hiệu trưởng [H7.7.5.9]. Dựa vào việc kết quả thực hiện công việc được giao và các thành tích xuất sắc của nhân viên được đánh giá theo 4 mức độ: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; hoàn thành tốt nhiệm vụ; hoàn thành nhiệm vụ; không hoàn thành nhiệm vụ. Trên cơ sở đánh giá viên chức và người lao động các đơn vị bình xét các danh hiệu thi đua, khen thưởng. Những cán bộ, nhân viên hỗ trợ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ sẽ nhận được những danh hiệu xứng đáng: Lao động tiên tiến, Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở, Giấy khen của Hiệu trưởng và được nâng lương trước thời hạn [H7.7.5.10]. Những nhân viên có thành tích cao, xuất sắc sẽ được xét tăng lương trước hạn theo Quy chế nâng lương thường xuyên, nâng lương trước thời hạn [H7.7.5.11]. Việc xem xét khen thưởng cho nhân viên chính là việc ghi nhận thành tích trong quá trình công tác của cá nhân. Việc ghi nhận đúng thành tích và khen thưởng kịp thời cho nhân viên sẽ tạo động lực cho đội ngũ nhân viên phát huy hết khả năng trong việc hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Khi xây dựng các quy định về đánh giá, phân loại công chức, viên chức, người lao động Trường ĐHKTYTHD, Quy định về việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ đối với CBVC và người lao động, Quy định về chế độ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi và nghỉ việc riêng của CBVC, người lao động, Quy định về công tác thi đua, khen thưởng đối với CBVC, người lao động, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến CBVC, đảm bảo khách quan, dân chủ [H7.7.1.12].

Với việc xác định rõ từng vị trí việc làm và các hình thức đánh giá phù hợp, đội ngũ nhân viên tại các phòng ban đã hoàn thành tốt công việc, đóng góp hiệu quả vào các hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng của Nhà trường nói chung và Khoa Xét nghiệm nói riêng. Đối với hoạt động giảng dạy, nhân viên phòng Vật tư –

TTB đã chuẩn bị đầy đủ phương tiện, vật tư, hóa chất phục vụ giảng dạy lý thuyết, thực hành [H7.7.1.13-14]. Trong thời gian giãn cách xã hội do dịch COVID-19, nhân viên CNTT đã hỗ trợ GV, SV Khoa Xét nghiệm trong việc tổ chức giảng dạy online, đảm bảo đúng tiến độ [H7.7.1.15]. Trong NCKH, nhân viên phòng QLKHCN&HTQT, phòng tài chính Kế toán đã hướng dẫn trong việc xây dựng đề cương, thanh toán kết quả đề tài NCKH [H7.7.1.16]. Trong hoạt động phục vụ cộng đồng, nhân viên phòng Hành chính quản trị, Vật tư – Trang thiết bị hỗ trợ các điều kiện cần thiết cho các lớp tập huấn, bồi dưỡng quản lý chất lượng Xét nghiệm cũng như hoạt động cung ứng dịch vụ tại Khoa Xét nghiệm bệnh viện Trường.

Để kịp thời điều chỉnh, nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên hỗ trợ, hàng năm, Nhà trường còn tiến hành lấy ý kiến của đội ngũ GV và SV về khả năng đáp ứng nhu cầu của đội ngũ nhân viên hỗ trợ thuộc các phòng ban chức năng, Thư viện Trường cũng xây dựng kế hoạch và tổ chức khảo sát SV về mức độ đáp ứng của Thư viện [H7.7.1.17]. Kết quả khảo sát cho thấy đội ngũ cán bộ hỗ trợ hoạt động có hiệu quả, góp phần vào nâng cao chất lượng công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng của Nhà trường [H7.7.1.18].

2. Điểm mạnh

Hệ thống đánh giá kết quả công việc của nhân viên được xây dựng với tiêu chí và quy trình rõ ràng. Việc đánh giá, phân loại, thi đua khen thưởng đối với nhân viên được thực hiện kịp thời, công khai, minh bạch, tạo động lực cho nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Hiện Nhà trường đang sử dụng bộ tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ chung cho toàn bộ đội ngũ nhân viên các phòng, chưa tính được sự đặc thù của từng vị trí việc làm.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021-2022, khoa Xét nghiệm cùng với các khoa và đơn vị trong trường xây dựng lại bộ tiêu chí chi tiết, cụ thể và gắn với từng vị trí việc làm để thuận lợi trong việc nghiệm thu, đánh giá khối lượng, chất lượng công việc hàng tháng.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí: 4/7 điểm.

Kết luận về Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên đảm bảo về số lượng, chất lượng về năng lực chuyên môn. Đội ngũ này được tuyển dụng theo đứng quy định về quy trình và tiêu trí tuyển dụng của Nhà trường đã được công bố công khai. Nhà trường tạo điều kiện cũng như khuyến khích cán bộ hỗ trợ bồi dưỡng, nâng cao công tác chuyên môn. Chất lượng đội ngũ cán bộ hỗ trợ hiện nay đảm bảo đảm nhiệm được công tác phục vụ giảng dạy, NCKH của Nhà trường. Nhà trường có kế hoạch tuyển dụng và chiến lược đào tạo phát triển đội ngũ nhân viên, vì vậy đội ngũ nhân viên được đảm bảo về số lượng, có năng lực chuyên môn phù hợp với vị trí việc làm đảm nhiệm, sẵng sàng thực hiện việc phục vụ là căn cứ để xét và công nhận các danh hiệu thi đua các cấp, nhân viên sẽ được xét nâng bậc lương trước thời hạn khi đạt thành thích xuất sắc. Điều đó có tác dụng động viên, khuyến khích nhân viên hăng say, tích cực hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Tuy nhiên, Nhà trường chưa ban hành quy định về công tác điều chuyển nhân lực tại các đơn vị. Bộ tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ đối với đội ngũ nhân viên của trường còn chung chung, chưa gắn với từng vị trí việc làm. Số lượng nhân viên được cử đi học tập, bồi dưỡng chưa cân đối giữa các đơn vị, một số vị trí có ít người đi học bồi dưỡng.

Kết quả tự đánh giá: Tiêu chuẩn 7 có 05 tiêu chí đạt 4/7 điểm.

Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Mở đầu: Người học là đối tượng trung tâm trong môi trường giáo dục bậc đại học và để đạt được mục tiêu đào tạo đã đặt ra thì việc định hướng hoạt động cho người học có ý nghĩa rất quan trọng. Khi đã tuyển chọn được những SV đáp ứng yêu cầu theo Đề án tuyển sinh thì các hoạt động đào tạo được tiến hành theo khung chương trình, với sự hỗ trợ tối đa từ phía Nhà trường nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho người học.

Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công khai và được cập nhật

1. Mô tả hiện trạng

Chính sách tuyển sinh hàng năm của Nhà trường được xác định và chỉ rõ tại Nghị quyết Đảng ủy, Biên bản Hội đồng trường [H8.8.1.1]. Các chính sách này được phòng Quản lý đào tạo tham mưu xây dựng, có sự thống nhất ý kiến của các Ủy viên Hội đồng tuyển sinh phù hợp với Quy chế tuyển sinh đại học và các văn bản hướng dẫn công tác tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT [H8.8.1.2-3]. Chính sách tuyển

sinh được cụ thể hóa trong Đề án tuyển sinh và Thông tin tuyển sinh hàng năm [H8.8.1.4-12].

Từ năm 2017, Nhà trường xây dựng đề án tuyển sinh theo hướng dẫn tại Thông tư 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25/01/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Bộ GD&ĐT và trang thông tin điện tử của Nhà trường cũng như được cập nhập vào trang quản lý thi trung học phổ thông quốc gia để tạo điều kiện cho thí sinh tra cứu kết quả xét tuyển [H8.8.1.13]. Năm 2018, Nhà trường đã thực hiện việc lấy ý kiến nhà sử dụng lao động, SV, CBVC về việc xác định phương thức tuyển sinh làm căn cứ xây dựng Đề án tuyển sinh năm 2019 [H8.8.1.14]. Đề án tuyển sinh nêu rõ phương thức xét tuyển vào ngành Kỹ thuật Xét nghiệm Y học là xét tuyển dựa vào kết quả thi trung học phổ thông quốc gia trong năm tuyển sinh với tổ hợp xét tuyển được tính từ tổng điểm thi 3 môn tốt nghiệp THPT theo tổ hợp các môn xét tuyển là Toán, Hóa, Sinh hoặc Toán, Lý, Hóa cộng điểm ưu tiên. Tuy nhiên năm 2021, phương thức tuyển sinh có thêm điểm mới là xét tuyển cả đối với thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh IELTS từ 6.0 trở lên hoặc TOEFT IBT 60 trở lên trong thời hạn từ 24/7/2019 đến 26/7/2021 và đảm bảo ngưỡng chất lượng đầu vào. Kết quả tuyển sinh các năm cho thấy số thí sinh có nguyện vọng học tập tại trường cao gấp 5 – 10 lần chỉ tiêu tuyển sinh được giao nên Nhà trường đã tuyển được các thí sinh có chất lượng đầu vào tương đối tốt:

Bảng 8.1.1. Điểm trúng tuyển đầu vào các năm

Năm	2015	2016	2017	2018	2019	2020
Chỉ tiêu	130	120	120	120	150	140
Số đăng ký	762	865	1362	1402	914	880
Điểm trúng tuyển	22.75	22.50	23.75	19.35	19.35	21.5

Ngoài kênh chính thức trên trang web của trường, các thông tin tuyển sinh được đăng tải rộng rãi trên cuốn Thông tin tuyển sinh hằng năm của Bộ GD&ĐT, Bản tin Kỹ thuật y học của Nhà trường, mạng xã hội và được cập nhật hàng năm [H8.8.1.15]. Từ năm 2017, Nhà trường triển khai công tác tư vấn tuyển sinh [H8.8.1.16]. Năm 2018, 2019 đã triển khai tư vấn và chuyển phát tờ rơi tại các trường THPT trên địa bàn tỉnh Hải Dương quảng bá về Trường, về ngành KTXNYH [H8.8.1.17].

Chính sách tuyển sinh phù hợp với kế hoạch phát triển nhân lực trong hệ thống khám bệnh, chữa bệnh giai đoạn 2015-2020, theo đó dự báo năm 2020 cả nước cần bổ sung 65.261 Kỹ thuật viên. Chính sách tuyển sinh của trường cũng phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội địa phương được thể hiện trong Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hải Dương đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 "Tăng cường TTB kỹ thuật và đội ngũ bác sĩ, đặc biệt là tuyến cơ sở" [H8.8.1.18]. Từ năm 2014 – 2021, Nhà trường đã đào tạo, bồi dưỡng tốt nghiệp được 762 SV đại học chính quy, 373 SV cao đẳng chính quy, 676 SV hệ VLVH ngành KTXNYH [H8.8.1.19]. Đặc biệt trong 5 năm gần đây (từ năm 2014 đến năm 2019) kết quả thống kê cho thấy SV ngành KTXNYH sau khi tốt nghiệp 1 năm có việc làm phù hợp ngành đào tạo đạt tỷ lệ cao trên 91% là tiền đề cho công tác tuyển sinh của năm học tiếp thep, khẳng định chỗ đứng nhân lực ngành KTXNYH [H8.8.1.20]. Mặt khác, Nhà trường là địa chỉ tin cậy để các cơ sở đào tạo khác, các cơ sở sử dụng người lao động gửi công văn đề nghị phối hợp đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ y tế tại các tỉnh, các bệnh viện [H8.8.1.21].

2. Điểm mạnh

Chính sách tuyển sinh của Nhà trường rõ ràng, công khai phù hợp với ngành đào tạo đã thu hút được đông đảo thí sinh có nguyện vọng học. Do đó, Nhà trường lựa chọn được các thí sinh có chất lượng đầu vào tốt.

3. Điểm tồn tại

Công tác quảng bá tuyển sinh, tư vấn tuyển sinh cho thí sinh và gia đình người học chưa được rộng rãi mới chỉ thực hiện ở tỉnh Hải Dương.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021-2022, Phòng QLĐT kết hợp với các đơn vị trong Nhà trường triển khai công tác quảng bá về chính sách tuyển sinh, tư vấn tuyển sinh, thực hiện thường xuyên và rộng rãi trước mỗi kỳ tuyển sinh (tháng 3, tháng 4 hàng năm) và mở rộng tư vấn tuyển sinh đến nhiều tỉnh trong cả nước.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí: 4/7 điểm.

Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHKTYTHD có thế mạnh đào tạo các ngành Kỹ thuật Y học trong đó có ngành KTXNYH. Hàng năm, Nhà trường tuyển sinh cử nhân ngành KTXNYH phù hợp với nhu cầu phát triển nhân lực ngành, địa phương và phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn, triết lý giáo dục của trường [H8.8.2.1-2]. Căn cứ vào đặc thù ngành KTXNYH, từ năm 2015 đến nay, Nhà trường đã xây dựng Đề án tuyển sinh quy định cụ thể tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học vào hệ đào tạo chính quy thực hiện theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT. Đối tượng tuyển sinh, phạm vi, phương thức, chỉ tiêu tuyển sinh và điều kiện đăng ký xét tuyển đều được quy định rõ ràng trong Đề án tuyển sinh [H8.8.2.3].

- Đối tượng tuyển sinh: Đã tốt nghiệp THPT (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trung cấp (trong đó, người tốt nghiệp trình độ trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành) hoặc đã tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài (đã được nước sở tại cho phép thực hiện, đạt trình độ tương đương trình độ THPT của Việt Nam) ở nước ngoài hoặc ở Việt Nam (sau đây gọi chung là tốt nghiệp THPT). Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành.

- Phạm vi tuyển sinh: trong cả nước.

- Phương thức tuyển sinh: Trường áp dụng hình thức xét tuyển dựa trên kết quả thi Trung học phổ thông quốc gia hàng năm.

Các thí sinh có trình độ tốt nghiệp phổ thông trung học và tương đương có tổng điểm các môn thi Toán, Hóa, Sinh hoặc Toán, Lý, Hóa cộng điểm ưu tiên xét tuyển lớn hơn hoặc bằng điểm xét tuyển chung của Nhà trường và có đủ sức khỏe sẽ được gọi nhập học. Năm 2021, Nhà trường thực hiện thêm phương thức tuyển sinh mới là là xét tuyển cả đối với thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh IELTS từ 6.0 trở lên hoặc TOEFT IBT 60 trở lên trong thời hạn từ 24/7/2019 đến 26/7/2021 và đảm bảo ngưỡng chất lượng đầu vào. Ngoài ra với các đối tượng ưu tiên và tuyển thẳng vào trường, Nhà trường thực hiện theo đúng yêu cầu của Bộ GD&ĐT [H8.8.2.4].

Phòng QLĐT xây dựng tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học với sự

thống nhất ý kiến của Đảng ủy trường, Hội đồng trường và Hội đồng tuyển sinh [H8.8.2.5]. Ngoài ra năm 2018, Nhà trường đã thực hiện việc lấy ý kiến nhà sử dụng lao động, SV, CBVC xác định phương thức tuyển sinh là một trong các căn cứ xây dựng Đề án tuyển sinh năm 2019 [H8.8.2.6]. Kết thúc các đợt tuyển sinh, Hội đồng tuyển sinh họp tổng kết đánh giá, rút kinh nghiệm về tiêu chí và phương pháp tuyển sinh [H8.8.2.7]. Với tiêu chí và phương pháp tuyển sinh phù hợp, Nhà trường luôn tuyển được tương đối đủ số SV trong chỉ tiêu hàng năm [H8.8.2.8].

Bảng 8.2.1. Thống kê kết quả tuyển sinh chính quy Khoa Xét nghiệm

Năm học	Số TS đăng ký CTĐT (người)	Chỉ tiêu (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào	Điểm TB của SV được tuyển
2020-2021	880	140	257	6.28	203	21.5	21.78
2019-2020	914	150	520	6.52	151	19.35	19.45
2018-2019	1402	120	150	11.68	122	19.35	19.72
2017-2018	1362	120	155	11.35	130	23.75	24.0
2016-2017	865	120	205	7.21	107	22.5	23.25
2015-2016	762	130	139	5.86	126	22.75	23.65
2014-2015	2149	130	202	16.53	129	21	22.58

Các công tác liên quan đến tuyển sinh đều được Nhà trường giám sát chặt chẽ thông qua thành lập Ban Thanh tra giám sát hoạt động tuyển sinh đảm bảo tính khách quan, minh bạch và đúng các tiêu chí tuyển sinh của Bộ GD&ĐT [H8.8.2.9]. Tính đến thời điểm này, Nhà trường chưa nhận được bất kỳ ý kiến nhận xét nào đánh giá không tốt về tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học.

2. Điểm mạnh

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học của Nhà trường được thực hiện theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT và có sự thống nhất ý kiến của Đảng ủy trường, Hội đồng trường, Hội đồng tuyển sinh. Quá trình tuyển sinh được giám sát chặt chẽ đảm bảo khách quan, minh bạch.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến Nhà sử dụng lao động, SV, CBVC là một trong các căn cứ xây dựng Đề án tuyển sinh năm 2019 mới chỉ thực hiện năm 2018 vì vậy chưa thực hiện thường xuyên hàng năm.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021-2022, Phòng QLĐT tiếp tục theo dõi kết quả học tập của SV, lấy ý kiến của các bên liên quan để đánh giá điều chỉnh tiêu chí và phương thức tuyển chọn người học cho các năm tiếp theo.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí: 4/7 điểm.

Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHKTYTHD có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học. Hệ thống có sự tham gia của nhiều bộ phận trong trường từ: GV, CVHT, Khoa Xét nghiệm tới các phòng ban.

Bảng 8.3.1. Hệ thống giám sát học tập, rèn luyện của người học

TT	Hệ thống	Nội dung giám sát	
		Khối lượng học tập và kết quả	**Sự tiến bộ trong rèn luyện và kết quả rèn luyện**
1.	GV giảng dạy HP	1. Điểm HP	1. Điểm chuyên cần
2.	CVHT	1. Tư vấn cho SV đăng ký tín chỉ 2. Duyệt đăng ký tín chỉ. 3. Theo dõi kết quả học tập của SV từng kỳ, năm học. 4. Theo dõi số lượng tín chỉ nợ của SV, SV cảnh báo học tập và thôi học. 5. Theo dõi SVTN chậm	1. Theo dõi chấm điểm rèn luyện từng kỳ cho SV. 2. Duyệt danh sách học bổng cho lớp 3. Duyệt thi đua cho SV
3.	Khoa Xét nghiệm	1. SV thi lại 2. SV học lại 3. Theo dõi SV cảnh báo học tập, xếp hạng yếu, thôi học 4. SV chậm tốt nghiệp	1. Rà soát học bổng cho SV 2. Báo cáo danh sách SV được khen thưởng, kỷ luật

TT	Hệ thống	Nội dung giám sát	
		Khối lượng học tập và kết quả	**Sự tiến bộ trong rèn luyện và kết quả rèn luyện**
4.	Phòng QLĐT	1. Kết quả học tập của HP, kỳ học, năm học, khóa học 2. Số tín chỉ tích lũy và còn nợ 3. SVTN đúng hạn và chậm TN	
5.	Phòng CTQLSV	1. Quản lý SV thôi học, SV bị kỷ luật, SV nghỉ học 2. Duyệt học bổng cho SV 3. Thông báo cho gia đình SV bị cảnh báo học tập và thôi học	1. Duyệt điểm rèn luyện cho SV 2. Duyệt thi đua cho SV và lớp SV
6.	Hội đồng xét học vụ	Xét SV học lực bình thường, học lực yếu, cảnh báo học tập, buộc thôi học	
7.	Hội đồng xét TN	Xét công nhận tốt nghiệp cho SV	
8.	Hội đồng thi đua	Xét và công nhận danh hiệu thi đua cho SV và lớp SV	
9.	Hội đồng kỷ luật		Xét kỷ luật SV
10.	Phòng KT& BĐCLGD	Lập danh sách SV bị đình chỉ, cảnh cáo, khiển trách trong kỳ thi kết thúc HP	
11.	Phòng QLKHCN& HTQT		Tổ chức SV tham gia NCKH, thi SV giỏi, thi sáng tạo tài năng trẻ và các hoạt động sáng tạo khác
12.	Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện		Công nhận kết quả rèn luyện cho SV
13.	Ban cán sự lớp		1. Đôn đốc SV trong lớp chấp hành nghiêm nội quy, quy chế về học tập và rèn luyện 2. Báo cáo tình hình học tập, rèn luyện của lớp theo kỳ, năm học

Nhà trường đã ban hành hệ thống các văn bản, tài liệu quy định rõ khối lượng học tập của người học như: Quy chế đào tạo theo HCTC; Quy định tổ chức dạy – học thực tập lâm sàng; Quy định tốt nghiệp hệ đại học, cao đẳng chính quy [H8.8.3.1]. Đồng thời, Nhà trường cũng ban hành nhiều quy định, quy trình hướng dẫn thực hiện các biện pháp giám sát tiến trình học tập, đánh giá điểm rèn luyện của người học như: Quy chế tổ chức thi, Quy chế công tác CVHT, Quy trình quản lý thông tin SV tại khoa, bộ môn; Quy chế công tác SV, Quy chế về công tác SV ngoại trú, Quy chế đánh giá kết quả điểm rèn luyện của SV [H8.8.3.2]. Từ năm 2010, Nhà trường xây dựng phần mềm Quản lý đào tạo, bảo trì hàng năm và được nâng cấp năm 2018 giúp hỗ trợ giám sát khối lượng học tập, kết quả học tập và kết quả rèn luyện của người học [H8.8.3.3]. Hàng năm, Nhà trường thành lập Hội đồng CVHT để tổ chức thực hiện và quản lý hoạt động CVHT [H8.8.3.4]. Đội ngũ CVHT cũng được bổ nhiệm cho các lớp học ổn định từ đầu năm học thứ nhất và hầu hết sẽ theo sát SV trong cả khóa học [H8.8.3.5]. CVHT là đội ngũ trực tiếp đảm nhận công việc quản lý, tư vấn và hỗ trợ SV phát huy tối đa khả năng học tập, NCKH và định hướng nghề nghiệp; giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của SV. Hoạt động của đội ngũ CVHT phải tuân theo Quy chế công tác CVHT và Quy trình quản lý thông tin SV tại khoa, bộ môn và các quy định hiện hành khác của Trường.

Đối với CTĐT cử nhân KTXNYH, người học sẽ phải hoàn thành 143 tín chỉ (quy đổi 1 tín chỉ tương đương 15 tiết học lý thuyết; 30 tiết thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận; 45 giờ thực tập tại cơ sở; 60 giờ làm bài tiểu luận, bài tập lớn hoặc khóa luận tốt nghiệp) trong thời gian quy định là 4 năm (tương đương 8 học kỳ chính), thời gian hoàn thành chương trình tối đa là 6 năm. Khối lượng học tập tối thiểu mà mỗi SV phải đăng ký trong mỗi học kỳ là 14 tín chỉ mỗi học kỳ, trừ học kỳ cuối khóa học, đối với những SV được xếp hạng học lực bình thường; 10 tín chỉ cho mỗi học kỳ, trừ học kỳ cuối khóa học, đối với những SV đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu; không quy định khối lượng học tập tối thiểu đối với SV học kỳ hè. SV đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu chỉ được đăng ký khối lượng học tập không quá 14 tín chỉ cho mỗi học kỳ. Nhà trường không hạn chế khối lượng đăng ký học tập của những SV xếp hạng học lực bình thường. Kết quả học tập của SV được xét duyệt mỗi kỳ. Căn cứ vào khối lượng kiến thức tích lũy, SV chính quy được xếp hạng năm đào tạo: SV năm thứ nhất (số tín chỉ tích lũy < 40); SV năm thứ hai (số tín chỉ tích lũy từ 40 đến

dưới 80); SV năm thứ ba (số tín chỉ tích lũy từ 80 đến dưới 120); SV năm thứ tư (số tín chỉ tích lũy từ 120 đến dưới 150). Căn cứ vào điểm trung bình chung tích lũy, SV được xếp hạng về học lực: hạng bình thường (điểm trung bình chung tích lũy từ 5,00 trở lên); hạng yếu (điểm trung bình chung tích lũy dưới 5,00 nhưng chưa rơi vào trường hợp buộc thôi học). Nhà trường cũng quy định những trường hợp SV thuộc diện cảnh báo kết quả học tập và thông báo cho SV từng học kỳ, nhằm giúp cho SV có kết quả học tập kém biết và lập phương án học tập thích hợp để có thể tốt nghiệp trong thời hạn tối đa được phép theo học chương trình [H8.8.3.1(3), H8.8.3.6]. Kết quả rèn luyện của SV cũng được tiến hành vào cuối kỳ học. SV được đánh giá về: ý thức, phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống theo các mức: xuất sắc, tốt, khá, trung bình, yếu, kém. Kết quả phân loại rèn luyện từng học kỳ của SV là một trong những tiêu chuẩn để xét học tiếp, ngừng học, xét khen thưởng và học bổng khuyến khích học tập [H8.8.3.7].

Cơ sở dữ liệu theo dõi sự tiến bộ của người học trong học tập và rèn luyện, tỉ lệ chậm tiến độ, thôi học, tốt nghiệp được lưu giữ trên phần mềm QLĐT và có thể trích xuất dễ dàng. Ngoài ra còn được lưu giữ tại phòng QLĐT, phòng CTQLSV và khoa/bộ môn quản lý SV.

Với hệ thống theo dõi, giám sát chặt chẽ, các SV có kết quả học tập chưa tốt được tư vấn giúp đỡ để trả nợ HP. SV có điểm rèn luyện yếu kém sẽ được tìm hiểu nguyên nhân và tư vấn giáo dục nên tỉ lệ SV của Khoa có học lực yếu, cảnh báo học tập, hoặc phải buộc thôi học đều có tỉ lệ thấp (bảng 5.4.1). Đồng thời nhờ thực hiện tốt các biện pháp giám sát kết quả học tập, rèn luyện của người học nên SV Khoa Xét nghiệm nói riêng, Nhà trường nói chung nhận được nhiều sự khen thưởng từ phía Nhà trường [H8.8.3.8].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã hình thành được hệ thống giám sát hiệu quả kết quả học tập, rèn luyện của người học, bao gồm: việc phân công chức năng nhiệm vụ rõ ràng của các phòng chức năng, khoa, bộ môn; xây dựng hệ thống văn bản quy định đầy đủ hướng dẫn thực hiện và phần mềm quản lý đào tạo theo dõi, hỗ trợ.

3. Điểm tồn tại

Phần mềm Quản lý đào tạo chưa chỉ ra được những SV thuộc diện cảnh báo học tập tới từng tài khoản của SV.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2021-2022, Phòng CNTT đề xuất với Nhà trường nâng cấp phần mềm QLĐT theo hướng kiểm soát và tự động đưa ra cảnh báo đối với từng người học trong học tập và rèn luyện.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí: 5/7 điểm.

Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học

1. Mô tả hiện trạng

Phòng CTQLSV là đơn vị có chức năng thực hiện các hoạt động đảm bảo chế độ, chính sách và hỗ trợ SV. Phòng phối hợp với phòng QLĐT, Khoa Xét nghiệm thực hiện tư vấn, hỗ trợ SV xây dựng kế hoạch, phương pháp học tập, cung cấp thông tin về CTĐT, hướng dẫn SV tiếp cận các nguồn lực (về học thuật, tài chính, kỹ thuật…) nhằm nâng cao khả năng học tập hiệu quả. Phòng phối hợp với phòng QLĐT, QLKHCN&HTQT, Khoa Xét nghiệm, Đoàn thanh niên, Hội SV và các tổ chức khác để phát động, tổ chức phong trào thi đua trong SV, tổ chức cho SV tham gia NCKH, thi Olympic các môn học, thi sáng tạo tài năng trẻ và các hoạt động khuyến khích học tập khác [H8.8.4.1-3]. Đội ngũ CVHT cũng được bổ nhiệm cho các lớp học ổn định từ đầu năm học thứ nhất và hầu hết sẽ theo sát SV trong cả khóa học [H8.8.4.4]. CVHT là đội ngũ trực tiếp đảm nhận công việc quản lý, tư vấn và hỗ trợ SV phát huy tối đa khả năng học tập, NCKH và định hướng nghề nghiệp; giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của SV. Ngoài ra, hàng năm, Nhà trường thành lập Hội đồng CVHT để tổ chức thực hiện và quản lý hoạt động CVHT [H8.8.4.5].

Phòng CTQLSV cũng là đơn vị có nhiệm vụ tổ chức thực hiện các nội dung, biện pháp công tác tư vấn việc làm [H8.8.4.1]. Nhà trường cũng thành lập Tổ tư vấn hỗ trợ việc làm, trong đó có đại diện của phòng QLĐT, phòng CTQLSV, phòng KT&ĐBCLĐT, các khoa/bộ môn quản lý SV [H8.8.4.6].

Hàng năm, Phòng CTQLSV phối hợp với phòng QLĐT, Khoa Xét nghiệm tổ chức "Tuần sinh hoạt công dân – sinh viên" đầu khóa học, đầu năm học để tư vấn, hướng dẫn SV các quy định, quy chế liên quan đến học tập và rèn luyện; giới thiệu cho SV về CĐR, CTĐT, phương pháp học tập ở đại học, hướng dẫn đăng ký tín chỉ; giới

thiệu nghề nghiệp, vị trí việc làm sau khi SV tốt nghiệp… [H8.8.4.7]. Đội ngũ CVHT thực hiện nhiệm vụ tư vấn, trợ giúp SV trong học tập, NCKH, định hướng nghề nghiệp bao gồm: triển khai các quy định, quy chế về học chế tín chỉ, quyền và nghĩa vụ của SV; tư vấn cho SV phương pháp học đại học, phương pháp tự học và kỹ năng NCKH, kỹ năng thu thập, xử lý thông tin, tài liệu học tập; hướng dẫn SV cách lựa chọn HP, tuân thủ các điều kiện tiên quyết của HP; xây dựng kế hoạch học tập cá nhân, đăng ký tín chỉ; trợ giúp SV lựa chọn nơi thực tập, đề tài khóa luận, tiểu luận, đề tài NCKH phù hợp với năng lực, nguyện vọng và định hướng nghề nghiệp; giám sát kết quả học tập của SV [H8.8.4.8].

Với những SV làm khóa luận tốt nghiệp, Nhà trường phân công GV hướng dẫn từng SV đảm bảo quá trình nghiên cứu và viết khóa luận tốt nghiệp không lệch với mục tiêu và yêu cầu đề ra [H8.8.4.9]. Ngoài ra SV tham gia hoạt động NCKH bằng việc tham gia xử lý số liệu đề tài NCKH, tạo điều kiện rèn luyện kỹ năng thu thập, xử lý thông tin [H8.8.4.10]. SV được tham gia các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao lành mạnh, bổ ích như: các hoạt động tình nguyện, hiến máu nhân đạo, các giải bóng chuyền, bóng đá, văn nghệ, các câu lạc bộ; tham quan Khoa, phòng/labor các bệnh viện; tổ chức hội nghị tư vấn việc làm [H8.8.4.11-14]. SV tích cực tham gia các hoạt động ngoại khóa nên nhiều SV được kết nạp vào Đảng trong thời gian theo học tại trường [H8.8.4.15]. Do thực hiện tốt các công tác Đoàn, Hội, trong những năm qua, ĐTN, HSV trường nhận được nhiều giấy khen của BCH Trung ương, Tỉnh đoàn Hải Dương [H8.8.4.16]. Nhà trường thực hiện việc khen thưởng, cấp học bổng, giải thưởng đối với NH có thành tích học tập tốt theo đúng quy định khen thưởng với mục đích khuyến khích SV nâng cao hơn nữa kết quả học tập, rèn luyện của mình; thực hiện chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo các quy định hiện hành; hỗ trợ SV vay vốn tín dụng [H8.8.4.17-19]. Ngoài ra, Nhà trường xây dựng quỹ học bổng Tuệ Tĩnh để hỗ trợ những SV có thành tích học tập tốt và hoàn cảnh đặc biệt: mồ côi cả cha lẫn mẹ, mồ côi cha hoặc mẹ nhưng có kết quả học tập loại khá trở lên, SV nghèo nhưng có kết quả học tập đạt loại giỏi [H8.8.4.20].

Khoa Xét nghiệm và Nhà trường đặc biệt quan tâm đến quan hệ Viện-Trường trong đào tạo thực hành, thực tập, thực tế tốt nghiệp. Bằng việc ký các hợp đồng đào tạo giữa Nhà trường và các cơ sở y tế hàng năm SV Khoa Xét nghiệm được đi thực hành, thực tập, thực tế tốt nghiệp tại các cơ sở y tế [H8.8.4.21]. Đây là yếu tố vô cùng quan trọng trong việc quyết định chất lượng chuyên môn và y đức của cán bộ y tế

tương lai. Theo đó Khoa Xét nghiệm phân công giáo vụ khoa lâm sàng hướng dẫn SV đi thực hành, thực tế tốt nghiệp tại các cơ sở y tế [H8.8.4.22]. Việc kết nối nhu cầu nhân lực của các cơ sở y tế với SV được Nhà trường chú trọng. Trường tích cực công tác quảng bá giới thiệu về trường trên các phương tiện thông tin đại chúng [H8.8.4.23]. Trường kết hợp cùng các đơn vị tuyển dụng tổ chức nhiều buổi gặp mặt giữa nhà tuyển dụng với SV [H8.8.4.24]. Hàng năm, Nhà trường nhận được nhiều đơn đặt hàng của các cơ sở y tế [H8.8.4.25]. Theo kết quả khảo sát tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành KTXNYH sau 6 tháng tốt nghiệp 5 năm gần đây từ 70% trở lên và sau 12 tháng tốt nghiệp đều từ 91% trở lên [H8.8.4.26]. Tuy nhiên, Nhà trường chưa có quy định về tư vấn, hỗ trợ việc làm trong đó quy định rõ sự phối hợp giữa các đơn vị trong công tác hướng nghiệp, tư vấn, giới thiệu việc làm, hỗ trợ SV.

Giảng viên và sinh viên khoa Xét nghiệm còn tích cực tham gia công tác chống dịch COVID -19 tại Hải Dương và các địa phương khác như Bắc Giang, Bắc Ninh, Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương [H8.8.4.27]. Thông qua các hoạt động: lấy mẫu xét nghiệm, truy vết, mã hóa mẫu…trong đó nhiệm vụ chính của sinh viên là lấy mẫu cộng đồng.

Nhà trường đã thực hiện lấy ý kiến phản hồi của SV trước tốt nghiệp Khoa Xét nghiệm về hiệu quả hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học, kết quả đánh giá các tiêu chí như: GV nhiệt tình, sẵn sàng giúp đỡ SV trong học tập và NCKH; Đội ngũ CVHT nhiệt tình, sẵn sàng tư vấn, hỗ trợ SV; Đội ngũ giáo vụ Khoa/BM nhiệt tình, sẵn sàng tư vấn, hỗ trợ SV; Các hoạt động ngoại khóa hỗ trợ tốt SV trong học tập, rèn luyện; Nhận thức ngành nghề của SV được định hướng tốt… đều được SV đánh giá đạt mức tốt [H8.8.4.28].

2. Điểm mạnh

Các hoạt động tư vấn học tập và ngoại khóa đa dạng, thu hút SV và có kết quả tốt khích lệ SV trong học tập và tu dưỡng suốt đời. Vì vậy tỷ lệ SV có việc làm ra trường đúng ngành đào tạo sau một năm tốt nghiệp từ 91% trở lên.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa có quy định về tư vấn việc làm và hỗ trợ SV trong đó quy định rõ sự phối hợp giữa các đơn vị trong công tác hướng nghiệp, tư vấn, giới thiệu việc làm, hỗ trợ SV.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2021-2022, Phòng CTQLSV phối hợp Khoa/Bộ môn, Đoàn Thanh niên, Hội cựu SV, Tổ tư vấn hỗ trợ việc làm xây dựng Quy định công tác hướng nghiệp, tư vấn giới thiệu việc làm và hỗ trợ SV.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí: 5/7 điểm.

Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường cũng như Khoa Xét nghiệm luôn cố gắng tạo ra môi trường học thuật lành mạnh, xây dựng tốt mối đoàn kết nhất trí trong tập thể cán bộ, GV, tạo tâm lí sẵn sàng vì nhiệm vụ chung của tập thể, đặt người học là trung tâm. Trong giảng dạy và học tập, các GV, CVHT của Khoa luôn tạo mối quan hệ nhân ái, gần gũi và chia sẻ với SV, sẵn sàng ủng hộ, giúp đỡ SV trong học tập và cuộc sống, trao cho SV quyền chủ động, tích cực, sáng tạo trong mọi hoạt động. Xây dựng khối đoàn kết vững mạnh trong các tập thể SV: cùng tham gia hoạt động chung, chia sẻ kinh nghiệm trong học tập, cuộc sống.

Trường có tổng diện tích đất: 8,79546 ha được chia thành 2 khu (khu A: 2,28985 ha, khu B: 6,50561 ha) [H8.8.5.1]. Khu A của Nhà trường được xây dựng bao gồm: phòng học thực hành, lâm sàng, labo XNATTP, labo sinh học phân tử phục vụ thuận tiện cho việc học thực hành, lâm sàng và nghiên cứu của SV. Khu B của Nhà trường được xây dựng bao gồm: khu Hiệu bộ gồm phòng làm việc của tất cả các phòng ban và khoa, bộ môn; khu giảng đường – thư viện gồm phòng học lý thuyết, thư viện, hội trường; KTX, nhà ăn, sân tập thể dục thể thao liền kề nên thuận tiện cho nhu cầu học tập, sinh hoạt của SV [H8.8.5.2]. Ngoài ra, tại các bệnh viện có SV của Khoa đến thực tập lâm sàng đều được bố trí phòng học lâm sàng [H8.8.5.3]. SV của khoa được học các kỹ thuật lâm sàng trực tiếp tại các labo xét nghiệm của các bệnh viện. KTX Nhà trường có tổng diện tích các phòng là 4939 m^2 trên khu đất 1,5ha, bao gồm: 146 phòng (KTX nhà A gồm 40 phòng, KTX nhà C gồm 59 phòng, KTX nhà D gồm 47 phòng) được thiết kế khép kín, đủ chỗ ở cho 1.168 SV nội trú, tương đương 1,28ha/1000 SV [H8.8.5.4-5]. KTX của trường đã đáp ứng toàn bộ nhu cầu của SV Khoa Xét nghiệm nói riêng và SV toàn trường nói chung. Khu KTX của Trường có 01 nhà ăn cho SV nội trú

với diện tích 118,8 m^2, có đủ TTB đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh của Bộ Y tế và có giấy chứng nhận ATVSTP của Chi cục ATVSTP tỉnh Hải Dương [H8.8.5.6].

Nhà trường chú trọng đến việc trồng cây xanh tạo không gian thoáng mát cho người học, diện tích trồng cây chiếm 50% diện tích đất, diện tích xây nhà 40% còn lại 10% là diện tích hạ tầng [H8.8.5.2]. Công tác chăm sóc cây xanh, công tác vệ sinh được Nhà trường quan tâm để đảm bảo môi trường tốt nhất cho đào tạo, rèn luyện [H8.8.5.7]. Phòng HCQT được giao nhiệm vụ thường xuyên kiểm tra giám sát công tác vệ sinh môi trường đảm bảo vệ sinh cho cán bộ người học. Mặt khác phòng CTQLSV phân công lịch lao động cho các lớp, 1 tổ/1 lần/1 tuần nên khuôn viên của Trường luôn luôn sạch sẽ [H8.8.5.8]. Để đảm bảo an ninh trường học, Nhà trường xây dựng các quy định, nội quy ra vào cơ quan, quy định về việc đeo thẻ khách cho khách vào làm việc tại trường [H8.8.5.9]. Đội ngũ nhân viên thuộc Tổ bảo vệ chuyên nghiệp trực 24/24 đảm bảo trật tự, an ninh trong trường [H8.8.5.10]. Nhà trường có bản cam kết về phối hợp với Công an phường Thanh Bình, Phòng PC83 Công an tỉnh Hải Dương về giữ gìn an ninh trật tự trong và ngoài trường [H8.8.5.11]. Có phương án PCCC và thiết bị PCCC được trang bị ở các khu vực các toà nhà đã được Phòng cảnh sát PCCC&CHCN thẩm duyệt và kiểm tra định kì [H8.8.5.12]. Kết quả tình hình an ninh trật tự của Trường được đảm bảo, tạo môi trường an toàn cho người học.

Y tế và dịch tễ được đảm bảo. Trường có phòng y tế riêng tại KTX có nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu cho SV nội trú và Bệnh viện trong khuôn viên của trường đáp ứng nhu cầu thăm khám, điều trị cho SV. Bệnh viện trường thực hiện khám sức khỏe cho SV đầu mỗi khóa học để phân loại sức khỏe của SV đáp ứng nhu cầu học tập tại trường [H8.8.5.13]. Ngoài ra hằng năm, để phòng chống dịch bệnh, Nhà trường đều tiến hành công tác phun thuốc phòng dịch, diệt mối và côn trùng xung quanh nơi làm việc và KTX SV [H8.8.5.14]. Bên cạnh đó Trường còn có sân bóng rổ, cầu lông, sân bóng đá, phòng đọc... giúp SV đều có thể sử dụng rèn luyện thể chất và tinh thần. Ngoài các hoạt động vào các dịp lễ hội như ngày Thầy thuốc Việt Nam, ngày Nhà giáo Việt Nam, ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10..., SV còn tham gia các cuộc thi như cắm trại, giao lưu bóng đá khối thi đua các trường chuyên nghiệp và dạy nghề, giao lưu văn nghệ hay nhiệt tình tham gia các hoạt động tình nguyện... Đoàn Thanh niên - Hội SV tổ chức các câu lạc bộ như tiếng Anh, văn nghệ, ghi ta, võ thuật... với nhiều hoạt động đa dạng là sân chơi bổ ích giúp SV rèn luyện kỹ năng và phát triển bản thân [H8.8.5.15]. Trường đã được Bộ Y tế phê duyệt dự án đầu tư khu Giáo dục thể chất, khu thực hành tiền lâm sàng và đang triển khai xây dựng, dự kiến hoàn thành tháng Quý IV, năm 2021, tạo điều

kiện cho SV phát triển năng lực cá nhân qua các môn năng khiếu, kỹ năng thực hành nghề nghiệp giúp SV có được tâm lý tích cực trong học tập, rèn luyện [H8.8.5.16].

Nhà trường đã thực hiện việc khảo sát lấy ý kiến người học về hoạt động hỗ trợ của nhân viên phòng ban, CVHT, GV; về CSVC, thiết bị dạy học, thư viện; về cảnh quan sư phạm của trường đảm bảo vệ sinh, an toàn, thoải mái cho người học... Nhà trường cũng khảo sát ý kiến CBVC, GV của trường hàng năm về điều kiện CSVC, TTB, hệ thống công nghệ thông tin, thư viện; hoạt động hỗ trợ của cán bộ phòng ban đối với GV… Kết quả khảo sát đều đạt mức tốt [H8.8.5.17]. Tuy nhiên, vẫn còn một số ý kiến SV mong muốn cải thiện các phòng học thực hành, đa dạng hóa các hoạt động ngoại khóa trong trường.

2. Điểm mạnh

Người học được học tập, NCKH và phát triển đầy đủ cả về thể chất cũng như tinh thần trong một môi trường đào tạo thuận lợi về an ninh, an toàn, xanh, sạch, đẹp.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa hoàn thành xây dựng khu thực hành tiền lâm sàng và khu Giáo dục thể chất cho SV. Vẫn còn một số ý kiến SV mong muốn cải thiện các phòng học thực hành, đa dạng hóa các hoạt động ngoại khóa trong trường.

4. Kế hoạch hành động

Nhà trường cần thúc đẩy để hoàn thành xây dựng khu thực hành tiền lâm sàng và khu Giáo dục thể chất cho SV vào Quý IV, năm 2021. Đoàn Thanh niên cần phối hợp với các khoa tiếp tục tổ chức nhiều hoạt động nâng cao đời sống văn hóa văn nghệ thể dục thể thao trong SV.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí: 5/7 điểm.

Kết luận về Tiêu chuẩn 8: Chính sách tuyển sinh của Nhà trường rõ ràng, công khai phù hợp với ngành đào tạo đã thu hút được đông đảo thí sinh có nguyện vọng học. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học của Nhà trường được thực hiện theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT và có sự thống nhất ý kiến của Đảng ủy trường, Hội đồng KH&ĐT, Hội đồng tuyển sinh. Quá trình tuyển sinh được giám sát chặt chẽ đảm bảo khách quan, minh bạch.

Nhà trường đã hình thành được hệ thống giám sát hiệu quả kết quả học tập, rèn luyện của người học, bao gồm: việc phân công chức năng nhiệm vụ rõ ràng của các phòng chức năng, khoa, bộ môn; xây dựng hệ thống văn bản quy định đầy đủ hướng dẫn thực hiện và phần mềm quản lý đào tạo theo dõi, hỗ trợ. Các hoạt động tư vấn học tập và ngoại khóa đa dạng, thu hút SV và có kết quả tốt khích lệ SV trong học tập và tu dưỡng suốt đời. Vì vậy, tỉ lệ SV có việc làm ra trường đúng ngành đào tạo sau một năm tốt nghiệp từ

91% trở lên. Người học được học tập, NCKH và phát triển đầy đủ cả về thể chất cũng như tinh thần trong một môi trường đào tạo thuận lợi về an ninh, an toàn, xanh, sạch, đẹp.

Tuy nhiên, công tác quảng bá tuyển sinh, tư vấn tuyển sinh cho thí sinh và gia đình người học chưa được rộng rãi mới chỉ thực hiện ở tỉnh Hải Dương. Nhà trường cũng chưa có quy định về tư vấn việc làm và hỗ trợ SV trong đó quy định rõ sự phối hợp giữa các đơn vị trong công tác hướng nghiệp, tư vấn, giới thiệu việc làm, hỗ trợ SV.

Kết quả tự đánh giá: Tiêu chuẩn 8 có 02 tiêu chí đạt 4/7 điểm, 03 tiêu chí đạt 5/7 điểm.

Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mở đầu: Để đào tạo nguồn nhân lực kỹ thuật viên y tế, các cơ sở đào tạo phải đầu tư rất lớn cho CSVC, TTB. Với nguồn lực hiện có, Nhà trường và Khoa Xét nghiệm luôn đảm bảo các điều kiện về CSVC và TTB học tập để triển khai các hoạt động đào tạo và NCKH nhằm đạt được mục tiêu và nhiệm vụ đề ra. Điều này được thể hiện qua hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng thực hành, thí nghiệm và hệ thống tài liệu, tư liệu khoa học chuyên ngành, hệ thống công nghệ thông tin, mà khoa hiện có và đang sử dụng trong hoạt động giảng dạy và nghiên cứu.

Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHKTYTHD có tổng diện tích đất: 8,79546 ha được chia thành 2 khu (khu A: 2,28985 ha, khu B: 6,50561 ha). Khu A của Trường gồm 16 tòa nhà với tổng diện tích sàn xây dựng là 19.422 m^2, khu B gồm 7 tòa nhà với tổng diện tích là 31.313 m^2 [H9.9.1.1]. Phòng làm việc của Ban giám hiệu, các phòng chức năng, khoa, bộ môn được bố trí trong cùng một tòa nhà tại khu B, cụ thể:

- Trường có 04 phòng làm việc riêng cho Ban Giám hiệu với diện tích một phòng từ 36 m^2 ÷ 72 m^2.

- Tổng số phòng làm việc của 09 phòng chức năng là 34 phòng. Tổng diện tích làm việc cho mỗi phòng chức năng từ 57 m^2 ÷ 220 m^2.

- Trường có 03 phòng làm việc riêng cho giáo sư và phó giáo sư trong đó diện tích cho mỗi phòng từ 21 m^2 ÷ 48 m^2.

- Trường có 23 phòng làm việc riêng bố trí cho trưởng các phòng, khoa, trung tâm, bộ môn trực thuộc Trường, với diện tích cho mỗi phòng từ 16,5 m^2 ÷ 23 m^2.

- Trường có 71 phòng làm việc cho GV và nhân viên cơ hữu của các phòng, khoa, trung tâm, bộ môn trực thuộc Trường, với diện tích mỗi phòng từ 21,6 m^2 ÷ 288,5 m^2. Diện tích làm việc trung bình của GV và nhân viên cơ hữu của mỗi Phòng/Khoa/Trung tâm/Bộ môn là 4 m^2 ÷ 36,88 m^2/người [H9.9.1.2].

Hiện tại, Khoa Xét nghiệm đang sử dụng gồm 01 phòng trưởng khoa, 02 phòng GV tại tầng 3 Nhà điều hành và 01 phòng làm việc của khoa tại tầng 1 nhà A4 với tổng diện tích làm việc cho mỗi phòng chức năng từ 57 m^2 ÷ 220 m^2 [H9.9.1.3]. Tất cả các phòng làm việc đều được trang bị đầy đủ thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu công việc như nội thất văn phòng, hệ thống chiếu sáng, điều hòa, máy vi tính, máy in, mạng internet, wifi [H9.9.1.4]. Nhà trường đã khảo sát lấy ý kiến của đội ngũ GV Khoa Xét nghiệm trong 3 năm gần đây về CSVC với kết quả như sau:

Bảng 9.1.1. Mức độ CSVC đáp ứng chuyên môn Khoa Xét nghiệm

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm TB khảo sát GV Khoa Xét nghiệm		
		Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	Số lượng phòng làm việc đáp ứng đủ yêu cầu công tác chuyên môn	3,65/5	4,29/5	3,89/5
2	Diện tích phòng làm việc phù hợp với công tác chuyên môn	3,59/5	4,41/5	3,93/5

Bảng 9.1.2. Mức độ đáp ứng CSVC phục vụ hoạt động giảng dạy, NCKH

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm TB khảo sát GV Khoa Xét nghiệm		
		Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	Số lượng giảng đường đáp ứng yêu cầu triển khai CTĐT	4,06/5	4,12/5	4,26/5
2	Số lượng phòng thực hành/thí nghiệm đáp ứng yêu cầu triển khai CTĐT	3,35/5	4,24/5	4,04/5
3	Số lượng phòng thực hành/thí nghiệm đáp ứng yêu cầu triển khai NCKH	3,12/5	4,0/5	3,78/5
4	Diện tích giảng đường phù hợp với việc dạy và học	4,18/5	4,29/5	4,3/5
5	Diện tích phòng thực hành/thí nghiệm phù hợp với việc dạy và học	3,94/5	4,18/5	4,11/5
6	Phòng học được thiết kế linh hoạt, phù hợp để áp dụng các phương pháp giảng dạy khác nhau	3,65/5	3,76/5	4,0/5

Trường ĐHKTYTHD được quy hoạch, xây dựng, cải tạo và mở rộng với quy mô 49 giảng đường thuộc toà nhà Giảng đường - Thư viện và khu KTX với tổng diện tích là 4344 m^2 [H9.9.1.5-6]. Diện tích cho 01 chỗ ở trong phòng đảm bảo tối thiểu từ 0,93 m^2 trở lên, cụ thể:

- Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ: 02 phòng, diện tích 844 m^2.
- Phòng học từ 100 - 200 chỗ: 16 phòng, diện tích 1697,28 m^2.
- Phòng học từ 50 - 100 chỗ: 25 phòng, diện tích 1494,96 m^2.
- Phòng học dưới 50 chỗ: 6 phòng, diện tích 299,5 m^2.
- Nhà trường có 07 phòng hội thảo được sử dụng để sinh hoạt chuyên môn cho các khoa, bộ môn với diện tích từ 70,2 m^2 ÷ 149,76 m^2.

Hiện nay, Khoa Xét nghiệm có tổng số 14 phòng thí nghiệm và phòng học lâm sàng được đặt tại tầng 3 và tầng 6 khu trung tâm kỹ thuật và 16 phòng thực hành tại tầng 3 nhà A_1 và tầng 3 nhà A_4 được chia cho các bộ môn Miễn dịch – Sinh học phân tử, Huyết học và truyền máu, Vi sinh – Ký sinh trùng, Xét nghiệm tế bào, Hóa sinh – Độc chất với diện tích tối thiểu là 2,5m^2 cho 1 SV, các phòng đảm bảo cho 01 nhóm SV học (trung bình khoảng 15 SV/nhóm) [H9.9.1.7]. Hệ thống các phòng thí nghiệm thuộc Labo XNATVSTP đã đạt tiêu chuẩn ISO/IEC/17025 – 2015. Hiện tại, Khoa Xét nghiệm Bệnh viện đang xây dựng và hoàn thiện để đạt tiêu chuẩn ISO 1518. Với những điều kiện trên, Nhà trường đảm bảo đủ số lượng phòng học lý thuyết và thực hành, không phải thuê cơ sở bên ngoài để phục vụ đào tạo và NCKH [H9.9.1.8]. Tuy nhiên một số phòng thực hành tại khu nhà A1 xây dựng từ năm 1976 và nhà A4 xây dựng từ năm 2004 bị thấm, mốc.

Trong các năm 2018, 2019, 2020, Nhà trường đã thực hiện việc lấy ý kiến phản hồi của SV Khoa Xét nghiệm (hệ đại học chính quy) về chất lượng giáo dục của Trường ĐHKTYTHD. Kết quả khảo sát cho thấy SV Khoa Xét nghiệm đánh giá tốt về CSVC của Nhà trường [H9.9.1.9], cụ thể như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm trung bình khảo sát lấy ý kiến của SV		
		Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	Phòng học lý thuyết đủ chỗ ngồi cho SV	4,16/5	4,04/5	4,13/5
2	Nhà trường có đầy đủ phòng thực hành để SV thực hành, rèn luyện kỹ năng	4,11/5	3,97/5	4,06/5
3	Phòng thực hành có đủ chỗ cho SV học thực hành	4,22/5	4,00/5	4,03/5
4	Nhà trường có đủ sân chơi, bãi tập thể dục thể thao cho SV sinh hoạt	4,00/5	4,07/5	4,01/5
5	Giảng đường thư viện, KTX… được bố trí khoa học, thuận lợi cho học tập của SV	4,00/5	4,07/5	4,0/5

Thực hiện chiến lược phát triển Nhà trường và Khoa Xét nghiệm giai đoạn 2015 – 2025, Trường đang triển khai thi công xây dựng khu thực hành tiền lâm sàng, trong đó có phân khu riêng cho việc thực hành xét nghiệm, công trình dự kiến đưa vào sử dụng quý IV năm 2021 [H9.9.1.10].

2. Điểm mạnh

Labo XNATTP đã đạt tiêu chuẩn ISO IEC 17025 – 2015, bên cạnh đó Nhà trường có bệnh viện được đầu tư đồng bộ, hiện đại hỗ trợ tốt cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu chuyên ngành Xét nghiệm.

3. Điểm tồn tại

Một số phòng thực hành thuộc Khoa Xét nghiệm được cải tạo tại các khu nhà cũ đang xuống cấp.

4. Kế hoạch hành động

Nhà trường đảm bảo tiến độ xây dựng đến quý IV năm 2021 đưa vào sử dụng khu thực hành tiền lâm sàng, chấm dứt tình trạng sử dụng các phòng thực hành cũ xuống cấp.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí: 5/7 điểm.

Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHKTYTHD luôn quan tâm đến công tác đầu tư CSVC, TTB hiện đại phục vụ cho việc đào tạo và NCKH. Vì vậy Thư viện đã được Nhà trường rất chú trọng đầu tư xây dựng và phát triển. Hiện nay Thư viện được bố trí ở tầng 6 và tầng 7 toà nhà Giảng đường – Thư viện với diện tích 1.362m² gồm 03 phòng đọc mở, 01 phòng mượn và 01 phòng truy cập Internet nhằm cung cấp sách báo, tài liệu phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu, phát huy tính tích cực chủ động và sáng tạo trong học tập của người học [H9.9.2.1-2].

Về nguồn tài liệu, hiện nay Thư viện có 14.142 đầu sách [H9.9.2.3]:

- Giáo trình, sách tham khảo, sách tiếng Việt, sách tiếng nước ngoài gồm 3.475 đầu sách tương đương 50.606 bản; sách tiếng nước ngoài có 744 bản; có 45 loại báo - tạp chí y học; 32 loại báo, tạp chí văn hoá - xã hội.

- Cơ sở dữ liệu toàn văn e-books: chủ đề Y – sinh học từ năm 2008 –2017 là: 3.339 bản.

- Cơ sở dữ liệu thư viện số là: 7.328 bản.

Trong đó riêng giáo trình và tài liệu tham khảo CTĐT ngành KTXNYH là 956 đầu tài liệu gồm 5.864 quyển.

Thư viện còn nhận sách từ các đơn vị nước ngoài như quà tặng của Trường Nijmegen - Hà Lan, nguồn sách Canada, tài trợ của Trường Đại học Công nghệ Queensland - Úc. Bên cạnh đó là những tài liệu báo chí, lịch sử, chính trị, tư tưởng đáp ứng nhu cầu giải trí và tìm hiểu lịch sử, văn hóa, chính trị của bạn đọc.

Các nguồn học liệu của thư viện được phân loại theo các chuyên ngành đào tạo của Nhà trường và được quản lý bằng phần mềm quản lý thư viện Koha, tra cứu trực tiếp qua mạng Internet thông qua website: *http://koha.vn:6072*. Qua đó, giúp bạn đọc biết được vị trí tài liệu ở kho trong Thư viện [H9.9.2.4]. Để quản lý tốt nguồn tài liệu và hỗ trợ cán bộ thủ thư, Nhà trường đã ban hành "*Nội quy Thư viện*" và quy trình hướng dẫn sử dụng Thư viện. Đồng thời, thủ thư trực tiếp hướng dẫn bạn đọc tại quầy phục vụ khi có yêu cầu. Hàng năm, vào đầu năm học Thư viện trực tiếp giới thiệu và hướng dẫn SV cách sử dụng tài liệu [H9.9.2.5-7].

Trường đã xây dựng phần mềm Dspace (thư viện số) với 7.328 đầu tài liệu điện tử chia theo các lĩnh vực tạo thuận tiện để bạn đọc tra cứu và sử dụng mọi lúc mọi nơi chủ yếu là tài liệu về y học, luận văn – luận án, khoá luận tốt nghiệp của trường, sách tham khảo, giáo trình... [H9.9.2.8]. Tổng số lần độc giả đăng nhập trên trang thư viện số năm 2020 là: 108.326 lượt truy cập, từ tháng 01/2021 đến 30/6/2021 là 85.670 lượt truy cập. Ngoài ra, Trường ĐHKTYTHD có liên kết tra cứu vào thư viện trong nước và nước ngoài để tăng cường nguồn tài liệu điện tử như Trường Đại học Y Hà Nội, Thư viện Trường Đại học Bách Khoa, Thư viện Trường Đại học Y Hải Phòng, Chương trình phát triển nguồn nhân lực y tế, CSDL Hinari, CSDL Pubmed, CSDL Ebcso,… [H9.9.2.9-10].

Để tăng thêm chất lượng nguồn lực vốn tài liệu và đảm bảo đáp ứng yêu cầu của người dùng. Định kỳ vào năm học mới Thư viện xây dựng kế hoạch bổ sung căn cứ vào nhu cầu sử dụng tài liệu của các khoa chuyên môn, phân loại tài liệu theo chuyên ngành, gửi danh mục tài liệu đến các khoa, bộ môn có trách nhiệm cùng thư viện chọn tài liệu theo danh mục mới nhất của nhà sách, nhà xuất bản, nhà cung ứng, đồng thời gửi các đề xuất mua tài liệu tìm kiếm được theo nhu cầu của mình về thư viện để bổ sung. Cán bộ thư viện lập danh sách tài liệu từ các khoa đề nghị, lập kế hoạch bổ sung sách cân đối số lượng tài liệu của các Khoa/Bộ môn cho phù hợp những hoạt động học tập, giảng dạy của từng chuyên ngành đào tạo và gửi cho Lãnh đạo trường kiểm tra, xem xét bổ sung [H9.9.2.8].

Hàng năm, Nhà trường luôn quan tâm bổ sung, cập nhật tài liệu mới, thư viện thực hiện việc rà soát danh mục giáo trình, tài liệu tham khảo trong ĐCCT HP để bổ sung, cập nhật. Vì vậy các sách và tài liệu tham khảo trong thư viện đáp ứng đủ theo yêu cầu trong danh mục tài liệu của CTĐT ngành KTXNYH.

Trường đã tổ chức khảo sát thăm dò ý kiến bạn đọc về mức độ đáp ứng của thư viện và các nguồn học liệu dành cho ngành đào tạo của Nhà trường, đa số các chuyên ngành đào tạo của trường đều có đủ nguồn tài liệu để phục vụ cho công tác đào tạo và nghiên cứu khác. Có 89,9% số SV toàn trường được khảo sát đã từng sử dụng thư viện, với mục đích chủ yếu là phục vụ hoạt động học tập (94,7%) và lý do sử dụng thư viện chủ yếu là tài liệu phong phú, phù hợp với chương trình học. Có (88%) SV cho rằng TTB bàn ghế, chỗ ngồi,… của thư viện đáp ứng tốt để phục vụ bạn đọc [H9.9.2.11].

2. Điểm mạnh

Thư viện đang áp dụng các chuẩn nghiệp vụ thư viện quốc tế DDC, sử dụng phần mềm Koha trong công tác biên mục, bổ sung, tra cứu tài liệu, quản lý bạn đọc và quản lý tài liệu mượn trả...

Thư viện có đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo trong ĐCCT HP. Hàng năm nguồn tài liệu được bổ sung, cập nhật những kiến thức mới để phục vụ công tác đào tạo và NCKH đáp ứng nhu cầu phát triển đào tạo của trường, khoa.

3. Điểm tồn tại

Thư viện chưa có nhiều dịch vụ tiện ích hỗ trợ người dùng tin trong việc tìm kiếm tài liệu.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021 – 2022 Thư viện tổ chức hướng dẫn, cung cấp các dịch vụ tiện ích hỗ trợ người dùng tin trong việc tìm kiếm tài liệu.

Thư viện trường sẽ đẩy mạnh công tác số hóa tài liệu, phục vụ khai thác thông tin qua mạng, đẩy mạnh việc cập nhật sách chuyên ngành, bổ sung thêm các tài liệu tham khảo, chính trị xã hội...

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí: 5/7 điểm

Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Là một trường đào tạo về kỹ thuật y học, Trường ĐHKTYTHD luôn quan tâm đến công tác đầu tư thiết bị thực hành, thí nghiệm phục vụ cho việc học tập và giảng dạy, đáp ứng nhu cầu trong đào tạo, nghiên cứu của GV và kỹ năng thực hành, sử dụng của SV trong đó Khoa Xét nghiệm được đầu tư lớn với hệ thống phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị hiện đại.

Hiện nay, phòng thí nghiệm, thực hành Khoa Xét nghiệm được đặt tại 03 khu: Tầng 1,2 khu Labo XNATTP, Tầng 3 nhà A_1 và tầng 3, 6 khu trung tâm kỹ thuật được chia cho các bộ môn Miễn dịch – Sinh học phân tử, Huyết học và truyền máu, Vi sinh – Ký sinh trùng, Xét nghiệm tế bào, Hóa sinh – Độc chất đảm bảo đủ phòng thí nghiệm và thực hành để phục vụ đào tạo và NCKH [H9.9.3.1].

Hệ thống phòng thí nghiệm, thực hành đầy đủ TTB đang hoạt động tốt đảm bảo giảng dạy của các bộ môn như sau: [H9.9.3.2]

+ Bộ môn Vi sinh – Ký sinh trùng: Kính hiển vi, tủ ấm, máy li tâm, tủ nuôi cấy vi sinh.

+ Bộ môn Miễn dịch – Sinh học phân tử: Máy ly tâm lạnh, hệ thống chụp Gel, máy Real time PCR, hệ thống PCR định tính, máy nanodrop định lượng AND.

+ Bộ môn Huyết học và truyền máu: Máy đông máu, máy xét nghiệm huyết học tự động, máy đo tốc độ máu lắng, máy xét nghiệm nước tiểu.

+ Bộ môn Xét nghiệm tế bào: Máy ly tâm, cân phân tích, máy nhuộm tiêu bản, bàn sấy tiêu bản, máy cắt lạnh, máy chuyển hóa.

+ Bộ môn Hóa sinh – Độc chất: Máy sinh hóa bán tự động, máy phân tích nước tiểu, máy cất nước, hệ thống sinh hóa miễn dịch, máy xét nghiệm sinh hóa tự động.

Nhà trường luôn quan tâm đến hiệu quả công tác quản lý, sử dụng TTB nhằm phục vụ tốt nhất công tác giảng dạy thực hành và NCKH. TTB đều có quy trình sử dụng và sổ nhật ký vận hành [H9.9.3.3-4]. Một số TTB có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn đều được hiệu chuẩn và kiểm định [H9.9.3.5]. Định kỳ hàng tháng, phòng VT–TTB có kế hoạch bảo dưỡng TTB trong toàn trường [H9.9.3.6].

Khi TTB gặp sự cố, hỏng hóc, kỹ sư của Nhà trường sửa chữa, khắc phục ngay, trường hợp cần thay thế vật tư hoặc sửa chữa lớn thì tiến hành liên hệ với hãng sản xuất, đơn vị sửa chữa triển khai đúng quy trình, quy định nhằm đảm bảo công tác giảng dạy được diễn ra thông suốt [H9.9.3.7]. Hằng năm, Nhà trường luôn quan tâm bổ sung, nâng cấp TTB tại phòng thí nghiệm và thực hành cho phù hợp với nhiệm vụ, kế hoạch, quy mô đào tạo [H9.9.3.8]. Tuy nhiên, việc sửa chữa, thay thế linh kiện đối với các TTB có niên đại lớn như máy sinh hóa bán tự động, hệ thống chụp ảnh và phân tích hình ảnh gen sau điện di, kính hiển vi, máy đo tốc độ máu lắng, máy quang phổ kế… gặp nhiều khó khăn do đây là những máy thuộc thế hệ cũ có thời gian sử dụng nhiều.

Nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng cũng như công tác quản lý phòng thí nghiệm, thực hành đều có nội quy sử dụng phòng học lâm sàng và phân công cán bộ phụ trách phòng thí nghiệm hướng dẫn và hỗ trợ người học trong quá trình thực hiện thí nghiệm [H9.9.3.9-10].

Nhà trường đã thực hiện việc lấy ý kiến phản hồi của GV và SV Khoa Xét nghiệm về CSVC như sau: [H9.9.3.11]

Bảng 9.3.1. Phản hồi của cán bộ, GV Khoa Xét nghiệm

TT	Nội dung	Điểm trung bình chung tích lũy		
		Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1.	Số lượng phòng thực hành, thí nghiệm đáp ứng đủ yêu cầu triển khai CTĐT tương đương mức khá	3,35/5	4,24/5	4,04/5
2.	Số lượng phòng thực hành, thí nghiệm đáp ứng đủ yêu cầu công tác NCKH	3,12/5	4,0/5	3,78/5
3.	TTB có quy trình sử dụng rõ ràng và tiện lợi	3,59/5	4.18/5	3,89/5
4.	TTB phù hợp với trình độ sử dụng của GV	4,12/5	4,06/5	3,96/5

Bảng 9.3.2. Phản hồi của SV đại học chính quy Khoa Xét nghiệm

TT	Nội dung	Điểm trung bình chung tích lũy		
		Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1.	Nhà trường có đầy đủ phòng thực hành để SV thực hành rèn luyện kỹ năng	4,11/5	3,97/5	4,18/5
2.	Phòng thực hành đáp ứng đầy đủ các dụng cụ, hóa chất, mẫu vật cần thiết cho SV	4,03/5	4,2/5	4,15/5

Qua bảng ta có thể thấy trong 3 năm trở lại đây, SV và GV Khoa Xét nghiệm đánh giá chất lượng phòng thực hành, thí nghiệm và TTB đạt mức khá và tốt.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đảm bảo đủ phòng thí nghiệm, thực hành với các TTB hiện đại, cập nhật, đóng góp tích cực vào công tác đào tạo và NKCH chuyên ngành KTXNYH.

3. Điểm tồn tại

Một số TTB như: máy sinh hóa bán tự động, hệ thống chụp ảnh và phân tích hình ảnh gen sau điện di, kính hiển vi, máy đo tốc độ máu lắng, máy quang phổ kế… thuộc thế hệ cũ có thời gian sử dụng nhiều, khó khăn trong việc sửa chữa, thay thế linh kiện.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2021-2022, Nhà trường sẽ tổ chức thanh lý những tài sản đã hết khấu hao, hỏng, không còn giá trị sử dụng.

Triển khai lắp đặt, đưa vào sử dụng các TTB thuộc Dự án "Tăng cường năng lực thiết bị hệ thống phòng thí nghiệm và labo thực hành cho các bộ môn Y học cơ sở, Y học cơ bản Trường ĐHKTYTHD" (Tăng cường năng lực NCKH cho Labo Xét nghiệm sinh học phân tử của Nhà trường).

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí: 4/7.

Tiêu chí 9.4. Hệ thống CNTT (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Căn cứ đề xuất nhu cầu sử dụng TTB CNTT phục vụ cho hoạt động học tập, giảng dạy và NCKH, vào đầu mỗi năm học Nhà trường đều tiến hành mua sắm các máy vi tính để phục vụ hoạt động của các đơn vị. Số lượng máy tính ở Khoa Xét nghiệm hỗ trợ cho các hoạt động dạy, học và NCKH là 16 máy trong đó có 09 máy tính xách tay đã đáp ứng đầy đủ TTB CNTT phục vụ hoạt động của Khoa Xét nghiệm. Số lượng máy tính tại các phòng chức năng là 135; Máy tính tại các giảng đường phục vụ cho học tập của SV là: 118 (58 máy tại phòng học Tin học, 60 máy tại phòng học Ngoại ngữ); Máy tính phục vụ SV truy cập Internet là 44 (tại Thư viện Trường). Tỷ lệ máy tính phục vụ cho học tập và NCKH/SV toàn trường là: 162/627 ≈ 25,8%) [H9.9.4.1].

Hệ thống hạ tầng CNTT của Trường tương đối hoàn chỉnh với máy chủ mạnh và đường truyền Internet tốc độ cao. Trường có 04 máy chủ và hệ thống lưu trữ (SAN) hiện đại [H9.9.4.2]. Hệ thống mạng của trường được kết nối thông suốt bằng đường trục cáp quang. Hiện nay, trường đã có đường truyền internet bằng cáp quang theo công nghệ Leased line Lever 3 tốc độ 100MB trong nước và 1MB quốc tế [H9.9.4.3]; Nhà trường có hệ thống truyền hình trực tuyến với 4 phòng họp và học tập trực tuyến giúp cán bộ, GV có thể thực hiện họp với cơ quan Bộ Y tế, Bộ GD&ĐT và tổ chức học tập trao đổi giữa SV, GV với chuyên gia nước ngoài [H9.9.4.4] ; 100% các giảng đường tại Trường đều được trang bị máy chiếu và hệ thống âm thanh đáp ứng nhu cầu đào tạo và giảng dạy chuyên ngành xét nghiệm [H9.9.4.5]. Đặc biệt, Khoa Xét nghiệm được trang bị hệ thống thiết bị xét nghiệm hiện đại giúp cho việc học tập thực hành và NCKH của SV được thuận lợi (VD: Máy hóa sinh tự động: AU 680, Siemens Dimesion RXL Max; Máy miễn dịch tự động: Immulite 2000Xpi – Siemens; Máy huyết học tự động: Sysmex XT1800i, ABX Pentra DX 120, Celtac G; Máy nước tiểu

tự động: Urilyzer® Auto; Máy đo tốc độ máu lắng: Mix rate; Máy sinh học phân tử: Real time PCR, Sequencing; Máy giải phẫu bệnh: cắt tiêu bản lạnh…) các máy xét nghiệm này được kết nối với hệ thống phần mềm quản lý xét nghiệm được cài đặt trên các máy tính tại Khoa Xét nghiệm giúp kết xuất tự động các chỉ số xét nghiệm tạo thuận lợi cho các kỹ thuật viên xét nghiệm đồng thời giúp SV tiếp cận các công nghệ mới, hiện đại cùng môi trường làm việc tiên tiến [H9.9.4.6]. Qua khảo sát ý kiến đội ngũ CBVC năm 2020, GV khoa Xét nghiệm đánh giá số lượng TTB CNTT đáp ứng yêu cầu giảng dạy, NCKH đạt từ 3,44÷4,26/5 điểm [H9.9.4.7].

Trường đã phủ sóng mạng không dây (wifi) tới toàn bộ khuôn viên KTX và Nhà giảng đường – Thư viện để cán bộ, GV, SV kết nối mạng Internet miễn phí [H9.9.4.8]. Tuy nhiên, tại một số khu vực của KTX và Nhà Giảng đường – Thư viện sóng wifi còn yếu, đôi lúc không truy cập được mạng.

Để nâng cao chất lượng đào tạo, Trường đã xây dựng hệ thống phần mềm Quản lý và đào tạo (quản lý SV, quá trình học tập, quản lý điểm, thu, nộp học phí của SV…) đáp ứng thực hiện việc đào tạo theo học chế tín chỉ, phần mềm Quản lý thư viện, phần mềm đánh giá GV tích hợp trên cổng thông tin SV. Đồng thời đưa vào sử dụng cổng thông tin điện tử để cung cấp các thông tin liên quan đến hoạt động của Trường, của Khoa Xét nghiệm, đăng tải các tài liệu, bài giảng của GV cho SV download đáp ứng nhu cầu tìm hiểu và cập nhật thông tin của SV và bạn đọc [H9.9.4.9]. Hàng năm, hệ thống phần mềm quản lý của Nhà trường đều được bảo trì và cập nhật kịp thời để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Ngoài ra, phòng CNTT cũng đã tiến hành mua các thiết bị lưu trữ, tạo tài khoản cho các Khoa, bộ môn nhằm cung cấp và chia sẻ các dữ liệu, thông tin và tri thức nhằm hỗ trợ các hoạt động đào tạo và NCKH [H9.9.4.10].

Trường đã thiết lập và cung cấp hệ thống Email cho toàn bộ cán bộ, GV và SV trong trường giúp cho việc trao đổi thông tin, học tập của SV được thuận lợi [H9.9.4.11].

SV được sử dụng máy tính để phục vụ học tập, tìm kiếm tài liệu…Số lượng máy tính phục vụ cho hoạt động truy cập Internet để tìm kiếm, trao đổi tài liệu là: 44 máy [H9.9.4.1].

Hàng năm, phòng CNTT lập và triển khai kế hoạch duy tu, bảo dưỡng TTB CNTT cho các đơn vị trực thuộc Trường để đảm bảo các TTB luôn sẵn sàng phục vụ hoạt động đào tạo và NCKH đồng thời tiến hành các thủ tục bảo trì, nâng cấp phần

mềm quản lý nhằm đảm bảo hệ thống phần mềm hoạt động chính xác đáp ứng nhu cầu đào tạo và NCKH [H9.9.4.12].

Qua khảo sát ý kiến 87 SV đại học Xét nghiệm chính quy tốt nghiệp năm 2020 đánh giá nội dung TTB tin học hỗ trợ hiệu quả nhu cầu học tập, NCKH của SV đạt 4,05/5 điểm [H9.9.4.13].

Như vậy, hệ thống TTB tin học của Trường đã đáp ứng tốt yêu cầu phục vụ hoạt động giảng dạy, học tập, NCKH của cán bộ, GV và SV Khoa Xét nghiệm đặc biệt là có hệ thống TTB xét nghiệm hiện đại được quản lý bằng phần mềm quản lý xét nghiệm chuyên dụng. Tuy nhiên, trong thời gian tới Nhà trường cần lắp đặt bổ sung thiết bị wifi tại Khu KTX và Khu GĐ-TV để phục vụ tốt hơn nhu cầu tìm kiếm, tra cứu tài liệu của GV và SV Khoa Xét nghiệm.

2. Điểm mạnh

Khoa Xét nghiệm được trang bị các thiết bị xét nghiệm hiện đại, quản lý bằng phần mềm chuyên dụng hỗ trợ học tập thực hành và NCKH của SV.

3. Điểm tồn tại

Truy cập wifi tại các giảng đường và KTX của Trường đôi lúc còn không truy cập được do sóng wifi yếu.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021-2022, Nhà trường giao phòng CNTT nghiên cứu triển khai lắp đặt bổ sung thiết bị phát sóng wifi mới tới các giảng đường và KTX của Trường.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí: 4/7 điểm.

Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật

1. Mô tả hiện trạng

Là đơn vị đào tạo nguồn nhân lực và cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe, Trường ĐHKTYTHD luôn quan tâm tới các vấn đề môi trường, sức khỏe, an toàn để tạo môi trường xanh, sạch, đẹp, an toàn cho người lao động, người học và người bệnh. Trường có tổng diện tích đất: 8,79546 ha được chia thành 2 khu riêng biệt với chức năng khác nhau. Khu A có diện tích 2,28985 ha được quy hoạch thành Bệnh viện với các công trình: Nhà khám bệnh, nhà khám và điều trị bệnh nhân, nhà lưu bệnh nhân, nhà làm việc, nhà thí nghiệm…. Khu B có diện tích 6,50561 ha với các công

trình: Nhà điều hành, Giảng đường + Thư viện, Nhà tiền lâm sàng, KTX, Nhà thi đấu... [H9.9.5.1] Toàn bộ 2 khu của Nhà trường đều có tường rào khép kín với cổng hiện đại, chắc chắn, camera giám sát và bảo vệ trực ban 24/24 giờ đảm bảo an toàn về an ninh, trật tự. Để chỉ đạo công tác an ninh, trật tự, hằng năm Nhà trường đã thành lập các Hội đồng tư vấn và ban chỉ đạo một số lĩnh vực công tác như: Hội đồng an toàn vệ sinh lao động, Ban chỉ đạo phòng chống lụt bão và giảm nhẹ thiên tai, Ban chỉ đạo Phòng chống ma túy và tệ nạn xã hội [H9.9.5.2]. Trường đã xây dựng văn bản ban hành các nội quy, quy định an toàn khi sử dụng phòng thực hành Xét nghiệm, phòng thí nghiệm, giảng đường [H9.9.5.3]. Để đảm bảo an ninh trường học, Nhà trường xây dựng các quy định, nội quy ra vào cơ quan, quy định về việc đeo thẻ khách cho khách vào làm việc tại trường [H9.9.5.4]. Đội ngũ nhân viên thuộc Tổ bảo vệ chuyên nghiệp trực 24/24 đảm bảo trật tự, an ninh trong Nhà trường [H9.9.5.5]. Trong xây dựng cơ bản, Trường tuân thủ các quy chuẩn xây dựng, chú ý đến các nguyên tắc cơ bản xây dựng công trình để đảm bảo người tàn tật tiếp cận sử dụng. Tuy nhiên, Nhà trường vẫn chưa ban hành Quy định riêng về tiêu chuẩn môi trường, sức khỏe, an toàn người lao động và người học áp dụng trong Trường.

Căn cứ các quy định hiện hành, Trường đưa vào thiết kế, xây dựng các công trình đảm bảo an toàn, người khuyết tật có thể sử dụng. Tại khu vực Nhà điều hành, Giảng đường – Thư viện, Khu khám bệnh, Trường đều có đường dốc đi lên cho người khuyết tật, có thang máy thuận tiện cho việc di chuyển. Về công tác PCCC, các công trình xây dựng của Nhà trường đều được thiết kế và thẩm định phương án PCCC và thường xuyên được phòng cảnh sát PCCC tỉnh Hải Dương kiểm tra định kỳ [H9.9.5.7]. Ngoài ra Trường tổ chức tập huấn, diễn tập công tác PCCC cho viên chức, NLĐ các đơn vị, trong đó 59 viên chức, NLĐ được cấp chứng chỉ nghiệp vụ PCCC [H9.9.5.8].

Nhà trường chú trọng đến việc trồng cây xanh tạo không gian thoáng mát cho người học, diện tích trồng cây chiếm 50% diện tích đất của Nhà trường, diện tích xây nhà 40% còn lại 10% là diện tích hạ tầng. Về công tác chăm sóc cây xanh, Nhà trường có đội ngũ nhân viên lao động gồm 03 lao động hợp đồng chăm sóc cây xanh [H9.9.5.9]. Về công tác vệ sinh, Trường ký hợp đồng với công ty vệ sinh chuyên nghiệp đảm bảo vệ sinh khu vực làm việc, giảng đường, ký túc xá [H9.9.5.10]. Về vấn đề xử lý rác thải, Nhà trường kí hợp đồng xử lý rác thải hằng năm với Công ty cổ phần môi trường Hải Dương vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt [H9.9.5.11]. Phòng HCQT

được giao nhiệm vụ thường xuyên kiểm tra giám sát công tác vệ sinh môi trường của công ty để đảm bảo vệ sinh cho CBVC và người học. Phòng CTQLSV còn phân công lịch trực cho các lớp lao động vệ sinh 3 lần/tuần nên khuôn viên của Trường luôn luôn sạch sẽ [H9.9.5.12]. Hằng năm, để phòng chống dịch bệnh, Nhà trường đều tiến hành công tác phun thuốc phòng dịch, diệt mối và côn trùng xung quanh nơi làm việc và KTX SV [H9.9.5.13]. Trong giai đoạn xảy ra dịch COVID-19, Trường đã tiến hành phun thuốc khử trùng tại các khu vực thiết yếu trong trường để đảm bảo an toàn phòng chống dịch bệnh [H9.9.5.14]. Tại khu vực Bệnh viện, Nhà trường đều thực hiện quan trắc môi trường lao động với 184 mẫu đo đạt tiêu chuẩn. [H9.9.5.15] Trường cũng tổ chức xét nghiệm cho sinh viên tham gia phòng chống dịch, SV thực tế tốt nghiệp tại các vùng có dịch trở về Trường đảm bảo an toàn cho khu vực Nhà trường và cộng đồng [H9.9.5.16].

Trường có Bệnh viện trường đáp ứng nhu cầu thăm khám, điều trị cho SV và CBVC khi gặp vấn đề về sức khỏe. Bệnh viện trường thực hiện khám sức khỏe cho SV đầu mỗi khóa học để phân loại sức khỏe của SV đáp ứng nhu cầu học tập tại trường [H9.9.5.17]. Định kỳ hàng năm, Nhà trường tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho viên chức và người lao động nhằm đảm bảo sức khỏe trong công tác [H9.9.5.18].

Hằng năm, Nhà trường đều tiến hành khảo sát lấy ý kiến người học về mức độ đáp ứng trong đảm bảo an ninh, an toàn, vệ sinh môi trường. Kết quả khảo sát SV trước tốt nghiệp năm 2020 cho thấy nội dung đảm bảo an ninh, an toàn trong KTX đạt 4,13/5 điểm, nội dung cảnh quan sư phạm trường đảm bảo vệ sinh, an toàn, thoải mái đạt 4,18/5 điểm [H9.9.5.19]. Năm 2020, Trường tiến hành khảo sát toàn bộ SV về sự hài lòng đối với dịch vụ công tại Trường ĐHKTYTHD, nội dung môi trường tự nhiên đầy đủ bóng mát, ánh sáng, thoáng đãng đạt 3,88/5 điểm, nội dung an ninh, an toàn trong Trường và khu vực xung quanh đạt 3,84/5 điểm (đều thuộc nhóm nội dung được đánh giá điểm cao nhất) [H9.9.5.20]. Như vậy, Trường đã làm tốt công tác đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường cho người học.

2. Điểm mạnh

Trường có khuôn viên rộng, sạch đẹp và bệnh viện riêng phục vụ tốt nhu cầu khám sức khỏe và điều trị cho CBVC, SV.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa ban hành Quy định tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn người lao động và người học Trường ĐHKTYTHD.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2021 – 2022, Phòng HCQT xây dựng và trình Hiệu trưởng ban hành Quy định về tiêu chuẩn môi trường, sức khỏe, an toàn cho người lao động và người học.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí: 5/7 điểm.

Kết luận về Tiêu chuẩn 9: Khoa Xét nghiệm có đầy đủ CSVC và TTB đáp ứng tốt cho nhu cầu đào tạo và NCKH của ngành Kỹ thuật Xét nghiệm Y học. Phòng học, phòng làm việc, phòng chức năng đáp ứng yêu cầu về số lượng, diện tích và được lắp đặt các TTB, hệ thống CNTT hiện đại, thuận tiện cho sử dụng. Khoa Xét nghiệm có đầy đủ phòng thực hành với TTB hiện đại, cập nhật phục vụ nhu cầu học tập. Nhà trường có Labo ATVSTP là phòng thí nghiệm đạt tiêu chuẩn ISO IEC 17025, đang triển khai xây dựng Khoa Xét nghiệm thuộc Bệnh viện trường đạt tiêu chuẩn quốc tế về chất lượng phòng Xét nghiệm Y học theo ISO 15189: 2012, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo. Thư viện trường có đủ giáo trình, tài liệu tham khảo. Hệ thống CNTT hiện đại hỗ trợ tốt các nhu cầu học tập, giảng dạy, NCKH. Môi trường, cảnh quan của Nhà trường xanh - sạch - đẹp, đảm bảo về sức khỏe và trật tự, an ninh, an toàn cho cán bộ, GV và người học.

Kết quả tự đánh giá: Tiêu chuẩn 9 có 02 tiêu chí đạt 4/7 điểm, 03 tiêu chí đạt 5/7 điểm.

Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng

Mở đầu: Đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo là nhiệm vụ trọng tâm của một cơ sở giáo dục. Với tầm nhìn đến năm 2030 trở thành trường đào tạo đa ngành và là trường trọng điểm quốc gia về Kỹ thuật y học; có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực y tế ở trình độ đại học, sau đại học, NCKH, ứng dụng và phát triển công nghệ trong sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân thì nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của Trường ĐHKTYTHD là nâng cao chất lượng đào tạo. Nâng cao chất lượng trong giáo dục đại học gắn liền với việc cải tiến các yếu tố: Kiến thức, kỹ năng và thái độ hay năng lực của người học; Môi trường và các cơ hội học tập; Chất lượng của CSGD hoặc CTĐT.

Nhà trường luôn chú trọng vào việc triển khai quá trình dạy – học, quá trình đánh giá kết quả học tập để giúp người học đạt được CĐR và năng lực nghề nghiệp. Bên cạnh các hoạt động giảng dạy và đánh giá thì hoạt động NCKH cũng được đẩy mạnh và kết

quả nghiên cứu được chuyển tải thành các nội dung giảng dạy và cải tiến hoạt động giảng dạy. Để giúp các hoạt động giảng dạy, đánh giá, NCKH được thực hiện đúng quy trình và có cải tiến thì chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích như thư viện, phòng thí nghiệm, công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác được đánh giá và cải tiến.

Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học.

1. Mô tả hiện trạng

Từ năm học 2016-2017 trở về trước, công tác lấy ý kiến SV về hoạt động giảng dạy của GV được phân công cho phòng CTQLSV, sau đó được chuyển về phòng KT&BĐCLGD. Phòng KT&BĐCLGD còn chịu trách nhiệm khảo sát SV trước tốt nghiệp về chất lượng đào tạo. Phòng CTQLSV khảo sát tình hình việc làm của SV sau 3 tháng, 6 tháng và 12 tháng ra trường; lấy ý kiến SV toàn trường định kỳ hàng tháng [H10.10.1.1].

Năm học 2017-2018, Nhà trường có Quyết định số 364/QĐ-ĐHKTYTHD Quy định về công tác lấy ý kiến phản hồi của người học, CBVC và các bên liên quan của Trường [H10.10.1.2]. Trong văn bản có quy định về công tác lấy ý kiến phản hồi của người học, CBVC và các bên liên quan, trong đó phòng KT&BĐCLGD có nhiệm vụ lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của GV; lấy ý kiến của SV trước tốt nghiệp để đánh giá chất lượng khóa học; lấy ý kiến của đội ngũ CBVC về mức độ đáp ứng của CSCV, TTB, CNTT, TV, công tác hành chính để phục vụ cho quá trình giảng dạy. Phòng QLĐT là đơn vị hướng dẫn phối hợp với các khoa, bộ môn trong công tác lấy ý kiến các bên liên quan (cán bộ lãnh đạo, quản lý, GV, SV đang theo học tại trường, SV đã tốt nghiệp, nhà sử dụng lao động, chuyên gia giáo dục, hội nghề nghiệp) về CĐR, CTĐT, chất lượng đào tạo và nhu cầu nhân lực. Phòng CTQLSV có nhiệm vụ khảo sát tình hình việc làm và thu nhập của SVTN, chất lượng đào tạo đối với SVTN. Từ năm học 2019-2020, phòng KT&BĐCLGD được giao thêm nhiệm vụ thực hiện khảo sát sự hài lòng của người học với các dịch vụ hành chính công của Trường [H10.10.1.3].

Ngoài ra, hàng năm phòng QLĐT thông báo xây dựng kế hoạch cho năm học mới, trong đó có nội dung về rà soát CTDH đến các khoa, bộ môn [H10.10.1.4].

Bảng 10.1.1. Thống kê các hoạt động thu thập thông tin tại Trường ĐHKTYTHD

TT	Nội dung khảo sát	Đơn vị chủ trì, phối hợp	Đối tượng khảo sát	Thời gian	Sử dụng kết quả
1	Phiếu xin ý kiến điều chỉnh điểm thành phần	Phòng QLĐT	Cán bộ quản lý, GV, SV đang học tại trường.	Thực hiện khi có thay đổi	Thay đổi trọng số điểm thành phần trong ĐCCT HP trong quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ.
2	Đánh giá sự cần thiết phải cập nhật nội dung CTĐT cử nhân KTXNYH	- Phòng QLĐT (chủ trì) - Khoa/ BM chuyên môn	- Cựu SV - Lãnh đạo khoa/ phòng đang làm việc tại cơ sở y tế - Chuyên gia đang làm việc tại cơ sở y tế	Định kỳ 02 năm một lần	Là kênh thông tin giúp Nhà trường tiến hành xây dựng, điều chỉnh CTĐT
3	Đánh giá sự cần thiết phải cập nhật nội dung chi tiết các HP chuyên ngành trong CTĐT cử nhân KTXNYH	- Phòng QLĐT (chủ trì) - Khoa/ BM chuyên môn	- Cựu SV - SV đang học nhưng đã hoàn thành chương trình HP - Lãnh đạo khoa/ phòng đang làm việc tại cơ sở y tế - Chuyên gia đang làm việc tại cơ sở y tế	Định kỳ 02 năm một lần	Là kênh thông tin giúp Nhà trường tiến hành xây dựng, điều chỉnh cập nhật ĐCCT HP
4	Vị trí việc làm Chuẩn đầu ra	- Phòng QLĐT (chủ trì) - Khoa/ BM chuyên môn	Nhà tuyển dụng	Định kỳ 02 năm một lần	Là kênh thông tin giúp Nhà trường xây dựng và điều chỉnh CĐR
5	Lấy ý kiến nhà tuyển dụng về chất lượng đào tạo với SVTN tại trường sau 01 năm	- Phòng QLĐT (chủ trì) - Phòng CTQLSV - Khoa/ BM chuyên môn	- Nhà tuyển dụng	Hàng năm	Là kênh thông tin giúp Nhà trường tiến hành xây dựng, điều chỉnh CTĐT
6	Lấy ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của GV	- Phòng KT&BĐCLGD (chủ trì) - Phòng CTQLSV - Khoa/ BM chuyên môn	- SV	Sau mỗi kỳ học hàng năm	- Cải tiến phương pháp giảng dạy - Nâng cao tinh thần trách nhiệm trong hoạt động dạy học

TT	Nội dung khảo sát	Đơn vị chủ trì, phối hợp	Đối tượng khảo sát	Thời gian	Sử dụng kết quả
7	Lấy ý kiến người học trước TN về chất lượng khóa học	Phòng KT&BĐCLGD	- SV năm cuối	Trước thời điểm tốt nghiệp	Có thêm thông tin để xây dựng kế hoạch điều chỉnh CTĐT, hoạt động đào tạo, CSVC và TTB phục vụ đào tạo
8	Lấy ý kiến CBVC về mức độ đáp ứng CSVC, TTB, CNTT, TV, công tác hành chính	Phòng KT&BĐCLGD	- CBVC	Hàng năm	Nâng cao chất lượng đào tạo
9	Khảo sát sự hài lòng của người học với các dịch vụ hành chính công	Phòng KT&BĐCLGD	- SV	Hàng năm	Nâng cao chất lượng đào tạo
10	Khảo sát tình hình việc làm và thu nhập của SVTN, chất lượng đào tạo đối với SVTN	Phòng CTQLSV	- SV sau khi ra trường	Hàng năm	Làm cơ sở để bổ sung, điều chỉnh cơ cấu ngành đào tạo, nội dung, CTĐT phù hợp với thực tiễn, đáp ứng nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực của xã hội, nâng cao tỉ lệ SVTN có việc làm
11	Khảo sát ý kiến SV mức độ đáp ứng của Thư viện	Thư viện trường	SV đang học tại trường	Định kỳ 05 năm/ 1 lần	Làm cơ sở để điều chỉnh hoạt động phục vụ của Thư viện

Theo đó, Phòng QLĐT phối hợp với khoa, bộ môn xây dựng được các mẫu phiếu khảo sát ý kiến phản hồi của người học, cựu SV, GV, chuyên gia và nhà tuyển dụng về CTĐT và CĐR. Phòng KT&BĐCLGD xây dựng kế hoạch và mẫu phiếu lấy ý kiến SV về hoạt động giảng dạy của GV, phản hồi của người học trước TN về chất lượng đào tạo của Nhà trường, phản hồi của CBVC Nhà trường. Phòng CTQLSV xây dựng kế hoạch và mẫu phiếu khảo sát về tình hình việc làm của SV sau tốt nghiệp. Thư viện trường xây dựng kế hoạch và mẫu phiếu khảo sát ý kiến SV mức độ đáp ứng của Thư viện [H10.10.1.5]. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được

đơn vị chủ trì tổng hợp, phân tích và đánh giá để sử dụng làm căn cứ thiết kế và điều chỉnh CTĐT của tất cả các ngành nói chung và ngành KTXNYH nói riêng.

Ngoài lấy ý kiến bằng hình thức mẫu phiếu, Nhà trường còn triển khai các hoạt động lấy ý kiến phản hồi trực tiếp từ SV. Đầu năm học, Nhà trường tổ chức "Tuần sinh hoạt công dân SV". Phòng CTQLSV tiếp nhận ý kiến SV liên quan đến các hoạt động đào tạo và phục vụ đào tạo, Hiệu trưởng trực tiếp giải đáp thắc mắc cho SV [H10.10.1.6]. Đầu học kỳ II, phòng CTQLSV là đầu mối tổ chức lấy ý kiến phản hồi của SV về các lĩnh vực hoạt động, trong đó có liên quan đến triển khai CTDH và tổ chức Hội nghị đối thoại trực tiếp giữa Ban Giám hiệu, các phòng ban chức năng, đoàn thể với SV [H10.10.1.7]. Thứ 6 hàng tuần phòng CTQLSV phối hợp với các phòng QLĐT, KT&BĐCLGD và mời thầy cô trong Ban giám hiệu chủ trì cuộc họp với SV, trong buổi họp cũng đưa ra các nội dung giải đáp ý kiến thắc mắc của SV trong công tác phục vụ giảng dạy và học tập [H10.10.1.8]. Ngoài ra, Nhà trường định kỳ tổ chức cuộc họp giao ban khu vực đào tạo và khu vực hành chính 03 tháng/01 lần; tổ chức Hội nghị CVHT 01 học kỳ/01 lần để kịp thời tiếp nhận các thông tin phản hồi từ cán bộ, GV liên quan đến việc triển khai các hoạt động giảng dạy [H10.10.1.9]. Cuối năm học, Khoa Xét nghiệm tổ chức họp tổng kết năm học. Cuộc họp thu thập các thông tin phản hồi của GV về CTDH hiện hành, cách tổ chức giảng dạy các HP của các bộ môn thuộc khoa. Thông tin phản hồi trực tiếp của các thành viên tham dự được Khoa ghi nhận và làm căn cứ để điều chỉnh nội dung CTDH cho năm học tiếp theo [H10.10.1.10].

Bên cạnh đó, đối tượng người sử dụng lao động cũng được Nhà trường quan tâm, lấy ý kiến. Nhà trường tổ chức các hội nghị Viện – Trường, các buổi gặp mặt lãnh đạo bệnh viện khu vực Hải Dương. Tham dự có đại diện Ban Giám hiệu, cán bộ quản lí các phòng chức năng, khoa, bộ môn, GV đi lâm sàng, lãnh đạo, cán bộ quản lý cơ sở thực hành và GV thỉnh giảng tại các cơ sở thực hành. Tại hội nghị và các buổi gặp mặt, các ý kiến từ các lãnh đạo, cán bộ quản lý bệnh viện về CTĐT cũng như chất lượng người lao động tốt nghiệp tại trường được ghi nhận làm cơ sở dữ liệu cho việc điều chỉnh, phát triển CTDH của Trường nói chung và Khoa Xét nghiệm nói riêng [H10.10.1.11]. Khoa Xét nghiệm còn gửi CTĐT của trường cho các chuyên gia đầu ngành Xét nghiệm tại các bệnh viện tuyến trung ương, bệnh viện hạng đặc biệt để xin ý kiến phản hồi về CTĐT. Đặc biệt, Khoa chủ động lấy ý kiến góp ý của các cơ sở y tế khi tiếp nhận SV năm cuối của Khoa đến TTTN về mức độ phù hợp giữa nội dung đào

tạo và yêu cầu thực tế hành nghề [H10.10.1.12]. Tuy nhiên, Khoa Xét nghiệm chưa thành lập được bộ phận chuyên trách để thu thập, lưu trữ và xử lý các thông tin phản hồi của các bên liên quan làm căn cứ phát triển CTDH.

Thông qua các ý kiến phản hồi, Khoa Xét nghiệm nhận thấy những nội dung nổi bật đề nghị là tăng thời gian TTTN, điều chỉnh thứ tự giảng dạy các HP, thay đổi một số bài trong nội dung các HP cho phù hợp với thực tế. Khoa Xét nghiệm đã kết hợp với khoa, bộ môn liên quan xây dựng lại tiến trình đào tạo, điều chỉnh thời gian đi TTTN của SV từ 12 tuần lên thành 14 tuần và 18 tuần trong năm học 2019-2020. Nhà trường đã điều chỉnh quy chế đào tạo theo HCTC vào năm 2018 [H10.10.1.13]. Khoa Xét nghiệm đã điều chỉnh CTĐT vào các năm 2014, 2018 và hàng năm đều có rà soát nhỏ về nội dung, phương pháp, phương tiện dạy học [H10.10.1.14]. Hiện nay, Khoa đang triển khai điều chỉnh CĐR và CTĐT cử nhân KTXNYH theo hướng tích hợp, đào tạo dựa trên năng lực.

2. Điểm mạnh

Nhà trường và Khoa Xét nghiệm sử dụng đa dạng các kênh thu thập ý kiến phản hồi: bảng hỏi, hội nghị, gặp mặt, họp bộ môn, họp Khoa, họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo để tiếp nhận những ý kiến có giá trị, làm căn cứ thiết kế và phát triển CTDH.

3. Điểm tồn tại

Khoa Xét nghiệm chưa thành lập được bộ phận chuyên trách để thu thập, lưu trữ và xử lý các thông tin phản hồi của các bên liên quan làm căn cứ phát triển CTDH.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021-2022, Khoa Xét nghiệm sẽ nghiên cứu và thành lập bộ phận chuyên trách để thu thập, lưu trữ và xử lý các thông tin phản hồi của các bên liên quan làm căn cứ phát triển CTDH.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí: 4/7 điểm.

Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển CTDH được thiết lập, đánh giá và cải tiến

1. Mô tả hiện trạng

CTDH của một CTĐT cụ thể bao gồm: Mục tiêu chung; Mục tiêu cụ thể; CĐR đối với mỗi ngành học và HP; Nội dung đào tạo; Phương pháp đánh giá; Thời lượng đối với mỗi ngành học và mỗi HP. Căn cứ theo Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT của Bộ

GD&ĐT, Nhà trường đã đưa ra Hướng dẫn rà soát, xây dựng CĐR, CTĐT trình độ đại học [H10.10.2.1-2]. Quy trình gồm 9 bước:

- Bước 1: Trưởng khoa hoặc Phụ trách khoa thành lập nhóm và chỉ định trưởng nhóm chuyên gia xây dựng CĐR cho ngành đào tạo;

- Bước 2: Nghiên cứu tài liệu: trong đó có sử dụng kết quả nghiên cứu về xác định nhu cầu nhân lực của: "Khảo sát thực trạng và nhu cầu nhân lực kỹ thuật y tế" của dự án ADB do Nhà trường khảo sát [H10.10.2.3] ;

- Bước 3: Khoa tổ chức thảo luận và thống nhất các mẫu phiếu điều tra và dự kiến về mục tiêu, nội dung, cấu trúc, kế hoạch thời gian, cách thức triển khai, các nguồn lực và giao nhiệm vụ cho các cá nhân và tập thể chịu trách nhiệm chính trong việc xây dựng CĐR;

- Bước 4: Điều tra khảo sát thực tế;

- Bước 5: Phân tích số liệu thu thập được;

- Bước 6: Biên soạn CĐR và CTĐT;

- Bước 7: Hoàn thiện dự thảo và công bố;

- Bước 8: Hoàn thiện tích hợp CĐR trên từng môn học;

- Bước 9: Rà soát xác định trình tự các môn học.

Trong quá trình rà soát, Khoa Xét nghiệm đã thành lập nhóm chuyên gia để xây dựng CĐR cho ngành Xét nghiệm. Nhóm chuyên gia đã tham khảo tài liệu và xây dựng các mẫu phiếu điều tra về CĐR, khung CTĐT, ĐCCT các HP cho phù hợp với ngành đào tạo. Các mẫu phiếu này sau khi được thông qua Hội đồng khoa, Khoa Xét nghiệm xây dựng kế hoạch điều tra khảo sát thực tế [H10.10.2.4]. Sau khi lấy phiếu điều tra về, nhóm điều tra sẽ thu thập kết quả và phân tích kết quả điều tra đã thu thập, dựa vào đó Khoa chỉnh sửa CĐR và CTDH. Phòng QLĐT có trách nhiệm trình Hội đồng KH&ĐT của Trường để thông qua CĐR và CTDH của ngành học. CĐR và CTĐT, CTDH theo đó sẽ được công khai theo quy định hiện hành. Tuy nhiên, Khoa Xét nghiệm và phòng QLĐT còn có lúc chưa phối hợp nhịp nhàng trong quá trình thiết kế và phát triển CTDH.

Nội dung dạy - học được Khoa tiến hành rà soát, đổi mới, cập nhật và chỉnh sửa hàng năm theo thông báo xây dựng kế hoạch năm học và rà soát CTĐT của Nhà trường khi kết thúc mỗi kỳ học [H10.10.2.5]. Căn cứ vào kế hoạch của Nhà trường, các ý kiến phản hồi thu thập được từ các bên liên quan như phản hồi về hoạt động

giảng dạy của SV, phản hồi về chất lượng khóa học của SV năm cuối, phản hồi của SV tốt nghiệp, nhà tuyển dụng, GV cơ hữu, GV thỉnh giảng... mà Khoa thực hiện rà soát, điều chỉnh nội dung CTDH. Các nội dung chủ yếu được điều chỉnh là tiến trình giảng dạy, cập nhật nội dung bài học, thay đổi phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá [H10.10.2.6].

Tài liệu "Hướng dẫn xây dựng ĐCCT HP" trước khi ban hành đã được lấy ý kiến góp ý của các đơn vị liên quan trong toàn trường [H10.10.2.7-8]. Bản hướng dẫn có đầy đủ các biểu mẫu ĐCCT, hướng dẫn viết CĐR, lựa chọn phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá. Theo đó các khoa, bộ môn có quản lí HP thuộc CTĐT cử nhân KTXNYH đã tổ chức họp, phân công nhóm GV chịu trách nhiệm rà soát, chỉnh sửa và hoàn thiện lại ĐCCT HP do đơn vị phụ trách [H10.10.2.9].

2. Điểm mạnh

CTDH được rà soát, cập nhật hàng năm trên cơ sở tiếp thu ý kiến của các bên liên quan.

3. Điểm tồn tại

Khoa Xét nghiệm và phòng QLĐT còn có lúc chưa phối hợp nhịp nhàng trong quá trình thiết kế và phát triển CTDH.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2020- 2021, phòng QLĐT chịu trách nhiệm rà soát lại quy trình thiết kế và phát triển CTDH, đảm bảo nội dung hướng dẫn chi tiết, cụ thể và phân công trách nhiệm rõ ràng.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí: 4/7 điểm.

Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường có những quy định, hướng dẫn cụ thể liên quan đến việc rà soát, đánh giá quá trình dạy và học trong các văn bản như Quy định tạm thời về dự giờ, hội giảng, Hướng dẫn tổ chức, điều hành và quản lý về mặt hành chính hoạt động giảng dạy của giảng viên, Hướng dẫn rà soát CTĐT, CTDH khi xây dựng kế hoạch năm học

[H10.10.3.1]. Nhà trường cũng ban hành các quy định cụ thể về việc rà soát, đánh giá kết quả học tập của người học, đánh giá điểm rèn luyện của SV [H10.10.3.2].

Phòng QLĐT, KT&BĐCLGD, CTQLSV là những đơn vị được phân công nhiệm vụ thực hiện việc rà soát, đánh giá quá trình dạy và học, đánh giá kết quả học tập của người học [H10.10.3.3]. Nhà trường cũng thành lập các Ban Giám sát dạy học lâm sàng, Ban Giám sát thi kết thúc HP lí thuyết, thực hành cùng với các phòng chức năng có trách nhiệm theo dõi, giám sát quá trình dạy học lí thuyết, thực hành, lâm sàng [H10.10.3.4]. Ngoài ra, Hội đồng trường cũng thành lập các Ban Giám sát độc lập, có nhiệm vụ giám sát các hoạt động đào tạo, khảo thí [H10.10.3.5].

Hàng năm, Khoa Xét nghiệm xây dựng kế hoạch và tổ chức các buổi dự giờ đối với những GV lần đầu tiên giảng dạy một HP mới và các GV khác [H10.10.3.6]. Buổi dự giờ có sự tham gia của các GV cùng chuyên môn, GV có thâm niên giảng dạy của Khoa nhằm đóng góp ý kiến cho các GV về nội dung bài giảng, cách thức tổ chức dạy học, các phương pháp giảng dạy. Ngoài ra, đội ngũ CVHT của Khoa Xét nghiệm có trách nhiệm theo dõi tình hình và kết quả học tập của SV, tư vấn cho SV đăng ký tín chỉ theo từng học kỳ và đảm bảo xuyên suốt một khóa học. CVHT của Khoa thông qua các buổi sinh hoạt lớp hàng tháng để nắm bắt tình hình học tập của SV, động viên SV có ý thức rèn luyện, học tập tốt; nhắc nhở và có những biện pháp giám sát, hỗ trợ SV có kết quả rèn luyện, học tập chưa tốt [H10.10.3.7]. Việc đánh giá kết quả rèn luyện của người học được tiến hành định kì vào cuối kì học chính. Trong nội dung của phiếu đánh giá này có nội dung đánh giá về ý thức tham gia học tập của SV. Kết quả phân loại rèn luyện theo học kỳ và năm học là một trong những tiêu chuẩn xét học tiếp, dừng học, xét thi đua khen thưởng và học bổng tài trợ ngoài ngân sách [H10.10.3.8]. Hoạt động học tập của SV được giám sát chặt chẽ nên 98.09% SV của Khoa hoàn thành tiến độ khóa học đúng thời hạn [H10.10.3.9]. Tuy nhiên, Khoa Xét nghiệm vẫn còn tỉ lệ nhỏ SV tốt nghiệp không đúng thời hạn (1,81% năm 2020) [H10.10.3.10].

Năm học 2017-2018, khi rà soát lại CTĐT cử nhân KTXNYH, Khoa đã tiến hành rà soát, điều chỉnh, bổ sung phương pháp giảng dạy, học tập và đánh giá kết quả học tập [H10.10.3.11]. ĐCCT HP của khoa được xây dựng ma trận đáp ứng giữa nội dung HP, phương pháp giảng dạy với CĐR HP, ma trận giữa phương pháp kiểm tra, đánh giá với CĐR HP [H1.1.1.1]. Năm học 2017-2018, Nhà trường đã có những điều

chỉnh về trọng số điểm chuyên cần, điểm kiểm tra thường xuyên và điểm thi của HP để phù hợp với yêu cầu chất lượng đào tạo của trường và có lấy ý kiến của SV, GV [H10.10.3.12]. Ngoài ra, Nhà trường cũng sửa đổi và ban hành lại Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng chính quy theo học chế tín chỉ, Quy chế tổ chức thi kết thúc HP nhằm đáp ứng yêu cầu chất lượng, CĐR của CTĐT.

Nhà trường cũng triển khai khảo sát người học, SVTN, GV, nhà tuyển dụng về kết quả quá trình dạy học, đánh giá kết quả học tập. Mỗi một học kỳ, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của GV qua phần mềm khảo sát SV [H10.10.3.13]. Nội dung phiếu khảo sát năm học 2018-2019 được chia làm 03 nội dung lớn: nội dung, chất lượng HP; hoạt động giảng dạy; hoạt động kiểm tra đánh giá. Kết quả phản hồi với các tiêu chí đưa ra đều đạt kết quả cao. Ví dụ như mục tiêu HP nêu rõ kiến thức, kỹ năng SV cần đạt; Phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá của GV giúp phát huy tính sáng tạo, khả năng nghiên cứu độc lập; Thông tin phản hồi từ kiểm tra đánh giá giúp SV cải thiện kết quả học tập… Nhà trường lấy ý kiến SV năm cuối đánh giá chất lượng khóa học với các nội dung về CTĐT, hoạt động đào tạo và hỗ trợ, CSVC phục vụ quá trình học tập. Các tiêu chí đều đạt điểm trung bình ở mức tốt. Ví dụ như CTĐT đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiên thức, kỹ năng của đào tạo trình độ đại học; Trình tự các môn học được sắp xếp hợp lí; GV nhiệt tình, sẵn sàng giúp đỡ SV trong học tập và NCKH… [H10.10.3.14]. Hàng năm, Nhà trường lấy ý kiến cán bộ, GV về mức độ đáp ứng CSVC, TTB, CNTT phục vụ hoạt động giảng dạy, NCKH; Sự hỗ trợ của đội ngũ chuyên viên, nhân viên, kỹ thuật viên trong hoạt động giảng dạy, NCKH... [H10.10.3.15]. Đối tượng SVTN sau 01 năm cũng được khảo sát ý kiến về mức độ phù hợp của kiến thức chuyên môn và kỹ năng được đào tạo áp dụng với công việc thực tế [H10.10.3.16]. Đối tượng nhà tuyển dụng cũng được khảo sát ý kiến hàng năm, với các tiêu chí như khả năng đáp ứng yêu cầu công việc của người học sau tuyển dụng, sự hài lòng về chất lượng đào tạo của Nhà trường [H10.10.3.17]. Kết quả khảo sát được thông báo lại cho Khoa và GV giảng dạy HP cũng như các đơn vị liên quan được biết để kịp thời điều chỉnh, cải tiến quá trình dạy và học, đánh giá kết quả học tập của người học. Căn cứ kết quả khảo sát, Khoa Xét nghiệm đã họp và đề xuất các phương án cải tiến chất lượng và nộp về Lãnh đạo trường và phòng KT&BĐCLGD để theo dõi [H10.10.3.18].

2. Điểm mạnh

Nhà trường và Khoa Xét nghiệm luôn quan tâm và thực hiện nhiều biện pháp khác nhau để rà soát, đánh giá quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học. 100% SV của Khoa đều ra trường đúng thời hạn.

3. Điểm tồn tại

Khoa Xét nghiệm vẫn còn tỉ lệ nhỏ SV bị nợ HP.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021-2022, Khoa Xét nghiệm phối hợp chặt chẽ với phòng CTQLSV, phòng QLĐT giám sát, tư vấn cho SV trong việc đăng ký tín chỉ, hoàn thành kế hoạch học tập để đạt được CĐR của CTĐT. Khoa sẽ kiến nghị với Ban Giám hiệu, phòng CNTT mở rộng một số quyền cho CVHT trên phần mềm QLĐT để quản lý SV tốt hơn.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí: 5/7 điểm.

Tiêu chí 10.4. Các kết quả NCKH được sử dụng để cải tiến việc dạy và học

1. Mô tả hiện trạng

NCKH được xem là hoạt động then chốt của các trường đại học vì đây là sợi dây bền chặt nối kết giữa môi trường học thuật với phát triển mọi mặt của đời sống xã hội. Mặt khác, chỉ có NCKH, tạo ra sản phẩm khoa học thì các trường đại học mới tạo dựng được cơ hội nâng cao chất lượng đào tạo. Trong định hướng phát triển của Nhà trường đã ghi rõ "NCKH, ứng dụng và phát triển công nghệ trong sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân" [H10.10.4.1]. Năm 2012 và năm 2018, Trường đã xây dựng kế hoạch KHCN cho từng giai đoạn phát triển: giai đoạn 2012-2016 và giai đoạn 2017-2021 [H10.10.4.2]. Trên cơ sở kế hoạch KHCN của từng giai đoạn và đề xuất của các khoa, bộ môn, Trường đã xây dựng kế hoạch KHCN theo từng năm học để triển khai trong toàn Trường [H10.10.4.3]. Căn cứ vào định hướng này, hàng năm, Khoa Xét nghiệm đã có nhiều đề tài NCKH liên quan đến việc dạy và học được triển khai thực hiện. Các chủ đề nghiên cứu trọng tâm là những nghiên cứu liên quan đến chuyên ngành Xét nghiệm và được thực hiện bởi những GV có năng lực nghiên cứu [H10.10.4.4,5].

Khoa Xét nghiệm luôn khuyến khích các GV tham gia NCKH và ứng dụng kết quả NCKH vào quá trình dạy và học.

Bảng 10.4.1: Một số đề tài cấp cơ sở liên quan đến lĩnh vực dạy - học

TT	Tên đề tài	Năm học	Lĩnh vực áp dụng
1.	Nghiên cứu chế tạo panel để Kiểm định độ nhạy, độ đặc hiệu kít PCR chẩn đoán vi khuẩn Than và Dịch hạch	2013-2014	Vi sinh
2.	Cải tiến phương pháp định lượng rhodaminB bằng phương pháp HPLC và đánh giá thực trạng sử dụng chất này trong một số loại thực phẩm tại thành phố Hải Dương	2013-2014	Hóa độc, ATTP
3.	Nghiên cứu phương pháp phân tích chất bảo quản acid benzoic, acid sorbic và ứng dụng khảo sát đánh giá thực trạng sử dụng trên địa bàn Hải Dương	2013-2014	Hóa độc, ATTP
4.	Phân tích hàm lượng các chất chống oxy hóa Quercetn va Kaempferol trong thực phẩm chức năng.	2014-2015	Hóa độc, ATTP
5.	Nghiên cứu sự phân bố và mức độ kháng kháng sinh của một số vi khuẩn gây bệnh mới nổi tại bệnh viện Quân Y 103	2015-2016	Vi sinh
6.	Nghiên cứu phương pháp phân tích đồng thời chất tạo ngọt Saccarin, aspartam và chất bảo quản acid benzoic, acid sorbic trong đối tượng thực phẩm	2015-2016	Hóa độc, ATTP
7.	Đánh giá thực trạng nhiễm và kháng Clarithromycin của Helicobacter pylori ở bệnh nhân viêm dạ dày tại bệnh viện Đa khoa tỉnh Hải Dương bằng kỹ thuật SHPT	2015-2016	Vi sinh
8.	Xây dựng quy trình tạo nha bào Clostridium difficile tinh khiết và xác định giới hạn phát hiện của môi trường Cefoxitin-Cycloserine-Mannitol– Agar cho nuôi cấy phân lập C.difficile từ mẫu phân	2015-2016	Vi sinh
9.	Xây dựng phần mềm nội kiểm chất lượng xét nghiệm y học HMTU – IQC	2016	Hóa sinh, Huyết học, Vi sinh
10.	Loãng xương và một số yếu tố liên quan ở phụ nữ mãn kinh đến khám và điều trị tại Bệnh viện Trường ĐHKTYTHD năm 2017	2017	Hóa sinh
11.	Thực trạng kiểm tra chất lượng xét nghiệm của một số chỉ số hóa sinh tại các bệnh viện tuyến tỉnh ở khu vực Hải Dương năm 2018	2018	Hóa sinh
12.	Thực trạng kiểm tra chất lượng xét nghiệm của một số chỉ số hóa sinh tại bệnh viện tuyến huyện tỉnh Hải Dương năm 2018	2018	Hóa sinh

TT	Tên đề tài	Năm học	Lĩnh vực áp dụng
13.	Nghiên cứu một số đặc điểm lâm sàng và xét nghiệm của trẻ đột biến gen G6PD ở một số dân tộc miền Bắc	2017	Hóa sinh
14.	Xác định hàm lượng Methanol trong rượu trắng ở một số địa bàn tỉnh Hải Dương năm 2018-2019	2020	Hóa độc, ATTP
15.	Thực trạng hội chứng chuyển hóa và các yếu tố liên quan của hội chứng chuyển hóa ở người trưởng thành từ 25-64 tuổi tại Hưng Yên	2020	Hoá sinh

Tính đến tháng 6 năm 2021 giảng viên khoa Xét nghiệm đã tham gia thực hiện 03 đề tài cấp tỉnh, 01 đề tài cấp Bộ, 20 đề tài cấp cơ sở và đang thực hiện 02 đề tài NN, 11 đề tài cấp cơ sở [H10.10.4.4]. Và các kết quả nghiên cứu được các giảng viên trong Khoa chủ động, tích cực ứng dụng vào hoạt động giảng dạy. Các hình thức áp dụng kết quả nghiên cứu vào giảng dạy của giảng viên Nhà trường đa dạng nhất là sử dụng làm ví dụ cho việc giảng dạy lý thuyết và thực hành trên lớp. Các học phần chuyển kết quả nghiên cứu vào giảng dạy như: Hóa sinh, Vi sinh, Ký sinh trùng, Huyết học… [H10.10.4.6].

Không chỉ sử dụng kết quả nghiên cứu do chính bản thân thực hiện mà nhiều GV đã tìm kiếm và sử dụng kết quả nghiên cứu của đồng nghiệp trong và ngoài nước để ứng dụng vào hoạt động giảng dạy lý thuyết và lâm sàng như đề tài "Xác định tỷ lệ và mức độ kháng kháng sinh của một số chủng vi khuẩn được phân lập từ bệnh nhi mắc viêm đường hô hấp tại Bệnh viện Nhi Hải Dương năm 2017" được triển khai ứng dụng tại Bệnh viện Nhi Hải Dương [H10.10.4.6].

Bên cạnh việc áp dụng những kết quả nghiên cứu trong giảng dạy, Khoa cũng đã tổ chức nhiều hình thức để phổ biến, cập nhật và hướng dẫn cách thức áp dụng kết quả NCKH. Hàng năm, Khoa đã tổ chức sinh hoạt khoa học, tham gia các Hội thảo liên quan đến nội dung gắn kết giữa đào tạo và NCKH [H10.10.4.7]. Đặc biệt, sáng kiến cải tiến kỹ thuật của cán bộ trong khoa "Xây dựng phần mềm nội kiểm chất lượng xét nghiệm y học HMTU – IQC" đã có giá trị thực tiễn. Nhiều nghiên cứu đã được triển khai áp dụng tại bệnh viện [H10.10.4.4]. Kết quả các Hội thảo, sinh hoạt khoa học được thông tin kịp thời trên website của Nhà trường [H10.10.4.9]. Ngoài ra, giảng viên và sinh viên có thể tiếp cận các kết quả NCKH thông qua thư viện số của Nhà trường.

Các bài báo được đăng có nội dung thuộc các hướng ưu tiên phục vụ cho chiến lược phát triển đào tạo và định hướng NCKH của Khoa. 100% các bài báo được đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành Sức khoẻ và Giáo dục của quốc gia (như Tạp chí Y học Việt Nam, Y học Thực hành, Y học Dự phòng …) và quốc tế (như Tạp chí International Wound Journal…) các bài báo là tài liệu tham khảo cho các bài giảng và các nghiên cứu khác [H10.10.4.9].

2. Điểm mạnh

Kết quả NCKH được GV tích cực áp dụng vào việc dạy và học ở tất cả các HP chuyên ngành, không chỉ trong các HP lý thuyết mà cả các HP lâm sàng.

3. Điểm tồn tại

Khoa chưa có khảo sát, đánh giá hiệu quả của việc áp dụng kết quả NCKH trong giảng dạy các HP.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021-2022, Khoa sẽ xây dựng kế hoạch định kỳ đánh giá hiệu quả của việc áp dụng kết quả NCKH của các HP trước và sau khi áp dụng để có sự đối sánh.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí: 4/7 điểm.

Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả hiện trạng

Hệ thống dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của Nhà trường bao gồm: hỗ trợ học tập (thư viện, phòng tự học lý thuyết, phòng tự học thực hành, đội ngũ CVHT); hỗ trợ sinh hoạt, chăm sóc sức khỏe (phòng máy truy cập mạng, hệ thống wifi, căng tin, nhà xe, KTX, khu thể dục thể thao gồm sân tập thể thao và phòng tập thể dục thể thao đa năng, tư vấn chăm sóc sức khỏe ban đầu, bệnh viện); hoạt động ngoại khóa (các câu lạc bộ tiếng Anh, câu lạc bộ Khát vọng trẻ, câu lạc bộ Phát thanh; đội thanh niên xung kích; tư vấn việc làm…). Nhà trường đã ban hành quy định lấy ý kiến của SV trước tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của Nhà trường, trong đó có nội dung liên quan đến các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích [H10.10.5.1]; quy định cung cấp và tiếp nhận thông tin từ SV, trong đó có nội dung lấy ý kiến phản ánh từ SV hàng tuần, hàng tháng về mọi hoạt

động đào tạo của Nhà trường và tổ chức gặp mặt giữa Lãnh đạo trường với SV [H10.10.5.2]; quy chế công tác CVHT, trong đó có quy định về kiểm tra, giám sát, đánh giá công tác CVHT [H10.10.5.3].

Hoạt động khảo sát SV trước tốt nghiệp được thực hiện theo từng khóa, với cả SV chính quy và VLVH. Phòng KT&BĐCLGD xây dựng kế hoạch khảo sát, tổ chức thực hiện và viết báo cáo tổng hợp gửi về các đơn vị, trong đó có Khoa Xét nghiệm dưới sự chỉ đạo, giám sát của Hội đồng trường, Ban Giám hiệu [H10.10.5.4]. Phòng CTQLSV là đầu mối tiếp nhận ý kiến SV tại cuộc họp giao ban với Ban cán sự các lớp hàng tuần [H10.10.5.5]. Về công tác CVHT, đầu mỗi năm học, CVHT của Khoa nộp kế hoạch hoạt động cá nhân cho Trưởng khoa, Trưởng bộ môn để theo dõi, giám sát [H10.10.5.6]. Hàng tháng, CVHT của Khoa nộp sổ ghi chép CVHT và biên bản họp lớp về Khoa và phòng CTQLSV để theo dõi [H10.10.5.7]. Căn cứ vào kế hoạch hoạt động cá nhân của CVHT, Trưởng khoa, Trưởng bộ môn theo dõi, giám sát thực hiện các công việc, đánh giá tiến độ và kết quả thực hiện [H10.10.5.8]. Thư viện của trường cũng tổ chức thực hiện lấy ý kiến SV về mức độ đáp ứng của Thư viện [H10.10.5.9]. Các phòng thực hành tự học, phòng máy truy cập mạng đều có sổ theo dõi sử dụng [H10.10.5.10].

Báo cáo kết quả lấy ý kiến SV được gửi về cho Khoa Xét nghiệm cũng như các đơn vị liên quan đều yêu cầu các đơn vị phải triển khai các hoạt động khắc phục, đảm bảo chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích. Ngoài ra, Nhà trường định kỳ tổ chức gặp mặt tất cả SV của Khoa Xét nghiệm với Chủ tịch Hội đồng trường, Ban Giám hiệu, cán bộ quản lý Khoa và các Phòng chức năng để giải đáp ý kiến thắc mắc của SV trong Khoa cũng như đưa ra các phương án cải tiến chất lượng [H10.10.5.11-14].

- Với các dịch vụ hỗ trợ học tập: Để đáp ứng nhu cầu của SV về tài liệu học tập tại Thư viện cần cập nhật và đa dạng, Nhà trường đã định kỳ mua bổ sung sách, tạp chí hàng năm [H10.10.5.15]. Ngoài ra, Trường ĐHKTYTHD còn liên kết tra cứu vào thư viện các trường đại học trong nước và nước ngoài để tăng cường nguồn tài liệu điện tử như Thư viện trường Đại học Bách khoa, thư viện điện tử khối các trường Y, Dược theo Dự án phát triển nguồn nhân lực y tế… [H10.10.5.16]. Để thuận tiện cho bạn đọc tra cứu và sử dụng thư viện mọi lúc mọi nơi, Trường đã mua phần mềm quản trị thư viện tích hợp Koha và phần mềm quản trị tài nguyên số Dspace [H10.10.5.17]. Để đáp ứng nhu cầu của SV về phòng tự học lý thuyết, Nhà trường đã bổ sung 08

phòng tự học lý thuyết tại khu KTX. Các phòng tự học lý thuyết được giao cho đội Thanh niên xung kích quản lý, giờ mở cửa hàng ngày từ 7 giờ ÷ 22 giờ [H10.10.5.18]. Với ý kiến về công tác CVHT, Khoa thường xuyên có các buổi trao đổi, rút kinh nghiệm với các GV làm nhiệm vụ CVHT thông qua các buổi họp giao ban tại Khoa [H10.10.5.19]. Nhà trường cũng định kỳ tổ chức Hội nghị CVHT 01 năm/01 lần để tổng kết, đánh giá và có những định hướng điều chỉnh liên quan đến công tác CVHT [H10.10.5.20]. Tuy nhiên, trong thời gian qua, Khoa chưa tổ chức lấy ý kiến phản hồi của SV về hoạt động của CVHT để rút kinh nghiệm và đóng góp ý kiến hoàn thiện quy chế về CVHT của Nhà trường.

- Với các dịch vụ hỗ trợ sinh hoạt, chăm sóc sức khỏe: Ý kiến của SV liên quan đến việc bổ sung, sửa chữa CSVC, TTB tại phòng học lý thuyết, phòng thực hành, KTX, thư viện; tăng cường hệ thống truy cập mạng tại khu KTX; bổ sung cây nước sạch tại khu giảng đường... đều được lãnh đạo trường chỉ đạo khắc phục kịp thời [H10.10.5.21]. Về chăm sóc sức khỏe, SV khi nhập học được Bệnh viện trường thăm khám sức khỏe ban đầu [H10.10.5.22]. Trong quá trình học tập, những SV đóng bảo hiểm y tế tại trường sẽ được chăm sóc sức khỏe tại bộ phận y tế trực thuộc phòng CTQLSV [H10.10.5.23]. Từ năm 2017, để đáp ứng nhu cầu của SV được chăm sóc sức khỏe tốt hơn, SV được thăm khám và chăm sóc sức khỏe tại Bệnh viện trường [H10.10.5.24].

- Với các hoạt động ngoại khóa: Để đáp ứng nhu cầu của SV được tham gia nhiều hoạt động ngoại khóa, Đoàn Thanh niên và Hội SV đã phối hợp tổ chức các hội thi tiếng Anh, hội thi ý tưởng sáng tạo trẻ, hội thi kỹ năng giao tiếp ứng xử, các giải bóng đá, bóng chuyền. Đoàn trường cũng tổ chức ủng hộ SV có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn [H10.10.5.25]. Ngoài ra, để đáp ứng nguyện vọng của SV và định hướng nghề nghiệp, tăng cơ hội tìm kiếm việc làm cho SV, từ năm học 2017-2018, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch và tổ chức Hội nghị tư vấn việc làm, thu hút được đông đảo SV tham gia [H10.10.5.26].

2. Điểm mạnh

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích được giám sát chặt chẽ và kịp thời thực hiện các hoạt động cải tiến chất lượng.

3. Điểm tồn tại

Khoa chưa tổ chức lấy ý kiến phản hồi của SV về hoạt động của CVHT để rút kinh nghiệm và đóng góp ý kiến hoàn thiện quy chế về CVHT của Nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2020-2021, Khoa Xét nghiệm sẽ đề nghị Nhà trường tổ chức 01 lớp tập huấn nghiệp vụ cho GV làm nhiệm vụ CVHT; xây dựng kế hoạch và tổ chức lấy ý kiến phản hồi của SV trong Khoa về hoạt động của CVHT để rút kinh nghiệm và đóng góp ý kiến hoàn thiện quy chế về CVHT của Nhà trường.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí: 4/7 điểm.

Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHKTYTHD đã ban hành đầy đủ các văn bản quy định rõ trách nhiệm của Phòng KT&BĐCLGD, CTQLSV, phòng QLĐT, Khoa/Bộ môn và các đơn vị khác trong việc xây dựng và triển khai các hoạt động lấy ý kiến, viết báo cáo tổng kết và tổ chức triển khai các hoạt động cải tiến chất lượng sau khi có kết quả lấy ý kiến [H10.10.6.1-3]. Quy trình thực hiện, nội dung lấy ý kiến, sử dụng thông tin phản hồi để cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo cũng được quy định rõ ràng [H10.10.6.2-3]. Bộ công cụ lấy ý kiến người học và các bên liên quan được Hội đồng nghiệm thu trước khi đưa vào sử dụng [H10.10.6.4].

Từ năm 2007, phòng CTQLSV được phân công định kỳ hàng năm tổ chức lấy ý kiến phản hồi của SV về hoạt động giảng dạy của GV để làm căn cứ điều chỉnh mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy và học nhằm đáp ứng mục tiêu đào tạo [H10.10.6.5]. Từ năm học 2015-2016, phòng KT&BĐCLGD được giao nhiệm vụ lấy ý kiến phản hồi của SV về hoạt động giảng dạy của GV, ngoài ra Phòng còn được giao nhiệm vụ khảo sát SV trước tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của Nhà trường, khảo sát ý kiến đội ngũ CBVC. Năm học 2019-2020, Phòng tiếp tục được giao nhiệm vụ khảo sát mức độ hài lòng của người học với chất lượng dịch vụ giáo dục công của Trường [H10.10.6.6]. Kết quả khảo sát được đối sánh giữa các năm để đánh giá mức độ cải tiến, báo cáo Ban Giám hiệu và gửi đến Khoa Xét nghiệm, các đơn vị liên quan và công khai trên trang web trường [H10.10.6.7-10].

Phòng CTQLSV còn là đầu mối tiếp nhận ý kiến SV tại cuộc họp giao ban với Ban cán sự các lớp hàng tuần [H10.10.6.11]. Từ năm học 2017-2018, phòng CTQLSV là đầu mối tổ chức gặp mặt tất cả SV Khoa Xét nghiệm với Chủ tịch Hội đồng trường,

Ban Giám hiệu, cán bộ quản lý Khoa và các phòng chức năng để giải đáp ý kiến thắc mắc của SV trong khoa [H10.10.6.12-14]. Ngoài ra, phòng CTQLSV cũng thực hiện khảo sát tình hình việc làm của SV sau tốt nghiệp và nhà sử dụng lao động về chất lượng người học tốt nghiệp của trường [H10.10.6.15,16].

Phòng QLĐT là đơn vị chủ trì, phối hợp với các khoa, bộ môn quản lý CTĐT thực hiện công tác lấy ý kiến các bên liên quan (Nhà tuyển dụng, chuyên gia giáo dục, hội nghề nghiệp, SVTN) về CĐR, CTĐT, chất lượng đào tạo, nhu cầu nhân lực. Năm học 2017-2018, phòng QLĐT đã phối hợp với các khoa, bộ môn toàn trường triển khai rà soát CTĐT theo Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT và lấy ý kiến các bên liên quan thông qua việc xây dựng "Hướng dẫn rà soát, xây dựng CĐR, CTĐT", "Hướng dẫn xây dựng ĐCCT HP", cử cán bộ của Phòng tham gia vào Ban rà soát CTĐT của các khoa, bộ môn [H10.10.6.17].

Hàng năm, khoa Xét nghiệm tổ chức dự giờ GV trong khoa với mục đích trao đổi chuyên môn, đánh giá chất lượng giảng dạy của GV, xác định năng lực của GV theo đúng yêu cầu, mục tiêu đào tạo của Khoa [H10.10.6.18]. Giáo vụ khoa lâm sàng của Khoa cũng lấy ý kiến cơ sở thực tập lâm sàng, thực tế tốt nghiệp đánh giá SV của Khoa sau mỗi đợt thực tập, thực tế [H10.10.6.19]. Tuy nhiên hoạt động này Khoa triển khai chưa được bài bản và chưa lưu trữ cơ sở dữ liệu một cách hệ thống. Lãnh đạo trường, Trưởng các phòng chức năng, cán bộ quản lý và GV khoa Xét nghiệm đều công bố số điện thoại và email để SV góp ý, gửi kiến nghị [H10.10.6.20].

Nội dung phiếu khảo sát được thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung thêm các tiêu chí hàng năm cho phù hợp với yêu cầu thực tế và đảm bảo độ tin cậy [H10.10.6.21]. Phương án khảo sát ý kiến SV về hoạt động giảng dạy của GV cũng được điều chỉnh cho phù hợp. Từ năm 2007-2012, Nhà trường thực hiện khảo sát theo hình thức phát phiếu lấy ý kiến. Năm 2013, Trường xây dựng phần mềm khảo sát ý kiến SV có tích hợp với phần mềm Quản lý đào tạo và triển khai lấy ý kiến SV. Tuy nhiên, việc lấy ý kiến SV về hoạt động giảng dạy của GV trên phần mềm còn một số hạn chế như chưa thể đánh giá cùng lúc nhiều GV giảng dạy trên cùng một đối tượng, số lượng phản hồi thấp và số liệu xuất ra cần phải xử lý lại mất nhiều thời gian. Để khắc phục những hạn chế này, từ năm học 2017-2018, phòng KT&BĐCLGD xây dựng kế hoạch khảo sát ý kiến người học đánh giá GV chi tiết, có sự phối hợp của đội ngũ CVHT ở các khoa, bộ

môn nên có tỉ lệ SV tham gia đánh giá cao (≥ 50% số SV đối với mỗi HP). Nhà trường cũng triển khai nâng cấp phần mềm khảo sát SV để khắc phục hạn chế của phần mềm cũ và đưa vào sử dụng trong học kỳ II của năm học 2018-2019 [H10.10.6.22]. Từ năm học 2019-2020, phòng KT&BĐCLGD cũng thực hiện triển khai khảo sát SV chính quy trước tốt nghiệp trên phần mềm khảo sát SV [H10.10.6.23].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ văn bản quy định rõ ràng chức năng, nhiệm vụ của đơn vị tham gia khảo sát, thu thập ý kiến các bên liên quan; nội dung, quy trình thực hiện. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan của Nhà trường được đánh giá và cải tiến thường xuyên. Đặc biệt, Nhà trường đã đầu tư xây dựng và nâng cấp phần mềm hỗ trợ việc lấy ý kiến phản hồi của người học.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù Khoa Xét nghiệm đã thu thập ý kiến của cơ sở thực tập lâm sàng, thực tế tốt nghiệp vào cuối đợt nhưng hoạt động này chưa được thực hiện một cách bài bản, chưa lưu trữ cơ sở dữ liệu một cách có hệ thống.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, Khoa Xét nghiệm xây dựng kế hoạch chi tiết, cụ thể lấy ý kiến cơ sở thực tập lâm sàng, thực tế tốt nghiệp vào cuối đợt, làm cơ sở để viết báo cáo tổng kết, đánh giá.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí: 5/7 điểm.

Kết luận về Tiêu chuẩn 10: Nhà trường và Khoa Xét nghiệm đã thực hiện thường xuyên và định kỳ nhiều công việc nhằm đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo. Nhà trường có đầy đủ văn bản quy định rõ ràng chức năng, nhiệm vụ của đơn vị tham gia khảo sát, thu thập ý kiến các bên liên quan; nội dung, quy trình thực hiện. Các kênh thu thập ý kiến phản hồi được thực hiện đa dạng như: bảng hỏi; hội nghị thực tập, thực tế; tọa đàm phương pháp học tập; họp hội đồng Khoa học và Đào tạo; họp bộ môn; họp Khoa... giúp tiếp nhận những ý kiến có giá trị để làm căn cứ thiết kế và phát triển CTDH. Nhiều biện pháp khác nhau cũng được áp dụng để rà soát, đánh

giá quá trình dạy và học, đánh giá kết quả học tập của người học để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR, đảm bảo chất lượng đào tạo. Các kết quả NCKH được áp dụng vào bài giảng một cách phong phú nhằm giúp nâng cao chất lượng đào tạo. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích được giám sát chặt chẽ và kịp thời thực hiện các hoạt động cải tiến chất lượng.

Một số vấn đề tồn tại được chỉ ra như Khoa Xét nghiệm chưa có bộ phận chuyên trách để thu thập, lưu trữ và xử lý các thông tin phản hồi của các bên liên quan làm căn cứ phát triển CTDH; chưa có khảo sát, đánh giá hiệu quả của việc áp dụng kết quả NCKH trong giảng dạy các HP.

Kết quả tự đánh giá: Tiêu chuẩn 10 có 03 tiêu chí đạt 4/7 điểm, 02 tiêu chí đạt 5/7 điểm.

Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra

Mở đầu: Đánh giá kết quả đầu ra có vai trò rất quan trọng trong quá trình đào tạo của Nhà trường. Để đánh giá chất lượng tốt nghiệp, Nhà trường đã thực hiện giám sát chặt chẽ việc đạt được các chuẩn đầu ra, tỉ lệ tốt nghiệp, tỉ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình và tỉ lệ có việc làm của người học sau khi tốt nghiệp. Hoạt động NCKH của SV cũng là một đầu ra quan trọng của quá trình đào tạo. Các loại hình NCKH của người học phải đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan và phù hợp với CĐR của CTĐT.

Trường đã xây dựng hệ thống thu thập thông tin lấy ý kiến phản hồi về CTĐT đối với các bên liên quan, bao gồm các SV đang đào tạo theo chương trình tại khoa và cựu SV của khoa.

Tiêu chí 11.1. Tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng QLĐT là đầu mối, phối hợp với phòng CTQLSV để quản lý, theo dõi việc học tập và rèn luyện của SV [H11.11.1.1] quy định phân công nhiệm vụ, phân công nhiệm vụ phòng QLĐT, CTQLSV. Nhà trường cũng ban hành hệ thống văn bản trong hoạt động đào tạo để hướng dẫn thực hiện giám sát tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp [H11.11.1.2]. Ngoài ra, để thuận tiện cho việc quản lý và giám

sát cơ sở dữ liệu học tập của người học tham gia CTĐT, đặc biệt là tỉ lệ tốt nghiệp và thôi học hàng năm, Nhà trường đã xây dựng hệ thống phần mềm Quản lý đào tạo theo tín chỉ đưa vào sử dụng từ năm 2010, trước đó Trường cũng đã sử dụng phần mềm Quản lý đào tạo theo niên chế [H11.11.1.3].

Hàng năm, Nhà trường tổ chức 2 đợt họp xét tốt nghiệp cho các SV đủ điều kiện tốt nghiệp xét kết học vụ theo Quy chế đào tạo tín chỉ để đánh giá kết quả học tập của SV, đặc biệt là tỉ lệ cảnh báo học tập và buộc thôi học [H11.11.1.4]. Thống kê cho thấy tỷ lệ SV của Khoa Xét nghiệm hoàn thành CTĐT đúng thời hạn các HP trong CTĐT cao 97.8%, tỷ lệ buộc thôi học chiếm tỷ lệ nhỏ: khóa 2011-2015: 1.6%, khóa 2012-2016: 3.4%, khóa 2013-2017: 3.2%, khóa 2014-2018: 6.97%, khoá 2015-2019: 12.7%, khóa 2016-2020: 17.6%. Một số SV tự xin thôi học theo học ngành đào tạo có khả năng xin việc cao, nhu cầu xã hội nhiều hơn, một số lý do SV thôi học thuộc các nhóm sau: bị cảnh báo học tập 3 lần liên tiếp; nghỉ học dài ngày không lý do; tự xin thôi học [H11.11.1.5].

Bảng 11.1.1. Bảng thống kê tỉ lệ SV tốt nghiệp, thôi học trong 6 năm gần đây

Khóa học	Số lượng SV nhập học	Số lượng tốt nghiệp	Tỉ lệ %	Số lượng SV thôi học			
				Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4
2016-2020	108	86	79.62	9	8	2	0
2015-2019	126	108	85,03	14	1	0	1
2014-2018	129	120	93,02	3	4	1	1
2013-2017	154	149	96,75	0	4	1	0
2012-2016	116	112	96,55	3	0	0	1
2011-2015	127	125	98,42	0	0	1	1
2010-2014	119	119	100	0	0	0	0
Tổng	**879**	**819**	**93.17**	**29**	**17**	**5**	**4**

Qua bảng thống kê cho thấy tỉ lệ tốt nghiệp ổn định qua các năm do quy trình giảng dạy đồng đều, quá trình giám sát và tiến hành các biện pháp hỗ trợ người học, hàng kì mỗi năm học phòng CTQLSV phối hợp Khoa Xét nghiệm, phòng QLĐT rà soát thống kê SV nợ môn, chưa hoàn thành khóa học đúng hạn để kịp thời gửi thông báo về gia đình phối hợp đôn đốc SV trả nợ môn, hoàn thành chương trình học [H11.11.1.6]. Số lượng SV thôi học, ngừng học có tăng lên từ khi có kì thi chung THPT quốc gia để lấy kết quả xét tuyển đại học, tạo thêm cơ hội cho người học có sự chuyển hướng trong lựa chọn ngành học.

Tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn của SV ngành KTXNYH tương đối cao so với một số ngành khác.

Bảng 11.1.2. Bảng thống kê tỉ lệ SVTN đúng hạn

Ngành học	Khóa 2014-2018			Khóa 2015-2019			Khóa 2016-2020		
	Số SV nhập học	Số SVTN	Tỉ lệ %	Số SV nhập học	Số SVTN	Tỉ lệ %	Số SV nhập học	Số SVTN	Tỉ lệ %
KTXNYH	129	120	93,02	126	108	85.7	108	86	79.6
KTHAYH	56	39	69,6	69	64	92.8	87	49	56.3
Điều dưỡng	219	203	92.7	214	170	79.4	215	177	82.3
Kỹ thuật VLTL/PHCN	43	38	88.4	49	49	100	76	60	78.9

2. Điểm mạnh

Tỷ lệ người học CTĐT cử nhân KTXNYH tốt nghiệp cao ≈ 80 % trở lên.

3. Điểm tồn tại

Vẫn còn SV thôi học do có chuyển hướng nguyện vọng sang học các ngành khác.

4. Kế hoạch hành động

Với những khóa đào tạo tiếp theo, Khoa Xét nghiệm sẽ chú trọng tổ chức giới thiệu định hướng nghề nghiệp, CĐR cho SV năm thứ nhất; tổ chức cho SV tham quan tại các bệnh viện, tiếp xúc trực tiếp với ngành nghề để SV hiểu rõ và lựa chọn đúng ngành học mình yêu thích và phù hợp với bản thân để theo học.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí: 5/7 điểm.

Tiêu chí 11.2. Kết quả đầu ra - thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập là lượng thời gian cần thiết để SV hoàn thành chương trình học tập tốt nghiệp và nhận bằng. Từ khóa 2010 – 2011 trở lại đây, cùng với các khoa khác của Nhà trường, khoa Xét nghiệm bắt đầu thực hiện quy định đào tạo cao đẳng, đại học hệ chính quy theo tín chỉ. Thời gian đào tạo và nghiên cứu trong trường kéo dài trung bình 4 năm (1 năm học tính = 12 tháng, 4 năm = 48 tháng) [H11.11.2.1].

Nhà trường giao nhiệm vụ cho phòng QLĐT là đầu mối, phối hợp với phòng CTQLSV để quản lý, theo dõi quá trình học tập và rèn luyện của SV [H11.11.2.2]. Đồng thời phòng QLĐT chịu trách nhiệm quản lý số liệu liên quan đến tuyển sinh đầu vào, quá trình học tập, tốt nghiệp của SV. Phòng CTQLSV là đầu mối, phối hợp phòng QLĐT, Khoa/bộ môn tổ chức đánh giá kết quả rèn luyện của SV; quản lý, theo dõi số liệu SV ngừng học, thôi học, bảo lưu kết quả học tập [H11.11.2.2]. Công tác quản lý học tập, quản lý thời gian tốt nghiệp được thực hiện chính xác, công khai cho SV qua các mã truy cập riêng của từng SV, từ đó SV chủ động và biết được tiến trình tốt nghiệp của mình [H11.11.2.3]. Phòng QLĐT phối hợp phòng CTQLSV, Thư viện, Tài chính kế toán lập danh sách SV đủ điều kiện tốt nghiệp dựa trên quy chế, quy định hiện hành [H11.11.2.4].

SV khoa Xét nghiệm có điểm đầu vào cao, có ý thức và chủ động với tiến độ học tập của mình. Trong quá trình học tập, Nhà trường luôn quan tâm tới SV. Cuối kỳ, Nhà trường tổ chức đợt xét học vụ cho SV theo Quy chế đào tạo tín chỉ đánh giá kết quả học tập của SV: số SV được học tiếp, học lực bình thường, học lực yếu đặc biệt là số SV bị cảnh báo học tập và buộc thôi học giúp SV chủ động trong học tập [H11.11.2.5]. Ban chủ nhiệm khoa luôn nắm được tiến độ học tập của SV thông qua đội ngũ CVHT để hỗ trợ SV, nhất là trong việc phê duyệt các môn học, số lượng tín chỉ phù hợp để SV hoàn thành CTĐT. CVHT gặp trực tiếp SV bị cảnh báo học tập, học lực yếu tư vấn về cách đăng ký môn học, theo dõi tiến trình học tập sát sao giúp SV trả nợ môn và ra trường đúng thời hạn [H11.11.2.6]. Với sự phát triển mạnh mẽ

của khoa học công nghệ thông qua các phương tiện như zalo, email, facebook…GV hỗ trợ tích cực, kịp thời SV trong quá trình học tập [H11.11.2.7].

Trong 5 năm học gần đây, trung bình hằng năm có tỉ lệ SV hoàn thành chương trình học rất cao, cũng như thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập tính toán trong 5 năm liên tiếp gần nhất nói chung dao động nhỏ so với thời gian hoàn thành trung bình là 48 tháng [H11.11.2.8].

Bảng 11.2.1. Thời gian tốt nghiệp trung bình (TGTNTB) các khóa hệ đại học chính quy ngành Kỹ thuật Xét nghiệm Y học

Khóa	Số lượng SV theo học (người)	Số lượng SVTN đúng hạn (người)	Số lượng SVTN không đúng hạn (người)	Ghi chú	TGTNTB (tháng)
2016-2020	89	86	3	1 SV chưa TN ; 2 SVTN cùng khóa 2017-2021	48.4
2015-2019	110	108	2	1 SV chưa TN ; 1 SVTN cùng khóa 2016-2020	48.22
2014-2018	120	118	2	2 SVTN cùng khóa 2015-2019	48.2
2013-2017	149	148	1	1 SVTN cùng khóa 2014-2018	48.08
2012-2016	112	110	2	2 SVTN cùng khóa 2013-2017	48.21
2011-2015	125	119	6	2 SVTN cùng khóa 2012-2016	48.58
2010-2014	119	118	1	1 SVTN cùng khóa 2013-2017	48.3
Trung bình:					**48,28**

Ghi chú:

✓ *1 năm học tính = 12 tháng, 4 năm = 48 tháng (vì SV học liên tục bao gồm cả kỳ hè)*

✓ *Lý do không hoàn thành tốt nghiệp của SV do nợ môn trong quá trình học, một số SV chưa chủ động với quá trình học tập cụ thể: khóa 2016-2020 có 01 SV chưa tốt nghiệp do nợ 02 tín chỉ; khóa 2015-2019 có 01 SV chưa tốt nghiệp do nợ 34 tín chỉ*

Qua bảng số liệu ở trên cho thấy, tỷ lệ % SV của khoa Xét nghiệm hoàn thành CTĐT qua từng năm học đều ở mức rất cao, kết quả đầu ra - thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập dao động từ 48,08 đến 48,58 tháng, thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập chung cho 5 năm gần nhất của khoa Xét nghiệm là 48,28 tháng.

Mặt khác qua bảng trên ta nhận thấy, thời gian tốt nghiệp trung bình giữa các năm gần với thời gian tốt nghiệp trung bình 48 tháng, các năm có độ lệch ("bias") về thời gian tốt nghiệp trung bình dao động từ - 0,311 đến 0,065 tháng, khóa 2013-2017 có thời gian tốt nghiệp trung bình gần với thời gian thời gian tốt nghiệp trung bình (48 tháng) nhất là 48,08 tháng, ngược lại khóa 2011-2015 có thời gian tốt nghiệp trung bình xa nhất so với thời gian thời gian tốt nghiệp trung bình là 48,58 tháng.

Thời gian tốt nghiệp trung bình của ngành Xét nghiệm tương đối cao hơn ngành khác, ví dụ khóa 2015-2019, 2016-2020:

Bảng 11.2.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình (TGTNTB)
hệ đại học chính quy các ngành khóa 2016-2020, 2015-2019

Khóa học	Ngành học	Số lượng SV theo học (người)	Số lượng SVTN đúng hạn (người)	Số lượng SVTN không đúng hạn (người)	Ghi chú	TGTNTB (tháng)
2016-2020	KTXNYH	89	86	3		48.40
	KTHAYH	68	52	16		50.82
	Điều dưỡng	191	177	14		48.88
	Kỹ thuật VLTL/PHCN	64	60	4		48.75
	Bác sĩ y khoa	49	49	0		0.00
2015-2019	KTXNYH	110	108	2		48,22
	KTHAYH	67	64	3		48.54
	Điều dưỡng	196	170	26	21 SV đi thực tập tại Nhật Bản	49.59
	Kỹ thuật VLTL/PHCN	49	49	0		48.00
	Bác sĩ y khoa	61	60	1		48.20

Tuy nhiên vẫn còn tỷ lệ nhỏ SV Khoa Xét nghiệm không tốt nghiệp đúng hạn do chưa chủ động tích cực trong quá trình học tập. Số SV chậm tốt nghiệp lý do chủ yếu còn nợ Chứng chỉ tiếng Anh A2 và các HP tiếng Anh (Anh 2, Anh 3, Anh 4), Bệnh học Nội ngoại, Dịch tễ học và bệnh truyền nhiễm, Hóa học, Vi sinh 2, Y sinh học phân tử, Giải phẫu sinh lý …[H11.11.2.9].

2. Điểm mạnh

Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập hàng năm rất sát so với mốc thời gian tốt nghiệp trung bình quy định chung là 48 tháng. Có rất ít SV có thời gian tốt nghiệp chậm hơn thời gian tốt nghiệp quy định chung và dao động không nhiều so với thời gian tốt nghiệp trung bình.

3. Điểm tồn tại

Còn một số ít SV còn nợ Chứng chỉ tiếng Anh A2 và các HP tiếng Anh (Anh 2, Anh 3, Anh 4), Bệnh học nội ngoại, Dịch tễ học và bệnh truyền nhiễm, Hóa học, Bệnh học nội ngoại, Vi sinh 2, Y sinh học phân tử, Giải phẫu sinh lý …Chính vì vậy số SV này bị chậm tốt nghiệp so với tiến độ chung của Nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

Ban Chủ nhiệm khoa Xét nghiệm, đội ngũ CVHT của Khoa phối hợp với phòng QLĐT, phòng CTQLSV tư vấn sát sao hơn, yêu cầu SV đăng ký số tín chỉ phù hợp để trả nợ những học phần còn bị nợ. Bên cạnh đó, Khoa chủ động đề xuất với Nhà trường mở những lớp học tiến độ nhanh hoặc các lớp bổ sung vào kỳ hè.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí: 4/7 điểm.

Tiêu chí 11.3. Tỉ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Mục tiêu của người học sau khi tốt nghiệp là có việc làm đúng ngành nghề đào tạo, thu nhập phù hợp và môi trường ổn định. Đó cũng là mục tiêu đào tạo của Nhà trường. Phòng CTQLSV là đơn vị được giao nhiệm vụ hỗ trợ, tư vấn và thực hiện khảo sát tình hình việc làm của SV sau tốt nghiệp [H11.11.3.1]. Hàng năm, phòng

CTQLSV xây dựng Kế hoạch khảo sát tình hình việc làm của SV sau tốt nghiệp [H11.11.3.2]. Tỷ lệ SV có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập từ kết quả khảo sát này [H11.11.3.3]. Trong 5 năm gần đây (từ năm 2015 đến năm 2020) kết quả thống kê đối sánh cho thấy SV ngành KTXNYH sau khi tốt nghiệp có việc làm và phù hợp ngành đào tạo đạt tỷ lệ cao trên 90% [H11.11.3.4]. Tỷ lệ có việc làm của SV tốt nghiệp sau 01 năm cao và ổn định qua các năm. Tuy nhiên, Phòng CTQLSV chưa xây dựng quy trình quản lý, cập nhật tình hình việc làm của SV qua các năm.

Bảng 11.3.1. Thống kê khảo sát việc làm SV ngành KTXNYH

(từ năm 2015 đến 2020)

Nội dung	2015		2016		2017		2018		2019		2020	
	SL	Tỷ lệ %	SL	Tỷ lệ %	SL	Tỷ lệ %	SL	Tỷ lệ %	SL	Tỷ lệ %	SL	Tỷ lệ %
Tổng số SV khảo sát có phản hồi	44	37.6	120	97.6	86	78.9	108	70.6	112	94.1	113	100
Số SV có việc làm và học nâng cao	44	100	108	90	83	96.5	99	91.7	111	99.1	111	98.2
Phù hợp với ngành đào tạo	44	100	105	97.2	82	98.8	91	91.9	110	99.1	105	92.9

Cụ thể SV làm việc tại hệ thống y tế tư nhân chiếm tỷ lệ 59% (năm 2017), 70,8% (năm 2018) do mạng lưới y tế ngoài công lập ở Việt Nam đang phát triển, các Bệnh viện và phòng khám tư nhân ngày càng mở rộng cả về quy mô và số lượng nên cần nguồn nhân lực y tế lớn tạo điều kiện cho SV của trường có cơ hội tìm việc thuận lợi hơn.

Bảng 11.3.2. Thống kê tỉ lệ SV có việc làm sau 01 năm tốt nghiệp ngành KTXNYH tại các cơ sở đào tạo trong nước

Tên trường	Năm tốt nghiệp		
	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
Trường ĐHKTYTHD	96.5%	91.7%	99.1%
Trường Đại học Y Hà Nội		95%	93%
Trường Đại học Y Dược – Đại học Huế	100%	89.2%	90.6%
Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	94.12%	96.67%	98%
Trường Đại học Y Dược Đà Nẵng		88.89%	100%

Theo khảo sát việc làm của Trường Đại học Y Dược – Đại học Huế, SV ngành KTXNYH tốt nghiệp năm 2017 có việc làm: 89.2%, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng: SV ngành KTXNYH tốt nghiệp năm 2016 có việc làm: 94%; năm 2017: 96.67%, Trường Đại học Kỹ thuật Y – Dược Đà Nẵng SV ngành KTXNYH tốt nghiệp năm 2018 có việc làm: 88.89% [H11.11.3.5]. So với các trường SV ngành KTXNYH trường ĐHKTYTHD có việc làm sau khi tốt nghiệp cao trên 90%, năm 2019 tỷ lệ này là 99,1%, năm 2020 tỷ lệ này là 98.2%

Từ năm học 2016-2017, Nhà trường tổ chức Hội nghị tư vấn việc làm: mời các đơn vị và nhận đặt hàng tuyển dụng như Bệnh viện 108, Bệnh viện quốc tế Thu Cúc, Bệnh viện đa khoa Tâm Anh, một số Trung tâm Y tế… đã về trường tư vấn và tuyển dụng trực tiếp SV. Một số cựu SV cũng chia sẻ để tìm vị trí tốt, lương cao cần học thực hành kỹ năng lâm sàng tốt, nâng cao kỹ năng mềm, kỹ năng giao tiếp, tìm kiếm các thông tin tuyển dụng trên website…[H11.11.3.6].

Từ năm 2017, Nhà trường khảo sát ý kiến nhà tuyển dụng lao động, các cơ sở y tế có tuyển dụng SV vừa tốt nghiệp năm trước của trường. Kết quả khảo sát năm 2019 với đối tượng Cử nhân KTXNYH cho thấy: 31,2% ý kiến cho rằng SV ra trường có thể sử dụng ngay; 100% đánh giá SV tốt nghiệp tại trường có tinh thần, thái độ phục vụ người bệnh tốt, chấp hành nội quy, quy chế của cơ quan tốt; 96,3% các đơn vị đánh giá là hài lòng với chất lượng sản phẩm đào tạo của Trường

ĐHKTYTHD. Thông qua kết quả khảo sát các bên liên quan này, Nhà trường và Khoa đánh giá được chất lượng đào tạo hiện tại, từ đó có kế hoạch điều chỉnh, cải tiến cho phù hợp [H11.11.3.7].

2. Điểm mạnh

Tỉ lệ SV của Khoa sau tốt nghiệp 01 năm có việc làm cao (> 90%), trong đó tỉ lệ SV tốt nghiệp có việc làm phù hợp ngành đào tạo cũng đạt tỉ lệ cao (>91%).

3. Điểm tồn tại

Chưa xây dựng quy trình quản lý, cập nhật tình hình việc làm của cựu SV.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2021 - 2022, Phòng CTQLSV xây dựng quy trình quản lý, cập nhật tình hình việc làm của cựu SV theo chuẩn ISO 9001:2015

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu tiêu chí: 5/7 điểm.

Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã xây dựng Kế hoạch KHCN cho từng giai đoạn phát triển: giai đoạn 2012-2016 và giai đoạn 2017-2021 [H11.11.4.1]. NCKH là nhiệm vụ trọng tâm của Nhà trường đã được phát biểu trong sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu cũng như triết lý giáo dục [H11.11.4.2]. Trên cơ sở kế hoạch khoa học của từng giai đoạn mà Khoa Xét nghiệm xây dựng kế hoạch KHCN theo từng năm học phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu và triết lý giáo dục của Nhà trường [H11.11.4.3]. Mục tiêu nghiên cứu cho SV được xác lập, cụ thể là: Nâng cao năng lực nghiên cứu và khả năng ứng dụng KHCN của SV đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao; SV và học viên được làm quen, tiếp cận với công tác NCKH; phát huy tính năng động, sáng tạo, khả năng NCKH độc lập; đổi mới phương pháp học tập; hình thành năng lực tự học cho SV; biến quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo, góp phần tạo ra tri thức, sản phẩm mới cho xã hội.

Trong Quy định về quản lý hoạt động KH&CN của Nhà trường, SV được tham gia các loại hình nghiên cứu sau [H11.11.4.4]:

- Các đề tài NCKH, sáng kiến cải tiến kỹ thuật thuộc lĩnh vực được đào tạo và các lĩnh vực khác phù hợp với SV

- Tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học, sinh hoạt khoa học, hội nghị sáng tạo KH&CN, câu lạc bộ khoa học SV

- Tham gia triển khai ứng dụng tiến độ KH&CN vào thực tiễn trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội, giáo dục và đào tạo, y tế.

- Công bố các kết quả NCKH trên các tạp chí, tập san, bản tin Khoa học kỹ thuật.

Đối với GV, hướng dẫn NCKH cho SV cũng là một trong những nhiệm vụ [H11.11.4.5]. Mỗi GV được hướng dẫn tối đa 3 đề tài NCKH SV trong cùng thời gian. Nhà trường cũng đưa ra các quy định về hỗ trợ tài chính đề tài NCKH cho SV [H11.4.4.4]. Trong CTĐT, Nhà trường cũng đưa môn Phương pháp NCKH 1 và 2 vào giảng dạy để bước đầu giúp SV tiếp cận với kiến thức cơ bản và thực hành NCKH [H11.11.4.6]. Từ năm 2014 đến năm 2021, Nhà trường đã tổ chức 11 hội nghị, hội thảo, sinh hoạt khoa học thu hút nhiều SV ngành KTXNYH tham gia [H11.11.4.7].

SV năm cuối đạt kết quả học tập tốt sẽ được Nhà trường xét tham gia làm khóa luận tốt nghiệp. Kết quả tham gia làm khóa luận tốt nghiệp của SV toàn trường được thể hiện trong bảng dưới đây.

Bảng 11.4.1. Thống kê SV các khoa tham gia khóa luận tốt nghiệp

Khoa	Năm học						
	2014-2015	**2015-2016**	**2016-2017**	**2017-2018**	**2018-2019**	**2019-2020**	**2020-2021**
Xét nghiệm	16	10	13	12	7	5	0
PHCN	4	2	2	3	4	2	0
CĐHA	3	5	5	6	3	0	2
Điều dưỡng	11	0	8	4	7	5	2
Y	0	0	0	0	0	0	0

Bảng 11.4.2. So sánh tỉ lệ SV các khoa tham gia khóa luận tốt nghiệp

Khoa	Năm học 2018-2019			Năm học 2019-2020			Năm học 2020-2021		
	Số khóa luận	Số SV theo học	Tỷ lệ % KLTN/SV	Số khóa luận	Số SV theo học	Tỷ lệ % KLTN/SV	Số khóa luận	Số SV theo học	Tỷ lệ % KLTN/SV
Xét nghiệm	7	110	6.36	5	89	5.62	0	123	0.00
PHCN	4	49	8.16	2	64	3.13	0	82	0.00
CĐHA	3	67	4.48	0	68	0.00	2	107	1.87
Điều dưỡng	7	196	3.57	5	191	2.62	2	208	0.96
Y	0	61	0.00	0	61	0.00	0	50	0.00

Theo bảng thống kê SV các khóa cho thấy Khoa Xét nghiệm có số lượng SV tham gia làm khóa luận tốt nghiệp tương đối cao so với các ngành khác [H11.11.4.8]. Riêng năm học 2020 -2021 có 07 SV đã được phê duyệt đề cương khóa luận tốt nghiệp tuy nhiên do ảnh hưởng của dịch Covid 19 nên SV không thu thập được số liệu làm đề tài vì vậy SV không tiếp tục thực hiện được khóa luận tốt nghiệp.

SV ngoài thời gian học lý thuyết trên lớp còn phải học các HP thực hành, thực tập lâm sàng tại các cơ sở y tế nên chưa dành được nhiều thời gian cho hoạt động NCKH. Vì vậy từ năm 2017 đến nay, Khoa Xét nghiệm chỉ có 4 đề tài NCKH do SV làm chủ đề tài [H11.11.4.9]. Ngoài ra SV Khoa Xét nghiệm còn được tham gia vào quá trình thu thập số liệu các đề tài NCKH của GV [H11.11.4.10].

2. Điểm mạnh

SV được tiếp cận với kiến thức cơ bản và thực hành NCKH ngay trong CTĐT, thông qua 02 HP Phương pháp NCKH 1 và 2.

3. Điểm tồn tại

Số lượng đề tài NCKH của SV còn ít.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2021-2022, Nhà trường tiếp tục phát động phong trào NCKH của SV sâu rộng đến từng lớp; tăng giải thưởng, khuyến khích tổ chức các hoạt động NCKH của SV. Khoa Xét nghiệm đề xuất với Nhà trường thành lập tổ tư vấn NCKH cho SV.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu tiêu chí: 4/7 điểm.

Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Năm 2018, Trường ĐHKTYTHD đã ban hành Quyết định số 364/QĐ-ĐHKTYTHD về việc ban hành Quy định về công tác lấy ý kiến phản hồi của người học, CBVC và các bên liên quan [H11.11.5.1]. Trong đó, phân rõ nhiệm vụ của phòng KT&ĐBCLĐT, QLĐT, CTQLSV, Khoa Xét nghiệm và các đơn vị liên quan trong việc xây dựng và triển khai các hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan [H11.11.5.1]. Các đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì các hoạt động khảo sát có trách nhiệm xây dựng kế hoạch chi tiết, tổ chức, giám sát việc thu thập, xử lý thông tin phản hồi của các bên liên quan và hoàn thành báo cáo kết quả. Đồng thời cũng là đơn vị giám sát các hoạt động cải tiến chất lượng sau khảo sát. Hàng năm, với các nhiệm vụ cụ thể được giao, các đơn vị đã triển khai khảo sát mức độ hài lòng về các bên liên quan bằng nhiều hình thức như: phát phiếu khảo sát trực tiếp, khảo sát bằng phần mềm khảo sát SV, các cuộc họp giữa các bên liên quan [H11.11.5.2-7].

Bộ công cụ dùng để lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan được các đơn vị xây dựng, có ý kiến góp ý của các thành viên Hội đồng và phê duyệt của Hiệu trưởng [H11.11.5.8].

Về phía SV: Từ năm 2006 đến nay, định kỳ hàng năm Nhà trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi của SV về hoạt động giảng dạy của GV. Kết quả khảo sát hàng kỳ cho thấy tỷ lệ SV đồng ý và hoàn toàn đồng ý với các tiêu chí đánh giá về hoạt động giảng dạy của GV đạt trên 90% [H11.11.5.2]. Thông qua ý kiến đánh giá, Trường đã kịp thời có phương án chỉnh sửa, bổ sung các điều kiện để cải tiến chất lượng CTĐT, NCKH và phục vụ cộng đồng. Cụ thể về CSVC, TTB, công nghệ thông tin: TTC tại các phòng học, phòng thực hành được định kỳ bảo dưỡng, sửa chữa kịp thời [H11.11.5.9], bổ sung các thiết bị máy chiếu, kính hiển vi, …[H11.11.5.10]; phòng CNTT triển khai nâng cấp phần mềm QLĐT đáp ứng nhu cầu đăng ký tín chỉ, tra cứu kết quả học tập [H11.11.5.11]. Nhằm nâng cao chất lượng phục vụ bạn đọc, kiện toàn hệ thống Thư viện, Thư viện tiến hành khảo sát lấy ý kiến SV về mức độ đáp ứng của Thư viện năm 2018 [H11.11.5.7]. Đồng thời Thư viện Trường thường xuyên cập nhập giáo trình, tài liệu tham khảo trong ĐCCT HP đáp ứng nhu cầu tra cứu tài liệu của SV

[H11.11.5.12]. Khoa Xét nghiệm căn cứ ý kiến phản hồi của SV, ý kiến phản hồi của GV thông qua các buổi họp tổng kết năm học đề ra Kế hoạch cải tiến chất lượng theo năm học nhằm nâng cao chất lượng đào tạo [H11.11.5.13].

Năm 2015 đến nay, Trường tiến hành khảo sát ý kiến SV trước tốt nghiệp. Kết quả khảo sát SV trước tốt nghiệp năm 2020 của Khoa Xét nghiệm các tiêu chí về nội dung CTĐT: CTĐT có mục tiêu rõ ràng cụ thể, CTĐT đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của đào tạo trình độ đại học, CTĐT đáp ứng nhu cầu nhân lực của thị trường lao động, ...có điểm trung bình là 4.17/5 đều ở mức tốt [H11.11.5.3].

Từ năm 2019, Trường đã thực hiện Khảo sát ý kiến SV đối với dịch vụ giáo dục công. Tạo điều kiện SV phản ánh tâm tư, nguyện vọng và ý kiến về chất lượng dịch vụ giáo dục của Trường. Các tiêu chí khảo sát và các lĩnh vực khảo sát đều có điểm hài lòng ở mức tốt [H11.11.5.14]. Kết quả khảo sát đã đề xuất nhiều biện pháp giúp Nhà trường nâng cao chất lượng dịch vụ giáo dục công ví dụ tiếp tục nâng cao chất lượng CSVC, TTB dạy học, nâng cao chất lượng GV, đổi mới CTDH…

Từ năm học 2017-2018, Nhà trường tổ chức gặp mặt SV Khoa Xét nghiệm với Chủ tịch Hội đồng trường, Ban Giám hiệu, cán bộ quản lý Khoa và các Phòng chức năng để giải đáp sâu rộng ý kiến thắc mắc cho SV [H11.11.5.15]. Hàng tuần, Phòng CTQLSV tổ chức giao ban với đại diện các lớp SV để nghe phản ánh về tình hình giảng dạy, học tập trong tuần đồng thời giải đáp ý kiến thắc mắc, triển khai kế hoạch tuần tiếp theo [H11.11.5.16]. Hàng tháng, Khoa Xét nghiệm tổ chức họp lớp, lắng nghe ý kiến đóng góp, phản hồi từ SV một cách thẳng thắn công khai và có sự giải trình, tiếp thu nghiêm túc từ Giáo viên chủ nhiệm, CVHT để báo cáo Ban chủ nhiệm Khoa, Hội đồng Khoa học đào tạo của Khoa nhằm kịp thời cải tiến chất lượng và phản hồi SV về sự cải tiến [H11.11.5.17].

Nhà trường thực hiện Khảo sát đội ngũ CBVC từ năm 2017. Kết quả khảo sát đội ngũ CBVC Khoa Xét nghiệm năm 2020 cho thấy 96.2% các tiêu chí về mức độ đáp ứng CSVC, TTB, công nghệ thông tin phục vụ chuyên môn, hoạt động giảng dạy, NCKH và đánh giá hoạt động của Thư viện, công tác hành chính, tài chính, môi trường làm việc đạt mức tốt đáp ứng nhu cầu giảng dạy và tập của GV [H11.11.5.4].

Với khảo sát nhà tuyển dụng: Phòng CTQLSV phối hợp với Khoa Xét nghiệm lấy ý kiến của nhà tuyển dụng về chất lượng SVTN của Nhà trường sau 01 năm ra trường. Việc lấy ý kiến thông qua phiếu điều tra đã được làm từ năm 2017, 2018,

2019. Kết quả khảo sát năm 2019: 96.6% nhà tuyển dụng cảm thấy hài lòng về SV tốt nghiệp tại Khoa Xét nghiệm, tỷ lệ này năm 2018 là 92 %. 100% Nhà tuyển dụng đánh giá SV Khoa Xét nghiệm có tinh thần, thái độ phục vụ người bệnh tốt và rất tốt. Tuy nhiên để đáp ứng công việc SV cần bổ sung thêm trình độ ngoại ngữ [H11.11.5.5]. Đây là một nguồn thông tin quan trọng để Trường và Khoa cải tiến CTĐT và cải thiện chất lượng giáo dục cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn của xã hội và Nhà tuyển dụng.

Nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy, Khoa Xét nghiệm phối hợp với Phòng QLKHCN&HTQT tổ chức các lớp tập huấn cho GV của khoa các kỹ năng xây dựng ĐCCT, tài liệu giảng dạy; phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá [H11.11.5.18]. Hàng năm Khoa Xét nghiệm tổ chức các buổi dự giờ cho GV trong Khoa nhằm hoàn thiện phương pháp giảng dạy [H11.11.5.19].

Năm 2017-2018, căn cứ Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà NH đạt được sau khi tốt nghiệp, Nhà trường phối hợp với Khoa tổ chức việc thực hiện rà soát, chỉnh sửa, cập nhật CTĐT cử nhân KTXNYH trình độ đại học[H111.11.5.20]. Năm 2018, CTĐT cử nhân KTXNYH được chỉnh sửa có tham khảo các CTĐT các trường Y trong nước và tham khảo 4 trường đại học trên thế giới để thay đổi, bổ sung các các môn học trong chuyên ngành cho phù hợp đáp ứng nhu cầu SV và Nhà tuyển dụng [H11.11.5.21].

Ngoài ra, Nhà trường tổ chức Hội nghị Viện – Trường giữa Nhà trường với các cán bộ quản lý cơ sở thực hành và GV thỉnh giảng tại cơ sở thực hành để lấy ý kiến làm cơ sở điều chỉnh, phát triển CTDH của trường và Khoa Xét nghiệm nói riêng [H11.11.5.22].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã triển khai được nhiều hình thức phong phú để khảo sát, tiếp nhận ý kiến phản hồi của các bên liên quan. Qua đó thấy được mức độ hài lòng của người học, SVTN, nhà tuyển dụng, cán bộ GV… để rà soát, cải tiến chất lượng CTĐT Cử nhân ngành KTXNYH.

3. Điểm tồn tại

Chưa thu hút được nhiều sự quan tâm của Nhà tuyển dụng, đội ngũ GV thỉnh giảng trong đóng góp ý kiến.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021-2022, Khoa Xét nghiệm sẽ định kỳ hàng năm xây dựng kế hoạch gặp mặt các Nhà tuyển dụng, đội ngũ GV thỉnh giảng ít nhất một năm một lần để tranh thủ ý kiến đóng góp cho cải tiến chất lượng đào tạo của Khoa.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu tiêu chí: 4/7 điểm.

Kết luận về Tiêu chuẩn 11: Đội ngũ CVHT của Khoa phối hợp với các đơn vị thường xuyên theo dõi, hỗ trợ SV trong quá trình học tập, rèn luyện. Tỷ lệ SV Khoa Xét nghiệm thôi học thấp, tỉ lệ SV tốt nghiệp ổn định qua các năm thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập hàng năm rất sát so với mốc thời gian tốt nghiệp trung bình quy định chung là 48 tháng. Có rất ít SV có thời gian tốt nghiệp chậm hơn thời gian tốt nghiệp quy định chung và dao động không nhiều so với thời gian tốt nghiệp trung bình. SV của Khoa Xét nghiệm tích cực tham gia các hoạt động NCKH. Tỉ lệ SV của Khoa Xét nghiệm tốt nghiệp sau 1 năm có việc làm đúng ngành đào tạo > 91% nhận được nhiều phản hồi tích cực của Nhà tuyển dụng.

Kết quả tự đánh giá: Tiêu chuẩn 11 có 03 tiêu chí đạt 4/7 điểm, 02 tiêu chí đạt 5/7 điểm.

PHẦN III. KẾT LUẬN

Việc triển khai tự đánh giá CTĐT cử nhân KTXNYH là khâu quan trọng trong việc đảm bảo chất lượng đào tạo của Khoa Xét nghiệm cũng như của Nhà trường. Dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ GD&ĐT ban hành, Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm công tác đã tự xem xét, báo cáo về tình trạng chất lượng, hiệu quả hoạt động đào tạo, NCKH, nhân lực, CSVC và các vấn đề liên quan khác thuộc CTĐT cử nhân KTXNYH. Qua đó thấy được những mặt mạnh, những mặt tồn tại để Khoa xây dựng và triển khai các kế hoạch hành động nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT và đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

Sau đây là tóm tắt những điểm mạnh cần phát huy, những điểm tồn tại cần khắc phục và kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT cử nhân Kỹ thuật Xét nghiệm Y học.

1. Tóm tắt những điểm mạnh và những điểm cần phát huy của CTĐT

1.1. Về mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

Mục tiêu của CTĐT cử nhân KTXNYH đã xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và đáp ứng nhu cầu của xã hội về y tế.

CĐR CTĐT cử nhân KTXNYH được xác định rõ kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng NCKH và kỹ năng mềm để SV phát triển toàn diện, ý thức tự chủ, tự chịu trách nhiệm. CĐR của CTĐT KTXNYH được kịp thời bổ sung, điều chỉnh theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT. CĐR được tham khảo các tài liệu, chương trình tiên tiến trong nước và quốc tế, từ các ý kiến phản hồi của người sử dụng lao động, người học đã tốt nghiệp, các chuyên gia, SV nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của ngành KTXNYH nói riêng, ngành Y nói chung.

1.2. Về bản mô tả chương trình đào tạo

Các thông tin trong bản mô tả CTĐT Cử nhân KTXNYH được trình bày cụ thể, rõ ràng, đầy đủ và cập nhật. Chương trình dành nhiều nội dung cho các hoạt động rèn luyện kỹ năng tay nghề với 51,96% thời lượng kiến thức giáo dục chuyên nghiệp là thực hành tại bệnh viện và phòng thực hành. Đề cương của các HP được chuẩn hóa theo quy định của Trường ĐHKTYTHD. Các đề cương HP có đầy đủ các thông tin cần thiết cho người học. Mọi thông tin liên quan đến HP, cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra đánh giá… đều rõ ràng và cụ thể. Đề cương chi tiết được rà soát và chỉnh sửa hàng năm. Bản mô tả CTĐT ngành KTXNYH được công bố công khai trên

website Nhà trường và đề cương các HP được gửi trực tiếp cho bên liên quan. Do đó, nhà tuyển dụng và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận, tạo cơ hội tăng cường hợp tác, gắn bó chặt chẽ giữa Viện – Trường trong đào tạo nhân lực Kỹ thuật Xét nghiệm Y học đáp ứng yêu cầu của xã hội.

1.3. Về cấu trúc và nội dung CTDH

CTDH được thiết kế theo hướng dẫn của Nhà trường một cách hệ thống từ Trường đến Khoa và đến từng GV. Các phương pháp kiểm tra đánh giá đo đếm được đầy đủ CĐR của HP bám sát theo CĐR CTĐT. CTDH đã thể hiện rõ sự đóng góp của mỗi HP trong việc đạt được CĐR. Mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá mỗi HP được thiết kế phù hợp với CĐR. Các HP được thiết kế trong CTDH theo trình tự hợp lý và khoa học, liên kết chặt chẽ với nhau, đi từ đơn giản đến phức tạp, từ lý thuyết đến thực hành, từ cơ bản đến chuyên sâu. CTDH khi điều chỉnh được tham khảo CTĐT tiên tiến trong nước và nước ngoài.

1.4. Về phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Giá trị cốt lõi của Trường được tuyên bố rõ ràng từ rất sớm (năm 2010), được rà soát, điều chỉnh và phổ biến tới tất cả các bên liên quan bằng nhiều hình thức phong phú. PPDH được lựa chọn có tính đa dạng, hiện đại, giúp đạt được các tiêu chí của CĐR ra về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm. Các hoạt động dạy, học, kiểm tra đánh giá và NCKH đa dạng, tạo điều kiện cho SV rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời.

1.5. Về đánh giá kết quả học tập của người học

Công tác đánh giá kết quả người học của Khoa Xét nghiệm có quy định rõ ràng, có tiêu chí cụ thể phù hợp với mục tiêu đánh giá và CĐR, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng. Nhà trường đã ban hành đầy đủ, rõ ràng các quy định, quy chế về đánh giá kết quả học tập của người học, đa dạng hóa các hình thức phổ biến khác nhau để người học có thể hiểu và tiếp cận dễ dàng. Phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV đa dạng: kiểm tra viết, tiểu luận, vấn đáp, trắc nghiệm, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thực hiện quy trình kỹ thuật theo bảng kiểm, thực hành trên máy tính, thi chạy trạm…

Thông tin phản hồi từ kết quả đánh giá được công khai tới người học bằng nhiều hình thức đa dạng, kịp thời giúp người học cải thiện kết quả học tập đạt hiệu quả. GV chấm

thi nghiêm túc, chính xác nên tỷ lệ thay đổi điểm sau khi chấm phúc khảo giảm dần qua các năm.

1.6. Về đội ngũ GV, nghiên cứu viên

Khoa Xét nghiệm có quy mô đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên đáp ứng tốt chương trình đào tạo. Khoa có tỷ lệ SV/GV thấp, tỷ lệ năm 2020-2021 đạt 11,3 SV/GV, trong khi quy định của Bộ GD&ĐT đối với khối ngành VI về sức khỏe là 15 SV/GV. 100% GV tuyển dụng làm việc tại Khoa Xét nghiệm đều được tuyển dụng và bố trí công việc đúng với chuyên ngành đào tạo.

Nhà trường thành lập Hội đồng sát hạch GV sau thời gian tập sự, độc lập với Hội đồng tuyển dụng trước đó để sát hạch chuyên môn, năng lực giảng dạy của GV trước khi bổ nhiệm chính thức. Trường tổ chức được nhiều hình thức đánh giá năng lực của đội ngũ GV, 100% GV giảng dạy tại Khoa Xét nghiệm được đánh giá hàng tháng, hàng năm và được SV phản hồi về hoạt động giảng dạy.

Nhà trường đã có chính sách hỗ trợ GV đi đào tạo bồi dưỡng tương đối cao, mọi hoạt động bồi dưỡng đều được hỗ trợ bằng kinh phí hoặc quy ra giờ chuẩn. 100% GV của Khoa đều được tham dự các khóa đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng từ năm 2015-2021.

Hệ thống quy trình, Quy định đánh giá kết quả công việc của GV được xây dựng với tiêu chí và quy trình rõ ràng. Việc đánh giá, phân loại, thi đua khen thưởng đối với GV được thực hiện kịp thời, công khai, minh bạch, tạo động lực cho GV hoàn thành tốt nhiệm vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Khoa Xét nghiệm đã định kỳ rà soát, đối sánh, điều chỉnh các hoạt động NCKH. Kết quả là số lượng và chất lượng NCKH của Khoa có nhiều tiến bộ vượt bậc về số đề tài NCKH các cấp. Kết quả này đã giúp cải tiến chất lượng NCKH và chất lượng đào tạo cử nhân Kỹ thuật Xét nghiệm Y học.

1.7. Về đội ngũ nhân viên

Đội ngũ nhân viên đáp ứng về số lượng, được quy hoạch dựa trên việc xác định nhu cầu thực tế, Đề án vị trí việc làm và Chiến lược phát triển Trường ĐHKTYTHD giai đoạn 2008 – 2015 và tầm nhìn đến 2020. Đội ngũ nhân viên có trình độ từ đại học trở lên là 97/102 (chiếm 95,1%). Nhà trường tuyển được đội ngũ nhân viên đúng với vị trí việc làm, đáp ứng các tiêu chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ. Các nhân viên sau khi được tuyển dụng có đủ năng lực để thực hiện các nhiệm vụ của mình. Đội ngũ nhân viên nghiêm túc chấp hành chính sách pháp luật của Nhà

nước, thực hiện nghiêm túc Quy chế Văn hóa công sở của Nhà trường. Số lượng nhân viên có trình độ đại học và sau đại học chiếm tỉ lệ cao 95.1% không chỉ đảm bảo hỗ trợ tốt mà còn góp phần nâng cao chất lượng dạy và học của GV và SV ngành cử nhân Xét nghiệm Y học.

Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn nghiệp vụ của nhân viên luôn được Nhà trường, các khoa, phòng, bộ môn và trung tâm quan tâm và tạo điều kiện. Nhà trường đã có phân bổ ngân sách cho đào tạo bồi dưỡng hàng năm, có kế hoạch định hướng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên.

Hệ thống đánh giá kết quả công việc của nhân viên được xây dựng với tiêu chí và quy trình rõ ràng. Việc đánh giá, phân loại, thi đua khen thưởng đối với nhân viên được thực hiện kịp thời, công khai, minh bạch, tạo động lực cho nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1.8. Về người học và hoạt động hỗ trợ người học

Về tuyển sinh: Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học của Nhà trường được thực hiện theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT và có sự thống nhất ý kiến của Đảng ủy trường, Hội đồng KH&ĐT, Hội đồng tuyển sinh. Quá trình tuyển sinh được giám sát chặt chẽ đảm bảo khách quan, minh bạch. Chính sách tuyển sinh của Nhà trường rõ ràng, công khai phù hợp với ngành đào tạo đã thu hút được đông đảo thí sinh có nguyện vọng học. Do đó, Nhà trường lựa chọn được các thí sinh có chất lượng đầu vào tốt.

Nhà trường đã hình thành được hệ thống giám sát hiệu quả kết quả học tập, rèn luyện của người học, bao gồm: việc phân công chức năng nhiệm vụ rõ ràng của các phòng chức năng, khoa, bộ môn; xây dựng hệ thống văn bản quy định đầy đủ hướng dẫn thực hiện và phần mềm quản lý đào tạo theo dõi, hỗ trợ. Các hoạt động tư vấn học tập và ngoại khóa đa dạng, thu hút SV và có kết quả tốt khích lệ SV trong học tập và tu dưỡng suốt đời. Vì vậy tỷ lệ SV có việc làm ra trường đúng ngành đào tạo sau một năm tốt nghiệp từ 91% trở lên.

Người học được học tập, NCKH và phát triển đầy đủ cả về thể chất cũng như tinh thần trong một môi trường đào tạo thuận lợi về an ninh, an toàn, xanh, sạch, đẹp.

1.9. Về cơ sở vật chất và trang thiết bị

Labo XNATTP đã đạt tiêu chuẩn ISO IEC 17025 – 2015, bên cạnh đó Nhà trường có bệnh viện được đầu tư đồng bộ, hiện đại. Thư viện đang áp dụng các chuẩn

nghiệp vụ thư viện quốc tế DDC, sử dụng phần mềm Koha trong công tác biên mục, bổ sung, tra cứu tài liệu, quản lý bạn đọc và quản lý tài liệu mượn trả... Thư viện có đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo trong đề cương chi tiết HP. Hàng năm nguồn tài liệu được bổ sung, cập nhật những kiến thức mới để phục vụ công tác đào tạo và NCKH đáp ứng nhu cầu phát triển đào tạo của trường, khoa.

Đảm bảo đủ phòng thí nghiệm, thực hành với các trang thiết bị hiện đại cập nhật kịp thời trang thiết bị y học hiện đại đóng góp tích cực vào công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học ngành KTXNYH. Khoa Xét nghiệm được trang bị các thiết bị xét nghiệm hiện đại được quản lý bằng phần mềm chuyên dụng hỗ trợ học tập thực hành và nghiên cứu khoa học của SV.

Trường có khuôn viên rộng, sạch đẹp và bệnh viện riêng phục vụ tốt nhu cầu khám sức khỏe và điều trị cho cán bộ viên chức, SV.

1.10. Về nâng cao chất lượng

Nhà trường và Khoa Xét nghiệm sử dụng đa dạng các kênh thu thập ý kiến phản hồi: bảng hỏi, hội nghị thực tập, thực tế, tọa đàm phương pháp học tập, họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo, họp bộ môn, họp khoa... giúp tiếp nhận những ý kiến có giá trị để làm căn cứ thiết kế và phát triển CTDH, đánh giá quá trình dạy học và quá trình kiểm tra, đánh giá. 100% SV của Khoa Xét nghiệm đều ra trường đúng thời hạn. Nhà trường có đầy đủ văn bản quy định rõ ràng chức năng, nhiệm vụ của đơn vị tham gia khảo sát, thu thập ý kiến các bên liên quan và nội dung, quy trình thực hiện. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan của Nhà trường được đánh giá và cải tiến thường xuyên. Đặc biệt, Nhà trường đã đầu tư xây dựng và nâng cấp phần mềm hỗ trợ việc lấy ý kiến phản hồi của người học.

Kết quả NCKH được GV tích cực áp dụng vào việc dạy và học ở tất cả các HP chuyên ngành, không chỉ trong các HP lý thuyết mà cả các HP lâm sàng. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích được giám sát chặt chẽ và kịp thời thực hiện các hoạt động cải tiến chất lượng.

1.11. Về kết quả đầu ra

Tỷ lệ người học CTĐT ngành KTXNYH tốt nghiệp cao trên 90%. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập hàng năm rất sát so với mốc thời gian tốt nghiệp trung bình quy định chung là 48 tháng. Có rất ít SV có thời gian tốt nghiệp chậm hơn thời

gian tốt nghiệp quy định chung và dao động không nhiều so với thời gian tốt nghiệp trung bình.

Tỉ lệ SV của khoa sau tốt nghiệp 01 năm có việc làm cao (> 90%), trong đó tỉ lệ SV tốt nghiệp có việc làm phù hợp ngành đào tạo cũng đạt tỉ lệ cao (> 91%).

SV Khoa Xét nghiệm được tạo điều kiện tham gia nhiều loại hình hoạt động NCKH với nội dung phong phú. Nhà trường đã triển khai được nhiều hình thức phong phú để khảo sát, tiếp nhận ý kiến phản hồi của các bên liên quan. Qua đó thấy được mức độ hài lòng của người học, SVTN, Nhà tuyển dụng, cán bộ, GV… để rà soát, cải tiến chất lượng CTĐT ngành KTXNYH.

2. Tóm tắt những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của CTĐT

2.1. Về mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

Hoạt động rà soát CTĐT năm học 2020-2021, lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về mục tiêu của CTĐT chưa hoàn tất. CĐR chưa thể hiện các nội dung về "phát triển nghề nghiệp" cụ thể và chưa hướng tới hội nhập quốc tế. Nhà trường chưa có quy trình thống nhất trong việc xây dựng, định kỳ rà soát, điều chỉnh CĐR chi tiết, cụ thể nên trong quá trình thực hiện còn chưa khoa học.

2.2. Về bản mô tả chương trình đào tạo

Tiến trình đào tạo còn chưa đáp ứng nhu cầu học vượt, học sớm của người học. Việc rà soát và chỉnh sửa nội dung ĐCCT HP chưa có sự đóng góp ý kiến thường xuyên của người học. Việc quảng bá thông tin về CTĐT ngành KTXNYH tới các bên có liên quan vẫn chưa được thực hiện một cách bài bản và chuyên nghiệp.

2.3. Về cấu trúc và nội dung CTDH

Nhà trường chưa thực hiện đồng bộ đo lường, đánh giá mức độ người học đạt được các chuẩn đầu ra của học phần và CTĐT. Việc lấy ý kiến góp ý, phản hồi của nhà tuyển dụng về sự đóng góp của từng HP trong việc đạt được CĐR chưa thường xuyên. Tính tích hợp giữa các HP trong chương trình chưa nhiều.

2.4. Về phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mặc dù Triết lý giáo dục ban hành năm 2019 đã lấy ý kiến rộng rãi của các bên liên quan nhưng chưa lan tỏa rộng rãi đến toàn thể đội ngũ GV, SV và các nhà tuyển dụng. Còn có những khó khăn trong việc triển khai các PPDH tích cực hóa người học đặc biệt đối với SV năm đầu do chưa thích nghi với phương pháp dạy và

học như tự học và tự nghiên cứu. Số đề tài NCKH, sáng kiến của SV còn chưa nhiều.

2.5. Về đánh giá kết quả học tập của người học

Khoa chưa xây dựng được ma trận phương pháp kiểm tra đánh giá với CĐR của CTĐT. Hình thức thi tự luận nhiều nên SV không biết được kết quả thi ngay sau khi thi. Các đề thi tự luận chưa được phân tích để phân loại mức độ của đề thi.

Hiện nay, Nhà trường chưa có quy trình thống nhất về tra cứu và phản hồi điểm HP nên một số SV còn lúng túng khi muốn thắc mắc về kết quả đánh giá HP. Vẫn còn một tỉ lệ nhỏ bài thi sau phúc khảo có thay đổi điểm thi.

2.6. Về đội ngũ GV, nghiên cứu viên

Số lượng GV có trình độ tiến sĩ chưa nhiều. Do GV trong Khoa Xét nghiệm phải đảm nhiệm giờ giảng thay các GV nghỉ thai sản, đi học tập nâng cao trình độ nên vẫn còn một số GV có giờ giảng vượt mức quy định. Còn 01 GV chưa đi học cao học sau khi được tuyển dụng. Các tiêu chí đánh giá GV còn thiếu một số nội dung đánh giá về năng lực nghiên cứu khoa học, các hoạt động phục vụ cộng đồng. Kế hoạch bồi dưỡng giảng viên đạt chuẩn chức danh nghề nghiệp tạm hoãn do tình hình dịch bệnh. Khoa chưa thu hút được GV trẻ tham gia nghiên cứu.

GV của Khoa đã xây dựng kế hoạch theo năm học và đăng ký nội dung công việc theo tuần. Tuy nhiên nội dung kế hoạch còn chưa chi tiết cụ thể đến từng tháng, tuần để đo lường khối lượng công việc khi nghiệm thu.

2.7. Về đội ngũ nhân viên

Đội ngũ nhân viên tham gia đào tạo, tập huấn chưa đồng đều giữa các năm. Nhà trường chưa ban hành quy định về công tác điều chuyển nhân lực tại các đơn vị. Các tiêu chí đánh giá nhân viên còn thiếu một số nội dung đánh giá về năng lực nghiên cứu khoa học, các hoạt động phục vụ cộng đồng. Số lượng nhân viên được cử đi học tập, bồi dưỡng chưa cân đối giữa các đơn vị, một số vị trí có ít người đi học bồi dưỡng. Việc xây dựng kế hoạch làm việc hằng tuần của một số đơn vị còn chung chung, chủ yếu mới chỉ nêu địa điểm làm việc, chưa xây dựng công việc cụ thể.

2.8. Về người học và hoạt động hỗ trợ người học

Công tác quảng bá tuyển sinh, tư vấn tuyển sinh cho thí sinh và gia đình người học chưa được rộng rãi mới chỉ thực hiện ở tỉnh Hải Dương. Việc lấy ý kiến Nhà sử dụng lao động, SV, cán bộ viên chức là một trong các căn cứ xây dựng Đề án tuyển sinh hàng năm nhưng Nhà trường mới chỉ thực hiện được trong năm 2018.

Phần mềm Quản lý đào tạo chưa chỉ ra được những SV thuộc diện cảnh báo học tập tới từng tài khoản của SV. Nhà trường chưa có quy định về tư vấn việc làm và hỗ trợ SV trong đó quy định rõ sự phối hợp giữa các đơn vị trong công tác hướng nghiệp, tư vấn, giới thiệu việc làm, hỗ trợ SV. Nhà trường chưa hoàn thành khu Thực hành tiền lâm sàng và khu Giáo dục thể chất cho SV.

2.9. Về cơ sở vật chất và trang thiết bị

Một số phòng thực hành xét nghiệm được cải tạo tại các khu nhà cũ đang xuống cấp. Thư viện chưa có nhiều dịch vụ tiện ích hỗ trợ người dùng tin trong việc tìm kiếm tài liệu.

Một số trang thiết bị như: Máy sinh hóa bán tự động, hệ thống chụp ảnh và phân tích hình ảnh gen sau điện di, kính hiển vi, máy đo tốc độ máu nắng, máy quang phổ kế… thuộc thế hệ cũ có thời gian sử dụng nhiều, khó khăn trong việc sửa chữa, thay thế linh kiện. Truy cập wifi tại các giảng đường và Ký túc xá của Trường đôi lúc còn chậm.

Nhà trường chưa ban hành Quy định tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn người lao động và người học Trường ĐHKTYTHD.

2.10. Về nâng cao chất lượng

Khoa Xét nghiệm chưa thành lập được bộ phận chuyên trách để thu thập, lưu trữ và xử lý các thông tin phản hồi của các bên liên quan làm căn cứ phát triển CTDH. Sự phối hợp giữa các đơn vị có lúc chưa nhịp nhàng trong quá trình thiết kế và phát triển CTDH. Khoa chưa có khảo sát, đánh giá hiệu quả của việc áp dụng kết quả NCKH trong giảng dạy các HP.

Khoa Xét nghiệm vẫn còn tỉ lệ nhỏ SV bị nợ HP. Khoa chưa tổ chức được các lớp tập huấn nghiệp vụ cho CVHT, chưa tổ chức lấy ý kiến phản hồi của SV về hoạt động của CVHT để rút kinh nghiệm và đóng góp ý kiến hoàn thiện quy chế về CVHT của Nhà trường.

2.11. Về kết quả đầu ra

Vẫn còn SV thôi học do có chuyển hướng nguyện vọng sang học các ngành khác. Một số ít SV còn nợ Chứng chỉ tiếng Anh A2 và các HP Tiếng anh (Anh 2, Anh 3, Anh 4), Bệnh học nội ngoại, Dịch tễ học và bệnh truyền nhiễm, Hóa học, Bệnh học nội ngoại, Vi sinh 2, Y sinh học phân tử…Chính vì vậy số SV này bị chậm tốt nghiệp so với tiến độ chung của Nhà trường.

Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học của SV còn ít. Hội đồng khoa chưa có nhiều hoạt động tư vấn đề tài NCKH cho SV tại Khoa.

Nhà trường chưa xây dựng quy trình quản lý, cập nhật tình hình việc làm của cựu SV. Việc khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan chưa thu hút được nhiều sự quan tâm của Nhà tuyển dụng, đội ngũ GV thỉnh giảng trong đóng góp ý kiến.

3. Tóm tắt các kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT

Để khắc phục những tồn tại trên, Khoa Xét nghiệm và Nhà trường đã có kế hoạch từ năm học 2021-2022 trở đi như sau:

3.1. Về mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

Khoa Xét nghiệm sẽ phối hợp với phòng QLĐT đẩy nhanh tiến độ rà soát CTĐT, hoàn thành trước năm học 2021-2022. Khoa Xét nghiệm đẩy nhanh tiến độ rà soát CTĐT cử nhân KTXNYH theo Thông tư 07/2015 trong năm học 2020 - 2021, bổ sung định hướng phát triển nghề nghiệp và hội nhập quốc tế vào CĐR của CTĐT, phấn đấu hoàn thành trước năm học 2021-2022.

Năm học 2021 - 2022, Nhà trường xây dựng và ban hành Quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT, Quy trình cập nhật và tổ chức đánh giá CTĐT theo TCVN ISO 9001:2015 làm căn cứ để các Khoa, Bộ môn triển khai thực hiện.

3.2. Về bản mô tả chương trình đào tạo

Khoa Xét nghiệm tập trung rà soát, điều chỉnh lại tiến trình đào tạo các HP thuộc các khối kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành đáp ứng nhu cầu học vượt, học sớm của người học, phấn đấu hoàn thành trước năm học 2021 - 2022. Hàng năm, sau khi kết thúc giảng dạy học phần, giảng viên giảng dạy CTĐT sẽ tổ chức họp lớp để lấy ý kiến SV về nội dung ĐCCT HP cũng như những vấn đề khác trong quá trình giảng dạy. Giảng viên hoàn chỉnh báo cáo học phần, đề xuất những điều chỉnh liên quan đến nội dung của học phần.

Từ năm học 2021 – 2022, Khoa Xét nghiệm phối hợp phòng QLĐT đẩy mạnh quảng bá thông tin về CTĐT ngành KTXNYH trên các tờ rơi, mạng xã hội, website để các bên liên quan có thể tiếp cận dễ dàng, thuận tiện.

3.3. Cấu trúc và nội dung CTDH

Năm học 2021-2022, Nhà trường tổ chức tập huấn cho giảng viên toàn trường kỹ năng đo lường, đánh giá mức độ người học đạt được các chuẩn đầu ra của học phần và CTĐT; xây dựng Hướng dẫn đo lường, đánh giá mức độ người học đạt được các chuẩn đầu ra của học phần và CTĐT để thống nhất thực hiện trong toàn Trường.

Trong thời gian tới, định kỳ hai năm một lần, Khoa phối hợp với Phòng QLĐT, KT&BĐCLGD lấy ý kiến góp ý, phản hồi của nhà tuyển dụng về sự đóng góp của mỗi HP trong việc đạt được CĐR. Khoa phối hợp với Phòng QLĐT tiến hành cập nhật nội dung CTĐT nhằm tăng tính tích hợp giữa các HP nhiều hơn.

3.4. Về phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Năm học 2021-2022, tiếp tục lan tỏa rộng rãi triết lý giáo dục đến SV, GV, nhà tuyển dụng thông qua các buổi giao ban SV, các phương tiện thông tin đại chúng. Khoa Xét nghiệm cần chú trọng tổ chức các hội nghị thảo luận về phương pháp dạy và học mới cho SV, đặc biệt là SV năm đầu để người học nắm bắt và thay đổi tư duy theo cách thức học tập trong môi trường đại học. Khoa Xét nghiệm phối hợp với phòng QLKHCN&HTQT tiếp tục tổ chức các hội thảo chuyên đề, sinh hoạt khoa học có sự tham gia của SV, xây dựng chiến lược chính sách khuyến khích SV NCKH.

3.5. Về đánh giá kết quả học tập của người học

Khoa Xét nghiệm sẽ xây dựng ma trận phương pháp kiểm tra đánh giá với CĐR của CTĐT trên cơ sở tham khảo ý kiến các bên liên quan; thống nhất với GV trong việc ra đề thi, hạn chế việc chỉ tái hiện kiến thức, tăng tính vận dụng. Ngoài ra, Khoa tổ chức xây dựng bổ sung các bộ câu hỏi thi, tăng tỉ trọng thi trắc nghiệm của các HP, điều chỉnh ít nhất 50% số HP lí thuyết có tỉ trọng thi trắc nghiệm 100% để rút ngắn thời gian công bố điểm thi HP và giảm thiểu những sai sót do chấm thi tự luận. Tiếp tục tăng cường công tác chấm thi đảm bảo nghiêm túc, đúng quy chế và chính xác. Các đề thi tự luận sẽ được phân tích và đánh giá để phân mức độ phù hợp trong thời gian tới.

Phòng QLĐT xây dựng Quy trình tiếp nhận, quản lý, thông báo và tra cứu điểm thi để thống nhất sử dụng trong toàn trường.

3.6. Về đội ngũ GV, nghiên cứu viên

Trong giai đoạn 2022 - 2025, Khoa Xét nghiệm tiếp tục cử GV đi học tập nâng cao trình độ chuyên môn, phấn đấu thêm ít nhất 03 GV đi học nghiên cứu sinh, 01 GV còn lại đi học cao học. Khoa chủ động liên hệ với các đơn vị tổ chức đào tạo, bồi dưỡng theo chuẩn chức danh nghề nghiệp đối với các giảng viên chưa có chứng chỉ theo hình thức phù hợp. Khoa cũng thực hiện phân công lại công việc cho đội ngũ GV để đảm bảo cân đối giờ giảng của các GV. Ngoài ra, Khoa sẽ đề xuất với Nhà trường thành lập nhóm nghiên cứu nòng cốt, phân công cụ thể cho các GV có kinh nghiệm hướng dẫn các GV trẻ trong NCKH, thay đổi phương thức giao đề tài, tăng giờ NCKH cho GV.

Nhà trường thành lập Tổ tư vấn xây dựng quy định đánh giá cán bộ viên chức hằng tháng, điều chỉnh lại bộ tiêu chí và cách thức đánh giá phù hợp hơn, đúng thực chất. Khoa triển khai cho GV trong khoa xây dựng kế hoạch chi tiết, cụ thể theo tháng căn cứ vào kế hoạch năm học đã đăng ký; các yêu cầu về sản phẩm, thời gian hoàn thành rõ ràng để thuận lợi trong việc nghiệm thu, đánh giá khối lượng, chất lượng công việc hàng tháng.

3.7. Về đội ngũ nhân viên

Phòng TCCB là đơn vị đầu mối tiếp tục đẩy mạnh và thường xuyên khảo sát nhằm xác định chính xác nhu cầu đào tạo và nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ nhân viên và có những kế hoạch để triển khai các khóa học này. Hằng năm, căn cứ vào đề xuất của mỗi đơn vị về tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên, phòng TCCB xây dựng kế hoạch học tập bồi dưỡng theo từng vị trí việc làm, đảm bảo cân đối giữa các đơn vị, phấn đấu trong những năm tới có từ 30-50% số nhân viên được tham gia đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ mỗi năm.

Phòng TCCB xây dựng quy định về công tác điều chuyển nhân lực trình Hiệu trưởng phê duyệt. Nhà trường thành lập Tổ tư vấn xây dựng quy định đánh giá cán bộ viên chức hàng tháng, điều chỉnh lại bộ tiêu chí và cách thức đánh giá phù hợp hơn, đúng thực chất. Các đơn vị trong trường thực hiện xây dựng kế hoạch công tác tuần theo vị trí việc làm và nghiệm thu kết quả công việc theo tuần.

3.8. Về người học và hoạt động hỗ trợ người học

Từ năm học 2021-2022, Phòng QLĐT kết hợp với các đơn vị trong Nhà trường triển khai công tác quảng bá về chính sách tuyển sinh, tư vấn tuyển sinh, thực hiện

thường xuyên và rộng rãi trước mỗi kỳ tuyển sinh (tháng 3, tháng 4 hàng năm) và mở rộng tư vấn tuyển sinh đến nhiều tỉnh trong cả nước. Phòng QLĐT tiếp tục theo dõi kết quả học tập của SV, lấy ý kiến của các bên liên quan để đánh giá điều chỉnh tiêu chí và phương thức tuyển chọn người học cho các năm tiếp theo.

Phòng CNTT đề xuất với Nhà trường nâng cấp phần mềm QLĐT theo hướng kiểm soát và tự động đưa ra cảnh báo đối với từng người học trong học tập và rèn luyện. Phòng CTQLSV phối hợp Khoa/Bộ môn, Đoàn Thanh niên, Hội cựu SV, Tổ tư vấn hỗ trợ việc làm xây dựng Quy định công tác hướng nghiệp, tư vấn giới thiệu việc làm và hỗ trợ SV.

Nhà trường cần thúc đẩy để Qúy IV năm 2021 hoàn thành khu Trung tâm thực hành tiền lâm sàng và khu Giáo dục thể chất cho SV; tiếp tục tổ chức nhiều hoạt động nâng cao đời sống văn hóa văn nghệ thể dục thể thao trong SV.

3.9. Về cơ sở vật chất và trang thiết bị

Nhà trường đảm bảo tiến độ xây dựng, đến Quý IV năm 2021, đưa vào sử dụng Trung tâm thực hành tiền lâm sàng, chấm dứt tình trạng sử dụng các phòng thực hành cũ xuống cấp.

Thư viện tổ chức hướng dẫn, cung cấp các dịch vụ tiện ích hỗ trợ người dùng tin trong việc tìm kiếm tài liệu.Thư viện trường sẽ đẩy mạnh công tác số hóa tài liệu, phục vụ khai thác thông tin qua mạng.

Nhà trường cần tổ chức thanh lý những tài sản đã hết khấu hao, hỏng, không còn giá trị sử dụng. Triển khai lắp đặt, đưa vào sử dụng các trang thiết bị thuộc Dự án "Tăng cường năng lực thiết bị hệ thống phòng thí nghiệm và labo thực hành cho các bộ môn y học cơ sở, y học cơ bản Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương" (Tăng cường năng lực nghiên cứu khoa học cho Labo xét nghiệm sinh học phân tử, thuộc Labo trung tâm Trường Đại học Kỹ thuật y tế Hải Dương). Giao cho phòng CNTT triển khai lắp đặt bổ sung thiết bị phát sóng wifi mới tới các giảng đường và khu KTX của trường. Phòng HCQT xây dựng và trình Hiệu trưởng ban hành Quy định về tiêu chuẩn môi trường, sức khỏe, an toàn cho người lao động và người học.

3.10. Về nâng cao chất lượng

Khoa Xét nghiệm sẽ nghiên cứu và thành lập bộ phận chuyên trách để thu thập, lưu trữ và xử lý các thông tin phản hồi của các bên liên quan làm căn cứ phát triển CTDH. Nhà trường và Khoa Xét nghiệm rà soát lại quy trình thiết kế và phát triển CTDH, đảm bảo nội dung hướng dẫn chi tiết, cụ thể và phân công trách nhiệm rõ ràng.

Khoa cũng sẽ xây dựng kế hoạch định kỳ đánh giá hiệu quả của việc áp dụng kết quả NCKH của các HP trước và sau khi áp dụng để có sự đối sánh.

Khoa Xét nghiệm tiếp tục phối hợp chặt chẽ với phòng CTQLSV, phòng QLĐT giám sát, tư vấn cho SV trong việc đăng ký tín chỉ, hoàn thành kế hoạch học tập để đạt được CĐR của CTĐT. Khoa sẽ kiến nghị với Ban Giám hiệu, phòng CNTT mở rộng một số quyền cho CVHT trên phần mềm QLĐT để quản lý SV tốt hơn. Trong năm học tới, Khoa sẽ đề nghị Nhà trường tổ chức 01 lớp tập huấn nghiệp vụ cho GV làm nhiệm vụ CVHT; xây dựng kế hoạch và tổ chức lấy ý kiến phản hồi của sinh viên trong Khoa về hoạt động của CVHT để rút kinh nghiệm và đóng góp ý kiến hoàn thiện quy chế về CVHT của Nhà trường.

3.11. Về kết quả đầu ra

Hàng năm, vào tuần sinh hoạt công dân, Khoa Xét nghiệm tổ chức giới thiệu định hướng nghề nghiệp, CĐR cho SV năm thứ nhất; tổ chức cho SV tham quan tại các bệnh viện, tiếp xúc trực tiếp với ngành nghề để SV hiểu rõ và lựa chọn đúng ngành học mình yêu thích và phù hợp với bản thân để theo học.

Ban Chủ nhiệm khoa Xét nghiệm, đội ngũ CVHT của Khoa phối hợp với phòng QLĐT, phòng CTQLSV tư vấn sát sao hơn, yêu cầu SV đăng ký số tín chỉ phù hợp để trả nợ những học phần còn bị nợ. Bên cạnh đó, Khoa chủ động đề xuất với Nhà trường mở những lớp học tiến độ nhanh hoặc các lớp bổ sung vào kỳ hè.

Nhà trường tiếp tục phát động phong trào NCKH của SV sâu rộng đến từng lớp, khuyến khích tổ chức các hoạt động NCKH của SV. Khoa Xét nghiệm đề xuất với Nhà trường thành lập tổ tư vấn NCKH cho SV.

Khoa Xét nghiệm sẽ định kỳ hàng năm xây dựng kế hoạch gặp mặt các Nhà tuyển dụng, đội ngũ GV thỉnh giảng ít nhất một năm một lần để tranh thủ ý kiến đóng góp cho cải tiến chất lượng đào tạo của Khoa. Phòng CTQLSV xây dựng quy trình quản lý, cập nhật tình hình việc làm của cựu SV theo chuẩn ISO 9001:2015.

Hải Dương, ngày tháng năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THEO THÔNG TƯ 04/2016/TT-BGDĐT NGÀY 14/3/2016

Tên cơ sở giáo dục: Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương

Mã: DKY

Tên CTĐT: Chương trình đào tạo Cử nhân Kỹ thuật Xét nghiệm Y học

Mã CTĐT: 7720601

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
Tiêu chuẩn 1								4,00	3	100
Tiêu chí 1.1				4						
Tiêu chí 1.2				4						
Tiêu chí 1.3				4						
Tiêu chuẩn 2								4,67	3	100
Tiêu chí 2.1				4						
Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 2.3					5					
Tiêu chuẩn 3								4,33	3	100
Tiêu chí 3.1				4						
Tiêu chí 3.2					5					
Tiêu chí 3.3				4						
Tiêu chuẩn 4								4,67	3	100
Tiêu chí 4.1					5					
Tiêu chí 4.2					5					
Tiêu chí 4.3				4						
Tiêu chuẩn 5								4,20	5	100
Tiêu chí 5.1				4						
Tiêu chí 5.2				4						
Tiêu chí 5.3					5					
Tiêu chí 5.4				4						
Tiêu chí 5.5				4						
Tiêu chuẩn 6								4,14	7	100
Tiêu chí 6.1				4						
Tiêu chí 6.2				4						
Tiêu chí 6.3				4						
Tiêu chí 6.4				4						
Tiêu chí 6.5				4						
Tiêu chí 6.6				4						
Tiêu chí 6.7					5					

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
Tiêu chuẩn 7								4,00	5	100
Tiêu chí 7.1				4						
Tiêu chí 7.2				4						
Tiêu chí 7.3				4						
Tiêu chí 7.4				4						
Tiêu chí 7.5				4						
Tiêu chuẩn 8								4,60	5	100
Tiêu chí 8.1				4						
Tiêu chí 8.2				4						
Tiêu chí 8.3					5					
Tiêu chí 8.4					5					
Tiêu chí 8.5					5					
Tiêu chuẩn 9								4,60	5	100
Tiêu chí 9.1					5					
Tiêu chí 9.2					5					
Tiêu chí 9.3				4						
Tiêu chí 9.4				4						
Tiêu chí 9.5					5					
Tiêu chuẩn 10								4,33	6	100
Tiêu chí 10.1				4						
Tiêu chí 10.2				4						
Tiêu chí 10.3					5					
Tiêu chí 10.4				4						
Tiêu chí 10.5				4						
Tiêu chí 10.6					5					
Tiêu chuẩn 11								4,40	5	100
Tiêu chí 11.1					5					
Tiêu chí 11.2				4						
Tiêu chí 11.3					5					
Tiêu chí 11.4				4						
Tiêu chí 11.5				4						
Đánh giá chung CTĐT								**4.34**	**50**	**100**

Hải Dương, ngày tháng năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

PHẦN IV. PHỤ LỤC

CƠ SỞ DỮ LIỆU

KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 30/6/2021)

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên Trường (theo quyết định thành lập):

Tiếng Việt: TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

Tiếng Anh: HAIDUONG MEDICAL TECHNICAL UNIVERSITY

2. Tên viết tắt của Trường:

Tiếng Việt: ĐHKTYTHD

Tiếng Anh: HMTU

3. Tên trước đây:

• Trường Y sỹ Hải Dương (Quyết định số 18/TCCB ngày 5/9/1960 của Ủy ban Hành chính tỉnh Hải Dương)

• Từ 04/2001: Trường Cao Đẳng Kỹ thuật Y tế I - Bộ Y tế (Quyết định số 1952 /QĐ-BGD&ĐT ngày 24/4/2001).

4. Cơ quan quản lý trực tiếp: Bộ Y tế

5. Địa chỉ trường:

Số 01 Vũ Hựu, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương.

Số 229 Nguyễn Lương Bằng, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương.

6. Thông tin liên hệ:

Điện thoại: +84-0220-3891799

Fax: +84-0220-3891897

Website: www.hmtu.edu.vn

E-mail: hmtu@hmtu.edu.vn

7. Năm thành lập Trường(theo Quyết định thành lập):

Ngày 12 tháng 7 năm 2007 (Quyết định số 868/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ v/v thành lập Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Kỹ thuật Y tế I – Bộ Y tế).

8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: Năm 2008

9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I: Năm 2012.

10. Loại hình trường: Công lập

11. Các loại hình đào tạo của cơ sở giáo dục (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	☒	☐
Không chính quy	☒	☐
Từ xa	☐	☒
Liên kết đào tạo với nước ngoài	☐	☒
Liên kết đào tạo trong nước	☐	☒

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình)……

II. Thông tin chung về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)

Tiếng Việt: Khoa Xét nghiệm

Tiếng Anh: Laboratory Department

13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:

Tiếng Việt: Khoa Xét nghiệm

Tiếng Anh: Laboratory Department

14. Tên trước đây (nếu có): Bộ môn Xét nghiệm Y học

15. Tên CTĐT

Tiếng Việt: Kỹ thuật Xét nghiệm Y học

Tiếng Anh: Medical Laboratory Technician

16. Mã CTĐT: 7720601

17. Tên trước đây của CTĐT (nếu có): .....

18. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: Phòng 307, 308 – Nhà Hiệu Bộ, Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương, Số 1, Vũ Hựu, Phường Thanh Bình, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương

19. Số điện thoại liên hệ: ……

20. E-mail: xetnghiem@hmtu.edu.vn

Website: http://hmtu.edu.vn/Desktop.aspx/Xet-nghiem/Bo-mon-xet-nghiem

21. Năm thành lập Khoa (theo Quyết định thành lập):

Khoa Xét nghiệm thuộc Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương được thành lập trên cơ sở từ Bộ môn Xét nghiệm của Trường theo Quyết định số 312/QĐ-ĐHKTYTHD ngày 9 tháng 9 năm 2011 của Hiệu trưởng.

22. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): Năm 2008

23. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 2012

III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

24. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT

Tiền thân của Khoa Xét nghiệm – Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương là Bộ môn Xét nghiệm Y học - Trường Trung cấp Kỹ thuật Y tế 1 được thành lập từ tháng 11/1978.

Từ tháng 4/2001, Bộ môn Xét nghiệm Y học trực thuộc Trường Cao đẳng Kỹ thuật Y tế 1 – Bộ Y tế (Quyết định số 1952/QĐ-BGD&ĐT-TCCB, ngày 24/4/2001 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

Từ tháng 7/2007, Bộ môn Xét nghiệm Y học trực thuộc Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương (Quyết định số 868/QĐ-TTg, ngày 12/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ).

Từ tháng 9/2011 đến nay, Khoa Xét nghiệm trực thuộc Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương (Quyết định số 312/QĐ-ĐHKTYTHD, ngày 9/9/2011 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương).

Khoa Xét nghiệm có chức năng hoạt động chuyên môn đào tạo, nghiên cứu khoa học và tham gia cung ứng dịch vụ y tế. Khoa chịu trách nhiệm về nội dung, chất lượng, tiến độ giảng dạy ngành Xét nghiệm và đảm nhiệm giảng dạy một số HP về Hóa sinh, Vi sinh, Ký sinh trùng, Xét nghiệm tế bào mô bệnh học cho đối tượng Y khoa, Điều dưỡng và Kỹ thuật y học. Khoa có nhiệm vụ xây dựng và triển khai kế hoạch nghiên cứu khoa học, công nghệ và hợp tác quốc tế, cung ứng các dịch vụ khoa học và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực Xét nghiệm phục vụ đào tạo và chăm sóc sức khỏe cộng đồng; Tham gia cung ứng dịch vụ về lĩnh vực xét nghiệm tại Bệnh viện trường: khám sức khỏe; phục vụ bệnh nhân nội ngoại trú; triển khai và tham gia lấy máu tại nhà.

Hiện nay, Khoa có 02 CTĐT dành cho đối tượng cử nhân gồm: CTĐT *Kỹ thuật Xét nghiệm y học* bậc đại học (chính quy 4 năm, liên thông từ trung cấp lên đại học 3,5 năm, liên thông từ cao đẳng lên đại học 1,5 năm); CTĐT *Kỹ thuật Xét nghiệm y học* bậc cao đẳng (chính quy 3 năm, liên thông từ trung cấp lên cao đẳng 2 năm). Ngoài ra, Khoa còn đào tạo các lớp ngắn hạn, cấp chứng chỉ thuộc chuyên ngành Xét nghiệm

như: Bổ sung kiến thức cho đối tượng Trung cấp Côn trùng - Ký sinh trùng (3 tháng); Bổ sung kiến thức cho đối tượng Cao đẳng Y học dự phòng (3 tháng); Bổ sung kiến thức cho đối tượng Cao đẳng ATVSTP (6 tháng).

Với thành tích trong hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, khám chữa bệnh và các hoạt động khác, tập thể và cá nhân Khoa Xét nghiệm đã nhận được các phần thưởng cao quý sau:

- THÀNH TÍCH TẬP THỂ

- Bằng khen của Bộ Y tế (2012, 2015);

- Bằng khen của Công đoàn ngành giáo dục Việt Nam năm 2016

-Tập thể Lao động xuất sắc (2008-2009, 2009-2010, 2011-2012, 2013-2014, 2016-2017);

- THÀNH TÍCH CÁ NHÂN

- 01 cá nhân nhận bằng khen của Thủ tướng Chính phủ năm 2021 ;

- 01 cá nhân đạt Kỷ niệm chương vì thế hệ trẻ trong nghiên cứu khoa học do Trung ương Đoàn trao tặng năm 2016;

- 02 cá nhân đạt giải Ba Hội thi sáng tạo Kỹ thuật tỉnh Hải Dương lần thứ X năm học 2016-2017;

- 14 lượt cá nhân nhận Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Y tế các năm : 2015, 2016, 2020, 2021.

- 3 lượt cá nhân nhận Bằng khen của Công đoàn Y tế Việt Nam các năm : 2016, 2019, 2020.

- 3 lượt cá nhân nhận Bằng khen của UBND tỉnh Hải Dương năm 2020, 2021.

- 2 lượt cá nhân nhận Bằng khen của UBND tỉnh Bắc Giang năm 2021.

- 15 lượt cá nhân đạt Danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở từ năm 2014 đến năm 2020.

- 7 lượt cá nhân nhận Giấy khen của Hiệu trưởng các năm 2015, 2016, 2019.

25. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT

- Cơ cấu tổ chức của Nhà trường:

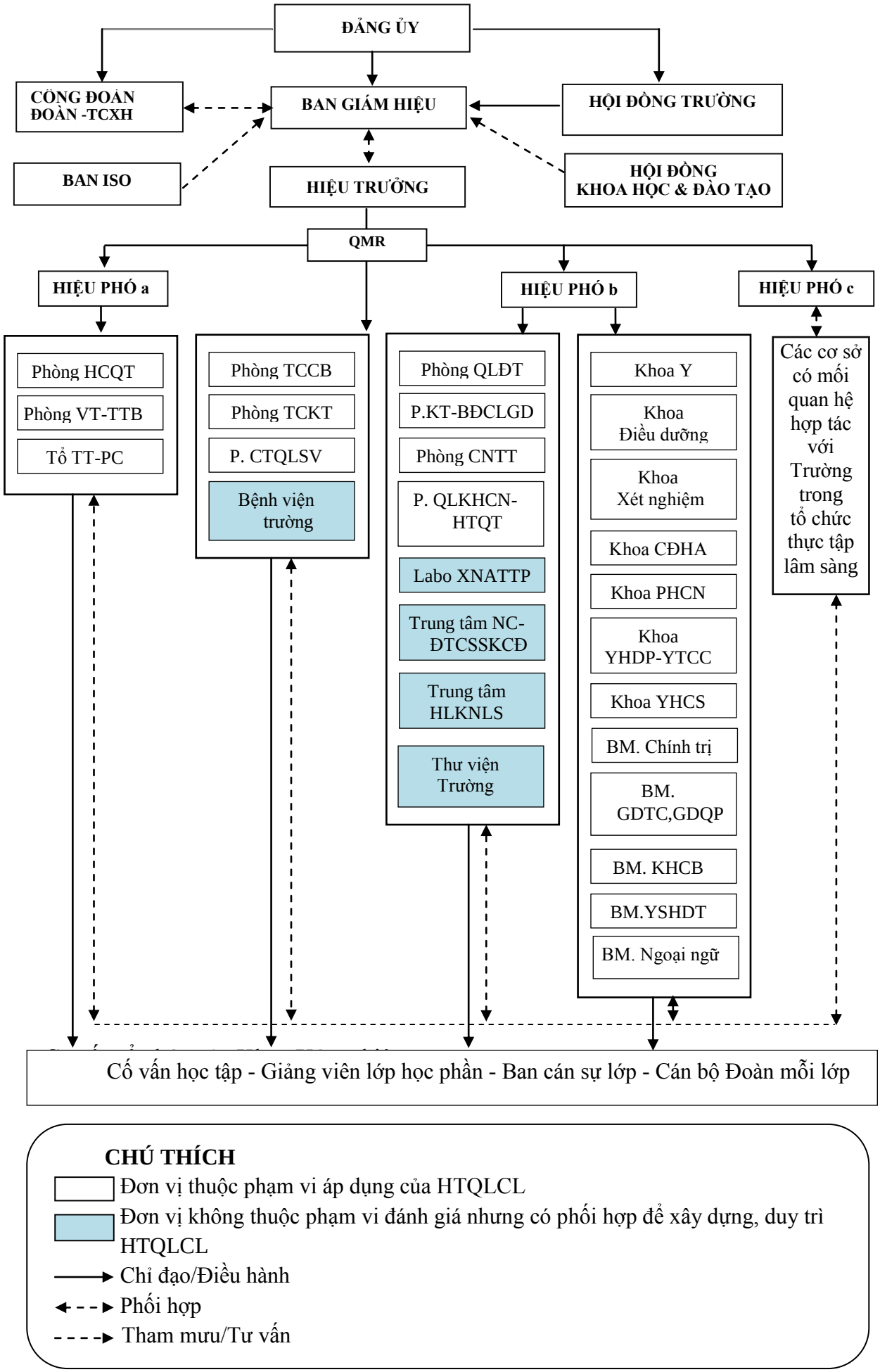

CHÚ THÍCH

- Đơn vị thuộc phạm vi áp dụng của HTQLCL
- Đơn vị không thuộc phạm vi đánh giá nhưng có phối hợp để xây dựng, duy trì HTQLCL
- Chỉ đạo/Điều hành
- Phối hợp
- Tham mưu/Tư vấn

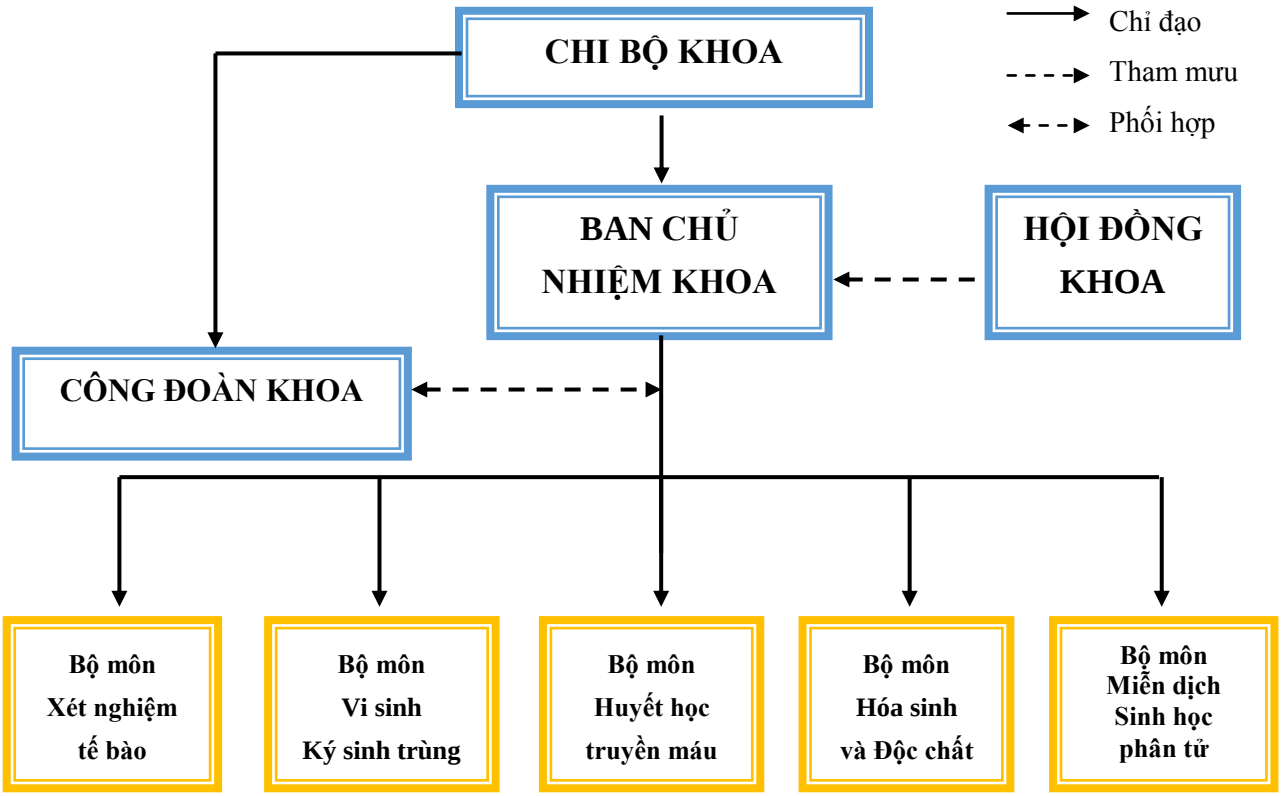

26. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
	Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục					
1	Hội đồng trường	Trần Quang Cảnh	1977	TS Chủ tịch	0904.307.543	canhhdt@gmail.com
2	Ban Giám hiệu	Đinh Thị Diệu Hằng	1971	PGS.TS Hiệu trưởng	0865.713.389	hangdtd@hmtu.edu.vn
		Nguyễn Thành Hưng	1961	Thạc sĩ P.Hiệu trưởng	0972.345.868	thanhhung@hmtu.edu.vn
		Nguyễn Hữu Thắng	1962	Tiến sĩ P.Hiệu trưởng	0913.047.157	
	Đơn vị thực hiện CTĐT					
I.	Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị					
1		Ngô Thị Thảo	1979	Thạc sĩ Phụ trách Khoa	0915.256.296	thaohhtmyhd@gmail.com
2		Nguyễn Thị Thanh Hải	1968	Thạc sĩ P.Trưởng khoa	0913.473.889	haihd2009@gmail.com

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
II.	Các tổ chức Đảng, Công đoàn					
1	Chi ủy	Ngô Thị Thảo	1979	Thạc sĩ Bí thư chi bộ	0915.256.296	thaohhtmyhd@gmail.com
		Nguyễn Thị Thanh Hải	1968	Thạc sĩ Phó Bí thư chi bộ	0913.473.889	haihd2009@gmail.com
2	Công đoàn	Nguyễn Thị Hồng Nhung	1979	Thạc sĩ Tổ trưởng CĐ	0984.725.325	hnhung2008@gmail.com
III	Các Bộ môn					
1	Huyết học truyền máu	Ngô Thị Thảo	1979	Thạc sĩ P.Trưởng BM	0915.256.296	thaohhtmyhd@gmail.com
2	Vi sinh -Ký sinh trùng	Nguyễn Thị Thanh Hải	1968	Thạc sĩ P.Trưởng BM	0913.473.889	haihd2009@gmail.com
	Hóa sinh và Độc chất	Ngô Quỳnh Diệp	1987	Thạc sĩ Phụ trách BM	0932.353.142	quynhdiep87@gmail.com
4	Miễn dịch - SHPT	Đặng Thị Thùy Dương	1984	Tiến sĩ Phụ trách BM	0972.419.012	thuyduongbio84@gmail.com
5	Xét nghiệm tế bào	Phạm Minh Sơn	1976	Thạc sĩ Phụ trách BM	0974.213.666	minhson@hmtu.edu.vn

27. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT:

Số lượng ngành đào tạo đại học: 01

Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 01

28. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT

	Có	Không
Chính quy	☒	☐
Không chính quy	☒	☐
Từ xa	☐	☒
Liên kết đào tạo với nước ngoài	☐	☒
Liên kết đào tạo trong nước	☐	☒

29. Tổng số các ngành đào tạo: 1

IV. Cán bộ, GV, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

30. Thống kê số lượng cán bộ quản lý, GV và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	**Đội ngũ cơ hữu**[1] *Trong đó:*	**17**	**35**	**52**
I.1	Đội ngũ trong biên chế	17	35	52
I.2	Đội ngũ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn			
II	**Các cán bộ khác** Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả GV thỉnh giảng[2])	**17**	**19**	**36**
	Tổng số	**34**	**54**	**88**

31. Thống kê, phân loại GV

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV giảng dạy môn chung	GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	Trợ giảng			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Giáo sư	0						
2	Phó Giáo sư	02					02	
3	Tiến sĩ KH	0						
4	Tiến sĩ	20	03	02		05	10	
5	Thạc sĩ	78	22		03	41	12	
6	Đại học	48	05		17	14	12	
	Tổng số	148	30	02	20	60	36	

Tổng số GV cơ hữu: 52 người

Tỷ lệ GV cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 59.1% (52/88).

32. Quy đổi số lượng GV của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định tại khoản 3, Điều 3 Thông tư số 32/2015/TT-BGDĐT ngày 16/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (nếu đơn vị có GV có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong bảng 32). Số liệu bảng 32 được lấy từ bảng 31 nhân với hệ số quy đổi (*Ví dụ đối với trường đại học, học viện)*.

[1]Đội ngũ cơ hữu là cán bộ quản lý, GV, nhân viên trong biên chế và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

[2]GV thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được đơn vị thực hiện chương trình đào tạo mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khoá học ngắn hạn hoặc theo các HP, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

TT	Trình độ, học vị, chức danh	*Hệ số quy đổi*	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV giảng dạy môn chung	GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	Trợ giảng				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
	Hệ số quy đổi			*1,0*	*0,3*	*1,0*	*0,2*	*0,2*	*0,2*	
1	Giáo sư	*5,0*	0							
2	Phó GS	*3,0*	02					02		1,2
3	Tiến sĩ KH	*3,0*	0							
4	Tiến sĩ	*2,0*	20	03	02		05	10		9,2
5	Thạc sĩ	*1,0*	78	22		03	41	12		33,2
6	Đại học	*0,3*	48	05		17	14	12		7,4
	Tổng		148	30	02	20	60	36		51,0

33. Thống kê, phân loại GV cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

TT	Trình độ / học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	31-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ									
2	Phó Giáo sư									
3	Tiến sĩ khoa học									
4	Tiến sĩ	05	9,6	2	3		2	3		
5	Thạc sĩ	24	46.2	8	16		20	3	1	
6	Đại học	23	44.2	7	16	3	20			
	Tổng	52	100	17	35	3	42	6	1	

33.1. Tuổi trung bình của GV cơ hữu: 34.9 tuổi

33.2. Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 9.6 %

33.3. Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 46.2 %

34. Thống kê, phân loại GV cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	7.41	25.93
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	22.22	44.44
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	37.04	14.82
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	29.63	14.81
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	3.70	0.00
	Tổng	100	100

V. Người học

35. Người học

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/ thang điểm	Điểm trung bình của SV được tuyển	Số lượng SV quốc tế nhập học (người)
2014-2015	2149	202	16,53	129	21	22,58	
2015-2016	762	139	5,86	126	22,75	23,65	
2016-2017	865	205	7,21	107	22,5	23,25	
2017-2018	1362	155	11,35	130	23,75	24,0	
2018-2019	1402	150	11,68	122	19,35	19,72	
2019-2020	914	520	6,52	151	19.35	19.45	
2020-2021	880	257	6,28	203	21.5	21.78	

36. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm học						
	2014-2015	**2015-2016**	**2016-2017**	**2017-2018**	**2018-2019**	**2019-2020**	**2020-2021**
1. SV đại học Trong đó:	775	701	823	656	654	590	669
Hệ chính quy	518	499	490	455	443	467	578
Hệ không chính quy	257	202	333	201	211	123	91
2. SV cao đẳng Trong đó:	244	196	192	131	88	43	0
Hệ chính quy	244	196	192	131	57	12	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	31	31	0

37. Số SV quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học						
	2014-2015	**2015-2016**	**2016-2017**	**2017-2018**	**2018-2019**	**2019-2020**	**2020-2021**
Số lượng (người)	0	0	0	0	0	0	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học	0	0	0	0	0	0	0

38. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	Năm học						
	2014-2015	**2015-2016**	**2016-2017**	**2017-2018**	**2018-2019**	**2019-2020**	**2020-2021**
1. Tổng diện tích phòng ở (m^2)	4939	4939	4939	4939	4939	4939	4939
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)	203	237	196	303	221	256	186
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	203	237	196	303	221	256	186
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m^2/người)	4,75m^2	4,75m^2	4,75m^2	4,75m^2	4,75m^2	4,75m^2	4,75m^2

39. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia nghiên cứu khoa **học**

	Năm học						
	2014-2015	**2015-2016**	**2016-2017**	**2017-2018**	**2018-2019**	**2019-2020**	**2020-2021**
Số lượng (người)	0	0	0	6	6	0	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số SV	0	0	0	1.32	1.35	0	0

40. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	**Năm tốt nghiệp**						
	2014-2015	**2015-2016**	**2016-2017**	**2017-2018**	**2018-2019**	**2019-2020**	**2020-2021**
1. SVTN đại học Trong đó:	249	214	211	207	169	300	57
Hệ chính quy	115	117	153	119	112	89	57
Hệ không chính quy	134	97	58	88	57	211	
2. SVTN cao đẳng Trong đó:	121	24	96	68	53	37	5
Hệ chính quy	121	24	96	68	53	6	5
Hệ không chính quy						31	

41. Tình trạng tốt nghiệp của SV hệ chính quy của CTĐT

Các tiêu chí	**Năm tốt nghiệp**						
	2014-2015	**2015-2016**	**2016-2017**	**2017-2018**	**2018-2019**	**2019-2020**	**2020-2021**
1. Số lượng người học TN (người).	115	117	153	119	112	89	57
2. Tỷ lệ người học TN so với số tuyển vào (%).	90.6	99.1	99.4	92.2	88.9	82.4	43.5
3. Đánh giá của người học TN về chất lượng CTĐT: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:							

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp						
	2014-2015	**2015-2016**	**2016-2017**	**2017-2018**	**2018-2019**	**2019-2020**	**2020-2021**
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)						65.5	94.9
3.2. Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)						34.5	1
3.3. Tỷ lệ người học trả lời *không* học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp						0	4.2
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/ đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:							
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%). - Sau 6 tháng tốt nghiệp. - Sau 12 tháng tốt nghiệp.	 72.7 100	 98.1 100	 75.3 95.9	 65.1 96.5	 91.7 91.7	 96.4 99.1	 94.8 95.4
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).	0	2.8	1.4	1.2	5.2	0	3.14
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm.	4-6tr	4-6tr	4-6tr	4-6tr	5-7tr	4-9tr	4-8tr
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này. B. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:							

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp						
	2014-2015	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).			40.9	32.0	27.6	37.5	Đang điều tra
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).			59.1	68.0	72.4	62.5	
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).			0.0	0.0	0.0	0.0	

Ghi chú:

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp.

- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm.

- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.

- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

42. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng							
			2014-2015	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	Tổng (đã quy đổi)
(1)	(2)	(3)		(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Đề tài cấp NN	2,0							Đang thống kê	
2	Đề tài cấp Bộ*	1,0		1	1		1			3,0
3	Đề tài cấp trường	0,5		7	2	3	3	5		10
4	Tổng			8	3	3	4	5		13.5

Tổng số đề tài quy đổi: 13.5

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 0,26 (13.5/52)

43. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và CGCN (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và CGCN so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và CGCN trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2015	710	160	20.882.352
2	2016	1.110	310	32.647.588
3	2017	144	231.7	4.235.294
4	2018	2.766	461.7	81.352.941
5	2019	2.850	359	86.363.636
6	2020	5780	208	111.153.846

44. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài		2	11	
Từ 4 đến 6 đề tài			2	
Trên 6 đề tài				
Tổng số cán bộ tham gia		2	13	

45. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng							
			2014 - 2015	2015 - 2016	2016 - 2017	2017 - 2018	2018 - 2019	2019 - 2020	2020 - 2021	Tổng (đã quy đổi)
1	Sách chuyên khảo	2,0								
2	Sách giáo trình	1,5						02		3.0
3	Sách tham khảo	1,0								
4	Sách hướng dẫn	0,5								
5	Tổng							02		3.0

***Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).*

Tổng số sách (quy đổi): 3.0

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,06 (3.0/52)

46. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách		18		
Từ 4 đến 6 cuốn sách				
Trên 6 cuốn sách				
Tổng số cán bộ tham gia		18		

47. Số lượng bài của đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng							
			2014 2015	2015 2016	2016 2017	2017 2018	2018 2019	2019 2020	2020 2021	Tổng (đã quy đổi)
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	01	04	03	01		06		22.5
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	02	09	04	14	09	16	05	59
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5								
	Tổng		03	13	07	15	09	22	05	81.5

***Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).*

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 81.5

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1.57 (81.5 /52)

48. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	03	19	
Từ 6 đến 10 bài báo	01	02	
Từ 11 đến 15 bài báo			
Trên 15 bài báo		01	
Tổng số cán bộ tham gia	**04**	**22**	

49. Số lượng báo cáo khoa học do đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng							
			2014-2015	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	Tổng (đã quy đổi)
1	Hội thảo quốc tế	1,0	01	02	03					6,0
2	Hội thảo trong nước	0,5		04		02	02			4,0
3	Hội thảo cấp trường	0,25		02	01				02	1.25
4	Tổng		**01**	**08**	**04**	**02**	**02**		**02**	**11.25**

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 11.25

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,22 (11.25/52)

50. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	01	05	
Từ 6 đến 10 báo cáo			
Từ 11 đến 15 báo cáo			
Trên 15 báo cáo			
Tổng số cán bộ tham gia	**01**	**05**	

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

51. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2014-2015	
2015-2016	
2016-2017	
2017-2018	Giải ba - Giải thưởng hội nghị sáng tạo kỹ thuật tỉnh Hải Dương lần thứ X cấp cho: Cao Văn Tuyến, Nguyễn Văn Quang, Trần Quang Cảnh về giải pháp xây dựng phần mềm Nội kiểm chất lượng xét nghiệm QUANGLAB-IQC theo Quyết định số 3825/QĐ-UBND ngày 8/12/2017 Uỷ ban nhân dân tỉnh Hải Dương
2018-2019	
2019-2020	
2020-2021	

52.Nghiên cứu khoa học của người học

52.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia		
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường
Từ 1 đến 3 đề tài			12
Từ 4 đến 6 đề tài			
Trên 6 đề tài			
Tổng số người học tham gia			12

** Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước*

52.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của SV:

(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng						
		2014-2015	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	0	0	0	0	0	0	0
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	0	0	0	0	0	0	0

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

53. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục: 87954,6 m^2

54. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m^2): sử dụng chung cho toàn trường, không phân chia cụ thể cho từng đơn vị

55. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m^2):

- Nơi làm việc: 441,7 m^2 Nơi học: 7544,8 m^2 Nơi vui chơi giải trí: 5297 m^2

56. Diện tích phòng học:

- Tổng diện tích phòng học (lý thuyết + thực hành): 7006 m^2
- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 2,48 m^2/01 SV (7006/2821)

57. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Thư viện: 956

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có): 0

58. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT: 178

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 16
- Dùng cho người học học tập: 162
- Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: 5.74 % (162/2821)

VIII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ báo quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

Tổng số GV cơ hữu: 52 người

Tỷ lệ GV cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 59.1% (52/88).

Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 9.6%

Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 46.2%

2. Người học:

Tổng số người học chính quy : 578 người

Tỷ số người học chính quy trên GV: 9.93%

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào: 151.6%

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp: 94.9%

Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp: 1%

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo: 95.4 %

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo: 3.14 %

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm: 4-8 triệu VNĐ.

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay: 27.6%

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm: 72.4%

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,26 (13.5/52)

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: 111.153.846 triệu VNĐ/người

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,06 (3.0/52)

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1,57 (81,5/52)

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,22 (11.25/52)

7. Cơ sở vật chất:

7.1. Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 5,74 (162/2821)

7.2. Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 2,48 m^2/01 SV (7006/2821)

7.3. Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: 4,75 m^2

Hải Dương, ngày tháng năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

PHỤ LỤC 2
CÁC TÀI LIỆU LIÊN QUAN

1. Quyết định số 551/QĐ-ĐHKTYTHD ngày 2/10/2018 của Hiệu trưởng Trường ĐHKTYTHD về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá CTĐT Kỹ thuật Xét nghiệm Y học trình độ đại học.

2. Quyết định số 192/QĐ-ĐHKTYTHD ngày 2/5/2019 của Hiệu trưởng Trường ĐHKTYTHD về việc kiện toàn Hội đồng TĐG CTĐT Kỹ thuật Xét nghiệm Y học trình độ đại học.

3. Kế hoạch TĐG CTĐT Kỹ thuật Xét nghiệm Y học số 121/KH-ĐHKTYTHD ngày 25/2/2019 của Hiệu trưởng Trường ĐHKTYTHD.